



Tô Mộng Vi



HY LẠP

Cổ đại



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG



Tìm lại nền Văn minh

Tìm Lại Nền Văn Minh Hy Lạp Cổ Đại

Tô Mộng Vi

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Tựa sách

LỜI GIỚI THIỆU

§1. HY LẠP CỔ ĐẠI – CÁI NỘI CỦA NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY RỰC RỠ

❖ KHỞI NGUỒN CỦA NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY THẦN KỲ

Bán đảo Hy Lạp – Nơi trỗi dậy nền văn minh huy hoàng thần bí

Thành phố xây dựng trên núi cao

Nền văn minh đồng đen Aegean độc đáo

Nền văn minh Crete cổ xưa và thần bí

Cung điện trên đảo Crete

Nền văn minh Mycenae phát triển dưới chế độ thống trị nô lệ

Một vương triều vô danh

❖ NHỮNG KIẾN TRÚC THÀNH BANG HÙNG VĨ CỦA HY LẠP CỔ ĐẠI

Thành bang của những người Sparta thượng võ

Nền giáo dục của người Sparta

Thành bang Athens dưới chế độ chính trị thống trị dân chủ

Cuộc chiến Hy Lạp – Ba Tư

❖ TƯ TƯỞNG DÂN CHỦ VÀ CÁI CÁCH

Nguyên nhân khiến Athens biến đổi theo hướng dân chủ mạnh mẽ

Solon

Quyền lực của công dân đại hội

Nền chính trị dân chủ nhằm mục đích phục vụ cho giai cấp thống trị

Sự huy hoàng của chế độ dân chủ

❖ QUÂN ĐỘI MACEDONIA CÀN QUÉT CHÂU ÂU, CHÂU Á

Con đường phát triển lớn mạnh của Macedonia thời kỳ đầu

Philip II tấn công Hy Lạp cổ

Alexander Đại đế chinh phạt phương đông, thực hiện giấc mơ bá chủ thế giới

Kho báu của Alexander Đại đế

Thù trong giặc ngoài đi tới diệt vong

Hy Lạp hóa văn hóa

§2. THỜI ĐẠI CỦA NHỮNG ÁNG SỬ THI BẤT HỦ VÀ NHỮNG CÂU CHUYỆN THẦN THOẠI HUYỀN BÍ

❖ NHỮNG KÝ HIỆU VĂN TỰ BÍ ẨN TRONG ĐỒNG PHẪU TÍCH

Ngôn ngữ và chữ viết – yếu tố Hy Lạp cổ phát triển toàn diện

Ngôn ngữ Hy Lạp cổ đại – một loại ngôn ngữ phức tạp và đa biến

Chữ hình thon dài trong di chỉ hoàng cung

❖ AI LÀ TÁC GIẢ CỦA “SỬ THI HOMER”?

❖ “SỬ THI HOMER” CÓ THẬT LÀ DO HOMER VIẾT?

Những tranh luận về nhà thơ mù Homer

ILIAD và ODYSSEY – Hai bộ sử thi nổi tiếng và được lưu truyền mãi mãi

Nghệ thuật diễn ngâm “sử thi Homer”

Cuộc chiến thành Troy trong “sử thi Homer”

❖ NHỮNG BÀI TỤNG CA CA NGỢI VÀ CẦU NGUYỆN THẦN RƯỢU

❖ TRUYỀN THUYẾT THẦN RƯỢU VÀ NGUỒN GỐC XA XƯA CỦA LỄ THẦN RƯỢU

Ảnh hưởng của nghệ thuật hài kịch Hy Lạp cổ đối với hậu thế

Ông tổ của bi, hài kịch của Hy Lạp cổ

“Ông tổ của bi kịch”

“Ông tổ của hài kịch”

❖ MỘT ĐẤT NƯỚC THẦN BÍ DƯỚI SỰ THỐNG TRỊ CỦA THẦN LINH

Một đất nước thần bí với nhiều truyền thuyết kỳ

❖ HỆ THỐNG CHUR THẦN OLYMPIA

Thần linh Hy Lạp cổ bắt nguồn từ tín ngưỡng Totem

Vị thần bảo hộ của Athens

❖ THƠ TÌNH VÀ NGỮ NGÔN – THÀNH TỰU RỰC RỠ CỦA “THỜI ĐẠI DI DÂN”

Văn học nghệ thuật đa sắc thái của Hy Lạp cổ đại

Thành tựu vĩ đại của nền văn học Hy Lạp cổ đại

Những áng thi ca trữ tình của Hy Lạp cổ đại

Những câu chuyện ngụ ngôn có hàm ý sâu sắc

Ngụ ngôn Ezop

§3. KHÁM PHÁ NỀN VĂN MINH RỰC RỠ CỦA HY LẠP CỔ ĐẠI TỪ TRONG ĐỒNG PHẪU TÍCH

❖ ĐỈNH CAO CỦA NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC

Venus – Nữ thần cụt tay

Nghệ thuật điêu khắc của Hy Lạp cổ du nhập từ Ai Cập

Các bức tượng điêu khắc phụ nữ khởi nguồn từ sự sùng bái sinh đẻ

Tượng phụ nữ trong thời đại đồng đen

Tượng phụ nữ thể hiện phong thái nữ thần trong thời kỳ cổ phong

“Người Gaul tự sát”

❖ DIỆN MẠO THẬT CỦA NHỮNG CHIẾC BÌNH GỐM THẦN BÍ

Thần thoại và nền nghệ thuật đa sắc của Hy Lạp cổ đại

“Thời đại hoàng kim” của tranh vẽ trên gốm

Nghệ thuật hội họa trên bình gốm

❖ GIẢI MÃ NỀN NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC KỲ LẠ

Nghệ thuật điêu khắc kỳ lạ nhưng hoàn mỹ của Hy Lạp cổ đại

Những thành tựu to lớn của nền điêu khắc Hy Lạp cổ đại qua các giai đoạn lịch sử

“Ba nữ thần vận mệnh”

❖ NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC CUNG ĐIỆN PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ

Kiến trúc cung điện hùng vĩ trên vùng đất thánh

Thành trì của nữ thần Athena

Di chỉ đền thờ thần Zeus vĩ đại

Herotsos Artikos – sân khấu kịch lộ thiên khổng lồ

Di chỉ đền thờ Delphi

“Bia kỷ niệm những người đoạt giải thưởng Athens” – Lysicrates, bia kỷ niệm ban đồng ca

Đền thờ nữ thần chiến thắng Athena

§4. TỪ “KINH THÁNH THIÊN VĂN” KHÁM PHÁ NỀN VĂN HÓA KHOA HỌC PHÁT TRIỂN CAO ĐỘ

❖ NỀN VĂN HÓA VÀ KHOA HỌC PHÁT TRIỂN CAO ĐỘ CÓ PHẢI ĐƯỢC BẮT NGUỒN TỪ PHƯƠNG ĐÔNG HAY KHÔNG?

Không gian và thời gian không thể ngăn cách ngọn nguồn của Hy Lạp cổ đại với phương Đông

Nguồn gốc sâu xa của hình thức văn hóa khoa học

I. Chữ Viết

II. Nghệ Thuật

III. Tôn Giáo

IV. Văn Học

V. Triết Học

VI. Khoa Học Tự Nhiên

Những con đường giao lưu và hấp thu văn hóa khoa học

I. Thương Mại

II. Phong Trào Thực Dân

III. Chiến Tranh

IV. Du Lịch

V. Truyền Bá Tôn Giáo

Y học Hy Lạp cổ đại được du nhập từ Ai Cập

❖ NGƯỜI VÉN BỨC MÀN BÍ MẬT CỦA ĐỊA CẦU

Ptolemy – vị thánh thiên văn

Thánh kinh thiên văn học của người Hy Lạp – “thuyết địa tâm”

Những phát kiến địa lý quan trọng

Cuộc tranh luận về quy luật vận động của các thiên thể

❖ ĐỈNH CAO CỦA TƯ DUY LOGIC CỔ ĐẠI

Trường phái Ionic

Trường phái Pythagoras (Pitago)

Trường phái Athens

Trường phái Elia

Trường phái Nguyên tử luận

Thời kỳ toán học sơ đẳng – thành tựu toán học trong giai đoạn mới

Sự phát triển của toán học sau khi người La Mã xâm lược.

Định Lý Pythagoras

❖ CUỘC ĐỜI ARCHIMEDES

❖ THÀNH TỰU VĨ ĐẠI CỦA THIÊN TÀI ARCHIMEDES

Archimedes – Nhà ái quốc vĩ đại

Phát hiện trong bồn tắm

❖ HÀNH TRÌNH CỦA MỘT CUỘC ĐỜI THẦN KỲ HUYỀN ẢO

Con đường nghiên cứu sinh vật học của Aristotle

Aristotle – nhà tư tưởng vĩ đại (384-322 TCN)

Dofrast – nhà nghiên cứu thực vật học đầu tiên

§5. TƯ DUY TRÍ TUỆ VÀ NGUỒN GỐC CỦA TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY

❖ VÌ SAO HY LẠP CỔ ĐẠI LẠI PHÁT SINH TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC?

Suy nghĩ về tự nhiên – con đường hình thành tư tưởng mới

Đặc điểm địa lý của Hy Lạp cổ đại

❖ CÁC TRƯỜNG PHÁI TRIẾT HỌC LỚN CỦA HY LẠP CỔ ĐẠI

Trường phái Pythagoras

Trường phái Elea với thuyết duy tâm

Chủ nghĩa duy vật đơn giản của Democritus

Aristotle – cây đại thụ của triết học Hy Lạp cổ đại

❖ TƯ TƯỞNG “VUA TRIẾT HỌC”, ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY KHOA HỌC PHÁT TRIỂN

“Quốc gia lý tưởng” – một tác phẩm triết học nổi tiếng chấn động cổ kim

Ảnh hưởng sâu sắc của nội dung tư tưởng “Vua triết học”

Tư tưởng logic độc đáo của “Vua triết học”

Platon – người kế thừa trung thực của Socrates

❖ VẬN MỆNH CỦA TRÀO LƯU TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC TRONG THẾ GIỚI HY LẠP CỔ ĐẠI

Sự phát triển của chủ nghĩa duy vật

§6. CÂU CHUYỆN VỀ THẾ VẬN HỘI OLYMPIC

❖ THẾ VẬN HỘI CỔ ĐẠI THẦN BÍ

Truyền thuyết về Olympia trong những câu chuyện thần thoại

Chiến tranh giữa các thành bang đã hình thành nên Thế vận hội cổ đại

Đại hội Olympic cổ đại – minh chứng lịch sử cho thời kỳ phồn vinh của Hy Lạp cổ đại

Sự suy vong của đại hội Olympic cổ đại dưới gót chân xâm lược

Sự tái sinh kỳ diệu

Coubertin – người cha của Olympic hiện đại

❖ VÙNG ĐẤT CUỒNG NHIỆT CHO CẢ CON NGƯỜI VÀ THẦN LINH

Sức mạnh và nét đẹp của Olympic cổ đại

Vinh dự của người chiến thắng

Bài thơ ca ngợi đại hội thể thao cổ đại

❖ “VƯỜN VIÊN MINH” TRÊN ĐẤT NƯỚC HY LẠP CỔ ĐẠI

Di chỉ Olympia trải qua bao thế kỷ vẫn tồn tại đến nay

Viện bảo tàng khảo cổ Olympia

Tượng thần Zeus trong đồng phế tích

Di chỉ đại hội thể thao Olympic cổ đại

❖ NGỌN LỬA OLYMPIC PHẢI CHĂNG ĐÃ ĐƯỢC PROMETHEUS ĐÁNH CẮP TỪ TRỜI XUỐNG?

“Prometheus được giải cứu”

❖ PHỤ NỮ HY LẠP CỔ ĐẠI VÀ PHONG TRÀO THỂ THAO

Sự ràng buộc đối với người phụ nữ Hy Lạp cổ đại

Chuyện “màn nhung không kém mây râu”

Tập tục độc đáo của người Hy Lạp cổ đại

Sự ra đời của “Đại hội thể thao dành cho nữ giới”

❖ NHỮNG ANH HÙNG VANG DANH TRÊN TRƯỜNG THI ĐẤU

Huân luyện viên – người đào tạo nên những anh hùng của Olympic cổ đại

Vận động viên – những chiến binh dũng cảm trên sân vận động

Trọng tài – vị quan tòa áo đen thần thánh trên sân đấu

Lý tưởng Olympic

§7. CRETE – NỀN VĂN MINH VÔ TÌNH BỊ CHÔN VÙI BỜ TỰ NHIÊN

❖ CRETE – NỀN VĂN MINH KỲ ẢO

Thời kỳ tiền vương cung – giai đoạn tiếp thu ảnh hưởng sâu sắc từ phương đông của nền văn minh Crete

Thời kỳ cổ vương cung – giai đoạn hình thành của nền văn minh Crete

Thời kỳ tân vương cung – giai đoạn vương triều Minos chinh phục Hy Lạp cổ đại, xây dựng quyền lực trên biển

Đảo Crete với những thành phố nhỏ yên tĩnh, phong cảnh tuyệt vời

❖ TRUYỀN THUYẾT VỀ QUÁI VẬT MINOTAURUS

Câu chuyện thần thoại lưu truyền hậu thế

Nguồn gốc của câu chuyện kỳ kỳ Minotaurus

Tái hiện nền nghệ thuật đỉnh cao từ những văn vật vô giá còn lưu lại

Lịch sử thú vị về chiếc bồn cầu

❖ TÍNH CHẤT THẦN BÍ CỦA VĂN HÓA MÊ CUNG DƯỚI ĐẤT

Crete – nền văn minh bị chôn vùi dưới đáy biển sâu

Văn hóa mê cung chôn vùi trong cổ thành Knossos

Viện bảo tàng khảo cổ Iraklion

❖ NÚI LỬA BÙNG PHÁT ĐÃ NUỐT CHỨNG KNOSSOS?

Mê cung Knossos – ẩn chứa sự huyền hoặc, kỳ bí khôn lường

Lý giải về sự biến mất của Knossos

❖ THÀNH LŨY THỐNG TRỊ CỦA NỀN VĂN MINH MYCENAE THẦN BÍ

Kẻ thống trị Mycenae đã thay thế người Minos làm chủ Crete

Thành lũy Mycenae trên bán đảo Peloponnese

Những kho tàng bên dưới mộ

Giải mã thành công kiểu chữ hình thon dài kiểu B

Chiến tranh triền miên – nguyên nhân dẫn đến sự diệt vong của Mycenae

Một truyền thuyết cổ xưa

§8. KHÓI LỬA CHIẾN TRANH THỜI HY LẠP CỔ ĐẠI

❖ TRUYỀN THUYẾT VỀ CHIẾN DỊCH MARATHON

Để tìm kiếm “đất và nước”, Ba Tư đã xâm phạm biên giới Hy Lạp cổ đại

Rơi vào hiểm cảnh, Athens cầu viện Sparta

Bảo vệ quốc gia – toàn dân quyết chiến tại Marathon

Báo tin thắng trận

Thủy tổ của bộ môn chạy đường dài – Marathon

❖ CHIẾN DỊCH THERMOPYLAE ĐẦM MÁU

Vì mất cha, Xerxes ấp ủ nguyện vọng thành lập “quân đoàn thế giới”

Cuộc vượt biển đầy kiêu ngạo của vua Ba Tư

Máu nhuộm Thermopylae

Tìm hiểu về thành bang Sparta

❖ “LỜI TIÊN ĐOÁN CHIẾN THẮNG” CỦA THẦN MẶT TRỜI

Kể Sách “Vườn Không Nhà Trống” Của Athens

Quân Dân Athens Anh Dũng Chiến Đấu Tại Salamis

Thất bại thảm hại, Xerxes rút khỏi eo biển Salamis

Kinh đô thần thánh của đế quốc Ba Tư

❖ CUỘC VA CHẠM LÀM THAY ĐỔI VẬN MỆNH CẢ PHƯƠNG ĐÔNG VÀ PHƯƠNG TÂY

Dã tâm của đế quốc Ba Tư ở Tây Á

Chiến dịch eo biển Catamarca

Chiến dịch Pulatie

Liên minh Hy Lạp phản công

Đánh giá về cuộc chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư

Quốc gia của người Aryan

❖ THAY NHAU BÁ QUYỀN TRONG CUỘC CHIẾN SICILY

Để tranh bá quyền, Athens lao vào cuộc chiến

Tập kết quân đội, xuất binh đến Sicily

Bóng mây che mờ trước cuộc chiến

Chủ soái nhu nhược, cuộc chiến rơi vào thế bế tắc

Chỉ huy thiếu quyết đoán, Athens chuyển thắng thành bại

Toàn quân bị diệt, âm mưu bá quyền trên biển tiêu tan

“Bãi đất vàng” trên biển Địa Trung Hải

❖ CHINH PHẠT BA TƯ

Tham vọng xưng bá, Alexander tấn công Ba Tư

Alexander quyết tâm giành chiến thắng tại dòng sông Granicus

Alexander Đại đế

§9. NHỮNG CÂU ĐỐ THẦN BÍ VỀ NỀN VĂN MINH HY LẠP CỔ ĐẠI

❖ CHÂU LỤC ATLANTIS THẦN BÍ CÓ PHẢI ĐÃ CHÌM DƯỚI ĐÁY ĐẠI TÂY DƯƠNG?

Sự biến mất kỳ lạ của lục địa Atlantis

Bí mật về đại lục Atlantis bao giờ sẽ được giải đáp?

Truyền thuyết về “Atlantis”

❖ CÓ PHẢI ĐẠI ĐẾ ALEXANDER ĐÃ CHẾT VÌ BỊ ĐÀU ĐỘC?

Alexander đã chết vì nhiễm bệnh sốt “Tây sông Nile”?

Khả năng bị đầu độc bởi những người trong gia tộc

Tiến hành thí nghiệm thỏ quỳ để tìm chân tướng sự việc

Giả thuyết về cái chết của Alexander theo suy luận của thám tử Gulliver

Chứng “Sốt Tây sông Nile” (West Nile fever)

❖ NGỰA GỖ THÀNH TROY CÓ PHẢI LÀ MỘT TRUYỀN THUYẾT?

Thành Troy – cuộc chiến tranh “nửa thật nửa giả” trong “Sử thi Homer”

Tìm hiểu câu chuyện Thành Troy

“Tuyển chọn người đẹp” – nguyên nhân dẫn đến chiến tranh

❖ KHÁM PHÁ BÍ MẬT “CUỐN SÁCH DA DÊ CỦA ARCHIMEDES”

Bí mật của “Cuốn sách da dê”

Bí mật về “Cuốn sách da dê” đã được các nhà khoa học giải đáp

Nội dung “Cuốn sách da dê của Archimedes” đã được giải mã
Bí mật về cái chết của Archimedes

LỜI GIỚI THIỆU

Bầu trời xanh thẳm, ánh nắng chói chang, sóng biển lấp lánh, những ngôi nhà nhỏ vách trắng, những rừng cây xanh bạt ngàn... đó là những hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp mà bạn sẽ nhìn thấy khi đặt chân đến Hy Lạp, một vùng đất luôn thu hút bước chân của du khách từ khắp nơi trên thế giới đến tham quan, khám phá. Dưới ánh nắng chiều tà, thành Athens hiện lên thật uy nghi nhưng vẫn hết sức hiền hòa. Đất nước Hy Lạp với vô số nhân vật thần thoại cùng vĩ nhân đã khiến cho từng viên ngói, từng viên gạch còn lưu lại từ một thời kỳ xa xôi đều tỏa ra một ma lực thần bí, lôi cuốn bạn, vỗ về bạn và cũng khiến bạn phải kinh hoàng sửng sốt. Tại Athens, cho dù đứng ở góc nào, bạn đều có thể trông thấy tòa Vệ thành Acropolis cao 156m so với mặt biển, tọa lạc trên đỉnh của nó chính là “viên bảo ngọc” Parthenon, ngôi đền linh thiêng kỳ diệu của người Hy Lạp, một công trình văn hóa nổi tiếng thế giới. Tuy đã bị thời gian và con người tàn phá, nhưng từ những trụ đá khổng lồ còn sót lại, chúng ta vẫn có thể cảm nhận được vẻ đẹp huy hoàng thuở nào của công trình này.

Trong lịch sử văn minh thế giới, văn minh Hy Lạp với phong thái đặc sắc và thành tựu tuyệt vời của mình đã tạo nên một ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với phương Tây nói riêng và toàn thể nhân loại nói chung. Hy Lạp cổ đại chính là cái nôi của nền văn minh phương Tây, không có Hy Lạp cổ đại, không thể tưởng tượng văn minh phương Tây sẽ như thế nào, châu Âu ngày nay nơi nào cũng mang dấu ấn truyền thống của nền văn minh Hy Lạp cổ đại. Nơi đây còn ẩn chứa vô vàn bí mật đang chờ đợi được khám phá. Hơn nữa, nền văn minh Hy Lạp cổ đại xuất hiện rất đột ngột, có thể xem đó là một bí mật trong hàng nghìn bí mật mà các nhà khoa học vẫn đang say sưa nghiên cứu. Hy Lạp cổ đại nằm ở đông bắc Địa Trung Hải, ngoài bán đảo Hy Lạp hiện nay, còn bao gồm cả vùng biển Aegean, Macedo, Thrace, bán đảo Italy và vùng Tiểu Á.



Bức tranh nàng Hera xinh đẹp do các họa sĩ đời sau thực hiện.

Khởi nguồn của nền văn minh Hy Lạp cổ đại rục rờ vào khoảng năm 5.000 trước Công nguyên (TCN). Bắt đầu từ thời điểm ấy, văn minh Hy Lạp cổ đại đã có những bước tiến đáng kể. Nhưng 2.000 năm sau đó, văn minh Hy Lạp cổ đại đột nhiên thay đổi, lấy đồ đồng làm chủ thể của thời kỳ kim loại. Nhưng nền văn minh này lại biến mất một cách bí ẩn vào khoảng năm 1.200 TCN. 400 năm tiếp theo đó, Hy Lạp cổ ở vào “thời kỳ tăm tối” của nền văn minh. Sau khi trải qua 4 thế kỷ của “thời kỳ tăm tối”, đến thế kỷ thứ 8 TCN, văn minh Hy Lạp cổ lại bỗng dưng xuất hiện với hình thái phát triển cao, vượt xa sức tưởng tượng của con người. Âm nhạc, mỹ thuật, hội họa, triết học, toán học, y học, vật lý, hóa học, v.v cùng nhiều lĩnh vực khác nữa, dường như đều được bắt

nguồn từ nền văn minh Hy Lạp cổ, và nhờ vậy mới có được thành tựu như ngày hôm nay. Đằng sau nền văn minh rực rỡ này, rốt cuộc ẩn chứa một sức mạnh gì? Lễ nào tri thức và kỹ thuật vượt bậc của người Hy Lạp cổ là do thần linh mang lại?

Một nền văn minh phát triển cao như vậy, làm sao có thể xuất hiện ngay lập tức sau thời kỳ tăm tối? Theo các nhà khoa học, một nền văn minh không thể đột nhiên vươn đến đỉnh cao, mà phải là một sự phát triển từng bước từng bước một. Tuy nhiên, liên quan tới nền văn minh Hy Lạp cổ, chúng ta không thể nào giải thích bằng những nhận thức thông thường. Có thể, đó là do một “vật thể đặc biệt nào đó” có tri thức và kỹ thuật cao đã xen vào một cách có ý thức và tạo nên những thành tựu to lớn trong một thời gian rất ngắn. Nói cách khác, nền văn minh Hy Lạp đã xuất hiện một cách hết sức khác thường, linh diệu. Thời kỳ Hy Lạp cổ đại, từ một chuyện nhỏ như đánh mất một món đồ, cho đến những việc trọng đại như vận mệnh quốc gia, tất cả đều phải được bàn bạc với thần linh. Tiêu chí hành động của người Hy Lạp cổ lúc đó đều tuân theo sự hướng dẫn của thần linh. Thông qua khảo sát di tích của nền văn minh Hy Lạp cổ đại, các nhà khảo cổ học đã nhận thấy, Hy Lạp cổ là một đất nước mang đầy yếu tố thần bí. Hy Lạp cổ đại có rất nhiều “trạm tiếp nhận thông tin từ thần linh”. Đền thờ Apollo không chỉ là nơi thờ thần của người Hy Lạp cổ, mà còn là một địa điểm thần bí, dự báo về vận mệnh của nhân loại.

Đương nhiên, khi nảy sinh một chuyện trọng đại gì, con người đều có thói quen cầu mong thần linh chỉ đường soi lối, đây là đặc điểm chung của cả phương Đông và phương Tây trong thời kỳ cổ đại, không có gì phải bàn cãi, tuy nhiên, tình hình ở Hy Lạp cổ lại có rất nhiều điểm khác biệt. Một mặt, họ xây dựng được nền văn minh khoa học phát triển cao; mặt khác, họ lại dựa hẳn vào một thế lực hoàn toàn đối lập với khoa học, đó là thần linh. Việc này rõ ràng là rất kỳ lạ. Có lẽ, “Chỉ thị của thần linh” mới là điểm mấu chốt thực sự để giải đáp những bí ẩn của nền văn minh Hy Lạp cổ đại.

Thông qua việc tiến hành nghiên cứu, khảo sát tỉ mỉ về nền văn minh Hy Lạp cổ đại qua các thời kỳ lịch sử, bao gồm di chỉ di tích; đền miếu thờ thần; bí mật xa xưa, v.v... cuốn sách đã cố gắng tái hiện “Nền văn minh Aegean”, hy vọng giải đáp phần nào những thắc mắc của độc giả về thế giới thần bí này.

Chương 1

HY LẠP CỔ ĐẠI – CÁI NÔI CỦA NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY RỰC RỠ

Trong thần thoại Hy Lạp cổ xưa và thần bí, vua Minos đã cho xây dựng trên đảo Crete một mê cung vô cùng phức tạp và đồ sộ, kẻ nào đã bước vào sẽ không còn cơ hội trở ra được nữa. Bao lâu nay, mọi người vẫn cho rằng đây chỉ là một câu chuyện trong thần thoại mà thôi.

Nhưng một sự kiện xảy ra đã khiến cho cả thế giới phải bàng hoàng kinh ngạc. Vào năm 1900, một nhà khảo cổ học người Anh là Arthur Evans đã chứng minh cho cả thế giới thấy rằng, trên đảo Crete thực sự đã tồn tại một tòa mê cung giống như những gì đã được miêu tả trong thần thoại Hy Lạp, đó chính là mê cung Knossos. Câu chuyện đã được minh chứng là có thực, một góc của nền văn minh bị phủ mờ suốt mấy ngàn năm qua đã được vén lên cho cả nhân loại say sưa chiêm ngưỡng.

❖ KHỞI NGUỒN CỦA NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY THẦN KỲ

Tại Alpine – dãy Balkan vươn dài tới Kalba, đã ngăn cách một vùng đất. Vùng đất cổ xưa ấy kéo dài tới biển, phóng tầm mắt đến tận những hải đảo xa xôi, nơi đây chính là khởi nguồn của nền văn minh Phương Tây.

Lịch sử Hy Lạp cổ đại là khởi đầu của lịch sử văn minh phương Tây. Chủ nhân của nền văn minh rực rỡ ấy chính là những cư dân sinh sống trên bán đảo Hy Lạp, các đảo trong vùng biển Aegean, vùng duyên hải Địa Trung Hải, Nam Italy và Thrace. Bán đảo Hy Lạp là trung tâm sinh hoạt của người Hy Lạp cổ đại, mang ý nghĩa quyết định đối với lịch sử Hy Lạp cổ đại.

Bán đảo Hy Lạp – Nơi trỗi dậy nền văn minh huy hoàng thần bí

Một trong những đặc điểm địa lý nổi bật của bán đảo Hy Lạp cổ là nằm sát Bắc Phi và Tây Á. Điều này đã tạo nên một mối quan hệ mật thiết giữa Hy Lạp cổ đại và vùng Tiểu Á. Đó cũng là nguyên nhân biến khu vực này trở thành nơi sớm nhất tại châu Âu được tiếp thu nền văn minh nông nghiệp và đồng đen đến từ vùng Tây Á. Một đặc điểm khác của địa hình nơi đây là rất nhiều núi non, trong khi đất đai dành cho canh tác lại vô cùng hạn chế.

Khắp bán đảo là những dãy núi chạy ngang dọc, xen kẽ giữa những rặng núi là một vài bình nguyên nhỏ hẹp. Các nhánh rẽ của dãy Balkan phân chia bán đảo thành ba phần Bắc, Trung, Nam. Phía Bắc bán đảo Hy Lạp cổ bao gồm khu vực miền núi Epirus và vùng bình nguyên Tie Salie. Miền Trung của bán đảo được ngăn cách với miền Bắc bởi một dòng suối nước nóng nhỏ hẹp và hiểm trở. Attica và You Die là hai vùng đất nổi danh nhất của khu vực miền Trung Hy Lạp cổ. Miền Nam lại là một đảo nhỏ, có tên là bán đảo Peloponnesian, chỉ có một khe sâu nhỏ hẹp nối liền với miền Trung, chính vì vậy nó tương đối độc lập và tách rời các vùng khác.

Bán đảo Hy Lạp cổ không có nhiều đất đai màu mỡ, người Hy Lạp cổ phải tận dụng những mảnh đất nhỏ hẹp ven sông hoặc chạy dọc theo các sườn núi, vùng duyên hải và các đồng bằng nhỏ cho việc canh tác nông nghiệp. Cây trồng chủ yếu là lúa đại mạch, lúa mì, ô liu, nho và các loại rau xanh. Do tình trạng đất chật người đông, nên lương thực luôn trở thành vấn đề bức thiết. Ngay từ rất sớm, xu hướng mở rộng lãnh thổ, xâm chiếm ra bên ngoài đã hình thành trong tư tưởng của người Hy Lạp cổ.



Những bình gốm lớn được người Hy Lạp cổ dùng để đựng rượu hoặc lương thực. Chúng ta có thể nhận thấy nét tinh tế của sản phẩm được thể hiện qua các hoa văn, họa tiết trên bình.

Tuy nhiên, với sản lượng đá vô cùng lớn và nguồn đất phù hợp cho việc nung gạch, Hy Lạp cổ có điều kiện rất tốt trong việc phát triển các lĩnh vực kiến trúc, nghệ thuật tạo hình và chế tạo gốm sứ. Bán đảo Hy Lạp cổ còn là một vùng đất giàu khoáng sản và các kim loại như đồng, sắt, vàng, bạc v.v... tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho nghề luyện kim và buôn bán. Ngoài ra, 3 phía của bán đảo Hy Lạp cổ đều tiếp giáp với biển, nên có rất nhiều hải cảng. Đặc biệt, các tàu buôn muốn đến vùng Tiểu Á đều phải băng qua vùng biển Aegean, tạo điều kiện cho việc hình thành nền văn minh Aegean vô cùng đặc sắc và đa dạng. Sự phát triển của nền văn minh Aegean trước hết là nhờ vào sự phát triển của ngành hàng hải. Điều kiện thuận lợi của ngành hàng hải đã có tác dụng thúc đẩy rất lớn đối với nền thương nghiệp Hy Lạp vốn chỉ dựa vào các sản phẩm thủ công mỹ nghệ và nguyên liệu là chính. Sự phát triển của lĩnh vực hàng hải không chỉ mang lại lợi ích kinh tế to lớn cho người Hy Lạp cổ, mà còn tạo cơ hội cho họ tiếp xúc với các dân tộc khác trên thế giới, cùng với việc tiếp thu những tư tưởng mới, không ngừng thúc đẩy sức sáng tạo của mình. Chính vì vậy, ngành hàng hải và lực lượng hải quân có ý nghĩa vô

cùng to lớn đối với Hy Lạp cổ đại.



Đồ gốm sứ trong “thời kỳ tăm tối” được trang trí bằng những hoa văn hình học.

Thành phố xây dựng trên núi cao

Những người hiểu biết về thần thoại Hy Lạp hoặc đã đọc qua tác phẩm “Iliad” đều biết đến cuộc chiến Thành Troy của nhân dân Hy Lạp dưới sự thông lĩnh của Agamemnon. Một cuộc khảo cổ ở thế kỷ 19 đã chứng minh được tính xác thực của cuộc chiến này. Nó cho thấy hai nền văn minh từng phát triển rực rỡ trước khi văn minh Hy Lạp cổ bước vào thời kỳ hưng thịnh, đó là nền văn minh Crete và nền văn minh Mycenae. Nền văn minh Mycenae nằm ở lục địa Hy Lạp cổ, hình thành vào khoảng năm 2200 TCN. Người Mycenae rất thiện chiến, các thành phố của họ đều được xây dựng trên đồi núi và được phòng ngự hết sức nghiêm ngặt. Nhưng, cuối cùng họ vẫn bị người Porian tiêu diệt.

Nền văn minh đồng đen Aegean độc đáo

Các nhà khảo cổ học đã phát hiện được kiểu chữ hình thon dài kiểu A trên đảo Crete và kiểu chữ hình thon dài kiểu B trong vùng đất Mycenae vốn có của Hy Lạp cổ. Đồng thời, họ còn khai quật được rất nhiều đồ thủ công mỹ nghệ như: đồ gốm, đá, đồng đen v.v... Nơi đây còn có di chỉ của 10 tòa cung điện lớn, đó chính là nguồn cội của nền văn minh Aegean. Ngược trở về với vùng đất Aegean hơn 4.000 năm trước, chúng ta sẽ hiểu được nền văn minh phát triển rực rỡ trong lịch sử Hy Lạp cổ đại.

Văn minh Aegean xuất hiện vào khoảng năm 2000 TCN, phân bố trên đảo Crete, các khu vực lân cận và văn hóa thời kỳ đồng đen của lục địa Hy Lạp cổ đại. Trong đó, nổi bật nhất là văn minh Crete và văn minh Mycenae. Nền văn minh Aegean kéo dài trong khoảng 800 năm. Thời kỳ đó, xuất hiện một số thành bang theo chế độ nô lệ, có thành bang cực kỳ hưng thịnh trong một thời gian dài. Về sau, một nhóm bộ lạc còn tương đối lạc hậu từ miền Bắc tràn vào miền Nam Hy Lạp cổ, các thành bang bị tiêu diệt, nền văn minh Aegean cũng biến mất.



Một bức tượng đá được khai quật tại vùng núi Cyclades, có niên đại vào khoảng năm 2500 TCN.

Nền văn minh Hy Lạp cổ đại có thể tính vào thời kỳ đồ đá cũ và thời kỳ đồ đá giữa – khoảng 7.000 năm TCN, con người thời ấy chủ yếu sinh sống bằng nghề săn bắn hái lượm. Bước vào

thời kỳ đồ đá mới (khoảng năm 7000-4000 TCN). Những nông dân và thợ săn định cư tại đây đã tiến hành nhiều hoạt động khác nhau, trong đó, tiến hành sự nghiệp hàng hải trên vùng biển Aegean là một phần vô cùng quan trọng. Có thể khẳng định rằng, biển Aegean có một vai trò hết sức to lớn đối với sự phát triển của khu vực này.

Nền văn minh Crete cổ xưa và thần bí

Cũng giống như rất nhiều nền văn minh đã biến mất trên thế giới, văn minh Crete cũng chứa đựng rất nhiều màu sắc thần bí, chính thần thoại đã thu hút người ta đi tìm lại dấu tích của nó. Nền văn minh Crete từng là một nền văn minh phát triển rực rỡ, người đầu tiên tìm ra những chứng cứ là nhà khảo cổ học Arthur Evans, ông đã phát hiện được đồng đồ nát của cung điện, mà về sau, đồng đồ nát này đã được xác định là di chỉ hoàng cung của vua Minos, bắt đầu từ đó, bí mật về nền văn minh Crete cổ xưa dần được hé mở.



Bình gốm Minos được khai quật tại Knossos. Những hình vẽ trên mặt gốm cho thấy tình hình phát triển của các loại vũ khí vào thời đó. Bình gốm có niên đại vào khoảng năm 1450-1400 TCN.

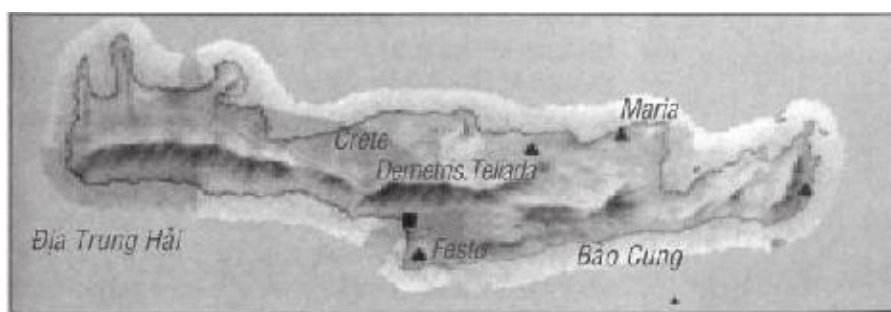
Nền văn minh Crete xuất hiện khá sớm, trên hòn đảo lớn nhất trong vùng biển Aegean. Đảo Crete có chiều dài từ Đông sang Tây khoảng 250km, chiều rộng từ Bắc xuống Nam không được đồng nhất, nơi hẹp nhất chỉ vào khoảng 12km, còn nơi rộng nhất có thể lên đến 60km. Khí hậu ôn hòa, cây cối xanh tươi đã thu hút lượng lớn cư dân tới đảo này.

Đến khoảng năm 3000 TCN, kinh tế và xã hội đã phát triển vượt xa bán đảo Hy Lạp cổ. Từ năm 2200-2000 TCN, có ít nhất 4 tiểu vương quốc đã nổi lên trên đảo này, đó là Knossos, Este, Mallia và Kadosacro. Căn cứ vào tài liệu khảo cổ, lấy Hoàng cung làm trung tâm diễn tiến của nền văn minh Crete có thể chia thành 2 thời kỳ sau:

Thời kỳ hoàng cung sớm: đây là thời kỳ các tiểu quốc phân lập (khoảng năm 2200-1700 TCN).

Thời kỳ hoàng cung muộn: đây là thời kỳ vương quốc Crete thống nhất (khoảng năm 1700-1400TCN).

Tình hình kinh tế xã hội thời kỳ hoàng cung sớm được ghi chép tương đối rõ ràng. Đã có sự phân công giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp. Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu gồm cỏ lúa đại mạch, lúa mì, ô liu, nho v.v... Ngành thủ công nghiệp đã có những tiến bộ vượt bậc. Các công cụ bằng đồng đen, vàng, bạc và gốm sứ được sản xuất nhiều hơn, đồ thủ công mỹ nghệ tương đối phức tạp và tinh xảo, như bình gốm được gia công tới mức độ mỏng như vỏ trứng, thêm vào đó là những hình vẽ sinh động. Về phương diện kiến trúc, những cung điện có quy mô lớn đã được dựng vào thời kỳ này. Thời kỳ hoàng cung sớm còn được đánh dấu bởi sự ra đời của chữ viết. Ban đầu chỉ là những hình vẽ biểu ý đơn thuần, dần dần đã phát triển thành một hệ thống văn tự tượng hình khá hoàn chỉnh. Nhà vua sống trong những cung điện to lớn, với vô số vàng bạc và các vật phẩm được chạm trổ từ ngà voi. Trong khi đó, người dân phải sống trong những dãy nhà chật hẹp, thô sơ, với những vật dụng đơn giản, thiết yếu cho cuộc sống hằng ngày. Xung quanh hoàng cung Knossos, có khoảng vài chục ngàn cư dân sinh sống.



Bản đồ di chỉ khảo cổ đảo Crete

Khoảng năm 1700 TCN, cả tòa cung điện bị hủy diệt gần như hoàn toàn mà chẳng một ai biết rõ nguyên nhân. Không lâu sau, một quần thể kiến trúc mới được xây dựng, với quy mô còn to lớn hơn rất nhiều so với công trình cũ. Công trình được xây dựng dựa theo triền núi, các tầng nối tiếp nhau, trung tâm là một sân hình chữ nhật, xung quanh được bao bọc bởi rất nhiều cung thất nguy nga lộng lẫy. Bên trong cung thất được trang trí bằng các tác phẩm nghệ thuật làm từ gốm, vàng, bạc và nhiều báu vật vô giá khác, các bức tường được trang trí bằng những bức tranh màu sắc rực rỡ. Có rất nhiều đề tài được các họa sĩ đưa vào tác phẩm của mình, từ một phụ nữ quý tộc, một thiếu nữ duyên dáng, đến cảnh hoa cỏ chim muông hay một đấu trường sôi động v.v... Tất cả đều được thể hiện bằng phương pháp tả thực hết sức ấn tượng, phản ánh một không khí hòa bình an vui tràn ngập vương quốc. Bên trong hoàng cung Knossos còn có cả một hệ thống phòng nghề thủ công, thương khố và nhà tù. Đây là tòa cung điện lớn nhất từng được xây dựng trên đảo Crete. Kết hợp những truyền thuyết cổ đại, có thể phỏng đoán vào thời kỳ cực thịnh của nền văn minh Crete, vương quốc Knossos đã thống nhất toàn đảo này, thậm chí còn thu nạp các đảo nhỏ và Attica vào trong thế lực của mình. Nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp đều phát triển phồn thịnh. Sự xuất hiện của tiền đồng là một trong những cột mốc tiêu biểu, đánh dấu sự phát triển của nền kinh tế, thông thương bằng đường biển phát triển mạnh. Phương diện văn hóa tư tưởng, một trong những thành tựu nổi bật là sự xuất hiện của kiểu chữ hình thon dài, với khoảng 132 ký hiệu khác nhau mà đến nay vẫn chưa có ai giải mã thành công.



Hình ảnh một chàng thanh niên Minos được miêu tả trên một bức bích họa của hoàng cung Knossos.

Năm 1400 TCN, hoàng cung Knossos và các kiến trúc của thành phố khác trên đảo Crete đều bị tàn phá nặng nề. Theo suy đoán của các nhà sử học, những công trình này đã bị phá hủy bởi cuộc xâm lăng của người Akaya thuộc ngữ hệ Ấn Âu. Kể từ đó, dưới ảnh hưởng của văn minh Mycenae, nền văn minh Crete cũng dần dần đi vào quên lãng.

Cung điện trên đảo Crete

Vào khoảng thời gian năm 2000-1000 TCN, nền văn minh Crete đã ra đời trên vùng đất này. Đặc trưng lớn nhất của nền văn minh Crete là những kiến trúc cung điện. Mọi hoạt động xã hội dường như đều được tổ chức bên trong cung điện, từ các hoạt động tôn giáo, sản xuất nông nghiệp và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, thương mại và các hoạt động giao lưu quốc tế. Phần lớn chữ viết, bao gồm sách viết dùng chữ tượng hình và chữ hình thon dài loại A mà hiện vẫn chưa thể giải mã, đều được tìm thấy bên trong cung điện.

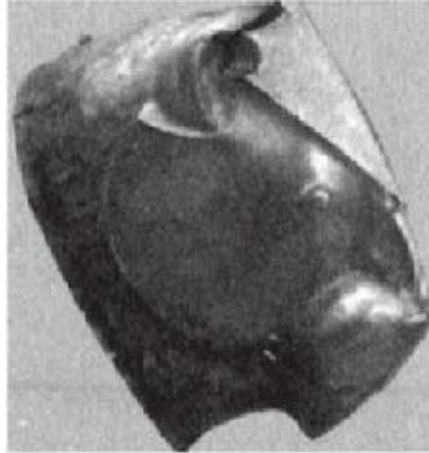


Ngai vàng của vua Minos vẫn được bảo tồn gần như nguyên vẹn cho đến hôm nay.

Nền văn minh Mycenae phát triển dưới chế độ thống trị nô lệ

Nền văn minh Mycenae được khám phá dựa trên những đầu mối của bộ sử thi *Homer* và câu chuyện “cuộc chiến thành Troy”. Trước khi tìm được những chứng cứ xác thực, rất nhiều nhà khoa học, khảo cổ học và sử học đã tỏ thái độ hoài nghi đối với những gì được miêu tả lại trong bộ sử thi mang đầy tính chất thần thoại đó. May mắn là vẫn có một nhà khảo cổ nghiệp dư hoàn toàn tin tưởng vào những gì đã được chép lại trong bộ sử thi, đó chính là Schliemann. Vào thời đó, không ít người đã nghĩ ông là người mắc bệnh hoang tưởng, nhưng điều đó không hề làm lung lay niềm tin của Schliemann, ông đã huy động một lượng nhân công rất lớn để tiến hành công tác khai quật, di chỉ thành Troy trong truyền thuyết đã từng bước hiện ra.

Nền văn minh Mycenae được hình thành vào khoảng năm 1500 TCN. Vào thời ấy, một loạt tiểu vương quốc bắt đầu xuất hiện ở miền Nam bán đảo Hy Lạp cổ. Trong đó, hùng mạnh nhất là các tiểu vương quốc Mycenae, Tiryns, Pairis, Sparta. Ngoài ra, vào thời kỳ trung cổ, tại những nơi như Athens; Thebes; Gra v.v... cũng xuất hiện những hoàng cung. Kiểu dáng của hoàng cung Mycenae cũng tương tự các hoàng cung trên đảo Crete, nhưng thường được xây dựng trên đồi núi và bao bọc bởi một lớp tường thành cao dày, tạo nên một thành lũy vững chắc. Bên trong thành lũy có cả lăng mộ của vương thất, đây rõ ràng là xuất phát từ mục đích an toàn. Văn minh Mycenae được hình thành và phát triển trong một bầu không khí vô cùng căng thẳng. Một vài bức bích họa hiếm hoi còn sót lại cũng đủ cho ta cảm nhận được cái không khí chiến tranh ác liệt của thời kỳ đó với những dũng sĩ oai phong, một sự tương phản rõ nét với so với thời kỳ văn minh Crete.



Một chiếc bình bằng vàng được khai quật tại di chỉ Mycenae, hình dáng tựa như chiếc đầu của một loài động vật.

Nền tảng kinh tế của các tiểu vương quốc trong thời kỳ văn minh Mycenae dựa trên hai chế độ sở hữu, tức là đồng thời tồn tại chế độ tư hữu và công hữu về tài sản và đất đai. Người thống trị quốc gia đương nhiên trở thành người sở hữu đất đai nhiều nhất trong vương quốc của mình. Quốc vương có 30 đơn vị đất đai, Lavagatas và Coletta (các chức danh quan lại tương đương với quan võ và quan văn) có 10 đơn vị đất đai. Các thành viên trong công xã nông thôn chỉ có quyền chiếm hữu đất đai công hữu trong công xã, diện tích chiếm hữu của mỗi người chưa đến 1 đơn vị đất đai. Vì vậy, họ phải thuê thêm một phần đất đai thuộc công xã mới có thể sinh sống. Nhìn chung, chế độ tư hữu đất đai trong thời kỳ văn minh Mycenae chưa thực sự phát triển, chưa đủ sức loại bỏ chế độ công hữu.



Một bức tượng nhỏ bằng đá cẩm thạch. Đây là hình ảnh của một nữ tư tế Minos đang cử hành nghi thức tế thần.

Mycenae và các nước đã hình thành một cơ cấu xã hội có giai cấp. Tầng lớp thấp nhất trong xã hội là nô lệ. Nô lệ nam được gọi là *do-e-ro*, nô lệ nữ được gọi là *do-e-ra*, tập trung lao động cho quốc vương và các gia đình quan lại quý tộc, chỉ riêng hoàng cung Pairis đã có hơn 500 nô lệ.

Trên giai tầng nô lệ là lớp người bình dân đối lập với quý tộc, đây là lực lượng sản xuất chính của xã hội. Nông dân sống tập trung tại các làng xã bên ngoài kinh thành. Hiện tại, các nhà khảo cổ đã khai quật được 400 địa điểm cư dân nông nghiệp thuộc thời kỳ văn minh Mycenae. Những người làm nghề thủ công sống trong kinh thành, gần kinh thành Mycenae có một khu dân cư của những người thợ thủ công. Ngoài ra, giai tầng thương nhân cũng tồn tại ở thời kỳ này. Giai cấp chủ nô với người đứng đầu là quốc vương, chính là giai cấp thống trị của xã hội. Trong bối cảnh lực lượng sản xuất chưa phát triển lúc bấy giờ, giai cấp thống trị đã thẳng tay bóc lột tầng lớp nô lệ và những người sản xuất nhỏ, thu về cho mình những nguồn lợi khổng lồ. Trong hoàng cung Pairis có 800 bình gốm, phần lớn dùng để chứa sản phẩm vơ vét, bóc lột từ nơi khác về.



Một bức bích họa của thời kỳ văn minh Mycenae, trong hình là một tỳ nữ trong cung được miêu tả hết sức sinh động và chân thật.

Khoảng thế kỷ 13 TCN là thời kỳ phát triển tột đỉnh của nền văn minh Mycenae. Thế lực của nó đã vươn khắp vùng biển Aegean, có thể đã cùng với người Tiểu Á tiêu diệt vương quốc Hittite. Đến khoảng năm 1240 TCN, họ lại liên minh với nhau để tấn công quốc gia Eris ở khu vực Tiểu Á. Những cuộc chiến ấy đã trở thành một đề tài hấp dẫn, được các nghệ sĩ du ca trình diễn khắp nơi, và cuối cùng trở thành bộ “Sử thi Homer” bất hủ, được lưu truyền đến tận hôm nay.

Từ cuối thế kỷ 14 đến đầu thế kỷ 13 TCN, vùng đất Hy Lạp cổ đại phải liên tục chống đỡ trước những cuộc tấn công khốc liệt của các thế lực đến từ bên ngoài. Các tài liệu khảo cổ đã cho thấy, thế lực xâm lược đầu tiên có thể đến từ vùng đất Erilia, tiếp giáp vùng tây bắc của bán đảo Hy Lạp. Những nơi đoàn quân xâm lược đi qua chỉ còn là một đồng đồ nát hoang tàn, không lưu lại một di tích gì có thể chứng minh cho nguồn gốc của lực lượng xâm lăng đó, dù chỉ là dấu vết của một thị tộc. Họ chiếm giữ vùng Epilos ở miền Bắc bán đảo Hy Lạp cổ, vùng Knania, Eris ở miền Trung, một bộ phận khác tràn xuống miền Nam và chiếm cứ gần như toàn bộ khu vực này. Tiếp theo đó, họ lại đưa quân đánh chiếm đảo Crete và một số đảo khác trong vùng biển Aegean, biến những khu vực này thành nơi cư trú của người Doriann về sau.



Chuôi một thanh bảo kiếm được đúc bằng vàng. Cổ thể thấy được sự phát triển mạnh mẽ của nền văn minh Mycenae, cũng là một điều kiện để mở rộng xâm lược.

Một vương triều vô danh

Căn cứ vào những tài liệu được ghi chép bằng loại văn tự hình thon dài mà người Akaya sử dụng, thể chế của các nước chư hầu trong thời kỳ văn minh Mycenae là chế độ quân chủ, quốc vương được gọi là Vanakes. Dưới nhà vua là một đội ngũ quan lại, trong đó, chức quan quan trọng được gọi là Lavagatas, có thể là một tướng lĩnh quân sự. Bên cạnh đó còn có một loạt chức danh khác như Colatas, nhưng chức năng vẫn chưa được xác định rõ ràng. Như vậy, thời kỳ văn minh Mycenae đã hình thành một thể chế quan lại khá rõ ràng. Nhưng có một điều hết sức thú vị là vua và các quan lại thời kỳ này đều không lưu lại danh tánh của mình, có thể họ vốn không có ý thức lưu lại danh tánh, vì thế, ngày nay chúng ta không thể biết về thế hệ vương triều của họ.



- Cốc uống nước bằng vàng tìm thấy trong khu lăng mộ Mycenaean, vật tùy táng của tầng lớp quý tộc. (Hình trên)

- Dụng cụ thủy tinh hình con vịt được sử dụng khi tiến hành nghi thức tôn giáo, cho thấy sự giàu có của giai cấp chủ nô thời kỳ đó.
(Hình dưới)

❖ NHỮNG KIẾN TRÚC THÀNH BANG HÙNG VĨ CỦA HY LẠP CỔ ĐẠI

Nền văn minh thành bang của Hy Lạp cổ đại không phải chịu sự nghi hoặc của mọi người như đối với nền văn minh Mycenae, bởi vì thời kỳ này, Hy Lạp cổ đại đã bước vào thời kỳ đồ sắt, việc ghi chép bằng văn tự đã khá tường tận, các di tích và di chỉ của thời kỳ này cũng hết sức phong phú.

Có thể nói, những dấu ấn nổi bật nhất cho nền văn minh Hy Lạp cổ đại thời kỳ đầu chính là di chỉ thành bang cổ của Sparta và Athens. Những con đường rộng lớn, những cung điện nguy nga, những cửa thành hùng vĩ... tất cả đều cho thấy mồ hôi nước mắt và trí tuệ của người dân lao động trong thời kỳ này. Nhìn những di chỉ, di tích này, có thể hình dung được cảnh hùng tráng bạt đất xây thành của người Hy Lạp cổ.



Đền thờ Athena ở Athens, được xây dựng vào khoảng năm 520 TCN. Đây là một công trình vĩ đại với những trụ đá khổng lồ và đường nét chạm trổ hết sức tinh xảo.

Đến thế kỷ thứ 8 TCN, trên vùng đất Hy Lạp cổ đại và vùng duyên hải Tiểu Á, bắt đầu xuất hiện một Số thành bang do người Hy Lạp cổ xây dựng. Trong đó hai thành bang nổi bật nhất chính là Sparta và Athens.

Thành bang của những người Sparta thượng võ

Sparta là một thành bang hùng mạnh của Hy Lạp cổ đại, nằm ở phía Nam bán đảo Peloponnese. Vào khoảng thế kỷ thứ 10 TCN, những người Dorian xâm nhập vào vùng đất này và xây dựng thành Sparta. Thành Sparta ban đầu được hợp thành từ bốn thôn trang, đến thế kỷ thứ 4 TCN vẫn chưa có hệ thống tường thành. Người Dorian (cũng chính là người Sparta) dần dần chinh phục các vùng đất lân cận và xây dựng quốc gia thành bang Sparta. Tại Sparta, người Sparta là giai cấp chủ nô, có tư cách là một công dân toàn quyền trong thành bang, đàn ông Sparta là lực lượng thống trị của đất nước. Cư dân bản địa bị người Sparta chinh phục, biến thành nô lệ, gọi là người "Helots", một bộ phận nhỏ chạy trốn đến các vùng biên giới, gọi là người "Perioeci".

Đến thế kỷ thứ 5 TCN, người Sparta có khoảng 9.000 hộ, mỗi hộ được chia một phần đất đai và đất canh tác của người Helots. Quyền sở hữu đất đai và nô lệ thuộc về nhà nước, không được chuyển nhượng mua bán để tránh sự phân hóa tài sản của người Sparta. Người Helots trở thành những nô lệ thuộc quyền sở hữu tập thể của người Sparta, với số lượng vào khoảng 20.000 người. Họ cư trú bên ngoài những nông trang của người Sparta, trên những mảnh đất cố định. Họ cũng có gia đình riêng và trách nhiệm trồng trọt trên đất đai của người Sparta, mỗi năm đều phải cung cấp một lượng lớn ngũ cốc và pho mát. Họ không được hưởng quyền tự do, nhưng phải gánh vác những công việc lao dịch vô cùng gian khổ, đặc biệt là khi đất nước xảy ra những cuộc chiến tranh. Người Sparta áp dụng một chính sách thông trị hết sức hà khắc đối với người Helots. Để củng cố địa vị thống trị của mình, mỗi một năm, vị quan giám sát lại tiến hành một cuộc tàn sát đẫm máu đối với người Helots, mục đích là để diệt trừ những phần tử khả nghi, những người có sức mạnh và năng lực đặc biệt, nhằm ngăn ngừa nguy cơ tạo phản ngay từ trong trứng nước.



Tượng dũng sĩ Sparta được đúc từ đồng đen, có niên đại vào khoảng thế kỷ thứ 5 TCN.

Để có thể khống chế lực lượng nô lệ đông đảo, người Sparta đặt ra một chế độ huấn luyện quân sự công dân hết sức nghiêm ngặt. Từ đó về sau, quân đội Sparta bắt đầu sử dụng binh lực hùng mạnh để uy hiếp các thành bang lân cận, không ngừng mở rộng thế lực của mình.

Nền giáo dục của người Sparta

Những đứa trẻ Sparta sau khi sinh ra sẽ được cha mẹ đưa đến các vị trưởng lão để thẩm tra. Nếu như tướng mạo bình thường, cơ thể khỏe mạnh, mới được cha mẹ đưa về nhà nuôi dưỡng, ngược lại, đứa trẻ sẽ bị quăng xuống một cái hố bên dưới chân núi. Các bé trai dưới 7 tuổi được nuôi dưỡng tại nhà. Ngoài việc chăm sóc sức khỏe, gia đình còn có trách nhiệm bồi dưỡng đứa trẻ có tinh thần dũng cảm, không sợ bóng tối, không sợ cô độc, không kén ăn uống. Khi được 7 tuổi, các bé trai sẽ được đưa vào một trường học quân sự do nhà nước thành lập, gia nhập quân đội và được huấn luyện quân sự. Chúng ở tập trung, mỗi ngày đều phải luyện tập thể lực và sử dụng vũ khí, luyện chạy bộ bằng chân không, đôi khi tham gia hành động tàn sát người Helots. Những đứa trẻ này phải biết vào bếp để tự phục vụ bữa ăn của mình, thậm chí tham gia vào những công việc lao dịch hết sức nặng nề, tất cả những bài tập ấy không nằm ngoài mục đích bồi dưỡng tinh thần phục tùng quân đội, lòng dũng cảm và thiện chiến cho các chiến sĩ tương lai. Những đứa trẻ có ý chí mạnh mẽ sẽ đảm nhận chỉ huy liên đội, các đứa trẻ khác đều phải phục tùng mệnh lệnh. Còn việc đọc sách, tập viết không phải là những môn học chính, chỉ hạn chế ở một mức độ nhất định. Mặc dù phụ nữ không phải vào trường quân sự, nhưng trước khi kết hôn cũng phải tham gia vào những hoạt động đòi hỏi rất nhiều sức lực như chạy đua, đánh vật, ném đĩa sắt, ném lao v.v... để có thể trở thành một người mẹ khỏe mạnh, dũng cảm.

Thành bang Athens dưới chế độ chính trị thống trị dân chủ

Trong di chỉ cổ đại của Athens, có một công trình kiến trúc hình tròn vô cùng nổi tiếng, đó chính là đền thờ Nữ thần Athena. Những phát hiện khảo cổ sau này cũng đã chứng minh việc xây dựng đền thờ rất thịnh hành ở thành bang Athens. Các đền thờ được phát hiện đã chứng minh đầy đủ về một thành bang Athens huy hoàng trong lịch sử.



Một bức tượng bằng đồng đen có niên đại vào khoảng năm 530 TCN. Đây là bức tượng khắc họa hình ảnh một thiếu nữ mặc váy ngắn, tham gia vào một cuộc thi thể thao, khiến những người Athens không cho phép phụ nữ tham gia hoạt động thể thao vô cùng kinh ngạc.

Athens nằm sát khu vực duyên hải, giao thông trên biển rất thuận lợi, công thương nghiệp tương đối phát triển. Người Athens tôn sùng văn hóa, cho nên nhận quan của họ cũng tương đối mở mang.

Athens nằm trên bán đảo Attica, miền Trung Hy Lạp cổ, là thành bang trọng yếu nhất của Hy Lạp cổ đại. Vào thời kỳ văn minh Mycenae, Athens đã có người sinh sống, nơi đây vốn là cố hương của những người Ionate cổ đại. Đến thế kỷ thứ 12 TCN, người Dorian xâm chiếm vùng này. Vào khoảng năm 700 TCN, Attica trở thành một quốc gia theo chế độ nô lệ với Athens là trung tâm. Đến thế kỷ thứ 8 TCN Athens có 9 quan chấp chính, chia nhau nắm giữ các chức vụ tối cao trong đất nước như hành chính, quân sự, tư pháp và tôn giáo. Giai cấp quý tộc đương quyền vô cùng giàu có, giai cấp bình dân bị khinh rẻ và bóc lột nặng nề nên rất bất mãn. Trải qua nhiều năm đấu tranh quyết liệt, đến năm 594 TCN, một vị “trọng tài” được hai bên quý tộc và bình dân chọn ra để tiến hành cải cách đất nước, đó chính là Solon.

Solon đã tiến hành những cải cách hết sức quan trọng như phế bỏ chế độ nô dịch, nâng cao quyền lực của Công dân đại hội, điều chỉnh quan hệ lợi ích giữa các giai tầng khác nhau trong xã hội, xây dựng nền tảng cho chế độ chính trị dân chủ Athens.



Rất nhiều tác phẩm điêu khắc của người Sparta thể hiện hình tượng của các võ sĩ, có thể thấy Sparta là một dân tộc thượng võ.

Đầu thế kỷ thứ 5 TCN, người Hy Lạp cổ đánh bại quân xâm lược Ba Tư. Sau chiến tranh, các thành bang của Hy Lạp ngày càng phát triển. Dưới sự lãnh đạo của Pericles, Athens đạt đến thời kỳ phồn thịnh tột đỉnh của mình. Xu hướng bành trướng của thế lực Athens đã dẫn đến xung đột về lợi ích với Corinth (một thành bang của Hy Lạp cổ đại với trung tâm là Myceanean), đồng thời các thành bang khác, chẳng hạn như Sparta và đồng minh của họ là Peloponnese, đều trở thành kẻ thù của Athens. Một cuộc chiến tranh vì lợi ích riêng của từng thành bang bắt đầu nổ ra.

Từ năm 431-404 TCN, một cuộc hỗn chiến nổ ra trên khắp lục địa và vùng biển Hy Lạp cổ đại, lịch sử gọi đó là cuộc chiến tranh Peloponnese. Kết quả, người Sparta dưới sự trợ giúp của người Ba Tư đã đánh bại thành bang Athens, thôn tóm toàn bộ quyền lực vào tay mình. Từ đó về sau, Hy Lạp cổ rơi vào cảnh chiến tranh triền miên, các thành bang thay phiên nhau nắm quyền bá chủ tại Hy Lạp cổ. Đến giữa thế kỷ thứ 4 TCN, do chiến tranh liên miên, nên các thành bang đều kiệt quệ sức lực, cuối cùng đã khiến cho Hy Lạp cổ rơi vào sự khống chế của một thế lực mới, đó là Macedonia.



Cung điện Hepaistomu, được xây dựng vào khoảng năm 449 TCN.

Cuộc chiến Hy Lạp – Ba Tư

Đầu thế kỷ thứ 5 TCN, người Ba Tư chiếm lĩnh Babylon, trở thành quốc gia có thế lực hùng mạnh nhất khu vực Tây Á và không ngừng mở rộng phạm vi thế lực của mình. Sự thống trị của Ba Tư tại các thành bang nói tiếng Hy Lạp cổ đã gây nên sự bất mãn của Athens. Athens quyết định ủng hộ các thành bang này tiến hành đấu tranh giành tự do. Để trả đũa, quân đội Ba Tư đã phát động chiến tranh với thành bang Hy Lạp cổ. Athens trở thành lực lượng chủ yếu chống lại sự xâm lăng của người Ba Tư. Cuộc chiến bắt đầu nổ ra vào năm 490 TCN và kết thúc vào năm 479 TCN, trong khoảng thời gian đó, hai bên đã nhiều lần đình chiến. Chiến thắng cuối cùng thuộc về Athens. Mọi người đều biết, người Hy Lạp cổ đã giành chiến thắng có tính sử thi trong các chiến dịch như: Chiến dịch Marathon (năm 490 TCN); Chiến dịch Salamis (năm 480 TCN), từ đó dập tắt sự uy hiếp của người Ba Tư, bảo vệ lý tưởng tự do dân chủ của Athens.



Pericles là một chính trị gia được người dân Athens vô cùng ái mộ.



Một chiến thuyền ba tầng do người Athens điêu khắc, được thực hiện vào khoảng năm 400 TCN. Có thể nhận thấy kỹ thuật đóng tàu của Hy Lạp vào giai đoạn này đã phát triển rất mạnh mẽ.

❖ TƯ TƯỞNG DÂN CHỦ VÀ CẢI CÁCH

Khoảng hơn 2.500 năm trước, Hy Lạp cổ đã bắt đầu đề xướng tư tưởng bình đẳng trong một xã hội tồn tại nhiều giai tầng khác nhau, tư tưởng này gắn liền với việc tiến hành cải cách chính trị dân chủ của họ lúc bấy giờ. Trong chừng mực nào đó, có thể nói sự hòa bình và phồn thịnh hàng trăm năm của Hy Lạp cổ là do họ đã có một thể chế chính trị dân chủ.



Một đồng tiền vàng được người Sparta phát hành để kỷ niệm việc họ đánh thắng thành bang Athens. Hình ảnh được khắc họa trên mặt đồng tiền là một cổ chiến xa với bốn ngựa kéo.

Nguyên nhân khiến Athens biến đổi theo hướng dân chủ mạnh mẽ

Là một trong hai thành bang lớn của Hy Lạp cổ đại, nhưng Sparta quá chú trọng đến việc phát triển quân sự mà không quan tâm đến kiến thiết các phương diện khác. Tương phản với Sparta là thành bang Athens, từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ 6 TCN đã tiến hành hàng loạt những cuộc cải cách chính trị, kinh tế và văn hóa phát triển nhanh chóng.

Vào thời kỳ đầu, Athens thực hiện chế độ thống trị quý tộc, đến thời đại Solon, xuất hiện một lực lượng chủ nô đông đảo, họ vốn xuất thân từ tầng lớp bình dân nhưng đã trở nên giàu có nhờ hoạt động công nghiệp và thương mại. Đến lúc này, mâu thuẫn giai cấp bắt đầu xuất hiện.

Đầu thế kỷ thứ 6 TCN, quan hệ giai cấp ở Athens đã trở nên hết sức căng thẳng, thậm chí tầng lớp bình dân do không thể chịu nổi sự áp bức bóc lột đã chuẩn bị lực lượng để tiến hành bạo động. Trước tình hình đó, tại Athens xuất hiện cuộc “Cách mạng So-lon”.

Cuộc cách mạng đã xóa sạch những khoản nợ' mà người bình dân phải gánh chịu, đồng thời cũng xóa bỏ vĩnh viễn chế độ nô lệ trả nợ. Dựa trên số lượng tài sản, xã hội Athens được chia thành 4 đẳng cấp, là tiêu chí để đánh giá và xác định quyền lợi chính trị của mỗi người. Ngoài ra, cuộc cách mạng còn có tác dụng hạn chế quyền lợi của quý tộc, nâng cao vai trò của công dân. Phương thức cải cách của Solon đã đặt nền tảng cho quá trình phát triển thể chế chính trị dân chủ của Athens trong giai đoạn lịch sử sau đó.



Solon, chính trị gia nổi tiếng của Athens.

Solon

Solon sinh ra trong một gia đình quý tộc, thời trẻ ông từng theo đuổi công việc kinh doanh và có dịp theo chân các đoàn thương thuyền đi đến nhiều nơi trên thế giới. Nhờ vậy, ông có sự hiểu biết rất sâu sắc về thương mại song phương, về lập trường chính trị, ông là người đi theo khuynh hướng chủ nô bình dân mới ra đời. Năm 549 TCN, ông được bầu làm quan chấp chính tối cao, mở đầu cho cuộc cải cách nền chính trị dân chủ tại Athens.

Năm 560 TCN, Pisistrathus dùng vũ lực cướp chính quyền Athens, thúc đẩy cuộc cải cách Solon tiến thêm một bước nữa. Ông dùng mọi biện pháp để nâng cao địa vị của người nông dân, bao gồm cả việc hỗ trợ kinh tế và giảm nhẹ sưu thuế. Dưới sự cai trị ôn hòa của ông, Athens được sống trong một thời kỳ chính trị hoàng kim.

Khoảng năm 508 TCN, Christini tiêu diệt chính quyền Athens, tiến hành cuộc cải cách lần thứ 3 dựa trên nền tảng hai cuộc cải cách trước đó và đạt được nhiều thành tựu to lớn. Đến năm 500 TCN, nền chính trị dân chủ Athens đã gặt hái được nhiều thành công to lớn, Athens cũng trở thành thành bang phồn thịnh nhất trong toàn cõi Hy Lạp cổ.

Quyền lực của công dân đại hội

Từ năm 461 đến 429 TCN, trong thời đại Pericles, chế độ dân chủ Athens đạt đến thời kỳ thịnh vượng nhất. Vào thời đó, đại hội công dân không chỉ có quyền phê chuẩn, phủ quyết các đề án của hội nghị quý tộc, mà còn thu tóm cả quyền lập pháp. Thời kỳ này, các tướng lĩnh quân sự do đại hội công dân tuyển chọn, nhiệm kỳ một năm và có thể được chọn lại không giới hạn. Tướng lĩnh không chỉ là đầu não của quân đội, mà còn là quan chức tư pháp và hành chính chủ yếu của quốc gia. Mặc dù họ có quyền lực rất lớn, nhưng lại không thể trở thành lực lượng chuyên quyền, bởi chính sách của họ đều phải chịu sự giám sát của đại hội công dân. Hơn nữa, sau khi hết nhiệm kỳ 1 năm, các tướng lĩnh rất dễ bị bãi chức, họ cũng có thể bị lên án vì không làm tròn nhiệm vụ.



Basileus, một trong những vị quan chấp chính của Hy Lạp cổ đại. Ông là người nắm quyền cai quản pháp viện, sắp xếp các nghi lễ tôn giáo, cho thuê đất đai của đền thờ, đồng thời còn là người tổ chức các buổi đại lễ và yến tiệc.

Nền chính trị dân chủ nhằm mục đích phục vụ cho giai cấp thống trị

Nền chính trị dân chủ đã tạo điều kiện để phát huy hết tính năng động chủ quan và trí tuệ của công dân Athens, khiến Athens trở thành một trường học, một tấm gương cho toàn cõi Hy Lạp cổ trên mọi phương diện chính trị, kinh tế và tư tưởng văn hóa, sản sinh hàng loạt chính trị gia, triết gia, kịch tác gia, sử gia, mỹ thuật gia v.v... lưu danh sử sách, có công hiến to lớn cho văn minh nhân loại.

Mặc dù chế độ chính trị dân chủ Athens là sự mở rộng dựa trên cơ sở chuyên chế quân chủ, chế độ quý tộc cầm đầu thống trị, nhưng chỉ mở rộng đến một bộ phận có quan hệ đồng bào huyết thống trong xã hội. Mục đích của nó là tập hợp công dân thành một lực lượng có đặc quyền trong nước và khống chế giai cấp thống trị của các nước phụ thuộc. Vì vậy, bên cạnh việc phát huy tác dụng lịch sử to lớn của mình, làm cho nền kinh tế, chính trị, văn hóa của Athens phát triển mạnh mẽ, chế độ chính trị dân chủ cũng bóp nghẹt khả năng phát triển tự do của một bộ phận công dân khác trong xã hội, đó là những người nô lệ sở tại và công dân ngoại bang. Nó còn tước bỏ quyền lợi tham gia chính trị của phụ nữ trong thành bang. Vì thế, nền chính trị dân chủ Athens vừa là một liều thuốc kích thích cho nền văn minh nhân loại, vừa là vực thẳm của nô dịch và tội ác. Nó là một viên ngọc vô giá trong kho tàng văn minh nhân loại, nhưng cũng gây nên nổi oán hận cho các nước phụ thuộc, dân tộc phụ thuộc, đây cũng chính là hạn chế lớn nhất của nền chính trị dân chủ Athens. Ngoài ra, nền chính trị dân chủ Athens là một chế độ dân chủ trực tiếp, khác với nền dân chủ tuân theo chế độ đại nghị trong thời cận đại và hiện đại, nó chỉ có thể được thực hiện trong một thành bang nhỏ bé, hơn nữa, chế độ dân chủ trực tiếp rất dễ sa vào vũng lầy của dân chủ cực đoan.

Sự huy hoàng của chế độ dân chủ

Trong thời đại Pericles, hệ thống tư pháp của Athens ngày càng hoàn thiện, không chỉ có một Tòa án tối cao do quan chấp chính phán quyết và nghe kháng cáo, mà còn hình thành một mạng lưới tòa án nhân dân để xử lý các vụ án khác nhau. Hàng năm, vào đầu năm, đều phải thông qua rút thăm để tuyển chọn khoảng 6.000 công dân từ khắp mọi nơi trong đất nước, những người này sẽ được tổ chức thành từng bồi thẩm đoàn với qui mô khác nhau, từ 201-1.001 người, để thụ lý các vụ án đặc biệt. Mỗi bồi thẩm đoàn được tổ chức thành một tòa án, có quyền thông qua đa số phiếu để quyết định từng vấn đề có liên quan đến vụ án. Mặc dù có một quan chấp chính đứng đầu tòa án, nhưng cũng không hề có một đặc quyền pháp quan (quan tòa) nào cả. Bản thân bồi thẩm đoàn chính là pháp quan, phán quyết của họ là bất di bất dịch không thể nào kháng cáo.



Đây là những miếng đồng đen dùng để tiến hành bỏ phiếu của đại hội công dân. ở giữa đặc ruột là dấu hiệu “vô tội”, ở giữa rỗng ruột là dấu hiệu “có tội”.



Trên các miếng gốm này có khắc tên hai người Athens là Aristides và Kermen. Cả hai vừa là chiến sĩ vừa là những chính trị gia có ảnh hưởng lớn. Họ từng bị trục xuất khỏi Athens, rồi sau đó lại được triệu về trong thời gian xảy ra chiến tranh.

❖ QUÂN ĐỘI MACEDONIA CÀN QUÉT CHÂU ÂU, CHÂU Á

Trong lịch sử tồn tại của mình, Macedonia từng chinh phục toàn cõi châu Âu rộng lớn, tạo nên một thời kỳ huy hoàng của Alexander Đại đế. Qua cuốn sách này, chúng ta có thể hình dung được cuộc chiến đẫm máu và sự giao thoa văn hóa lần đầu tiên giữa phương Đông và phương Tây lúc bấy giờ.

“Chúng ta hãy mang chiến tranh đến châu Á và mang tài sản về cho Hy Lạp!”.

Đó là lý tưởng vĩ đại của một nhà hùng biện nổi tiếng nhất Hy Lạp cổ đại, nhưng đáng tiếc, Hy Lạp cổ thời đó đã mất đi sức mạnh năm xưa và rơi vào thời kỳ thoái trào. Sau đó vài năm, quốc vương Macedonia là Alexander đã thống lĩnh quân đội lên đường chinh phục châu Á.

Con đường phát triển lớn mạnh của Macedonia thời kỳ đầu

Macedonia tiếp giáp biên giới Đông Bắc Hy Lạp cổ đại, phía Nam giáp Sali, miền Trung bị ngăn cách bởi dãy Olympia, phía Tây là Illyria, phía Đông giáp với Thrace. Dựa vào điều kiện địa lý tự nhiên, Macedonia chia thành hai phần rõ rệt: Thượng Macedonia nằm ở phía Tây với đất đai rộng lớn, núi non trùng điệp, rừng rậm bạt ngàn, thích hợp với ngành chăn nuôi. Đây là vùng cư trú chủ yếu của người Macedonia. Hạ Macedonia là vùng đồng bằng ven biển Aegean, thích hợp cho việc phát triển nông nghiệp.

Lịch sử Macedonia khá mơ hồ, với sự phát triển tương đối muộn và nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng của văn hóa Hy Lạp trong một thời gian rất dài. Hầu như không có một nhà sử học nào lấy đế quốc này làm đối tượng nghiên cứu và ghi chép lại. Căn cứ vào một số tài liệu hiện có, thời kỳ đầu Macedonia từng tồn tại một số liên minh bộ lạc độc lập. Các bộ lạc đều có Basileus của mình (người thống lĩnh về quân sự trong bộ lạc). Đến nửa sau thế kỷ thứ 6 TCN, một cuộc vận động thống nhất theo hình thức cải cách có thể đã diễn ra tại Macedonia, hình thành nhà nước thời kỳ đầu, xây dựng kinh đô tại Egea, thượng Macedonia. Chế độ quân chủ được áp dụng trên quốc gia non trẻ này, nhưng đại hội công dân vẫn có tác dụng nhất định. Trong cuộc chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư, Macedonia dựa vào Ba Tư và bị ép buộc gia nhập quân đội của nước này. Cuối thế kỷ thứ 5 TCN, Macedonia bắt đầu can thiệp vào công việc nội bộ của các nước lân cận, kinh đô được chuyển về Pella – hạ Macedonia.



Các mũi giáo của người Macedonia được chế tạo rất tinh xảo.



Bức tượng Alexander Đại đế, được tạc sau khi ông chết khoảng 200 năm.

Bước vào thế kỷ thứ 4 TCN, Macedonia xảy ra tranh chấp quyền lực nội bộ, đất nước bốn bề thọ địch, nguy cơ ở ngay trước mắt. Nhưng nguy cơ cũng là yếu tố then chốt của việc chuyển biến. Nhiếp chính vương lúc bấy giờ là Philip II đã dũng cảm đương đầu với khó khăn, từng bước loại bỏ những nguy cơ, sau đó ông đã phế truất ấu vương (Vua còn nhỏ), tự xưng quốc vương. Dưới sự lãnh đạo tài ba của ông, Macedonia nhanh chóng trở thành một quốc gia hùng mạnh.

Philip II tấn công Hy Lạp cổ

Sau khi chính thức trở thành người đứng đầu Macedonia, Philip II bắt đầu tiến hành một loạt cải cách về kinh tế, chính trị và quân sự.

Về chính trị, ông củng cố quyền lực, làm suy yếu chức năng của Quý tộc hội nghị và Công dân đại hội, biến các tổ chức này thành những công cụ chỉ biết phục tùng.

Về mặt kinh tế, ông tiến hành cuộc cải cách tiền tệ, xác lập tỉ giá hối đoái giữa vàng và bạc, thúc đẩy phát triển thương nghiệp.



Bức phù điêu kỵ binh cận vệ của Philip II, vô cùng oai phong hùng tráng.

Về quân sự, ông xây dựng một đội quân thường trực, chỉ biết trung thành theo mệnh lệnh của riêng ông, sáng tạo nên thể trận hình vuông (phương trận) có khả năng tấn công rất lợi hại trong các cuộc giáp chiến, hạt nhân của thể trận này là các kỵ binh được trang bị hết sức kỹ lưỡng. Lực lượng bộ binh được trang bị những ngọn giáo dài đến 6,3m. Tác dụng của bộ binh là đón đầu những cuộc tấn công của kẻ địch. Trong khi đó, kết quả của trận chiến phải phụ thuộc vào khả năng tấn công của đội kỵ binh dồn từ hai cánh vào. Philip II là người đầu tiên giao phó cho kỵ binh một vai trò trọng đại đến như vậy.

Năm 355 TCN, miền Trung Hy Lạp cổ xảy ra những cuộc hỗn chiến giữa các thành bang. Trong tình thế khó khăn về kinh tế, Fucis đã ra lệnh cướp phá đền thờ Apollo tại thánh địa Terpher. Philip II đã nhân cơ hội này đưa quân tiến về phương Nam, khống chế khu vực phía bắc của miền Trung Hy Lạp cổ, sự hùng mạnh của Macedonia khiến cho một số thành bang có quan hệ lợi ích với Hy Lạp cổ cảm thấy bị đe dọa. Athens liên thông với khu vực miền Tây, hình thành một liên minh quân sự chống lại Macedonia, nhất thời khiến cho mưu đồ bành trướng của Philip II khó trở thành hiện thực. Sau đó, dưới sự lãnh đạo của chính trị gia Demoshitini chống lại Macedonia, Athens trở thành lực lượng ngoan cường nhất trong cuộc chiến chống lại sự xâm lăng của Macedonia, nhưng cũng có một số người Athens muốn mượn bàn tay Philip II để dẹp tan sự hỗn loạn giữa các thành bang, đẩy ngọn lửa chiến tranh về phía quân đội Ba Tư. Tiêu biểu cho cách nhìn này là nhà hùng biện Socrates, ông từng nhiều lần gửi thư cho Philip II, tác động rất lớn đối với tư tưởng của vị hoàng đế này. Tuy nhiên, tư tưởng chủ đạo trong chính sách của Athens vẫn là kháng chiến.



Lăng mộ quốc vương Macedonia – Philip II.

Mùa hè năm 338 TCN, một cuộc quyết chiến giữa quân đội Macedonia với phe liên quân (lực lượng nòng cốt là quân đội Athens và quân đội Thebes) đã diễn ra tại Cronia, thất bại cuối cùng thuộc về phe liên quân. Sau cuộc chiến, các thành bang của Hy Lạp cổ buộc phải thừa nhận địa vị thống trị của Macedonia, chỉ có Sparta vẫn giữ tôn nghiêm của mình, từ chối tham gia Hội nghị hòa hợp Hy Lạp cổ do Macedonia chủ trì tại Corinth. Đại hội Corinth đã thỏa mãn được yêu cầu của đa số chủ nô, xác lập trật tự thông trị của Macedonia, giữa các thành bang không được sát phạt lẫn nhau. Trong nội bộ từng thành bang, không được phân chia lại đất đai, không được tích tụ tài sản của những người giàu có, xóa bỏ nợ nần, không cho phép giải phóng nô lệ vì mục đích chính trị. Sau Hội nghị, quân đội Macedonia tiếp tục đồn trú tại các khu vực chiến lược của Hy Lạp cổ, để duy trì quyền thống trị của mình.



Quan tài bằng vàng của Philip II, bên trong đặt hài cốt của ông, mặc dù có niên đại rất xa xưa, những vẫn hiện rõ sự hùng tráng.

Alexander Đại đế chinh phạt phương đông, thực hiện giấc mơ bá chủ thế giới

Năm 1879, có ba thương nhân từ vùng đất Buhadra (nay là AlgElea) xa xôi tìm đến một ngôi chợ tại Afghanistan và đã vô tình tìm được một đồng bạc có khắc niên đại rõ ràng. Với kinh nghiệm buôn bán của mình, ba thương nhân quả quyết đây chính là một trong những đồng tiền quý giá mà Alexander Đại đế đã đánh rơi tại vùng đất thâm sơn hẻo lánh Afghanistan. Sau đó, tại một thôn làng thuộc Afghanistan, họ lại tiếp tục khai quật được những đồng tiền bằng vàng, bạc và đồng trị giá hàng trăm triệu đô la. Những phát hiện này đủ để chứng minh dấu tích về Alexander và đội quân viễn chinh của ông vài nghìn năm trước đây.

Năm 336 TCN, Philip II bị ám sát, ngôi vị Hoàng đế được trao lại cho con trai ông là Alexander. Vị hoàng đế trẻ tuổi mới lên ngôi này đã thẳng tay đàn áp phong trào kháng Macedonia của người Hy Lạp cổ. Vùng đất khởi nghĩa Thebes bị tiêu diệt, dân chúng bị bán làm nô lệ bị giết, hoặc lưu đầy khổ sai, đất đai bị chia cắt và sát nhập vào các thành bang khác. Các thế lực chống đối trong nước cũng bị đàn áp khốc liệt và tiêu diệt không thương tiếc. Giữa một vùng đất Hy Lạp ngập tràn đau thương và chết chóc, Alexander đã khôi phục lại quyền thống trị tuyệt đối của mình. Không chỉ dừng lại ở đó, đến năm 335 TCN, ông đã thành lập một đội quân viễn chinh gồm 30.000 bộ binh, 5.000 kỵ binh tinh nhuệ, đầu năm 334 TCN vượt qua eo biển Hellespont, bắt đầu cuộc chinh phạt phương Đông đầu tiên trong lịch sử.

Vào thời kỳ này, Ba Tư đang nằm dưới sự thống trị của Darius III, nội chính suy đồi, nguy cơ rình rập từ bốn phía. Quân đội Macedonia và Ba Tư đã đụng độ trận đầu tiên trên bờ sông Granikus, thuộc vùng Tiểu Á, với chiến thắng thuộc về quân đội Macedonia. Sau chiến thắng mở màn đó, Macedonia nhanh chóng đánh chiếm toàn bộ khu vực bán đảo Tiểu Á. Năm 333 TCN, Alexander xuất quân đánh bại hơn 10 vạn quân Ba Tư do đích thân Darius III thống lĩnh trong trận đại chiến diễn ra tại khu vực đồng bằng Ezop của Syria, mẹ, vợ và hai người con gái của Darius bị bắt làm tù binh. Tiếp theo đó, Alexander đánh bại Phoenicia và Pakistan, chiếm lĩnh thượng Ai Cập, hạ Ai Cập mà không hao tổn một viên tướng nào.

Mùa xuân năm 331 TCN, Alexander đại đế đưa quân xâm nhập vào phía bắc lưu vực Lương hà. Tháng 10 năm đó, một cuộc quyết chiến với hơn 100 vạn quân Ba Tư diễn ra tại Gaugamela. Trong khi giao chiến Darius III phải bỏ trận tháo chạy, quân đội Ba Tư tan vỡ hoàn toàn, kể từ đó, Ba Tư không còn đủ sức kháng cự, Macedonia nhanh chóng đánh chiếm kinh thành Babylon và Susa, thu được vô số chiến lợi phẩm. Năm 330 TCN, Alexander Đại đế chiếm lĩnh Spolis, vơ vét rất nhiều của cải và đốt phá cả Hoàng cung để báo thù. Đế quốc Ba Tư bị diệt vong từ đó. Không lâu sau, Alexander Đại đế lại ven theo bờ biển tiến xuống phương Đông, quyết tâm truy đuổi Darius III đến cùng. Khi tới Arsacid, Darius III bị bộ hạ của mình giết chết. Nhưng không vì thế mà Alexander dừng lại, năm 329 TCN, ông đưa quân vượt qua ngọn núi Hindukhush tới thẳng khu vực Trung Á.

Năm 327 TCN, Alexander bị sự giàu có của Ấn Độ thu hút, ông đưa quân băng qua Khyber Pass, xâm nhập vào khu vực giữa thượng lưu sông Ấn và Lương hà, âm mưu đánh tới “thâm sơn cùng cốc”. Trên con đường chinh chiến ấy, đã bắt đầu nảy sinh xung đột giữa một Alexander Đại đế luôn khát vọng chinh phục và các binh sĩ với tâm trạng nhớ nhà và ghét chiến tranh. Alexander bị thúc ép phải men theo sông Ấn đi xuống phía Nam rồi trở về Babylon. Đầu năm 324 TCN, Alexander về đến Susa, một trong 4 kinh đô trước đây của đế quốc Ba Tư, chấm dứt 10 năm chinh phạt phương Đông. Năm 323 TCN, sau khi Alexander ca khúc khải hoàn với chiến tích huy hoàng, đang trù bị kế hoạch cải tạo các vùng đất mới chinh phục được thì một cơn bạo bệnh ập đến cướp đi sinh mạng của ông. Đế quốc rộng lớn do ông gây dựng cũng tan rã theo. Một cuộc đấu tranh giành quyền kế vị đã diễn ra liên tục trong suốt 20 năm sau đó.



Đây là bức tranh được phát hiện tại cổ thành Lonbe của Ý, miêu tả hình tượng Alexander đại đế cưỡi trên lưng ngựa trong chiến dịch Ezop.



Bức phù điêu trong hoàng cung Persepolis của đế quốc Ba Tư, miêu tả tình hình cống nạp phẩm vật.

Kho báu của Alexander Đại đế

Đội quân viễn chinh do Alexander thống lĩnh đã chiếm lĩnh gần như toàn bộ đất đai mà người châu Âu thời đó biết đến. Tại Afghanistan, sau một chiến thắng khiến cho kẻ địch phải kinh ngạc, Alexander đã đích thân giám sát việc đúc một số lượng lớn tiền vàng và bạc, chuẩn bị dùng nó để ban thưởng cho các thuộc hạ dũng cảm của mình. Nhưng sau khi ông chết, số tài sản này đã bí mật biến mất giữa núi non trùng điệp của Afghanistan.



Hình ảnh một dũng sĩ quý tộc Ba Tư trong bộ trang phục hết sức lộng lẫy. Đây là bức bích họa được tìm thấy trong hoàng cung Susa của đế quốc Ba Tư.

Thù trong giặc ngoài đi tới diệt vong

Thành trì đổ nát, chiến thuyền chìm đắm, quân đội tiêu hao là những chứng cứ về con đường đi đến diệt vong của Hy Lạp cổ đại.

Kể từ năm 323 TCN sau cái chết của Alexander đến năm 30 TCN – vương triều Ptolemy của La Mã đặt quyền thống trị của mình lên toàn lãnh thổ Ai Cập, lịch sử của giai đoạn này được gọi là thời kỳ “cổ Hy Lạp hóa”.

Ngay sau cái chết của Alexander, đế quốc rộng lớn do ông xây dựng rơi vào tình trạng phân hóa. Từ nửa sau thế kỷ thứ 3 TCN, một loạt quốc gia cổ Hy Lạp hóa liên tục hình thành, trong đó quốc gia tương đối quan trọng là vương triều Ptolemy với Ai Cập là trung tâm, vương quốc cổ Grand-Cuban với trung tâm là Syria và vương quốc Macedonia với trung tâm là Macedo.

Năm 277 TCN, Antioch Gonnat thành lập vương triều Antioch, toàn bộ lãnh thổ của Macedonia và các thành bang Hy Lạp cổ đều nằm dưới quyền thống trị của ông ta. Miền Nam Hy Lạp luôn tồn tại một lực lượng chống lại Macedonia, trong đó hai đồng minh là Aetolian và Achaea phát huy tác dụng quan trọng nhất. Khi đế quốc La Mã mở rộng lãnh thổ về phía Đông Địa Trung Hải, ông đã lợi dụng sự mâu thuẫn giữa các thành bang, xúi giục họ tấn công lẫn nhau. Kết quả các thành bang đều rơi vào tình trạng kiệt quệ.



Tượng bán thân vua Ptolemy III. Sau khi đế quốc Macedonia bị phân hóa, hậu thế của các bộ tướng của Alexander dần dần thống trị toàn bộ Hy Lạp cổ.



Trâm cài tóc bằng vàng do người Italy sản xuất trong thời kỳ cổ Hy Lạp hóa – thế kỷ 3 TCN.

Sau cuộc viễn chinh của Alexander, hiện tượng thôn tính lãnh thổ trong thành bang Hy Lạp cổ ngày càng nghiêm trọng, sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội ngày càng mạnh khiến cho nền kinh tế của các thành bang ngày càng suy thoái. Nửa sau thế kỷ thứ 3 TCN, thành bang Sparta đã thử tiến hành một cuộc cải cách xã hội, nhưng cuối cùng hoàn toàn thất bại bởi vô số trở ngại. Cũng trong thời điểm này, Đế quốc La Mã bắt đầu trỗi dậy, đã tiến hành cuộc xâm lược bán đảo Balkan, cho thấy đây là một thế lực không thể ngăn cản. Năm 168 TCN, toàn bộ biên giới Hy Lạp cổ nằm dưới sự thống trị của La Mã. Từ đó về sau, vương quốc cổ Grand-Cuban cũng dần dần bị đế quốc La Mã thôn tính, mãi đến năm 30 TCN, vương quốc Hy Lạp hóa cuối cùng là Ptolemy bị người La Mã tiêu diệt, chấm dứt lịch sử Hy Lạp cổ đại.

Hy Lạp hóa văn hóa

Về mặt khách quan, cuộc viễn chinh của Alexander đã thúc đẩy sự giao lưu văn hóa Đông Tây. Trong một lễ cưới vô cùng long trọng được tổ chức tại Susa, Alexander Đại đế thành hôn với Sitatila – con gái của Quốc vương Ba Tư Darius III, nhiều tướng lĩnh của Macedonia cũng cưới con gái các gia đình quý tộc Ba Tư. Tính ra, buổi tiệc cưới ấy có hơn 10 ngàn người tham dự. Trong hôn lễ, Alexander đã trình trọng tuyên bố, người Macedonia kết hôn với phụ nữ châu Á sẽ được hưởng quyền lợi miễn thuế. Ông còn đích thân ban tặng cho các đôi tân lang tân nương rất nhiều lễ vật để bày tỏ sự khích lệ. Alexander còn tuyển chọn 30.000 thanh niên Ba Tư, cho họ học tập ngôn ngữ Hy Lạp cổ và binh pháp Macedonia. Kể từ sau thời thống trị của Alexander, văn hóa Hy Lạp không ngừng được truyền bá sang phương Đông. Các nhà sử học gọi đó là hiện tượng cổ Hy Lạp hóa, khoảng thời gian từ sau Alexander qua đời cho đến khi Ai Cập bị người La Mã chinh phục (năm 323 TCN – năm 3 TCN) được gọi là thời đại cổ Hy Lạp hóa.

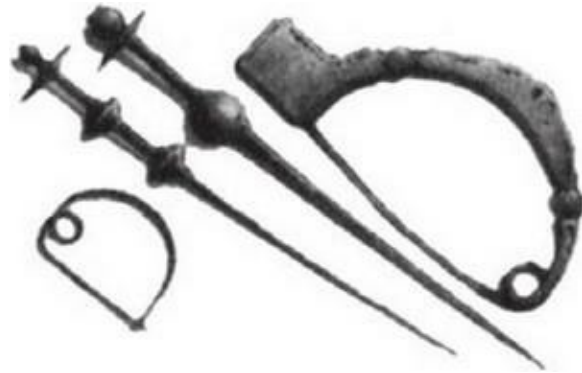


Khung cảnh thành bang Sparta trong thời kỳ hoàng kim.

Chương 2 **THỜI ĐẠI CỦA NHỮNG ÁNG SỬ THI BẤT HỦ VÀ NHỮNG CÂU CHUYỆN** **THÂN THOẠI HUYỀN BÍ**

800 năm trước khi xuất hiện nền văn minh Hy Lạp cổ đại, trên vùng biển Aegean đã hình thành hai nền văn minh rực rỡ là Crete và Mycenae. Khoảng năm 1200 TCN, cuộc xâm lược của người Dorian đã tiêu diệt toàn bộ nền văn minh Mycenae, lịch sử Hy Lạp cổ bước vào “thời kỳ tăm tối”. Bởi vì những hiểu biết về thời kỳ này chỉ chủ yếu tìm được trong “Sử thi Homer”, nên nó còn được gọi là “Thời đại Homer”. Di sản tinh thần của Hy Lạp cổ đương thời vô cùng phong phú, đã để lại rất nhiều tác phẩm đặc sắc.

Mọi người đều biết “Iliad” và “Odyssey” là hai bộ sử thi bất hủ, đến nay vẫn chứa đựng những giá trị văn học vô cùng lớn, trở thành những tài liệu quý báu trong nghiên cứu văn học của cả thế giới. Tương truyền, tác giả của hai bộ sử thi này là Homer, sống vào khoảng thế kỷ thứ 8 TCN. Các công trình nghiên cứu gần đây cho thấy, đây chỉ là cách nói của người Hy Lạp cổ, còn tác giả của hai bộ sử thi nổi tiếng này có thể là một người khác, hiện nay vẫn chưa thể khẳng định người viết bộ sử thi có tên là Homer này là một nhân vật khác hay một tập thể. Một bài thơ cổ được lưu truyền từ thế kỷ thứ 7 hoặc 6 TCN, đã từng được ghi lại như sau: “Homer là một người mù sống trên đảo Chaos (một đảo nằm trong vùng biển Aegean)”. Nhưng không ai có thể khẳng định được giá trị của thông tin này, vì vậy gần 3.000 năm qua, nó luôn chịu sự hoài nghi của các nhà nghiên cứu.



Những chiếc kim băng cài trên trang phục của người Hy Lạp cổ trong “Thời đại đen tối”. Chúng ta vẫn còn hiểu biết rất ít về thời kỳ này, phần lớn chỉ được biết đến qua sự lưu truyền của “Sử thi Homer”.



Một bức tượng bằng gốm, miêu tả một người đang cưỡi ngựa, ước đoán có niên đại vào khoảng 600 năm TCN. Tuy tạo hình thô kệch, kém tinh tế, nhưng nó lại thể hiện một sức tưởng tượng hết sức phong phú.

Dù tác giả của hai bộ sử thi này là ai, nhưng chỉ với giá trị ảnh hưởng của chúng đối với hậu thế, cũng đáng để cho chúng ta nghiên cứu về “Thời đại Homer” huy hoàng của Hy Lạp cổ.

❖ NHỮNG KÝ HIỆU VĂN TỰ BÍ ẨN TRONG ĐỒNG PHẪ TÍCH

Vào ngày 5 tháng 11 năm 2005, trong số các di vật được khai quật trong một ngôi giáo đường cổ của Israel, các nhà khảo cổ đã phát hiện được một bức tranh khảm, trên có những dòng chữ Hy Lạp cổ, vài bức bích họa ngư văn và một tế đàn. Bức tranh khảm ấy nằm trên nền di chỉ giáo đường, một số chữ trong đó có đề cập đến chúa Giê-su. Các nhà khảo cổ xác nhận, những dòng chữ này đã xuất hiện từ thời đại Homer. Những dòng chữ cổ này đã dẫn đường cho chúng ta đến với Hy Lạp cổ đại và nền văn minh thời đại Homer.

Ngôn ngữ và chữ viết – yếu tố Hy Lạp cổ phát triển toàn diện

Khoảng năm 2000 TCN, người Aeolians, Akaya, Ionic và Dorian lần lượt xâm nhập vùng đất Hy Lạp cổ, rồi mở rộng sự bành trướng lên các đảo trong khu vực biển Aegean và khu vực bờ Tây Tiểu Á. Thông qua quan hệ tương hỗ đã hình thành nên người Hy Lạp cổ thời kỳ đầu. Ban đầu, họ mượn loại chữ tượng hình của Ai Cập, chữ hình nêm của người Babylon và chữ biểu âm của người Phoenicia. Đến khoảng thế kỷ thứ 9-8 TCN, họ bắt đầu sáng tạo nên loại chữ ký âm Hy Lạp cổ. Mặc dù vào thế kỷ thứ 4 và thế kỷ 2 TCN, người Macedonia và người La Mã từng lần lượt chinh phục Hy Lạp cổ. Nhưng về mặt văn hóa, Hy Lạp cổ mới chính là quốc gia đã chinh phục được họ. Hiện nay, phần lớn các dân tộc châu Âu sử dụng chữ La tinh, đó là một loại chữ được người La Mã sáng tạo dựa trên chữ viết của người Hy Lạp.



Những hàng chữ Hy Lạp cổ đại được khắc trên bình gốm.

Văn hóa ngôn ngữ độc đáo của Hy Lạp cổ là một nhân tố quan trọng trong việc hình thành chủ nghĩa lý tính của người Hy Lạp cổ. Người Hy Lạp chính là dân tộc đầu tiên trên thế giới đã tiến hành nghiên cứu các hiện tượng ngữ pháp. Sau thế kỷ thứ 10 TCN, trên cơ sở chữ thiếm ngữ (biểu ý), người Hy Lạp cổ đã tiến hành một cuộc cải cách, sáng tạo ra loại chữ theo dạng mẫu tự âm vị đầu tiên, đồng thời còn thay đổi cách viết từ phải sang trái của thiếm ngữ thành cách viết từ trái sang phải như ngày nay chúng ta vẫn sử dụng. Khoảng năm 775 TCN, người Hy Lạp lại cải cách loại chữ tượng hình mà họ đã sử dụng đổi thành loại mẫu tự ký âm (hay còn gọi là ghép âm) của người Phoenicia, tạo nên hệ thống chữ viết và ngôn ngữ Hy Lạp cổ đại. Trên nền tảng này, các nhà lý luận bắt đầu tiến hành “lập pháp” cho ngôn ngữ – tức nghiên cứu về mặt ngữ pháp của nó. Heraclitus đã chỉ ra rằng: “Nếu muốn nói chuyện một cách có lý trí, thì cần phải trang bị thứ công cụ mà mọi người đều có này (ngôn ngữ), giống như các thành bang phải được trang bị bằng pháp luật, hơn nữa cần được trang bị thật kiên cố”. Các lĩnh vực triết học, pháp luật, logic học cổ đại của Hy Lạp có mối quan hệ mật thiết với ngôn ngữ và chữ viết Hy Lạp.



Những dòng chữ được ghi chép trên một phiến đất nung của Hy Lạp cổ, thuật lại tình hình xã hội đương thời.

Quan điểm lý luận của nhiều trường phái triết học khác nhau thường liên quan đến nhận thức đối với ngôn ngữ. Những cuộc luận chiến trong pháp học, những chế định trong văn bản pháp luật... đều liên quan đến biểu đạt tu từ với sự chính xác của ngôn ngữ. Mối quan hệ giữa logic học và ngôn ngữ học, đặc biệt là với ngữ pháp học lại càng mật thiết. Ngôn ngữ là hình thái vật chất và công cụ của tư duy. Tư duy phải thông qua ngôn ngữ mới có thể biểu đạt ra ngoài, tư duy có phù hợp với logic hay không chính là vấn đề trọng yếu trong việc biểu đạt của

ngôn ngữ. Các nhà ngôn ngữ học cần phải lợi dụng các thuật ngữ và phương pháp của logic học để nghiên cứu kết cấu nội tại của ngôn ngữ. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu logic học cũng luôn luôn liên quan đến vấn đề ngôn ngữ.

Ngôn ngữ Hy Lạp cổ đại – một loại ngôn ngữ phức tạp và đa biến

Ngôn ngữ Hy Lạp cổ có kết cấu rất phức tạp, đặc biệt động từ lại càng biến đổi khôn lường. Nó có sự biến đổi theo nhân xưng, theo thời thái và theo thể thức, đặc biệt là sự biến đổi từ “phụ hệ động từ”, có rất nhiều ý nghĩa ngôn ngữ, biểu hiện nhiều quan hệ ngữ pháp khác nhau. Chính hiện tượng ngôn ngữ kỳ lạ này đã thu hút sự chú ý của các nhà lý luận, trở thành đối tượng xem xét và nghiên cứu của các bậc trí giả.



Một bìa sách có khắc kiểu chữ hình thon dài được tìm thấy tại thành lũy Pylos.

Sự xuất hiện của quá nhiều từ đa nghĩa trong ngôn ngữ Hy Lạp cổ đã tạo nên sự khác biệt về nghĩa trong tư duy ngôn ngữ, dẫn đến một hiện tượng rất đặc biệt trong lịch sử văn hóa ngôn ngữ của Hy Lạp cổ đại, đó chính là cuộc “chiến tranh về quan niệm”. Đúng như những gì nhà khoa học, triết học Popper đã chỉ ra: “Chiến tranh về quan niệm là một phát minh của người Hy Lạp cổ đại, nó đã từng giữ vai trò như một phát minh quan trọng. Trên thực tế, tính khả thi của việc sử dụng ngôn ngữ để đấu tranh thay thế cho đấu tranh bằng đao kiếm (đôi thoại thay cho đối đầu) vẫn là yếu tố nền tảng trong thời đại văn minh. Đặc biệt, nó là cơ sở cho tất cả nền lập pháp và cơ cấu nghị viện của thời đại chúng ta”.

Chữ hình thon dài trong di chỉ hoàng cung

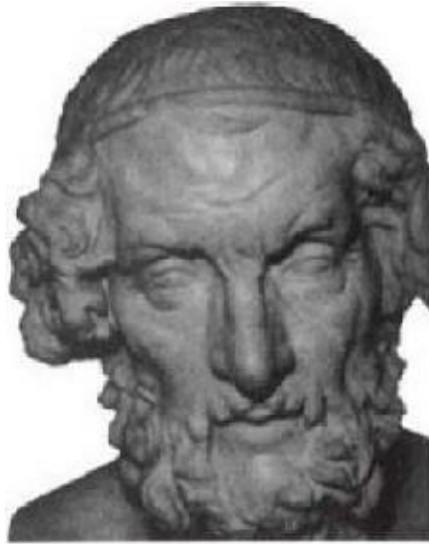
Tháng 3 năm 1900, khi tiến hành công việc khai quật trên vùng đất Knossos của đảo Crete, nhà khảo cổ học người Anh Arthur Evans đã phát hiện được di chỉ của một cung điện có quy mô rất lớn. Tại khu di chỉ này, các nhà khảo cổ đã tìm được khá nhiều văn kiện được ghi bằng một kiểu chữ hình thon dài. Chữ hình thon dài là một loại văn tự độc đáo được các cư dân trên đảo Crete sử dụng từ thời viễn cổ, khác biệt hoàn toàn với những hệ thống văn tự trên thế giới. Mặc dù đã có rất nhiều nhà khoa học, ngôn ngữ học lừng danh trên thế giới miệt mài nghiên cứu, nhưng đến nay vẫn chưa có một ai giải mã thành công loại văn tự này. Có thể một ngày nào đó trong tương lai, khi loại văn tự hình thon dài này được giải mã thành công, bí mật của Hoàng cung Minos sẽ được giải đáp hoàn toàn.



Chữ tượng hình, một loại ký hiệu kỳ lạ vẫn đang thử thách trí tuệ và lòng kiên nhẫn của các nhà khoa học trên toàn thế giới.

❖ AI LÀ TÁC GIẢ CỦA “SỬ THI HOMER”?

Khi đang lặn sâu bên dưới khu vực phía Đông biển Địa Trung Hải để truy tìm dấu tích một chiếc tàu ngầm của Israel, các nhà thám hiểm đã vô tình phát hiện được một xác tàu của Hy Lạp cổ bị chìm cách đây hơn 2.300 năm, chứng minh cho những lần vượt biển bằng thuyền chèo tay của người Hy Lạp cổ đã được miêu tả trong sử thi “Odyssey”.

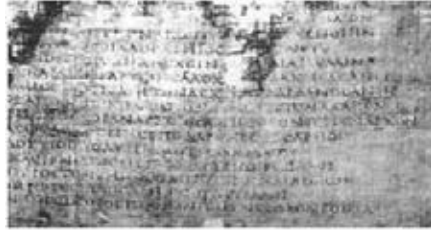


Tượng nhà thơ Homer được người La Mã phục chế dựa trên nguyên tác ban đầu.

Các nhà khoa học thuộc Sở nghiên cứu khảo cổ đáy biển thuộc đại học Texas của Mỹ đã tìm thấy xác con tàu của người Hy Lạp cổ vừa nêu ở trên tại một vị trí cách Sepules 20 hải lý, ở độ sâu 3 km. Trên thuyền vẫn còn những vò rượu nho được các thủy thủ Hy Lạp mang theo. Phát hiện này không chỉ chứng minh cho những cuộc vượt biển của người Hy Lạp cổ đại mà còn góp phần vào việc khẳng định giá trị chân thật của những sự kiện được miêu tả trong sử thi Homer.

❖ “SỬ THI HOMER” CÓ THẬT LÀ DO HOMER VIẾT?

Chúng ta đều biết “Iliad” và “Odyssey” là hai bộ sử thi bất hủ của nhân loại, đến nay vẫn chứa đựng những giá trị văn học hết sức to lớn. Tương truyền, tác giả của hai bộ sử thi này là Homer, khoảng thế kỷ thứ 8 TCN. Các công trình nghiên cứu hiện nay cho thấy, đây chỉ là một cách nói của người Hy Lạp cổ, còn tác giả của hai bộ sử thi nổi tiếng này có thể là một người khác. Hiện nay vẫn chưa ai có thể khẳng định hai bộ sử thi này là do một nhà thơ độc lập viết, cũng không thể khẳng định “Homer” là một cá nhân hay là tên gọi của một tập thể.



Một mảnh giấy cũ nát có ghi nội dung của bộ sử thi “Iliad”.

Một bài thơ cổ lưu truyền lại từ thế kỷ thứ 7 TCN (hoặc thế kỷ 6 TCN) đã ghi lại như sau: “Homer là một người mù sông trên đảo Chaos (một đảo nằm trong vùng biển Aegean)”. Nhưng chưa có ai khảo chứng được giá trị của thông tin này, vì vậy gần 3.000 năm qua, nó luôn chịu sự hoài nghi của giới nghiên cứu văn học.

Nội dung của hai bộ sử thi không phải được giữ nguyên từ lúc ra đời cho đến ngày hôm nay, mà nó đã được các thi nhân thế hệ sau bổ sung. Mặc dù có hiện tượng sao chép trong hai bộ sử thi này, nhưng nó vẫn thể hiện phong cách tương đồng, đủ để chứng minh mỗi một thời kỳ đều được biên tập lại. Nhưng lực lượng biên tập này ở đâu? Là cá nhân hay tập thể? Tại sao không tìm thấy những ghi chép gì khác? Có lẽ, những nghi vấn này vẫn còn là một thách thức lâu dài đối với giới nghiên cứu, nhưng giá trị tinh thần mà hai bộ sử thi này mang lại cho nhân loại là vô cùng to lớn. Đó thực sự là những viên ngọc quý trong kho tàng nghệ thuật của nhân loại.



Quái vật nhân mã được miêu tả trong “Sử thi Homer”.

Rốt cuộc ai là tác giả của hai bộ sử thi “Iliad” và “Odyssey”? Các nhà văn thời cổ đại như Herodotus, Thucydides, Platon và Aristotle, đều khẳng định đây là hai tác phẩm của nhà thơ Homer. Ngoài hai tác phẩm ấy còn có rất nhiều bộ sử thi khác đã mất tích cũng được nhìn nhận là của nhà thơ mù này, nhưng là do thế hệ sau mô phỏng lại. Có một tập thơ trào phúng đã thất truyền và một bộ sử thi “Cuộc chiến giữa chuột và ếch” hiện vẫn còn lưu lại. Tương truyền đây là những sáng tác của Homer, nhưng về sau đã được chứng minh đây là một tác phẩm bất chước, xuất hiện vào thế kỷ thứ IV SCN. Theo truyền thuyết, có một số tác phẩm tụng

ca dâng hiến cho thần linh cũng do Homer viết. Trên thực tế, đây chỉ là trích dẫn trong sử thi cổ đại, còn bản thân nó được viết vào khoảng thời gian khá muộn sau này.



Mảnh giấy cũ nát của tác phẩm Odyssey, một trong hai bộ sử thi lừng danh nhất của Hy Lạp cổ.

Những tranh luận về nhà thơ mù Homer

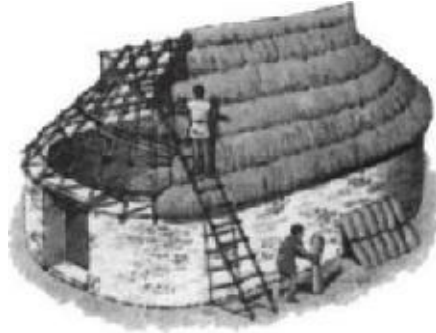
Có rất nhiều cách nhìn và đánh giá khác nhau về thời đại của nhà thơ Homer. Thời cổ đại từng có tập “Homer truyện” được lưu truyền lại, nhưng đó chỉ là những ghi chép dựa trên truyền thuyết, nên không thể xem là sử liệu đáng tin cậy. Những ghi chép có liên quan đến nhà thơ Homer sớm nhất được tìm thấy trong tập thơ trào phúng của Kesnopheny ở thế kỷ thứ 6 TCN. Nhưng theo ghi chép của một nhà địa phương chí (ghi chép về địa phương) người Hy Lạp cổ đại là Pausanias, trong một bài thơ của thi nhân Callinuss (vào đầu thế kỷ thứ 7 TCN) đã có những ghi chép về nhà thơ Homer. Như vậy, danh từ Homer có lẽ đã được đông đảo mọi người biết đến từ thế kỷ thứ 8 hoặc 7 TCN. Nhà sử học của Hy Lạp cổ đại là Tainper cho rằng nhà thơ Homer sinh vào năm 686 TCN. Một truyền thuyết cổ đại khác lại nói nhà thơ Homer sinh vào năm 1159 TCN, tức là vào thế kỷ thứ 12 TCN. Có thể vào thời cổ đại đã từng xuất hiện một nhà thơ tên là Homer, nhưng niên đại ở vào thế kỷ 10 đến thế kỷ thứ 8 TCN là cùng. Căn cứ vào ngôn ngữ và nội dung miêu tả trong tác phẩm, hiện nay các nhà nghiên cứu phương Tây đều công nhận nhà thơ Homer có nhiều khả năng đã sống vào khoảng thế kỷ thứ 9-8 TCN.



Theo ghi chép trong sử thi, vào thời kỳ Cổ Phong, lúa dại mạch là nguồn lương thực thiết yếu của Hy Lạp cổ đại.

ILIAD và ODYSSEY – Hai bộ sử thi nổi tiếng và được lưu truyền mãi mãi

Cả hai bộ sử thi này đều có độ dài trên 10.000 dòng. Chính xác thì Iliad có 15.963 dòng, Odyssey có 12.110 dòng, mỗi bộ được phân thành 24 quyển. Ban đầu, hai bộ sử thi này chỉ được lưu truyền trong dân gian bằng hình thức truyền miệng, các nhà du ca Hy Lạp cổ đi khắp nơi và hát lên một vài đoạn nào đó trong tác phẩm mà mình đã thuộc (không thể loại trừ yếu tố thêm thắt vào trong tác phẩm của các nghệ nhân du ca này). Homer cũng chính là một nghệ nhân du ca như vậy và có lẽ chính ông là người đã biên tập lại hai bộ sử thi. Từ trước thế kỷ thứ 6 TCN, hai tác phẩm này không hề được ghi chép lại. Theo ghi chép của nhà văn lừng danh người La Mã là Cicero, vào giữa thế kỷ thứ 6 TCN, theo lệnh của quan chấp chính Athens lúc bấy giờ là Pisterato, các học giả từng phải biên tập tác phẩm “Sử thi Homer”. Cũng có một số học giả cổ đại cho rằng công việc ấy được thực hiện dưới thời của quan chấp chính Hipparkos, tức con trai của quan chấp chính Pisterato. Bắt đầu từ thế kỷ thứ 5 TCN, cứ 4 năm Athens lại tổ chức một đại lễ quốc gia, và một tiết mục văn nghệ không thể thiếu trong buổi đại lễ đó chính là ngâm ca “sử thi Homer”. Kể từ khi được đưa vào định chế, nội dung và hình thức của sử thi cũng được cố định lại. Tuy nhiên với một nội dung khổng lồ như sử thi Homer, khó tránh khỏi sự khác biệt giữa các nghệ nhân trong khi diễn xướng.



Những ngôi nhà tranh trong “Thời kỳ tăm tối”, nơi cư trú chủ yếu của cư dân trong thời kỳ này.

Trong tình trạng đó, sự khác biệt của các bản sao chép là điều hoàn toàn có thể lý giải được. Còn chuyện có hay không một nhà thơ Homer? Hai bộ sử thi có phải của cùng một tác giả? Đó vẫn còn là một vấn đề được các học giả phương Tây nghiên cứu trong suốt hơn 200 năm qua, nhưng vẫn chưa thể đi đến một sự thống nhất. Có người cho rằng nội dung được miêu tả trong hai bộ sử thi có một số điểm bất đồng, nhưng cũng có người cho rằng, xét về mặt phong cách thì điểm tương đồng lớn hơn rất nhiều so với điểm dị biệt. Hiện nay, hầu hết các học giả phương Tây đều công nhận hai bộ sử thi này là tác phẩm của nhà thơ Homer, và không có gì để nghi ngờ về tính chân thật của nhà thơ Homer. Đương nhiên Homer cũng chỉ là người có công biên tập lại hai bộ sách này dựa trên những câu chuyện đã được lưu truyền rất rộng rãi trong dân gian. Tài liệu nguyên thủy của nó chính là những truyền thuyết, thần thoại và những câu chuyện mang tính chất anh hùng ca được tích lũy và lưu truyền rất nhiều thế kỷ tại Hy Lạp. Tác phẩm đã bảo tồn được những điểm đặc sắc của nền văn hóa Hy Lạp, đó còn là một bằng chứng cho thấy nền văn học Hy Lạp đã từng đạt tới thời kỳ rực rỡ trong lịch sử. Sau khi các bộ sử thi được lưu truyền lại bằng sách vở, nó lại trải qua một quá trình gia công, chỉnh sửa suốt nhiều thế kỷ và cuối cùng mới được định hình như ngày hôm nay. Đó là những bộ sử thi được lưu truyền rất lâu đời trong dân gian, đồng thời cũng là những tác phẩm văn học đạt tới trình độ nghệ thuật rất cao.



Bông tai vàng có khắc hình nữ thần. Nhìn vào những đường nét hết sức tinh xảo của sản phẩm, có thể thấy tay nghề thủ công của người Hy Lạp cổ vào thời ấy đã đạt tới một trình độ rất cao.

Trong “sử thi Homer” có rất nhiều sự vật được miêu tả tương đồng với những gì đã được khám phá trong nền văn minh Crete và văn minh Mycenae. Ví dụ như hoàng cung Meyiraos và hoàng cung Archinos, được miêu tả là nơi có vô số đồ trang sức bằng đồng đen, những vườn hoa và vườn nho tươi tốt, những buổi tiệc với vô số sơn hào hải vị, rượu ngon, trái ngọt, những đội ca múa giúp vui trong các buổi yến tiệc. Tính xác thực của chúng đã được minh chứng bởi các nhà sử học và khảo cổ học. Điều đó cũng có nghĩa là, nội dung của “sử thi Homer” đã được dựa theo một số sự kiện có thực trong lịch sử Hy Lạp cổ. Tuy nhiên, vẫn có nhiều chi tiết được miêu tả trong sử thi không hề giống với những gì đã được tìm thấy trong nền văn hóa Crete và Mycenae. Trong số các bức bích họa được tìm thấy, cư dân sinh sống trên đảo Crete cổ đại đều được miêu tả với một mái tóc đen được cắt ngắn, nhưng trong sử thi, những người Akaya đều được miêu tả với một mái tóc vàng và rất dài; lá chắn được người Crete sử dụng trong chiến đấu trên thực tế có hình chữ nhật, nhưng trong sử thi lại miêu tả thành hình tròn; nón sắt mà người Crete sử dụng cũng không giống với những gì được mô tả trong sử thi. Một vài dẫn chứng ấy đủ cho chúng ta đưa ra một nhận định, phải ít nhất vài trăm năm sau khi nền văn minh Crete và Mycenae bị hủy diệt, nhà thơ Homer mới chào đời. Chính vì không được tận mắt trông thấy thời kỳ huy hoàng của hai nền văn minh ấy, nên miêu tả của ông không thể tránh khỏi sự sai lệch. Một số học giả phương Tây còn khẳng định được rằng, rất nhiều anh hùng được miêu tả trong sử thi như Achilles, Hector... đều là những nhân vật xuất hiện trong truyền thuyết của các bộ tộc phương Bắc, không thể liên quan đến câu chuyện công phá thành Troy có thật trong lịch sử.



Lá chắn hình tròn được miêu tả trong sử thi. Trên thực tế những tấm lá chắn mà các nhà khảo cổ tìm được lại có hình chữ nhật. Đó cũng là một nguyên nhân khiến cho không ít học giả hoài nghi về tác giả của bộ sử thi này.

Nghệ thuật diễn ngâm “sử thi Homer”

“Sử thi Homer” sử dụng lục âm bội, không dùng vận âm cuối, nhưng lại có tiết tấu rất mạnh mẽ. Đây rõ ràng là một thể thơ được sáng tạo ra để ngâm hoặc ca. Trong khi ca, các nghệ nhân thường đệm đàn để tăng thêm hiệu quả về tiết tấu. Do loại trường thi này được diễn ngâm bởi các nghệ nhân, nên thường lặp lại không ít câu từ theo thói quen, thậm chí lặp lại cả một đoạn, không đổi chữ nào. Đôi khi, sử dụng lại một số tính từ, do yêu cầu về mặt âm tiết, hoàn toàn không mang giá trị tăng cường ý nghĩa cho câu văn. Tuy nhiên, khi xuất hiện câu từ lặp đi lặp lại nhiều lần, lại giống như âm luật của nhạc giao hưởng. Đây có thể là, từ một số thủ pháp nghệ thuật cổ đại, tuy tương đối đơn giản, nhưng đã được các thi nhân có kinh nghiệm kể chuyện vận dụng vô cùng thuần thục, nên mới có thể tạo ra hiệu quả mỹ mãn này. Sử dụng phương pháp so sánh để tăng sắc thái, làm cho hình tượng nhân vật thêm tươi sáng, đây cũng là một thủ pháp nghệ thuật đặc sắc trong “Sử thi Homer”. Ngoài ra, “Sử thi Homer” còn vận dụng linh hoạt thủ pháp miêu tả đơn giản, chỉ cần một vài câu nói, nhưng có thể biểu đạt tình cảm hết sức sâu sắc.

Nội dung của “Sử thi Homer” vô cùng phong phú, từ phương diện kỹ năng nghệ thuật hay phương diện lịch sử; địa lí; khảo cổ học; phong tục học, đều có giá trị tham khảo. Nó luôn chiếm vị trí số 1 trong nền văn học cổ điển phương Tây. Bắt đầu từ thế kỉ thứ VIII, VII TCN, đã có rất nhiều nhà thơ Hy Lạp cổ mô phỏng theo bộ sử thi này, công nhận nó là hình mẫu của văn học. Suốt hơn 2.000 năm qua, người châu Âu luôn cho rằng “Sử thi Homer” là một trong những bộ sử thi vĩ đại nhất của nhân loại.

Cuộc chiến thành Troy trong “sử thi Homer”



Một bức tranh sơn dầu miêu tả lại câu chuyện “Ngựa gỗ phá thành Troy” nổi tiếng trong sử thi Homer.

Người Hy Lạp cổ tiến hành cuộc viễn chinh đánh chiếm thành Troy, đến năm thứ 10 thì họ được thành phố Chryse thuộc khu vực Tiểu Á, con gái của vị tư tế đền thờ Apollo của thành phố là Chryseis bị bắt và trở thành lễ vật dâng lên vị thống soái của liên quân Hy Lạp là Agamemnon. Tư tế Chryses mang đến rất nhiều vàng bạc để chuộc lại con gái của mình, nhưng ông chỉ nhận được những lời nhục mạ của Agamemnon. Vị tướng lĩnh dũng cảm nhất trong liên quân Hy Lạp là Achilles yêu cầu Agamemnon trả lại người con gái cho vị tư tế. Một cuộc tranh chấp diễn ra giữa hai bên, sau đó, Agamemnon đem trả Chryseis cho tư tế Chryses, nhưng lại dùng uy lực cướp người hầu nữ trước đây thưởng cho Achilles là Briseis. Achilles tức giận rút khỏi cuộc chiến, tìm đến bãi biển để giải bày nỗi uất ức của mình với mẹ là nữ thần biển cả Thebes, xin bà cầu khẩn với thần Zeus trừng phạt Agamemnon và liên quân Hy Lạp. Thần Zeus báo mộng với Agamemnon, nói rằng thời cơ công phá thành Troy đã đến, liên quân Hy Lạp hãy mau chóng chuẩn bị chiến đấu. Achilles mình khoác một chiếc áo giáp do “thần rèn” Hephaestus đã thức suốt đêm để hoàn tất. Achilles giống như một chiến thần lao tới tấn công Hector, Hector quay người tháo chạy. Achilles rượt đuổi Hector vòng quanh kinh thành, tựa như một con chim Ưng hung hãn đang rượt đuổi một chú bồ câu nhỏ bé tội nghiệp. Cuối cùng, dưới sự giúp sức của nữ thần Athena, Achilles đã phóng một ngọn mâu dài trúng vào cổ Hector. Achilles lột áo giáp của Hector rồi kéo xác kẻ tử trận về doanh trại của mình.



Chân dung của nàng Hera, một trong những tác phẩm tuyệt vời của nhà điêu khắc Antonio Canova, được thực hiện theo phong cách tân cổ điển Italia vào năm 1819.

Chín ngày sau, lão quốc vương của thành Troy là Priamas dưới sự bảo hộ của thần linh đã tìm đến doanh trại của Achilles, khẩn cầu trao lại thi thể của đứa con trai. Cảm động trước những lời cầu xin khẩn thiết của lão quốc vương, Achilles đã đồng ý trao lại thi thể Hector. Mười ngày sau, lễ an táng Hector được tiến hành trong sự tiếc thương của dân chúng thành Troy.

❖ NHỮNG BÀI TỤNG CA CA NGỢI VÀ CẦU NGUYỆN THẦN RƯỢU

Tại Hy Lạp cổ đại, khi những cánh nho đâm chồi nảy lộc vào mùa xuân hay khi bước vào những ngày thu hoạch nho cuối thu, người dân đều tổ chức vũ hội hóa trang mang tính quần chúng, chúc mừng và cầu nguyện “thần rượu” Dionysus. Kịch của người Hy Lạp cổ bắt nguồn từ những hoạt động tế lễ thần rượu.



Chân dung thần rượu Dionysus được thể hiện trên một bức bích họa. Dionysus còn là một vị thần của những nghi thức thần bí điên loạn.

Người châu Âu không chỉ yêu thích rượu ngon, mà còn rất yêu thích ngày lễ thần rượu. Người Hy Lạp cổ đại cúng tế thần rượu Dionysus, người La Mã thích cử hành lễ “Maditernaria”. Nhưng bắt đầu từ thế kỷ 12, cùng với “Thập tự quân viễn chinh”, các tín đồ Thiên Chúa giáo châu Âu dần dần yêu thích lễ thánh Martin vào ngày 11 tháng 11 hằng năm. Đây chính là thời gian những người nông dân ở các quốc gia châu Âu bước vào mùa thu hoạch và sản xuất rượu nho. Đến thượng tuần tháng 11, những vò rượu nho đã được ủ xong, mọi người bắt đầu tổ chức những buổi hội họp, thi nhau đặt tên cho các loại rượu nho, tuyên bố việc ủ rượu đã thành công. Lễ thánh Martin tuy được gắn với Thiên Chúa giáo, nhưng trên thực tế đã trở thành một lễ hội thu hoạch mùa màng mang tính quần chúng. Ngày nay, tuy không còn kèm theo những buổi trình diễn kịch, nhưng phong cách vừa nếm rượu nho vừa xem kịch của ngày xưa dường như vẫn còn đọng mãi trong tâm trí của những người châu Âu hiện đại.

❖ TRUYỀN THUYẾT THẦN RƯỢU VÀ NGUỒN GỐC XA XƯA CỦA LỄ THẦN RƯỢU

Những tư liệu sớm nhất có liên quan đến sân khấu kịch cũng như những vở kịch vĩ đại xuất hiện sớm nhất trên thế giới đều có nguồn gốc từ Hy Lạp cổ đại. Trong suốt nhiều thế kỷ, những vở kịch của Hy Lạp chỉ được biểu diễn trong những buổi lễ cầu nguyện thần rượu Dionysus. Trong thần thoại Hy Lạp, Dionysus là con trai của thần Zeus và thiếu nữ Semele. Sau khi chết, thi thể của thần được mổ ra, sau đó lại hồi sinh và trở thành vị thần chúa tể của rượu và mùa màng. Vì vậy, Dionysus trở thành vị thần tượng trưng cho sự tuần hoàn, sự sống mới, sự nảy mầm, sự suy thoái, tử vong và tái sinh; hoặc là đề cập sự thay đổi mùa như xuân qua hạ về, thu qua đông tới. Là vị thần của rượu và mùa màng, Dionysus còn đại diện cho sức mạnh của rất nhiều quan niệm phi lý trên trần thế. Trong nghi thức cầu nguyện thần rượu Dionysus thời kỳ đầu, nát rượu và trác táng được xem là một phần kích động của tôn giáo nhưng vẫn được chấp nhận. Mặc dù phong tục xấu xa này đã dần mất đi, nhưng mục đích cơ bản của lễ bái là cầu xin một mùa màng bội thu vẫn được bảo tồn.

Việc sùng bái thần rượu Dionysus bắt đầu vào khoảng thế kỷ 13 TCN, được du nhập vào Hy Lạp từ vùng Tiểu Á. Đến khoảng thế kỷ thứ 7, 8 TCN, những cuộc thi ca múa đã bắt đầu xuất hiện trong các buổi lễ bái. Cùng với những điệu múa là những điệu “Dithyramb” (hay còn gọi là Dương Ca) ca tụng Dionysus. Mãi đến thế kỷ thứ 6 TCN, lễ kỷ niệm thần rượu Dionysus được tiến hành vào bốn tháng trong năm: những ngày lễ cử hành trong tháng 12 được gọi là Rural Dionisia; những ngày lễ tổ chức trong tháng 1 gọi là Lenaia; những ngày lễ tổ chức trong tháng 2 được gọi là Anthest Elea; những ngày lễ vào cuối tháng 3 được gọi là City Of Creat Dionisia. Ngoài lễ Anthest Elea, ba dịp lễ khác đều biểu diễn kịch, đây là một tiết mục không thấy xuất hiện trong các buổi lễ bái dành cho các vị thần khác của Hy Lạp.

Ảnh hưởng của nghệ thuật hài kịch Hy Lạp cổ đối với hậu thế

Đến năm 534 TCN, việc tổ chức “lễ kỷ niệm thần rượu của thành phố” đã có những thay đổi. Trong buổi lễ năm ấy, bên cạnh các hoạt động truyền thống còn có sự xuất hiện của cuộc thi biểu diễn bi kịch. Như vậy, có thể khẳng định, hài kịch đã xuất hiện tại Hy Lạp trước thời điểm kể trên. Nhà hài kịch duy nhất có thể làm giám khảo vào thời đại này chính là Thespis, vị quán quân trong cuộc thi hài kịch đầu tiên và cũng là diễn viên đầu tiên được nhân loại biết đến. Vì vậy, các diễn viên về sau thường được gọi là học trò của Thespis.

Hài kịch của Thespis tương đối đơn giản, chỉ gồm một diễn viên và một đội ca vũ. Điều này không có nghĩa là vở kịch chỉ có một nhân vật, mà điều độc đáo là tất cả các vai đều được thể hiện bởi một nghệ sĩ duy nhất. Người diễn viên duy nhất đó sẽ dùng mặt nạ để thay đổi thân phận của mình và vai trò của đội ca vũ không gì khác hơn là lấp vào khoảng thời gian trống khi người diễn viên phải lui vào bên trong để hóa trang. Có thể nói, đội ca vũ là một nhân tố không thể thiếu của hài kịch Hy Lạp trong thời kỳ đầu. Những cuộc xung đột mặt đối mặt giữa các nhân vật được xem là một điều kiện tất yếu của hài kịch sau này, nhưng trong thời đại mà sân khấu chỉ dành cho một diễn viên duy nhất, thì đó lại là một đòi hỏi bất khả thi.



Một bức phù điêu vào thời kỳ cổ Phong, miêu tả khung cảnh của những buổi trình diễn hài kịch trong thời kỳ đầu. Trong hình là hai diễn viên đang say sưa biểu diễn theo tiết tấu rộn ràng của ống sáo đôi.

Đề tài của hài kịch Hy Lạp cổ chủ yếu được lấy nguồn từ thần thoại, truyền thuyết anh hùng và sử thi. Đó cũng là lý do vì sao mọi người dân Hy Lạp đều biết đến “sử thi Homer”. Vào thời ấy, bộ sử thi này luôn được biểu diễn trên những sân khấu kịch lộ thiên, trong khi biểu diễn, người diễn viên phải đội mũ, mang giày cao gót, la hét thật to và diễn xuất thật cuồng nhiệt. Mỗi năm, Hy Lạp cổ đại có 3 buổi biểu diễn hài kịch có quy mô lớn. Lớn nhất là buổi biểu diễn hài kịch trong “đại lễ thần rượu”, được tổ chức tại Athens vào khoảng tháng 3, tháng 4.



Đây là hình vẽ một vò rượu được thực hiện vào năm 470 TCN của nghệ thuật gia Atamura, nó là một dụng cụ được dùng trong các buổi lễ thần rượu.

Lễ biểu diễn hài kịch là một ngày lễ rất lớn tại Hy Lạp cổ đại. Vào thời gian này, chính quyền phải ngưng mọi công việc, toàn thể công dân đều đi xem kịch, thậm chí cả những tù binh đang bị áp giải cũng được đưa đến xem. Ngoài ra, chính phủ còn phải chiểu cố đặc biệt tới người nghèo bằng cách phát “tiền trợ cấp xem kịch” cho họ. Nguyên nhân khiến cho hài kịch có được một địa vị quan trọng như vậy là vì sân khấu kịch luôn được xem là nơi giáo dục và tuyên truyền chủ trương chính trị và quan điểm triết học của người Hy Lạp cổ đại. Do đó, diễn viên được xem là phát ngôn viên của thần linh, họ có quyền tự do đi lại giữa lúc hai nước đang giao tranh.



Một thành viên trong đội ca vũ hóa trang thành một con chim nhỏ. Vào thời ấy, các diễn viên cũng như đội múa phải hóa trang hết sức sống động để thu hút khán giả.



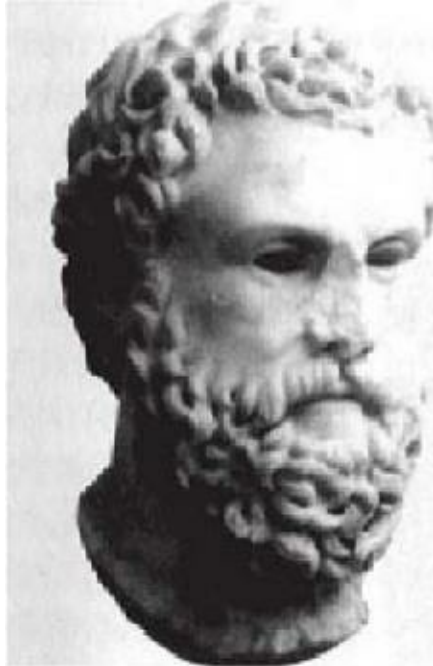
Cảnh trong một vở hài kịch, được vẽ lại trên một bình hoa của Hy Lạp.

Nội dung và hình thức của hài kịch Hy Lạp cổ đại có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của hài kịch phương Tây sau này. Rất nhiều vở kịch từ thời đó vẫn đang tiếp tục được cải biên và trình diễn ở khắp nơi. Lễ hài kịch của người Hy Lạp ngày nay cũng được cử hành liên tục trong suốt hơn nửa thế kỷ qua. Trong đó, một số tác phẩm có từ thời Hy Lạp cổ đại vẫn được ưu ái trình diễn trên sân khấu ngày nay.

Ông tổ của bi, hài kịch của Hy Lạp cổ

“Ông tổ của bi kịch”

Aeschylus được tôn vinh là “Ông tổ của bi kịch Hy Lạp cổ”. Trong suốt cuộc đời mình, ông đã sáng tác được 90 vở bi kịch, nhưng chỉ có 7 vở được lưu truyền đến ngày nay. Tác phẩm tiêu biểu nhất của ông là “Prometheus bị xiềng”. Trong tác phẩm này, dựa theo một câu chuyện thần thoại, ông đã thành công trong việc xây dựng một hình tượng anh hùng đấu tranh chống lại cường bạo vì hạnh phúc nhân loại. Do dám cả gan đánh cắp ngọn lửa của thần Zeus mang xuống cho trần gian, nên vị anh hùng này phải chịu một sự trừng phạt tàn khốc của Zeus. Thần Zeus dùng một sợi xích sắt, trói Prometheus trên một đỉnh núi cao lạnh giá, hàng ngày phải một con thần ưng bay đến mổ xé thân thể Prometheus. Nhưng Prometheus vẫn kiên cường bất khuất, can đảm chấp nhận mọi sự đau khổ và hành hạ. Về sau, Thần đại lực sĩ Heracles đã dùng tên bắn chết con thần ưng hung ác, cuối cùng Prometheus cũng được giải thoát. Ban đầu có kẻ khuyên chàng nên hòa giải với thần Zeus. Nhưng chàng đã phẫn nộ thốt lên: “Ta thà chịu xiềng xích trên vách đá kia, còn hơn là phải trở thành một nô lệ ngoan ngoãn của Zeus”. Câu nói ấy về sau trở thành một lời khắc cốt ghi tâm của những anh hùng trí sĩ phương Tây.



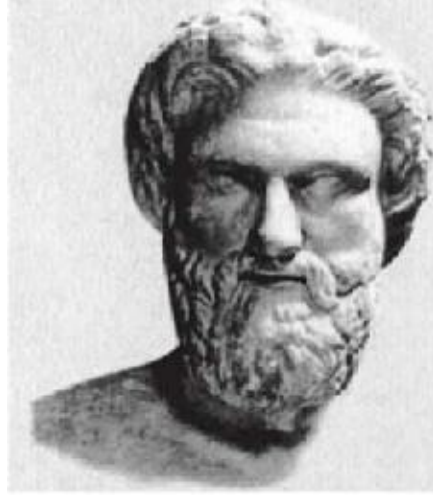
Tượng Aeschylus, ông tổ bi kịch Hy Lạp cổ.



Một sân khấu kịch lộ thiên được xây dựng dựa sát vách núi.

“Ông tổ của hài kịch”

Aristophanes được xưng tụng là “Ông tổ của hài kịch Hy Lạp cổ”. Trong suốt cuộc đời mình, ông đã sáng tác được 44 vở kịch, đến nay chỉ còn lưu truyền 11 vở. Các tác phẩm của ông đều chứa đựng một ngôn ngữ trào phúng hết sức sống động và sâu sắc. Tác phẩm của ông đề cập đến rất nhiều đề tài, từ việc lên án chiến tranh, khát vọng hòa bình, phê phán sự bất bình đẳng giàu nghèo trong xã hội, kêu gọi bình đẳng nam nữ... Tất cả đều được lột tả hết sức thành công, nhận được sự yêu mến sâu sắc của rất nhiều tầng lớp nhân dân.



Tượng Aristophanes, ông tổ hài kịch Hy Lạp cổ.

❖ MỘT ĐẤT NƯỚC THẦN BÍ DƯỚI SỰ THỐNG TRỊ CỦA THẦN LINH

Trong thần thoại Hy Lạp, Zeus là ông tổ của chúng thần Hy Lạp cổ, chi phối cuộc sông nhân loại trên tất cả mọi lĩnh vực chính trị, pháp luật, đạo đức v.v... Vào thời đại ấy, có tồn tại một vị thần với địa vị bao trùm như thế hay không? Con người không thể nào biết được, nhưng, đền thờ thần Zeus do nhân dân Hy Lạp xây dựng để bày tỏ lòng thành kính của mình, lại là công trình kiến trúc nổi danh nhất ở vùng đồng bằng Olympia, thuộc thánh địa Hy Lạp cổ xưa.



Một bức phù điêu Delphi có niên đại vào khoảng năm 525 TCN, miêu tả cuộc chiến đấu giữa thần và người khổng lồ Titan.

Đền thờ thần Zeus bắt đầu được xây dựng vào năm 470 TCN và được hoàn tất vào năm 456 TCN, được thiết kế bởi kiến trúc sư Libon, riêng bức tượng thần Zeus được thực hiện bởi nhà điêu khắc Phidias. Toàn bộ bức tượng và chiếc áo cẩm bào đều được đúc bằng vàng, trên đầu bức tượng có quấn một vòng lá Ô liu, tay phải nắm lấy bức tượng Nữ thần chiến thắng được làm từ vàng và ngà voi, tay trái cầm quyền trượng khảm vàng lấp lánh, phía trên có một con chim ưng đang đậu. Bảo tọa mà ông đang ngồi có hình dáng mình sư tử mặt người. Không tính bảo tọa, chỉ riêng bức tượng cũng cao tương đương một tòa nhà bốn tầng hiện nay, khiến cho phần đầu của bức tượng dường như chạm đến nóc của đền thờ. “Người nào không được nhìn thấy kiệt tác này một lần trong đời thì quả là một điều bất hạnh!” – đó chính là đền thờ thần Zeus mà cả người xưa và người nay phải kinh ngạc thán phục.

Sự biến mất của bức tượng khổng lồ và tinh xảo này đã khiến cho nhân loại cảm thấy vô cùng tiếc nuối. Không một tư liệu lịch sử nào cho biết bức tượng đã biến mất như thế nào. Sự biến mất một cách thần bí của bức tượng thần Zeus cũng trở thành một câu đố chưa có lời giải. Số phận của nó là như thế nào? Có phải nó đã bị thiêu hủy, hay là tự mình biến mất? E rằng khó ai có thể đưa ra một câu trả lời chính xác về vấn đề này. Tuy nhiên chúng ta có thể tìm thấy vô số những điều kỳ bí về thế giới các vị thần trong thần thoại của Hy Lạp cổ, thậm chí còn li kỳ hấp dẫn hơn cả câu chuyện về bức tượng thần Zeus nêu trên. Các nhân vật trong thần thoại đã xuất hiện như thế nào? Có lẽ chúng ta cần quay về với thế giới thần thoại và huyền bí của Hy Lạp cổ đại để tìm được cho mình một lời giải đáp.



Phế tích đền thờ thần Zeus trên núi Olympia. Những trụ đá này là những gì còn lại của một ngôi đền thờ huy hoàng và vĩ đại trong lịch sử nhân loại.

Một đất nước thần bí với nhiều truyền thuyết ly kỳ

Hy Lạp cổ đại là một quốc gia thần bí, có những câu chuyện thần thoại làm rung động lòng người và truyền thuyết dân gian ly kỳ phức tạp, khiến cho vùng đất Hy Lạp luôn bị bao phủ trong một sắc thái thần bí. Thời kỳ Homer được đánh dấu bằng sự kiện người Doriann xâm nhập phía Nam bán đảo Hy Lạp, đó là vào khoảng cuối thế kỷ 12 đầu thế kỷ 11 TCN. Đây là thời kỳ xã hội thị tộc bộ lạc đã bước vào thời đại đồ sắt, góp phần rất lớn vào việc cải tạo diện mạo xã hội của thời kỳ Homer: xuất hiện chế độ tư hữu tài sản và phân hóa giàu nghèo, bước vào xã hội nô lệ. Vào thời kỳ này, chế độ dân chủ nguyên thủy được áp dụng rộng rãi trong xã hội. Đến cuối thời kỳ Homer, hình thái xã hội đã chuyển dần từ cơ cấu quản lý của bộ lạc sang hình thức thống trị quốc gia. Do sự xâm nhập của người Doriann vào miền Nam, nền văn hóa Crete và Mycenae bị tiêu diệt hoàn toàn. Văn hóa Hy Lạp lại phải hồi sinh lại từ đầu.



Tranh vẽ trên bình gốm của Hy Lạp cổ, tả một người nô lệ đang theo hầu ông chủ của mình, thể hiện rõ nét của sự chênh lệch về đẳng cấp trong xã hội Hy Lạp cổ đại.

Từ thế kỷ 12 đến thế kỷ 8 TCN – gần 400 năm – chúng ta có rất ít sử liệu để tìm hiểu về khoảng thời gian này. Sử thi Homer là công trình lớn duy nhất được tìm thấy vào giai đoạn này, đồng thời cũng là tác phẩm phản ánh một cách sâu rộng diện mạo xã hội Hy Lạp vào thời đại đó. Chính vì vậy, các nhà sử học đã thống nhất gọi thời kỳ này là “thời kỳ Homer”.

Sử thi Homer là tên gọi chung của hai bộ sử thi “Iliad” và “Odyssey”. Chúng được xem là bộ bách khoa toàn thư của nền văn minh Hy Lạp SO' kỳ. Đúng như Platon từng đánh giá: “Sử thi Homer đã nuôi dưỡng cho cả vùng đất Hy Lạp cổ đại”. Nói một cách khác, không hiểu sử thi “Homer” thì cũng không hiểu được văn minh Hy Lạp cổ đại. Điều này tất nhiên cũng liên quan đến những câu chuyện trong thần thoại Hy Lạp cổ.

Vì vậy có thể khẳng định, không hiểu biết các câu chuyện trong thần thoại Hy Lạp, sẽ không có cách nào thưởng thức được các tác phẩm nghệ thuật của Hy Lạp cổ đại. Marx từng nói rằng:

“Thần thoại Hy Lạp không chỉ là kho vũ khí của Hy Lạp cổ đại mà còn là mảnh đất màu mỡ cho bán đảo này”. Thời đại Homer chính là thời kỳ hình thành của thần thoại Hy Lạp cổ. Một sự hiểu biết sơ lược về thần thoại Hy Lạp cổ cũng có ý nghĩa rất lớn đối với việc khám phá, tìm hiểu và thưởng thức nghệ thuật Hy Lạp cổ đại, La Mã cổ đại và cả nền văn hóa Phục Hưng phương Tây rực rỡ sau này.

❖ HỆ THỐNG CHUR THẦN OLYMPIA

Các vị thần của Hy Lạp được sắp xếp thành một hệ thống, gọi là “hệ thần Olympia”, chia làm hai thế hệ rõ rệt. Trước khi vũ trụ hình thành, chỉ có một vị thần của sự hỗn độn, đó chính là Kaes. Kaes sinh ra Nữ thần mặt đất Gaia, Thần sâu TartAres, Thần tình yêu Eros, Nam thần bóng đêm Erebus, Nữ thần bóng đêm Knicks.



Bức tượng nữ thần mặt đất Gaia. Đây là người mẹ của chư thần, là linh hồn của vạn vật trên trần gian.

Hai vị thần bóng đêm lại sinh ra vị thần của bầu trời là Aether, Nữ thần ban ngày Hemera, tử thần Thanatos, thần giấc ngủ Hypnōs. Nữ thần mặt đất Gaia sinh ra thiên thần Uranus, thiên thần lại kết hợp với mẹ sinh ra 6 con trai, 6 con gái. Các con gái được gọi là nữ thần Titan, các con trai được gọi là nam thần Titan. Thiên thần lo sợ các con gái đoạt quyền, bèn giam cầm tất cả tại nơi ở của TartAres. Nữ thần Gaia xúi giục con trai út của mình là Kronos chống lại phụ thân. Máu của người cha rơi xuống mặt đất, sinh ra Nữ thần báo thù Erinnyes và thần khổng lồ Jigashi. Đó chính là dòng tộc của những vị thần tiền bối. Kronos đoạt được quyền lực của vua cha rồi kết hợp với em gái của mình là LibElea sinh được 6 nam, 6 nữ, đứa con nhỏ nhất được đặt tên là Zeus. Về sau, Zeus đã đoạt quyền chúa tể thế giới từ tay cha mình, rồi lại kết hợp với anh chị, con cái của mình mà tạo nên một dòng tộc chư thần mới, cùng nhau sinh sống trên ngọn núi thánh Olympia của Hy Lạp cổ đại.



Một bức bích họa tìm thấy tại đảo Crete, Zeus có một thú vui là hóa thân thành các con vật để tìm đến nhân gian, người trong hình là Europa đang cưỡi trên lưng một con bò tót do Zeus biến thành.

Đây chính là những vị thần mà chúng ta vẫn thường được biết đến trong các tác phẩm nghệ thuật của Hy Lạp cổ đại cũng như toàn bộ phương Tây sau này. Trong thần thoại La Mã, thần Zeus được đổi tên là Jupiter, thống trị Thiên quốc, nhân gian, cai quản sấm sét và còn được gọi là thiên thần; thiên hậu Hera được đổi tên là Juneau, cai quản mây đen, bão tố và sấm chớp, là thần của bầu trời. Em gái của Zeus là Demeter được đổi tên là Saras, là vị thần bảo hộ nông nghiệp và mùa màng. Một người anh của Zeus là Hades thống trị địa phủ; một người anh khác tên là Poseidon, cai quản biển cả, còn gọi là hải thần. Thần Zeus và Leto sinh ra thần mặt trời

Apollo và thần mặt trăng Artemis, cũng gọi là Dianna. Thần Zeus và thiên hậu sinh được hai con, một là thần chiến tranh Ares (còn gọi là Mars); hai là Hephaestus (còn gọi là Wargang) là thần hỏa và thần rèn. Thần Zeus và nữ thần núi Maia sinh được một người con trai là Hermes (còn gọi là Mercury) là sứ giả của chư thần và đặc sứ của thần Zeus. Zeus và nữ thần biển sinh được một người con gái tên là Aphrodite (còn gọi là Venus), cũng có người nói Venus được sinh ra từ sóng biển, đó là nữ thần của tình yêu và sắc đẹp.

Thần linh Hy Lạp cổ bắt nguồn từ tín ngưỡng Totem

Xem gia phả của các vị thần, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra thần thoại Hy Lạp là một sản phẩm đã được ra đời trong một xã hội còn theo chế độ quần hôn. Chức năng của từng vị thần cũng chính là những hiện tượng thiên nhiên đặc thù mà vào thời đó, trí tuệ và sức mạnh của con người vẫn chưa thể nào lý giải và khắc phục được. Đúng như Engels đã nói: “Khi sức mạnh tự nhiên được nhân cách hóa, những vị thần đầu tiên cũng được ra đời”.



Hải thần Poseidon tay cầm đinh ba, vị thần chủ quản mọi loài quái thú, bão tố và động đất trong lòng biển.

Trong lịch sử tồn tại và phát triển của mình, dân tộc Hy Lạp đã trải qua nhiều biến thiên thay đổi. Từ đó, quan niệm thần thoại của họ cũng không ngừng phát sinh những sự thay đổi. Đặc điểm cơ bản của thay đổi này là sự chuyển đổi đối tượng sùng bái từ thế giới tự nhiên sang thế giới con người. Đặc điểm cơ bản nhất của thần thoại Hy Lạp ở thời kỳ này là con người đã dựa trên hình ảnh của chính mình để sáng tạo nên các vị thần, ban cho thần linh nhân hình, nhân tính và thậm chí là cả quan hệ xã hội của con người. Điểm khác biệt cơ bản giữa thần và người là thần có sức mạnh phi phàm, trường sinh bất tử và luôn hưởng cuộc sống an nhàn hạnh phúc. Trong khi con người thì yếu đuối, phải chết, cuộc sống thì gian khổ, không thể không nhờ đến sự trợ giúp của thần linh, nhưng họ cũng không sợ sự nguyên rủa, thậm chí chống lại những hành động bạc ác của thần linh.



Hera là em gái và cũng là vợ của thần Zeus, vị thần bảo hộ cho phụ nữ và hôn nhân.

Người Hy Lạp cổ đại sùng bái thần linh, nhưng cũng hết sức ca ngợi vẻ đẹp, lòng dũng cảm và tinh thần cầu tiến của con người. Người Hy Lạp cổ đại sẵn sàng lên án những nhược điểm của con người như kiêu ngạo, tàn nhẫn, hư vinh, tham lam, cố chấp và luôn cho rằng chính những nhược điểm ấy là nguyên nhân tạo nên bi kịch của đời người. Người Hy Lạp cổ đại sùng bái thần, nhưng không bao giờ ban cho thần linh một địa vị chí cao vô thượng, cũng không xem thần linh là một tiêu chuẩn để đo lường đạo đức, mà chỉ xem thần linh là sự khúc xạ thể giới nhân sinh.



Nữ thần Venus, vị thần tượng trưng cho tình yêu và sắc đẹp.

Chính vì được đặt trên một tinh thần nhân bản như vậy, thêm vào đó là những câu chuyện làm rung động lòng người và một nội hàm tư tưởng vô cùng sâu sắc mà nó đã tạo nên được một sức hấp dẫn rất lớn đối với người đọc, thần thoại Hy Lạp trở thành một tài sản quý báu trong kho tàng văn học nghệ thuật của nhân loại.

Vị thần bảo hộ của Athens

Theo truyền thuyết, giữa Nữ thần Athena và Thần biển Poseidon từng diễn ra một cuộc chiến ác liệt để tranh đoạt Vệ thành, nhưng không bên nào giành được chiến thắng. Cuối cùng, các chư thần đã đi đến một quyết định, ai có thể làm ra một vật dụng có ích cho nhân loại, Vệ thành sẽ được trao cho người đó. Poseidon bèn dùng ma trượng của mình gõ lên đỉnh núi của Vệ thành. Trong chốc lát, một nguồn nước biển từ trong vách đá không ngừng tuôn ra, Athena không hề nao núng mà chỉ đứng lặng yên một bên, dùng ngọn mâu dài, vạch một đường trên mặt đất, ngay lập tức một thân cây ô liu to lớn, cành lá sum suê và trĩu quả mọc lên. Athena mang hòa bình, trí tuệ và lương thực đến cho nhân dân. Kết quả là nhân dân trong thành đã một lòng quy thuận Nữ thần. Từ đó về sau, toà thành trọng yếu của Hy Lạp đã được đổi tên theo vị thần bảo hộ Athena.



Tượng nữ thần Athena, vị thần bảo hộ kinh thành Athens. Athena còn là vị thần của trí tuệ với một thần lực vô song, đã từng nhiều lần ra tay cứu vớt nhân loại.

Athena chính là vị thần bảo hộ của kinh thành Athens, được người Hy Lạp cổ nhất là cư dân Athens hết sức tôn kính. Mọi người kể với nhau rằng, chính nữ thần Athena đã dùng trí tuệ của mình để dạy cho dân Hy Lạp dệt vải, may áo, luyện kim, đóng xe, thuyền, điêu khắc và nhiều ngành nghề khác nữa. Mọi người còn nói nữ thần Athena đã chế tạo ra lưỡi cày, thuần hóa trâu và dê, đồng thời còn là vị thần bảo hộ cho nông nghiệp, pháp luật và trật tự xã hội. Cũng theo truyền thuyết, Aleiaomoge – pháp đường nổi tiếng của Athens – là công trình đã được dựng nên bởi bàn tay của nữ thần Athena.



Tranh vẽ trên bình gốm của người Hy Lạp cổ đại. Trong hình là cảnh vị thần cai quản địa phủ đang nhàn nhã uống rượu và trò chuyện với con gái.

❖ THƠ TÌNH VÀ NGŨ NGÔN – THÀNH TỰU RỰC RỠ CỦA “THỜI ĐẠI DI DÂN”

Bộ sách “Ngũ ngôn Ezop” được cả thế giới biết đến, đã để lại cho nhân loại rất nhiều bài học đạo lý, khiến cho mọi người không thể nào quên được những lời giáo huấn của Ezop. Nhưng cũng vào thời kỳ đó, Hy Lạp cổ đại còn để lại cho nhân loại một tác phẩm vừa thần thánh lại hết sức lãng mạn, đó chính là thi ca. Ở đó, trí tuệ, sự phóng khoáng và trí tưởng tượng phong phú của người Hy Lạp cổ đại được hiện lên trước mắt của tất cả mọi người.

Hoàn cảnh đặc biệt tạo nên nhiều giá trị văn hóa khác nhau của Hy Lạp.

Vùng đất Hy Lạp với vô số cảng biển và hải đảo lớn nhỏ đã tạo điều kiện cho sự phát triển của ngành hàng hải. So với các khu vực khác trong cùng một thời đại, đặc biệt là Ai Cập và Tiểu Á, Hy Lạp cổ đại có một hệ thống thương nghiệp và văn hóa phát triển rộng lớn hơn. Người Hy Lạp cổ đại đã hấp thu những nét tinh hoa của nền văn hóa cổ đại phương Đông, làm giàu thêm cho nền văn hóa của chính mình, văn học Hy Lạp cổ' cũng chứa đựng rất nhiều sắc thái phương Đông.

Với vị trí địa lý đặc thù, người Hy Lạp cổ khó có thể dựa vào những vùng đất nông nghiệp ít ỏi của mình để' mưu cầu một cuộc sống no đủ. Họ cần phải hướng ra biển rộng, hoặc làm cướp biển hoặc làm những kẻ thực dân. Chính cuộc sống ấy đã tạo cho người Hy Lạp cổ trở thành một dân tộc sôi nổi, tự do, giàu sức tưởng tượng và khát vọng, tôn sùng trí tuệ và sức mạnh. Đồng thời nó còn tạo nên trong con người Hy Lạp một quan niệm sống thực tế, luôn theo đuổi những giá trị của cuộc sống hiện tại, chú trọng đến địa vị và tôn trọng giá trị của mỗi cá nhân.

Văn học nghệ thuật đa sắc thái của Hy Lạp cổ đại

Văn học Hy Lạp cổ đại là biểu hiện am hiểu và suy nghĩ của người Hy Lạp cổ đại về vũ trụ, tự nhiên và cuộc sống đời thường của con người. Hàm chứa trong những tác phẩm ấy là tinh thần, tâm lý, tình cảm và những giá trị văn hóa của người Hy Lạp cổ đại. Một thế giới thần bí không thể lý giải, một thiên nhiên hung bạo không thể chế ngự, một cuộc sống biến hóa vô thường, tất cả những yếu tố ấy đã góp phần hình thành nên một quan niệm số mệnh mang màu sắc lý lẽ tôn giáo của người Hy Lạp cổ đại. Thể hiện trong văn học, số mệnh trở thành một yếu tố có tính không chê" và không thể thay đổi đối với con người, mọi người phải phục tùng sự sắp đặt của số mệnh, nhưng trong phạm vi định mệnh, con người vẫn có thể phát huy một cách cao nhất tài năng và tiềm năng của chính mình, có thể tự do làm những việc mà mình yêu thích. Vì vậy, văn học và nghệ thuật của Hy Lạp cổ đại có đặc trưng là phong phú đa dạng hết sức sông động và ngậy thơ trông sáng như xã hội loài người thời kỳ sơ khai.



Chân dung của người thuộc dân tộc trên biển.

Cả thần và người trong văn học Hy Lạp cổ đại đều có quyền tự do đi lại, độc lập tự chủ, mặc sức vui vẻ, hương thụ những ham muốn cá nhân vốn có của đời người, nhưng khi đối diện khó khăn thử thách, lại thể hiện một tinh thần hết sức anh dũng, sẵn sàng đối mặt và vượt qua mọi thử thách. Uy lực vô cùng của số mệnh khiến cho người Hy Lạp cổ đại lúng túng và sợ hãi, nhưng nó cũng bồi dưỡng cho họ ý thức bản thân và tinh thần cá thể rất mãnh liệt. Ngoài ra, trong cuộc đấu tranh chống lại số phận, họ đã trỗi dậy như một sinh mệnh tràn đầy sức sông. Văn học Hy Lạp cổ đại đã thể hiện sự năng động và tốt đẹp của con người khi miêu tả quá trình tìm tòi những giá trị hiện thời; mâu thuẫn giữa con người và số phận, chống lại số phận, thể hiện được tinh thần tự do, lạc quan và không kém phần lãng mạn trong thời kỳ ban sơ của nhân loại.

Thành tựu vĩ đại của nền văn học Hy Lạp cổ đại

Sự phát triển của văn học Hy Lạp cổ đại về tổng thể có thể chia làm 3 giai đoạn:

Thời kỳ quá độ từ chế độ thị tộc chuyển sang xã hội nô lệ, giai đoạn này đã xuất hiện thần thoại và sử thi.

Thời kỳ cổ điển, tức là thời kỳ toàn thịnh của chế độ nô lệ, đây là thời kỳ xuất hiện bi kịch, hài kịch, tản văn và lý luận văn học nghệ thuật.

Thời kỳ cổ Hy Lạp hóa, văn học chỉ còn chú trọng đến kỹ năng tu từ, trong khi nội dung lại trở nên nghèo nàn, đơn điệu, thành tựu chủ yếu của thời kỳ này là tân hài kịch.

Từ thế kỷ 2 SCN trở đi, những vùng đất chịu ảnh hưởng của Hy Lạp bắt đầu bị đế quốc La Mã thôn tính, tuy vẫn còn những nhà văn sử dụng ngôn ngữ Hy Lạp, nhưng nền văn học Hy Lạp đã mất đi tính độc lập của mình. Giai đoạn lịch sử từ thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ 6 TCN, được gọi là “Thời đại di dân”, là thời kỳ văn học Hy Lạp đạt được những thành tựu cao nhất. Thể loại văn học nổi bật trong thời kỳ này là thơ tình và ngụ ngôn.

Những áng thi ca trữ tình của Hy Lạp cổ đại

Thơ trữ tình của Hy Lạp cổ đại bao gồm rất nhiều đề tài, chủ yếu phân thành thể thơ song hành, thơ chậm biếm, cầm ca và mục ca. Trong đó thể thơ song hành được rất nhiều nhà thơ Hy Lạp cổ đại yêu chuộng và sáng tác. Nhà thơ được biết đến sớm nhất của Hy Lạp là Callinus, sống vào cuối thế kỷ thứ 7 TCN. Tuy nhiên, người có sở trường nhất đối với thể thơ song hành phải được nhắc đến là Simonides (556-466 TCN). Solon, người sáng lập nên chế độ dân chủ Athens cũng là tác giả của không ít bài thi ca.

Tuy nhiên, trong thơ trữ tình, cầm ca mới là thể loại thơ đạt được những thành tựu cao nhất, cầm ca là một thể thơ được viết lên thành những ca khúc và hòa xướng cùng với tiếng đàn. cầm ca được chia làm hai loại là độc xướng và hợp xướng.



Một chiếc bình gốm có niên đại vào khoảng năm 600 TCN. Miệng bình có hình thú, thể hiện trí tưởng tượng phong phú và sự khéo léo của các nghệ nhân Hy Lạp cổ đại.

Nhân vật đại biểu cho thể loại ca cầm độc xướng là nhà thơ nữ Sappho (612 TCN -?). Trong cuộc tranh đấu giữa phái dân chủ và phái quý tộc, bà bị bức phải lưu đầy ra nước ngoài, về sau bà đã sáng lập trường học âm nhạc trên đảo Lesbos, quê hương của bà. Trong suốt cuộc đời của mình, Sappho đã sáng tác tổng cộng 9 tập thơ, nhưng hiện nay chỉ lưu lại được hai hoàn chỉnh, các tập khác đều bị rách nát, chỉ còn lại một vài chương. Ngôn ngữ thơ của bà vô cùng trong sáng, tình cảm chân thật, thấm thiết. Đề tài chính trong các trang thơ của bà là những cuộc tình bi ai, đắm đuối. Tác phẩm “Gởi An-dromeda” là những lời thơ tràn ngập trong ai oán, xúc động lòng người. Người ta còn đồn rằng, Sappho là người đồng tính luyến ái. Rất nhiều tác phẩm của bà đã bị thiêu hủy công khai tại La Mã và Constantinople vào năm 1703. Tuy nhiên, trong thế giới Hy Lạp cổ đại, địa vị của Sappho rất cao. Bà từng được Platon xưng tụng là “Muse (Nàng thơ) thứ 10”.



Tượng bán thân Thucydides.

Ngoài Sappho, Alcaeus và Anacreon cũng là những nhà thơ có sở trường về thể loại cầm ca độc xướng. Alcaeus có mối quan hệ rất mật thiết với Sappho, nhưng danh tiếng thì có phần kém hơn một chút. Đề tài sáng tác của ông chủ yếu đề cập đến lĩnh vực chính trị và chiến tranh, thể hiện sự mạnh mẽ của thể thơ ca cầm. Các nhà bình luận sau này đều nhìn nhận, chính sự xuất hiện của ông cùng với Sappho đã làm cho thơ trữ tình Hy Lạp vươn đến đỉnh cao nghệ thuật. Riêng về Anacreon, do dựa vào vương thất, đảm nhiệm thơ cung đình, nên ít danh tiếng. Tác phẩm của ông thông tục, lưu loát, có ảnh hưởng sâu sắc đối với nền thi ca của châu Âu từ sau thế kỷ 16.



Một bài văn bằng chữ Hy Lạp cổ được khắc trên những tấm bia kỷ niệm nằm bên cạnh thánh đường Delphi. Sự phát triển của văn tự Hy Lạp ảnh hưởng trực tiếp đến sự lưu truyền và phát triển của văn học đương thời.

Đối với thể thơ cầm ca hợp xướng, nhà thơ đạt được những thành tựu cao nhất là Pindar (518-442 TCN), ông từng thọ giáo một số nhà âm nhạc lừng danh của Athens. Đề tài chủ yếu trong các tác phẩm của ông là ca tụng thần linh, ca tụng hội thi Olympic. Trong suốt cuộc đời của mình, ông đã sáng tác được 17 tập thơ, hiện còn giữ được 4 tập hoàn chỉnh (có tổng cộng 45 bài thơ). Tác phẩm của Pindar có ảnh hưởng rất lớn đối với hậu thế. Milton; Goethe v.v... đã phần nào mô phỏng phong cách của ông.



Tượng thần Apollo. Tác phẩm được phục chế vào thời kỳ La Mã, Apollo là thần mặt trời trong thần thoại Hy Lạp, đồng thời còn là vị thần chủ quản về âm nhạc, nghề thuốc và những lời tiên tri.

Những câu chuyện ngụ ngôn có hàm ý sâu sắc

Về phương diện ngụ ngôn, người đạt được nhiều thành công nhất là Ezop, một nô lệ được phóng thích. Ông là người thông minh tuyệt đỉnh, đã sáng tác vô số truyện ngụ ngôn. Hiện nay chúng ta chỉ còn lưu giữ được hơn 120 câu chuyện được một số tác giả chỉnh lý lại vào thế kỷ thứ 4 TCN. Nhưng theo kết quả khảo chứng của các chuyên gia thì rất nhiều câu chuyện trong đó có nguồn gốc từ châu Phi và châu Á, hoàn toàn không phải là tác phẩm của Ezop.

“Ngụ ngôn Ezop” chủ yếu thông qua ngôn ngữ và hành động của một số loài vật để truyền tải những lời giáo huấn về đạo làm người. Đó là những câu chuyện nổi danh như “Sự tử và chuột”, “Cáo và hạt tiên”, “Sói đói lột dê”, “Cáo và chùm nho” v.v... Những câu chuyện trong “Ngụ ngôn Ezop” thường rất ngắn, nhưng lại chứa đựng một giá trị tư tưởng lớn, thể hiện trí tuệ sâu sắc của người Hy Lạp cổ đại, tạo nên một sự ảnh hưởng rộng khắp đối với nền văn học thế giới về sau.



Người Menan ở Athens luôn chiếm vị trí quan trọng trong lĩnh vực hài kịch.

Các đề tài chủ yếu của văn học phương Tây trong lĩnh vực thơ có sử thi, thơ giáo huấn, thơ trữ tình, thơ điền viên; về kịch nghệ có bi kịch và hài kịch; về văn xuôi có lịch sử, diễn thuyết, luân văn triết học, bình luận văn học, truyện ký và ngụ ngôn. Nói chung, không thể loại nào không bắt nguồn từ Hy Lạp cổ đại.

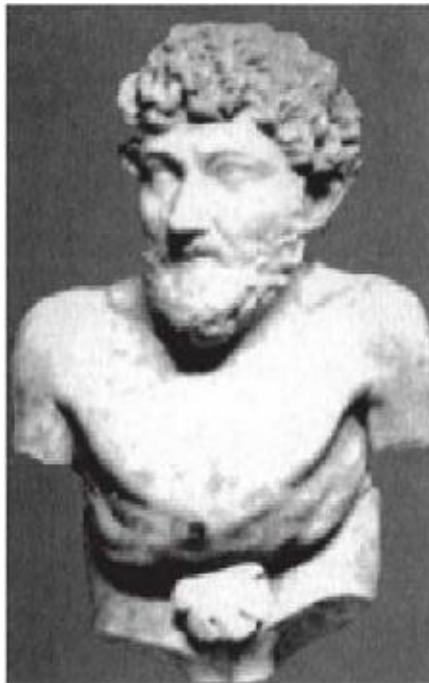


Theokritos, người được mệnh danh là “mục ca thi nhân”.

“Thời đại di dân” là thời kỳ nền văn học Hy Lạp cổ đại đạt tới những thành tựu cao nhất. Rất nhiều tác phẩm được sáng tác trong thời gian này vẫn được truyền tụng cho đến tận hôm nay. Nó không chỉ tạo nên một sự ảnh hưởng rộng khắp đến lĩnh vực thi ca và ngụ ngôn, mà đối với thế giới ngày nay, những tác phẩm ấy luôn mang đến cho chúng ta những cảm thụ về cái đẹp và một nguồn triết lý bao la.

Ngụ ngôn Ezop

Thông qua những câu chuyện giản dị, ngắn gọn, “Ngụ ngôn Ezop” đã tái hiện lại những sinh hoạt thường ngày theo một phương thức hết sức hóm hỉnh và vui nhộn. Đó thực là những câu chuyện hết sức bình dị, ngôn từ mộc mạc, nhưng lại truyền tải được những chân lý sâu xa và tạo nên sức hút mạnh mẽ đối với mọi người. Xét trên khía cạnh văn học sử, “Ngụ ngôn Ezop” đã tạo nên một sự ảnh hưởng rất lớn đối với nền văn học phương Tây. “Ngụ ngôn Ezop” đã thu hút và chắt lọc những tinh hoa của văn hóa Đông Tây, trở thành một tác phẩm kinh điển được bạn đọc khắp nơi trên thế giới yêu thích.



Tượng bán thân Ezop, một tác giả vĩ đại đã để lại cho thế giới một tác phẩm vĩ đại.

“Ngụ ngôn Ezop” là một tác phẩm có tính tư tưởng và tính nghệ thuật cao. Rất nhiều nhà chính trị, nhà văn, nhà nghệ thuật, đã dẫn luận những câu chuyện, lời nói trong ngụ ngôn Ezop để diễn thuyết, luận chứng cho những quan điểm của mình. Ezop đã khéo léo sử dụng những câu chuyện đơn giản, dễ hiểu để truyền tải những triết lý sâu xa thâm diệu, khiến người đọc suy nghĩ sâu xa, nhớ mãi không quên.



Một cuốn sách “Ngụ ngôn Ezop” được xuất bản bằng tiếng Anh vào năm 1509.

Trải qua mấy ngàn năm, ngụ ngôn Ezop đã trở thành một tác phẩm sư phạm của được lưu truyền rộng rãi nền văn học phương Tây và nhất trên thế giới.



Một bức tranh minh họa cho câu chuyện “Người thợ săn và con cáo” trong ngụ ngôn Ezop.

Chương 3

KHÁM PHÁ NỀN VĂN MINH RỰC RỠ CỦA HY LẠP CỔ ĐẠI TỪ TRONG ĐỒNG PHẪ TÍCH

Với sự hướng dẫn của Hans Roman – một học giả của Trường đại học Bochum nước Đức, một nhóm khảo cổ người Đức đã phát hiện được di chỉ đền thờ Panionion trên núi Koehler, cách thành phố cảng Izmir của Thổ Nhĩ Kỳ 100km về phía Nam.

Cách đây 2.500 năm, Panionion là đền thờ trung tâm của thành bang Panionion, thuộc vùng đất Hy Lạp cổ đại, nơi thờ cúng một vị Nữ thần của biển và lục địa. Tác phẩm “Iliad” từng đề cập đến sự tôn kính của nhân dân Hy Lạp đối với vị thần này. Thế kỷ thứ 7 TCN, người Hy Lạp đã đánh thắng những người Karl sinh sống thời gian dài xung quanh thành bang Melia thuộc bán đảo Tiểu Á, đồng thời cho xây dựng một ngôi đền thờ tại nơi đây. Đó chính là đền thờ Panionion. Phát hiện này cũng trả lời cho những nghi vấn trước đây của một số nhà khoa học, cho rằng đền thờ Panionion phải nằm ở một vị trí khác trên bán đảo Tiểu Á. Roman cho rằng, phát hiện này sẽ giúp cho những tư liệu sử học ngày nay có thể được chứng thực thông qua phương pháp khảo cổ. Ngoài ra, công việc khai quật ngôi đền có lịch sử 2.500 năm tuổi này nhất định sẽ thu hút sự quan tâm rất lớn của giới khảo cổ học trên toàn thế giới.



Vệ thành Athens, khu vực đền thờ các vua Athens. Ngoài đền thờ Panionion, đây cũng là một trong những đền thờ tiêu biểu cho nền văn minh huy hoàng của Hy Lạp cổ đại.

Thông qua những phế tích, chúng ta có thể hình dung được cảnh quang huy hoàng thời bấy giờ. Hãy thử nghĩ xem, nếu không có sự tàn phá của chiến tranh, thì những phế tích ấy sẽ như thế nào? Có lẽ, sẽ không có ai trả lời được cho câu hỏi vừa nêu ra.

❖ ĐỈNH CAO CỦA NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC

Venus – Nữ thần cắt tay

“Aphrodite của Melos”, thường được gọi với những tên như: “Venus de Milo”, “Tượng Vệ nữ” hay “Vệ nữ cắt tay”, đây là một tuyệt tác của nhà điêu khắc Alexandros thực hiện trên chất liệu đá cẩm thạch, cao 204cm, có niên đại vào khoảng năm 150 TCN, hiện đang được trưng bày tại bảo tàng Louvre của nước Pháp. Tượng Vệ nữ được thể hiện bằng những đường nét hết sức sinh động và cân đối, tĩnh lặng mà vĩ đại, đơn thuần mà cao quý. Hơn 100 năm qua, nó vẫn luôn được xem là bức tượng tuyệt mỹ nhất trên thế giới. Với những đường nét cơ thể hết sức cân đối, gương mặt trang nhã với một nụ cười khẽ nở trên môi, hơi chuyển người sang bên nhưng vẫn không mất đi dáng đứng cao quý. Tất cả đã hình thành một hình thể hài hòa và đẹp đẽ vô cùng.



Tượng Vệ nữ được xem là tiêu chuẩn hoàn hảo nhất cho cái đẹp của một người phụ nữ.

Mùa xuân 1820, tượng Vệ nữ được tìm thấy trên đảo Melos của Hy Lạp. Ngay lập tức, nó đã thu hút được sự quan tâm của các nhà khảo cổ và nghệ thuật trên khắp thế giới. Từ ngày được phát hiện, nó đã được công nhận là bức tượng đẹp nhất trong việc thể hiện hình ảnh người phụ nữ Hy Lạp. Thông qua bức tượng, chúng ta có thể nhìn thấy vẻ đẹp của người Hy Lạp cổ đại, đó

không chỉ là vẻ đẹp về mặt tâm linh, mà còn là một cái đẹp thực tại, có thể nhìn ngắm và cảm thụ được bằng những giác quan. Thật khó có thể tưởng tượng con người thực của nàng Vệ nữ, nhưng từ những đường nét mỹ miều trên bức tượng, chúng ta có cảm thụ được nét đẹp tuyệt vời của người thiếu nữ ấy.

Nghệ thuật điêu khắc của Hy Lạp cổ du nhập từ Ai Cập

Truyền thống điêu khắc của phương Tây bắt nguồn từ văn hóa Hy Lạp cổ và La Mã cổ đại, nhưng nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp lại chịu ảnh hưởng sâu sắc của nghệ thuật điêu khắc Ai Cập cổ đại. Vào khoảng năm 4.000 TCN, nghệ thuật điêu khắc Ai Cập đột nhiên phát triển mạnh mẽ, đồng thời tạo nên thời kỳ toàn thịnh đầu tiên trong lịch sử điêu khắc thế giới. Nghệ thuật điêu khắc của Ai Cập đã đạt tới trình độ tạo hình chuẩn xác, phong cách hóa ngôn ngữ, dáng vẻ tinh thần nội tại thần bí. Đến thời kỳ cổ vương quốc, nhiều tác phẩm điêu khắc kiệt xuất của Ai Cập đã ra đời, tiêu biểu nhất có thể kể đến là bức tượng nhân sư khổng lồ tại quần thể Kim tự tháp Giza. Bức tượng có độ cao khoảng 20m, dài hơn 50m, riêng phần mặt đã cao đến 5m, tượng nhân sư cùng với kim tự tháp Cheops khổng lồ ngay cạnh đó đã tạo nên một hệ thống kiến trúc vĩ đại và thần bí. Trang phục trên tạo hình của bức tượng từ thể thức “góc cạnh”, dường như là mặt người mình sư tử, đầu đội khăn của quốc vương và khá gần với hình tượng của một vị Pharaoh (vua Ai Cập cổ) khác. Bức tượng là sự phản ánh mối quan hệ chặt chẽ của nghệ thuật điêu khắc Ai Cập cổ đại với các hoạt động tế tự và sinh hoạt tôn giáo. Trên hình thức, bức tượng này cùng với tượng Pharaoh khác toát lên vẻ trang nghiêm, hùng vĩ, đôn hậu và vững vàng như một ngọn núi không hề lay chuyển.

Bất luận là tượng nhân sư, Pharaoh hay một tác phẩm điêu khắc nào khác, tất cả đều phải tuân theo thể thức “góc cạnh”. Thông qua những tác phẩm đó, chúng ta có thể cảm thụ được lý tưởng thẩm mỹ của nghệ thuật điêu khắc nói riêng và nghệ thuật tạo hình của người Ai Cập nói chung là hướng đến sự vĩnh hằng. Trong khi đó, lý tưởng thẩm mỹ của Hy Lạp là theo đuổi “cái đẹp chân thật”. Bằng linh cảm nghệ thuật và tài năng thiên phú của mình, các nhà điêu khắc Hy Lạp ngày càng sáng tạo nên những hình thức thể hiện mới, tạo một sức sống mới cho các tác phẩm, vươn đến cảnh giới tận cùng của chân thiện mỹ. Những đường nét thẳng, góc cạnh dần được thay thế bằng những đường nét uốn lượn, mềm mại.

Sự phát triển của nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp cổ đại có thể được chia làm 3 thời kỳ: Thời kỳ cổ phong; thời kỳ cổ điển và thời kỳ Hy Lạp hóa.



Một bức tượng được tìm thấy tại vùng Tiểu Á, thể hiện một thanh niên Hy Lạp trong chiếc áo khoác ngắn choàng quanh người, hình tượng nhân vật được thể hiện hết sức chân thật.

Trong thời kỳ cổ phong, nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp cổ đại đang ở trong giai đoạn tìm tòi, các nhà điêu khắc chủ yếu vay mượn thể thức “góc cạnh” của Ai Cập để chế tác tượng người, hình thành thể thức “cổ phong” của riêng mình. Các bức tượng trong thời kỳ này đa số vẫn được thể hiện bằng những đường nét thô cứng, trọng tâm của bức tượng luôn rơi vào giữa hai chân. Đến khi một loạt bức tượng khỏa thân lập thể có niên đại vào khoảng thế kỷ thứ 5 TCN được các nhà khảo cổ khám phá, nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp cổ đại xem như đã tạo được một bước đột phá mới. Trọng tâm của bức tượng chỉ còn đặt trên một bàn chân, cả cơ thể vì thế mà được thả lỏng, hiện lên hết sức tự nhiên và chân thật. Sự xuất hiện của những bức tượng khỏa thân lập thể chính là cột mốc đánh dấu thời kỳ cổ điển của nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp cổ đại.

Thời kỳ cổ điển được xem là thời kỳ toàn thịnh của nền điêu khắc Hy Lạp cổ đại. Vào thời kỳ này, các nhà điêu khắc đã vươn đến đỉnh điểm của “sự chân thật toàn mỹ” và cảnh giới của cái đẹp chân thật và khách quan. Trên phương diện văn hóa lịch sử, các nhà sử học thường gọi giai đoạn từ khi Alexander tiến hành cuộc viễn chinh cho đến khi vương triều Ptolemy của Ai Cập thuần phục đế quốc La Mã là “thời kỳ Hy Lạp hóa”.

Đề tài điêu khắc trong “Thời kỳ cổ Hy Lạp hóa” tương đối phong phú, khu vực xuất hiện cũng hết sức rộng lớn. Trên một ý nghĩa nào đó, nó đã hình thành sự mở rộng về văn hóa, ảnh hưởng lan rộng khắp châu Âu và trở thành nền tảng cho toàn bộ nền nghệ thuật phương Tây. Văn hóa tôn sùng vẻ đẹp chân thật khách quan cũng là sự thể hiện sớm nhất của văn minh phương Tây

với việc coi trọng tính chân lý và tính chân thật khách quan. Điều khắc Hy Lạp cổ đã sáng tạo nên một cái đẹp tổng hợp, hết sức ca ngợi vẻ đẹp vốn có của cơ thể con người, chúng ta có thể lĩnh hội được những điều này từ nhiều tác phẩm điêu khắc tượng khỏa thân. Nói cách khác, xu hướng tôn sùng tượng khỏa thân cũng đã tạo cơ hội phát huy hết những giá trị của ngôn ngữ điêu khắc.

Các bức tượng điêu khắc phụ nữ khởi nguồn từ sự sùng bái sinh đẻ

Vô số hiện vật của Hy Lạp cổ đại cho thấy, trong một thời kỳ lịch sử lâu dài, mặc dù vai trò và địa vị của người phụ nữ đã có nhiều biến đổi, nhưng trong cuộc sống xã hội và văn hóa của Hy Lạp cổ, họ vẫn luôn chiếm vị trí vô cùng quan trọng.

Trong rất nhiều bức tượng điêu khắc được các nhà khảo cổ phát hiện, hình tượng phụ nữ chiếm vị trí chủ đạo, tuy đa số các bức tượng được chế tác khá thô sơ, nhưng đặc trưng giới tính của phụ nữ vẫn luôn nổi bật. Đó là vì phụ nữ có chức năng thiêng liêng duy trì nòi giống cho xã hội, cho nên, lúc bấy giờ người ta coi phụ nữ – có đặc trưng giới tính tương quan với “Mẹ của mặt đất” hay “Nữ thần sinh sản” trong tín ngưỡng ban đầu – là khởi nguồn của sinh mệnh và ngày càng cường điệu điều đó lên. Quan niệm này đã kéo dài hàng nghìn năm và nó có ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với nền văn hóa và nghệ thuật của Hy Lạp cổ sau này.



Một bức tượng điêu khắc được thực hiện trên chất liệu đá vôi của “Thời kỳ cổ phong”. Có thể nhận thấy tác phẩm chịu sự ảnh hưởng sâu sắc của phong cách nghệ thuật phương Đông.

Vào giai đoạn đầu của thời kỳ đồng đen, trong khu vực quần đảo Cyclades thuộc miền Trung vùng biển Aegean, đã hình thành nền văn minh Cyclades. Một trong những đặc trưng của nó chính là hàng loạt tượng điêu khắc phụ nữ bằng chất liệu đá hoa cương. Một bức tượng “Phụ nữ ôm vai” được tìm thấy trên đảo Naxos cho thấy những bức tượng điêu khắc này có cùng một đặc điểm. Phần đầu có hình của cây thụ cầm (đàn hạc) 7 dây, nhưng không có mắt, tai và miệng; chiếc mũi hình elip lại quá dài. Phần cơ thể không nhiều chi tiết, chỉ có một vài đường vạch lõm sâu vào để phân biệt một số bộ phận trên cơ thể như hai vai, hai chân và cột sống. Theo nghiên cứu của các nhà khảo cổ học, đây là tác phẩm của một điêu khắc gia được mệnh danh là “đại sư Galandleys”.



Đây là một trong những bức tượng tiêu biểu nhất cho nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp trong thời kỳ cổ phong, có niên đại vào khoảng năm 650 TCN.

Ông có thể là một người sinh ra trên đảo Naxos, chuyên điêu khắc tượng phụ nữ. Đặc điểm chung trong các tác phẩm của ông là sử dụng những đường viền trơn phẳng, kết hợp với những đường cong lõm sâu để biểu đạt những đường nét tinh tế của cơ thể. Ông được xem là nhân vật tiêu biểu cho nghệ thuật điêu khắc Cyclades. Các bức tượng trong thời kỳ văn minh Cyclades vẫn lấy hình tượng người phụ nữ làm đề tài chủ yếu, đặc điểm ấy còn được kéo dài đến tận thời kỳ đồ đá mới. Một điểm khác biệt với các giai đoạn trước là những bức tượng trong thời kỳ văn minh Cyclades chủ yếu được phát hiện trong các ngôi mộ, chúng chỉ là những vật tùy táng (được chôn cất theo người chết) mà thôi.

Tượng phụ nữ trong thời đại đồng đen

Văn minh Crete là một đỉnh cao trong thời đại đồng đen của nền văn minh Hy Lạp. Vào thời kỳ ấy, những người phụ nữ trên đảo Crete không phải chịu một sự trói buộc nào, họ được phép mặc những trang phục xinh đẹp nhất, rực rỡ nhất, được tự do lao động, vui chơi, ca hát bên cạnh những người đàn ông, dường như không có gì khác biệt so với phụ nữ trong thời đại ngày nay. Ngay cả một nhà khảo cổ học nghiêm túc nhất cũng phải đặt tên cho một phụ nữ trong bức bích họa của Hoàng cung Knossos là “thiếu nữ Paris”. Với một kiểu tóc tuyệt đẹp, sống mũi cao, đôi môi đầy gợi cảm, nếu như đó không phải là một bức họa đã được sáng tác từ hơn 3.000 năm trước thì có lẽ, đây sẽ là một trong những người phụ nữ yếu điệu và hấp dẫn thế giới ngày nay. Ngay cả các vị nữ thần trong thần thoại Hy Lạp cũng chỉ là những hình tượng được sáng tạo dựa trên dung mạo đoan trang kiều diễm của người phụ nữ Hy Lạp cổ đại mà thôi.



Trong thời kỳ văn minh Cyclades, hình tượng người phụ nữ luôn chiếm giữ vai trò chủ đạo trong nghệ thuật, tạo nên những tác phẩm điêu khắc có tính thẩm mỹ rất cao. Trong hình là tượng một người phụ nữ đang bồng con, mình khoác chiếc áo choàng dài phong cách Doric với một gương mặt hết sức khả ái.

Bảo tàng khảo cổ Heraklion trên đảo Crete có trưng bày một bức tượng “nữ thần giơ tay”, đây là một tác phẩm có tính tạo hình rất cao. Phần thân của bức tượng được thực hiện theo hình trụ tròn và rỗng ruột, phần bên dưới được chế tác từ gốm là một chiếc váy đang xòe rộng. Năm đường vân nhỏ được vẽ song song trên phần thân để thể hiện những nếp gấp của y phục. Xung quanh phần hông là một đường vân rộng, thể hiện cho một sợi thắt lưng đang bó chặt hai bầu vú để trần, hai vòng tròn đồng tâm ở chung quanh và những đường kẻ nhỏ màu hồng trên hai vai và hai cánh tay thể hiện phần áo ngực đang căng ra. Trên gương mặt hình tam giác là một cái mũi nhô ra rất cao, đôi mắt trong, không chút giận dữ. Một nét cắt ngang trên gương mặt thể hiện một cái miệng với đôi môi mỏng, cuối cùng là đôi tai có hình tựa như vây cá. Nữ thần giơ tay là một tư thế tôn giáo, là nghi thức chúc phúc của nữ thần đối với những kẻ thờ kính mình. Tác phẩm này đã tạo nên một sự tương phản rất lớn với tác phẩm “Thiếu nữ Paris”, nhưng sự gia tăng về số lượng của những tác phẩm mang tính hình tượng hóa và trừu tượng

hóa như thế này chính là đặc trưng trọng yếu của nghệ thuật điêu khắc vào giai đoạn cuối của nền văn minh Crete.



Bình đựng nước hoa của phụ nữ Hy Lạp cổ đại được chế tác theo hình dáng những chiếc giày.



Một bức bích họa miêu tả các phụ nữ Hy Lạp cổ đại đang dệt vải.

Đến thế kỷ 11 TCN, hai nền văn minh Crete và Mycenae lần lượt biến mất, Hy Lạp cổ đại bước vào một thời kỳ tăm tối, văn hóa Hy Lạp chịu ảnh hưởng sâu đậm nền văn hóa đến từ phương Đông. Mãi đến thế kỷ thứ 7 TCN, nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp dưới sự hấp thụ và tác động của nghệ thuật điêu khắc phương Đông mới bắt đầu có được những bước phát triển mới. Một số tác phẩm điêu khắc lớn đã xuất hiện trong thời kỳ này. Nền nghệ thuật Hy Lạp trong thời kỳ này được gọi với cái tên là “phong cách Daedalus”, hình tượng nhân vật được khắc họa một cách lý tính và nghiêm cẩn. Nữ thần vẫn là đề tài nghệ thuật chủ yếu của thời kỳ này. Bức tượng “Phụ nữ phong cách Daedalus” được thực hiện trong khoảng thời gian từ năm 680-660 TCN, tìm thấy trên đảo Boros, được xem là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật Daedalus ở giai đoạn sau.



Bức bích họa “thiếu nữ Paris” nổi tiếng được tìm thấy trong hoàng cung Knossos.

Trước khi bước vào “Thời kỳ Cổ điển” – giai đoạn phát triển rực rỡ nhất của nền văn minh –

tượng thiếu nữ trở thành một trong những hình thức nghệ thuật chủ yếu của Hy Lạp cổ đại. Các thiếu nữ trong tác phẩm thường được thể hiện với một hình thể mảnh mai, mềm mại, không còn thô cứng như trước đây. Đặc biệt là gương mặt của các thiếu nữ thường gắn liền với một nụ cười nhẹ nhàng nhưng cũng không kém phần bí hiểm so với nụ cười của nàng Mona Lisa. Các cuộc khai quật ở vệ thành Athens đã tìm thấy rất nhiều tượng thiếu nữ như thế này, đó là những lễ vật dâng lên Nữ thần Athena. Điển hình nhất trong các tác phẩm này là bức tượng một thiếu nữ mặc chiếc váy dài Ionic màu xanh lục với vô số nếp gấp nhỏ hình gợn sóng. Chân trái duỗi ra làm cho chiếc váy dài được nâng lên. Phần bên dưới của chiếc váy được trang sức bằng những hoa văn uốn khúc. Gương mặt được thể hiện gần như vuông vức, mái tóc uốn cong hình sóng tạo nét mềm mại cho gương mặt, khả năng vận dụng màu sắc mạnh mẽ đã làm nổi bật được phần hàm dưới và độ tươi sáng của ngũ quan.



Tượng Nữ thần bằng gốm, vào thời kỳ này, mô hình của tác phẩm vẫn được thể hiện hết sức nghiêm cẩn.



Bức tượng người mẹ bồng con được thực hiện hết sức tinh tế, các nếp gấp trên áo rất ấn tượng, gương mặt biểu lộ được tình cảm trìu mến của người mẹ đối với đứa con bé bỏng của mình.

Tượng phụ nữ thể hiện phong thái nữ thần trong thời kỳ cổ phong

Từ “Thời kỳ Cổ điển” trở về sau, thần thoại Hy Lạp là đề tài nghệ thuật quan trọng nhất. Mặc dù vào thời kỳ này, hình tượng nam giới đã trở thành đối tượng chủ yếu trong sáng tác nghệ thuật, nhưng hình tượng của phụ nữ trong thần thoại vẫn là một đề tài không thể thiếu. Bức tượng nữ thần Demeter hiện đang lưu giữ trên đảo Crete là tác phẩm vô cùng tinh xảo trong thế kỷ 2. Nó là sự hỗn hợp những đặc điểm của các tác phẩm điêu khắc đã được biết đến cuối thời kỳ Cổ điển và thời kỳ Hy Lạp hóa. Phía sau tác phẩm này là một câu chuyện cảm động lòng người: Nữ thần Demeter là vị thần bảo hộ nông nghiệp – có một lịch sử lâu đời trong thần thoại Hy Lạp – con gái của thần là Persephone bị Diêm vương Pluto (Hades) cướp về thành thân nên không thể nào trở về với bà được nữa, vì vậy bà vô cùng đau khổ. Do không thể nào quên đi nỗi đau mất con, nên Demeter tạm ngưng giúp đỡ loài người, hậu quả là nông sản bị hư hoại, đồng ruộng trở thành đất hoang. Thấy được nguy cơ đe dọa, vị thần thống trị tối cao của chư thần Olympia là Zeus phải đứng ra hòa giải, nhằm cứu vãn nhân loại. Theo đề nghị của thần Zeus, Pluto đồng ý cho Persephone mỗi năm được trở lên mặt đất thăm mẹ 2/ 3 thời gian. Trong khoảng thời gian ấy, Nữ thần Demeter cảm thấy vô cùng hạnh phúc, nhờ đó mà đất đai được đâm chồi nảy lộc, mùa màng bội thu. Riêng khoảng thời gian không có con gái bên cạnh, Nữ thần lại trở nên buồn bã và chẳng màng đoái hoài đến đời sống nhân loại, vạn vật lại trở nên khô héo tiêu điều. Có thể đây cũng là một câu chuyện chân thật về tình cảm của những người mẹ Hy Lạp cổ đại.



Bức tượng người thiếu nữ tay cầm một chiếc khay, bên trong có rất nhiều sinh vật. Tác phẩm được thực hiện vào thế kỷ 2TCN.

Mỗi thời đại khác nhau sẽ có những hình thức nghệ thuật khác nhau, những chủ đề sáng tác khác nhau, nhưng văn hóa và nghệ thuật Hy Lạp cổ đại vẫn luôn mang đến cho chúng ta một cảm giác tràn đầy dư âm. Mặc dù trải qua bao nhiêu năm tháng, nhưng những tinh hoa của nghệ thuật Hy Lạp cổ đại sẽ mãi còn hiện diện trong thế giới chúng ta.

“Người Gaul tự sát”



Đây chính là bức tượng “Người Gaul tự sát” nổi tiếng, thần thái và động tác đều được thể hiện hết sức chân thật.

Một trong những trung tâm nghệ thuật quan trọng của thời kỳ cổ Hy Lạp hóa là Vương quốc Bergama trên bán đảo Tiểu Á. Từ năm 241-197 TCN, nhân dân Bergama đã đẩy lùi những cuộc tiến công vô cùng mạnh mẽ của người Gaul. Nhà vua bèn ra lệnh xây dựng vệ thành, và bên trong quảng trường quốc gia, ông cho dựng nên một số bức tượng kỷ niệm chiến thắng của đất nước. Bức tượng “Người Gaul tự sát” là một trong số những bức tượng đã được thực hiện trong dịp này. Tác phẩm thể hiện hình ảnh vị thủ lĩnh Gaul sau khi bị người Bergama đánh bại, vì không muốn chịu đựng sự nhục nhã của một tù binh, ông đã quyết định tự sát sau khi tự tay giết chết người vợ của mình, đó là một tác phẩm miêu tả lại một tấn bi kịch rung động lòng người. Nhà điêu khắc đã khắc họa khoảnh khắc cấp bách khi tự sát, tác phẩm đã vận dụng thành thực thủ pháp tạo hình so sánh, đứng với ngã gục; sống và chết; động và tĩnh v.v... hình thành một tác phẩm nghệ thuật có thể quan sát từ mọi góc độ, trở thành khuôn mẫu cho những bức tượng đặt tại các quảng trường.



Buổi lễ hiến tế dâng lên Nữ thần nông nghiệp Demeter. Có thể nói, thần thoại đã trở thành một đề tài bao trùm lên toàn bộ nền nghệ thuật của Hy Lạp cổ đại.

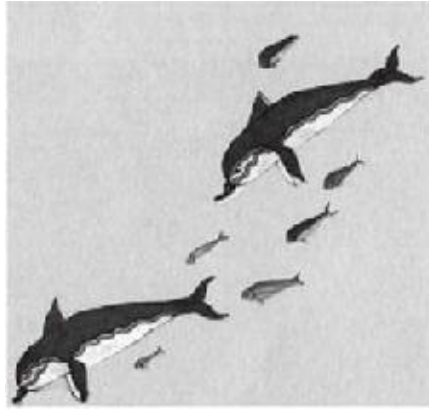
❖ DIỆN MẠO THẬT CỦA NHỮNG CHIẾC BÌNH GỐM THẦN BÍ

Tại những di chỉ khảo cổ trên đảo Crete, các nhà khoa học đã phát hiện được rất nhiều bức bích họa dùng để trang trí trong các ngôi nhà, trong đó bức tranh miêu tả hai bên cảng khiến cho các nhà khảo cổ hết sức kinh ngạc, một bên là những người khỏa thân hoặc mặc những chiếc áo ngắn bó ngang hông của người Hy Lạp cổ; một bên là nhóm người khoác áo choàng, thể hiện phong thái của những nhà quý tộc; ở giữa là một đội thuyền với rất nhiều hàng hóa. Có lẽ bức tranh miêu tả một cuộc mua bán trên biển. Bức tranh hiện đang được trưng bày tại viện bảo tàng khảo cổ Athens.

Những bức bích họa tinh tế, luôn mang đến cho chúng ta nhiều cảm xúc và tưởng tượng. Với vô số bức bích họa được tìm thấy tại các khu di chỉ, chúng ta có thể khẳng định được sức tưởng tượng phong phú, trí tuệ và bàn tay khéo léo của những nghệ nhân Hy Lạp cổ đại. Trong tâm trí của người Hy Lạp, “nghệ thuật chính là cuộc sống”.

Thần thoại và nền nghệ thuật đa sắc của Hy Lạp cổ đại

Quá trình hình thành và phát triển của nền nghệ thuật Hy Lạp có mối quan hệ mật thiết với lịch sử xã hội, đặc điểm dân tộc và điều kiện tự nhiên. Với đặc điểm là một quốc gia thành bang theo chế độ dân chủ chủ nô, Hy Lạp cổ đại đã có một điều kiện hết sức thuận lợi để phát triển nền văn hóa nghệ thuật của mình.



Một bức bích họa được tìm thấy trong hoàng cung Knossos, những chú cá heo được thể hiện hết sức sống động.

Một đất nước thành bang đòi hỏi phải có những công dân khỏe mạnh về thể xác và hoàn thiện về tâm linh, đó cũng là hình tượng lý tưởng cho sáng tạo nghệ thuật. Sự phát triển của thương mại và hàng hải đã hun đúc cho người Hy Lạp một ý chí kiên cường, trí tuệ nhạy bén và khát vọng vươn đến lý tưởng. Những cuộc hải hành cũng mở ra cho người Hy Lạp cơ hội tiếp xúc với các nền văn hóa đặc sắc khác như Lưỡng Hà, Ai Cập v.v... Thần thoại Hy Lạp là mảnh đất ươm mầm cho nghệ thuật Hy Lạp cổ đại. Thần thoại Hy Lạp phản ánh lối tư duy lý tính của con người trước các hiện tượng kỳ bí của tự nhiên, chứa đựng những quan niệm về lịch sử và triết học của Hy Lạp cổ đại. Đặc điểm “thần nhân đồng hình đồng tính” (Thần và người đều có hình dáng và tính cách giống nhau) trong thần thoại Hy Lạp khiến cho Thần cũng có tình cảm và diện mạo như con người, trở thành nhân tố có lợi cho sự liên thông giữa nghệ thuật và cuộc sống.



Một bức bích họa khá kỳ lạ được tìm thấy trong hoàng cung Knossos. Trung tâm của bức họa là một con bò đực, người đàn ông phía bên trái đang cố nắm sừng con bò, còn người đàn ông bên phải thì đang chuẩn bị đón lấy người đàn ông đang muốn nhảy xuống từ lưng của con bò.

Khí hậu ôn hòa của vùng biển Địa Trung Hải khiến cho người dân Hy Lạp cổ đại rất thích tham gia vào những hoạt động ngoài trời. Trong các hội thi Olympic được tổ chức bốn năm một lần, hình ảnh những vận động viên khỏe thân đang hăng say thi đấu đã trở thành một nguồn cảm hứng cho các nhà nghệ thuật Hy Lạp, giúp họ sớm có khả năng cảm thụ và biểu hiện vẻ đẹp cơ thể con người. Chính trong điều kiện đặc biệt này, các nhà nghệ thuật Hy Lạp cổ đại đã sáng tác nên những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc, để lại những di sản vô giá trong kho tàng nghệ thuật của nhân loại.

Trước thế kỷ thứ 8 TCN, trong quá trình giao lưu với các dân tộc phương Đông ở vùng Tiểu Á, nghệ thuật hội họa Hy Lạp cổ đại đã có được những cơ hội phát triển. Bước vào “Thời kỳ cổ phong”, loại hình hội họa mang tính tình tiết đã được xác lập, liên tiếp xuất hiện ba phong cách: Phong cách phương Đông; Phong cách hắc họa (màu đen là chủ đạo) và Phong cách hồng họa (màu đỏ là chủ đạo). Mỹ thuật trong văn hóa Crete chủ yếu tập trung bên trong Cung điện của quốc vương Minos trên đảo Crete lúc bấy giờ. Cung điện Knossos là một quần thể kiến trúc vô cùng đồ sộ và phức tạp, diện tích khoảng 20.000m². Cấu trúc phức tạp biến hóa đa tầng này được gọi là “Mê Cung”. Các bức vách bên trong cung điện được trang trí rất nhiều bích họa, trong đó có thể kể đến những tác phẩm nổi tiếng như “Thiếu nữ Paris”, “Những người phụ nữ

đang trò chuyện”, “Thi nữ” ... Trên đảo Crete, các nhà khảo cổ còn khai quật được rất nhiều bức tượng cỡ nhỏ, điển hình trong số đó là tượng “Cô gái đùa giỡn với rắn”, các đề tài của họ thường là sự vay mượn lại những tranh ảnh và hình tượng từ phương Đông.



Cảnh một cuộc thi chạy đường dài được thể hiện trên một chiếc bình gốm, để kỷ niệm những chiến thắng trong chiến dịch Marathon. Nhân dân Hy Lạp cổ đại đã tổ chức cuộc thi chạy đường dài mang tên Marathon, và cuộc thi ấy vẫn được duy trì cho đến tận ngày nay.

Đến đầu thế kỷ thứ 6 TCN, hội họa Hy Lạp đã bắt đầu thoát ly khỏi ảnh hưởng của truyền thống phương Đông, dần dần hình thành nên phong cách của riêng mình, đồng thời cũng sáng tạo được những tác phẩm vô cùng đặc sắc. Theo truyền thuyết kể lại, có hai họa sĩ Hy Lạp cổ từng thi tài với nhau, người thứ nhất vẽ một mâm trái cây vô cùng tươi ngon, đến nỗi lũ chim cứ tưởng thật nên bay xuống mổ lấy mổ để. Người kia còn cao tay hơn, ông vẽ một tấm vải phủ lên bức tranh, lừa được đối thủ của mình bước tới “vén” tấm vải lên để ngắm nghía bức tranh. Chiến thắng đương nhiên đã thuộc về người họa sĩ này.

Tuy nhiên, những tác phẩm mỹ thuật của Hy Lạp cổ còn lưu truyền cho đến hôm nay chủ yếu chỉ tập trung trên lĩnh vực điêu khắc và kiến trúc. Chúng ta không có may mắn được lưu giữ lại tên tuổi cũng như những tác phẩm hội họa của những họa sĩ lừng danh ngày ấy. Nhưng với những tài liệu còn ghi chép lại, chúng ta có thể tưởng tượng được một thời kỳ phát triển khá rực rỡ của nền hội họa Hy Lạp cổ đại.



Người thanh niên trên bích họa vương cung Minos là một vương tử, hình tượng nhân vật có động thái rất đẹp.

“Thời đại hoàng kim” của tranh vẽ trên gốm

Bên cạnh bích họa, chúng ta còn có thể tìm thấy diện mạo của nghệ thuật hội họa Hy Lạp cổ đại qua một thể loại khác đó là “bình gốm” (tức nghệ thuật vẽ tranh trên các dụng cụ bằng gốm sứ). Những chiếc bình gốm được khai quật trong khu mộ Dipylon, có từ thế kỷ thứ 8 TCN, đã giúp cho các nhà khoa học nhìn thấy được diện mạo của một nền nghệ thuật bình gốm vô cùng đặc sắc. Đến thế kỷ thứ 7 TCN, hội họa Hy Lạp cổ chủ yếu chịu sự ảnh hưởng của phong cách phương Đông, đặc biệt là các hình tượng đến từ khu vực Lưỡng Hà và Ai Cập.

Nhưng nhắc đến thời kỳ hoàng kim của nghệ thuật vẽ tranh trên gốm, chúng ta phải kể đến “Thời kỳ cổ phong” và “Sơ kỳ cổ điển”, tức khoảng thời gian từ năm 650-480 TCN. Nghệ thuật vẽ tranh trên bình gốm của Hy Lạp cổ đại trải qua hai giai đoạn phát triển chủ yếu là “Hắc hội thức” (màu đen đóng vai trò chủ đạo) và “Hồng hội thức” (màu đỏ đóng vai trò chủ đạo). Phong cách Hắc họa xuất hiện vào đầu thế kỷ thứ 6 TCN. Đặc trưng của phong cách này là nhân vật chủ thể được thể hiện bằng màu đen, bối cảnh vẫn giữ nguyên sắc đỏ của gốm, khiến cho đường viền của hình tượng được nổi bật lên. Tác phẩm tiêu biểu cho thời kỳ này là “Achilles và Aiesi đổ xúc xắc”. Phong cách Hồng họa xuất hiện vào cuối thế kỷ thứ 6 TCN. Đây là một phong cách tương phản với phong cách Hắc họa, phần bối cảnh của bình gốm sẽ được bôi đen, chỉ còn lưu lại màu đỏ của phần chủ thể. Phong cách này chủ yếu lưu hành trong thời kỳ cổ điển. Các tác phẩm hội họa thường thể hiện những cảnh có nhiều tình tiết, đề tài chủ yếu là các câu chuyện trong thần thoại và những cảnh trong cuộc sống thường nhật. Những đường nét mềm mại, biến hóa và có khả năng thể hiện các loại hình tượng nhân vật, những cảnh sinh động và cảm xúc tinh tế. Bên cạnh rất nhiều họa sĩ đã không thể lưu lại tên tuổi của mình, nhân loại vẫn còn may mắn biết được danh tánh của một số nhân vật nổi tiếng thời đồ như Exekias, Pushiekeshi (nửa cuối thế kỷ thứ 6 TCN) là những nhà hội họa theo phong cách hắc hội; Oíronios (khoảng năm 520-500 TCN) là nhà hội họa theo phong cách hồng hội. Đây được xem là những cá nhân đầu tiên xuất hiện trong lịch sử hội họa của Hy Lạp cổ đại.



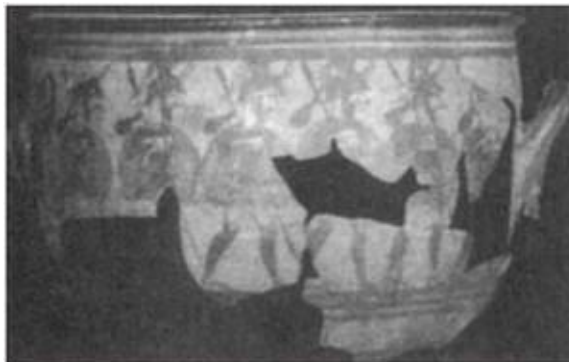
Một bức vẽ trên bình gốm, miêu tả cảnh lao động của những người ngoại bang.

Bước vào thời kỳ cổ điển (khoảng năm 480-323 TCN) lại xuất hiện một loại hình hội họa mới đó là “Bạch đế hội” (đáy của bình gốm được tô bằng màu trắng), tiêu biểu cho phong cách này là những tác phẩm của họa sĩ Achilles. Từ Hắc hội đến Hồng hội, sau đó là Bạch đế hội, cho thấy sự phát triển và biến hóa của nghệ thuật hội họa Hy Lạp cổ đại. Chúng ta có thể hình dung, đối với các họa sĩ Hy Lạp cổ đại, hội họa tựa như một tấm gương phản chiếu mọi mặt của đời sống tự nhiên. Tiêu chuẩn đặt ra là, khi có một người nào đó thưởng thức bức tranh, họ phải cảm nhận được vẻ đẹp chân thật nhất của cảnh hay sự vật được thể hiện trong bức tranh ấy. Hình thái và cách thức mô phỏng tự nhiên, tái hiện đời sống trở thành một trong những đặc điểm cơ bản của nền mỹ thuật Hy Lạp cổ đại.



Một chiếc bình hai quai, có niên đại vào khoảng năm 560 TCN. Mặt bình được trang trí bằng những nét hoa văn uốn lượn và cảnh của những cuộc đi săn. Bình hai quai là dấu tích của phong cách cổ điển trong thời kỳ này.

Nghệ thuật vẽ tranh trên gốm sứ của Hy Lạp cổ đại có ảnh hưởng rất sâu sắc đối với sự phát triển của nền hội họa châu Âu sau này. Nghệ thuật hội họa Hy Lạp bước vào thời kỳ phát triển đỉnh cao, đã tạo nên một sự tương phản rõ nét với phong cách hội họa phương Đông, góp phần tạo nên một thế giới nghệ thuật muôn màu muôn sắc.



Một chiếc bình gốm được tìm thấy ở Hy Lạp. Trên mặt bình là hình tượng của những người lính Hy Lạp rất oai nghiêm và hùng dũng, thể hiện một kỹ thuật hội họa rất cao.

Nghệ thuật hội họa trên bình gốm

Điện Louvre được xem là nơi lưu giữ nhiều cổ vật Hy Lạp nhất trên thế giới. Tại tầng hai của khu lưu giữ là nơi trưng bày rất nhiều bình gốm Hy Lạp cổ đại. Những chiếc bình cổ này đều là những vật dụng tuyệt mỹ, được thực hiện với một trình độ kỹ thuật rất cao. Từ giữa thế kỷ thứ 6 TCN trở đi, bình gốm Athens đã từng lừng lẫy đoạn thị trường quốc ngoại. Những bức tranh tô điểm trên bình cổ là nơi lưu giữ những ký ức về một nền hội họa đã mất đi của Hy Lạp cổ đại. Đỏ và đen là hai màu sắc chủ đạo được sử dụng trên các bình gốm thời kỳ này. Bên cạnh đó, các nhà khoa học còn phát hiện được những bức bích họa tại Akrotiri, phía Nam Santorini của Hy Lạp. Các bức bích họa chủ yếu tập trung miêu tả những cảnh sinh hoạt thường ngày trong cuộc sống như cảnh các thanh niên đang đánh võ, cảnh hàng hải v.v... Khoảng năm 1.500 TCN, các bức bích họa này đã bị chôn vùi trong một trận động đất dữ dội.



Một bức tranh được thể hiện trên chiếc bình chứa nước của Hy Lạp cổ đại, thể hiện một cách sinh động hình ảnh người bảo mẫu đang trao đứa bé cho mẹ của nó.



Những chiếc bình gốm, chậu gốm khai quật được trên đảo. Bên cạnh đó còn có cả một chiếc giường dành cho em bé.

❖ GIẢI MÃ NỀN NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC KỲ LẠ

Khi nhìn thấy cơ bắp rắn chắc, những đường nét cân đối đến tuyệt mỹ của các vận động viên thể hình, chúng ta dễ dàng liên tưởng đến bức tượng “Lực sĩ ném đĩa” của nhà điêu khắc Myron. Bức tượng cao 152cm này hiện vẫn được trưng bày tại Viện bảo tàng quốc gia Roma; Viện bảo tàng Vatican và Viện bảo tàng Teermei. Nguyên tác của nó được Myron thực hiện trên chất liệu đồng đen vào khoảng năm 450 TCN. Đáng tiếc là nguyên tác đã bị mất, những bức tượng được nhìn thấy hiện nay đều là các tác phẩm phục chế. Bức tượng là sự thể hiện hoàn thiện nhất hình ảnh của một vận động viên trong tư thế chuẩn bị ném đĩa, một giây phút xuất thần, một trạng thái vĩnh hằng trong chuỗi động tác thiên biến vạn hóa của người vận động viên. Đó chính là phong cách nghệ thuật cổ điển mà các nghệ nhân Athens luôn muốn hướng đến.



Tác phẩm “Lực sĩ ném đĩa” được thực hiện trên chất liệu cẩm thạch. Đây là tác phẩm được người La Mã phỏng tác dựa trên kiệt tác của nhà điêu khắc lừng danh Hy Lạp là Myron. Nguyên tác của Myron là một bức tượng bằng đồng đen được thực hiện vào khoảng năm 450 TCN.

Sử gia mỹ thuật người Pháp là Dana từng nhận xét: “Người Hy Lạp cổ còn có một loại hình nghệ thuật thể hiện hình thể con người mang tính toàn dân, một nền nghệ thuật thích hợp với phong tục tập quán và tinh thần dân tộc, và có thể nó còn là một nền nghệ thuật phổ biến nhất, hoàn thiện nhất, đó chính là điêu khắc. Nghệ thuật điêu khắc nhân thể (hình thể của con người) chính là đỉnh điểm của nền nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp cổ đại”.

Trong bộ “Sử thi Homer”, tác giả thường dùng từ “nhiều vàng” để hình dung về Mycenae. Trên thực tế, đó không phải là một vùng đất có nhiều vàng, nhưng đó là nơi có nền công nghệ chế tác các sản phẩm từ vàng bạc phát triển khá cao. Đó chính là lý do giúp cho Mycenae có mối quan hệ buôn bán với nhiều nước sản xuất vàng, đặc biệt là mối quan hệ trực tiếp gần bó với Ai Cập, trong đó đáng chú ý nhất là những chiếc mặt nạ bằng vàng, những dụng cụ đựng rượu bằng vàng v.v... Hiện nay, những thành tựu nghệ thuật điêu khắc của Hy Lạp cổ đại chủ yếu được phát hiện trên các chế phẩm bằng vàng hoặc bạc.

Nghệ thuật điêu khắc kỳ lạ nhưng hoàn mỹ của Hy Lạp cổ đại

Điêu khắc động vật được vận dụng rộng rãi trong lĩnh vực chế tác các dụng cụ đựng rượu. “Ly rượu đầu sư tử” được gò từ vàng lá, lấy phương pháp tả thực làm cơ sở, chú ý đến khía cạnh trang sức, chạm trổ, thể hiện những đường nét đặc trưng cơ bản của một con sư tử. Thú vị nhất là “Ly rượu chim bồ câu”, chân cao, có hai tay cầm hai bên, với một phương pháp tạo hình khác thường. Ly rượu có hình dáng khác thường này từng được miêu tả trong sử thi “Iliad” như sau: “Bên cạnh đặt một ly rượu, do một cụ già mang từ làng quê đến đây, nó được khảm bằng những đường chỉ vàng, tai nâng của chiếc ly có tổng cộng là bốn cái, trên mặt của mỗi tai nâng là một đôi chim bồ câu bằng vàng đang đứng, giống như đang há miệng uống nước, mặt dưới của tai nâng có hai tay cầm dài”. Đó là một đoạn ghi chép khớp với thực tế, chứng tỏ “Sử thi Homer” là một tác phẩm được căn cứ trên sự thật lịch sử.



Ngôi đền thờ được người Ai Cập xây dựng tại Komu Ormep, mang phong cách Ai Cập truyền thống, khác biệt hoàn toàn với phong cách điêu khắc của Hy Lạp cổ đại.



Đây chính là chiếc mặt nạ đa “Agamemnon”. Tác phẩm đã thể hiện được nét uy nghiêm của một bậc vương giả.

Mặt nạ vàng là một sản phẩm dùng trong nghi thức mai táng, được chế tác theo hình dạng gương mặt của người mới chết, thường chỉ đặt lên gương mặt của những người có địa vị cao quý trong xã hội. Trên thực tế, những chiếc mặt nạ này là di tượng của các thủ lĩnh thời kỳ bộ lạc thị tộc. Vì vậy, hình tượng gương mặt của những chiếc mặt nạ này thường có đặc điểm chung, hoặc là mắt to mày rậm, hoặc là mày nhạt, hoặc là môi miệng bặm chặt. Phong tục đắp mặt nạ cho người chết của người Mycenae đã được người Ai Cập áp dụng theo từ rất sớm, hơn nữa còn bao hàm những ý nghĩa tôn giáo hết sức rõ rệt: lưu lại cho người chết một gương mặt bất hủ, giúp cho linh hồn họ sau một thời gian phiêu dạt có thể dễ dàng nhận diện lại thân xác của mình. Người Mycenae chế tác các mặt nạ phải chăng cũng bao hàm một ý nghĩa tôn giáo

nào đó? Đến nay vẫn chưa có một sử liệu nào chứng minh cho vấn đề này.

Nhìn từ hoàn cảnh địa lý, nghệ thuật Aegean dường như tiếp thu nghệ thuật Ai Cập trước, rồi sau đó mới mang phong cách nghệ thuật Hy Lạp cổ, nhưng nó tuyệt nhiên không phải là “trung gian” giữa nghệ thuật Hy Lạp cổ và nghệ thuật Ai Cập. Nghệ thuật điêu khắc Aegean có tính dân tộc và tính địa phương rất cao, nó không chỉ được biểu hiện trên phương diện hình thức nghệ thuật mà còn được thể hiện đậm nét trong ý thức thẩm mỹ. Hình tượng nghệ thuật của vùng biển Aegean không mang đến cho mọi người cảm giác về sự sùng bái thần linh và pharaoh giống như những gì luôn được thể hiện trong nền nghệ thuật Ai Cập cổ đại, nói khác hơn là sự thờ ơ đối với hình tượng của các thần linh và bậc vương giả. Nền nghệ thuật của họ có mối tương quan trực tiếp đến những con người bình thường và hiện thực cuộc sống.



Bình pha chế rượu này là sự kết hợp của hai bình đựng rượu có tay cầm, dùng để pha trộn nước và rượu. Có hai loại hình chủ yếu là bình pha chế rượu Crykesi và bình pha chế có hình tay cầm xoắn ốc.

Trong môi trường tự do dân chủ và cạnh tranh quyết liệt, người Hy Lạp không chỉ phát hiện, ấp ủ và sáng tạo ra cái đẹp, mà họ còn sáng tạo ra các vị thần. Trong tâm tưởng của người Hy Lạp cổ đại, con người hoàn mỹ nhất chính là thần. Vì vậy, người Hy Lạp hết sức tôn trọng nhân phẩm con người, họ đưa con người lên địa vị sánh ngang cùng thần linh và khẳng định thêm rằng, thần và người là đồng hình đồng tính (giống nhau về hình dáng và tính cách). Người Hy Lạp cổ cho rằng một thân thể khỏe mạnh cường tráng là nguyên thể của tất cả chân thiện mỹ, và coi thần thoại là nguyên thể tinh thần của nghệ thuật. Đúng như Karl Marx đã từng chỉ ra: “Thần thoại Hy Lạp không chỉ là kho binh khí mà còn là vùng đất phì nhiêu cho nền nghệ thuật Hy Lạp cổ đại”. Vì vậy, những thành tựu nghệ thuật chủ yếu của Hy Lạp luôn được thể hiện trong sự hợp nhất giữa thần linh và con người. Đặc điểm chủ yếu của nền nghệ thuật Hy Lạp cổ đại là tính hài hòa và tính quy luật bao trùm trong mỗi tác phẩm, bên cạnh đó là sự trang nghiêm và tĩnh mịch. Tiêu chí chủ yếu của nó là vẻ đẹp thân thể của con người. Có thể nói,

người Hy Lạp đã công hiến cho nhân loại những tác phẩm nghệ thuật kinh điển, trở thành những mô phạm mà các nghệ sĩ hiện đại luôn ước ao vươn tới.



Một góc bích họa của đền thờ Parthenon, miêu tả ngày lễ tưởng nhớ nữ thần Athena được cử hành 4 năm một lần. Trong ngày ấy, mọi người sẽ dâng cúng lên vị Nữ thần những lễ vật mới.

Những thành tựu to lớn của nền điêu khắc Hy Lạp cổ đại qua các giai đoạn lịch sử

Cuộc xâm lược của các bộ tộc đến từ phương Bắc đã hủy diệt hai nền văn minh Crete và Mycenae, người Hy Lạp cổ rơi vào tình thế cấp bách phải gây dựng lại nền văn minh của chính mình. Chính vì vậy mà trong từng giai đoạn lịch sử khác nhau, các tác phẩm điêu khắc đều có những đặc điểm riêng. Nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp cổ đại được phân làm 3 thời kỳ:



Bức tượng Nữ thần chiến thắng trong đền thờ Apollo ở Delphi, với “nụ cười mang phong cách cổ phong” rất đặc trưng.

Thời kỳ Cổ Phong (năm 750 TCN đến cuối thế kỷ thứ 6 TCN), đây là giai đoạn nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp còn ở giai đoạn thô sơ, tìm tòi.

Thời kỳ Cổ Điển (nửa sau thế kỷ thứ 5 đến năm 334 TCN), giai đoạn sau khi kết thúc cuộc chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư cho đến khi Alexander đại đế bắt đầu cuộc chinh phạt phương Đông.

Thời kỳ cổ Hy Lạp hóa (Năm 334 TCN đến năm 30 TCN), thời kỳ lịch sử đế quốc La Mã tiêu diệt vương triều Ptolemy của Ai Cập.

Khoảng thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 6 TCN, xã hội Hy Lạp cổ phát sinh những biến đổi to lớn, quyền lực của các thủ lĩnh bộ lạc hoàn toàn biến mất, công xã nguyên thủy bị giải thể, chế độ nô lệ xuất hiện, bắt đầu xây dựng nhà nước thành bang theo chế độ nô lệ. Do sự khô cằn của lục địa, mâu thuẫn lợi ích giữa các thành bang ngày càng tăng cao, dẫn đến xu hướng mở rộng lãnh thổ ra biển và tư tưởng thống trị thực dân. Hai phương diện này ảnh hưởng lẫn nhau, thúc đẩy lẫn nhau, khiến Hy Lạp nhanh chóng trở thành một thế lực hùng mạnh trong khu vực Địa Trung Hải.

Vào thời kỳ Homer, nghệ thuật điêu khắc chỉ là những bức tượng nhỏ. Khởi đầu của nền nghệ thuật Hy Lạp cổ chỉ có thể được tính vào thời kỳ Cổ phong, bởi vì, điêu khắc hình thể con người nổi bật nhất trong nền nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp cổ đại, đã được đặt nền móng trong thời kỳ này.

Trong số những bức tượng nam nữ của thời kỳ Cổ phong còn bảo tồn được tới ngày nay,

chúng ta có thể thấy được những thành tựu văn minh của nhân loại trong thời kỳ sơ khai. Các bức tượng nam giới của thời kỳ Cổ phong chủ yếu là những tác phẩm lập thể (hình khối) của các chàng trai trong tư thế khỏa thân, mà người Hy Lạp gọi là Chylus (có nghĩa là “chàng trai”), tỷ lệ cơ thể và cảm giác cơ bắp của những bức tượng được thể hiện rất sát với hình thể con người thật. Những biểu hiện tình cảm trên gương mặt bắt đầu được thể hiện bằng những đường nét sinh động hơn, nhất là sự xuất hiện của nụ cười. Dù nhân vật có địa vị và thân phận như thế nào, nét mặt vui tươi vẫn luôn được thể hiện, trở thành một phong cách thống nhất của thời đại ấy. Người đời sau gọi đây là “nụ cười theo phong cách Cổ phong”.



Đền thờ Sibley ở Atermis, hiện chỉ còn lại những trụ đá đổ gãy.

Trong tiến trình phát triển của nền nghệ thuật Hy Lạp cổ đại có một bước quá độ từ thời kỳ Cổ phong sang thời kỳ cổ điển, tức nửa đầu của thế kỷ thứ 5 TCN. Thời kỳ đó, Hy Lạp trải qua một cuộc chiến tranh lòng lầy chống lại sự xâm lược của người Ba Tư. Chiến dịch Marathon nổi tiếng đã xảy ra trong giai đoạn lịch sử này.

Cuộc chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư có ảnh hưởng sâu sắc đối với người Hy Lạp, những cuộc chiến đấu khốc liệt đã nuôi dưỡng cho họ một tinh thần yêu nước nồng nàn và một ý chí phấn đấu hết mình, đồng thời còn sản sinh ra nền nghệ thuật bi kịch đặc sắc của Hy Lạp. Trong nghệ thuật điêu khắc, xuất hiện những chủ đề mới về chiến tranh, ca ngợi chiến tích của những người anh hùng. Bất luận là chủ đề thần thoại hay hiện thực cuộc sống, các tác phẩm của giai đoạn này đều thể hiện một sự khác biệt đối với phong cách nghệ thuật thời kỳ Cổ phong, tạo nên một sự đối lập rõ nét với nụ cười theo phong cách này, là một phong cách nghiêm cẩn của tinh thần thời đại: từ tư thế tĩnh chuyển sang xu hướng động, thậm chí là những động tác mạnh mẽ, nếu trước đây chỉ tập trung thể hiện chính diện nhân vật thì giờ đây đã phát triển đến trình độ thể hiện rất nhiều góc độ khác nhau của nhân vật. Kỹ thuật điêu khắc cũng đạt đến mức thuần thực, dần dần hình thành nên một tổng thể có tỷ lệ đối xứng, kết cấu chuẩn xác, hình thể rõ nét. Những tác phẩm tiêu biểu của thời kỳ này là “Người đánh xe”, “Poseidon”, “Phù điêu bảo tọa Rudovic” và bức tượng đồng đen “Li Despite” ...



Đây là bức tượng thần biển Poseidon được thực hiện trên chất liệu đồng đen, tìm thấy tại vùng biển Aegean. Hai mắt của bức tượng đã biến mất. Có thể khi thực hiện bức tượng này, người ta đã gắn vào đấy hai viên đá quý.

Người Hy Lạp cổ đại đã khắc họa lý tưởng của mình trên những phiến đá cẩm thạch, đồng thời cũng là sự khắc họa phong cách nghệ thuật và tinh thần dân tộc. Hơn nữa, những thành tựu huy hoàng của nền nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp cổ đại đã tạo nên một ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với sự phát triển của nền nghệ thuật điêu khắc thế giới sau này.

“Ba nữ thần vận mệnh”

“Ba nữ thần vận mệnh” là một nhóm những bức tượng hư nát còn sót lại trong số các bức tượng được điêu khắc trên một sườn núi hình chữ nhân (人), ở phía Đông đền thờ Parthenon. Ba vị nữ thần là Clotho, Kloser và Atropos. Nhiệm vụ của họ là dệt những sợi chỉ vận mệnh của nhân loại, đồng thời cũng dựa theo thứ tự mà cắt bỏ những sợi chỉ vận mệnh. Họ là con gái của Westmeath – cố vấn ngự tiền của thần Zeus. Nhìn qua tư thế và tình cảm thể hiện trên ba bức tượng, chúng ta không có cảm giác đây là những vị thần, mà đó là quan hệ khăng khít của ba chị em, ba con người vô cùng trần tục. Nhìn vào tư thế ngồi nằm khác nhau của họ, chúng ta có thể nhận ra đặc trưng cá tính và khí chất của từng người.



Một tác phẩm hình đầu thú được thực hiện trên chất liệu bằng đá của người Hy Lạp cổ đại.

Người Hy Lạp rất coi trọng tính tổng thể của hình tượng, các bộ phận trên cơ thể đều được phát huy đặc tính tạo hình đến mức cao nhất, cố gắng thể hiện sức sống nội tại của hình tượng. Vì vậy, dù cho hình thể của tượng có bị hư gãy, nhưng mỗi bộ phận đều hàm chứa một tinh thần bất diệt. Có nghĩa là, mỗi một tàn tích của bức tượng đều là một vật thể sinh động, có sức sống của riêng mình. Người thưởng thức có thể thông qua động tác, tư thế, sắc thái của những bộ phận còn sót lại để liên tưởng đến những bộ phận đã hư mất, từ đó có thể đạt đến một cảm thụ thẩm mỹ hoàn thiện nhất.

Các nhà điêu khắc đã vận dụng ngôn ngữ điêu khắc cao siêu, chân thật và tinh tế, khắc họa đường nét của những cơ bắp và làn da mềm mại, đầy đặn ẩn hiện xuyên qua lớp áo. Tác phẩm đã vận dụng những phương pháp biến hóa khúc tuyến khác nhau trong ý đồ tạo hình của mình: những tư thế ngồi đứng khác nhau của các vị nữ thần, những bộ váy dài mềm mại, nương theo sự uốn lượn của những đường cong trên cơ thể mà biến hóa khi thưa khi dày, khi xếp ngang, khi dựng thẳng, từ những đường nét căng đầy trên ngực, cho đến một vòng eo được thắt chặt và thả mềm mại xuống dưới. Nhìn từ chính thể, chúng ta có thể nhận ra sự biến hóa hết sức tinh tế của tác phẩm.

Là một vị tổng kiểm soát về nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của thành Athens, phải chăng, Phidias là người đã đích thân sáng tạo nên tác phẩm này? Thực khó để xác minh được, nhưng chúng ta có thể khẳng định rằng, tác phẩm đã được hoàn thành dưới sự chỉ đạo của ông. Nói khác đi, thông qua tác phẩm “Ba nữ thần vận mệnh”, chúng ta có thể hiểu được phần nào phong cách nghệ thuật của Phidias.

❖ NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC CUNG ĐIỆN PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ

Vào năm 2000, tiến sĩ Carternus Paul đã hân hoan tuyên bố, sau 12 năm tìm kiếm, cuối cùng ông đã phát hiện ra di chỉ thành bang Crete mà Homer, Platon và nhiều tác giả cổ đại khác đã nhắc đến. Kết quả nghiên cứu tường thành và những di vật thuộc thời đại đồng đen của khu vực này đã chứng minh, thành bang đầu tiên Crete có một số phần tương tự với các thành phố xuất hiện sau đó trên vùng đất này. Những bức tường nứt gãy chứng minh nó đã từng hứng chịu những cơn địa chấn dữ dội trong lịch sử, sự tồn tại một lượng lớn xương cốt động vật biển càng cho thấy khả năng thành phố này đã bị nhấn chìm xuống đáy biển sau một trận động đất dữ dội.



Tác phẩm điêu khắc thời sơ kỳ Hy Lạp cổ đại, quái vật cánh dài, mình sư tử, đầu chim ưng trong truyền thuyết.

Thành phố đã bị hủy hoại hoàn toàn trong trận động đất xảy ra vào năm 373 TCN. Những đợt sóng biển dữ dội sau đó đã cuốn chìm nó vào lòng biển. Có rất nhiều tài liệu cho thấy, những công trình kiến trúc bất hủ của Hy Lạp cổ đại đều là thành quả để lại của các vị thần. Nhưng có phải những công trình kiến trúc vĩ đại kia đều là sản phẩm do các vị thần tạo ra? Hay chúng là những công trình được nhân dân Hy Lạp thực hiện dưới ý chỉ và sự trợ giúp của các vị thần? Để tìm kiếm đáp án chính xác cho những câu trả lời trên, chúng ta cần quay về với những trang sử đầu tiên của nền văn minh Hy Lạp cổ đại.

Kiến trúc cung điện hùng vĩ trên vùng đất thánh

Hy Lạp cổ đại là chiếc nôi của nền văn minh châu Âu, đồng thời cũng là nơi đặt nền tảng cho nghệ thuật kiến trúc Tây Âu. Nhưng xét cho cùng, nó vẫn chỉ nằm trong thời kỳ phôi thai và manh nha mà thôi. Loại hình của nó vẫn còn rất ít và đơn giản, kết cấu tương đối non nớt. Đó là kết quả của một nền kiến trúc quá đặt nặng đến sự hoàn mỹ của nghệ thuật.



Di chỉ Cung điện của Vương triều Minos trên đảo Crete vẫn giữ được dáng vẻ uy nghi, hùng vĩ như ngày nào.



Các thành bang và đền thờ đều là nơi thể hiện những thành tựu cao nhất của nền nghệ thuật kiến trúc Hy Lạp cổ đại.



Một trụ đá ở đền thờ thần “Zeus Olympia”. Những trụ đá hình người này chính là đặc trưng của công trình kiến trúc theo dạng trụ Doric.

Kiến trúc có tính kỷ niệm của Hy Lạp cổ bắt đầu hình thành vào khoảng thế kỷ thứ 8 TCN và

đạt tới độ thuần thục vào thế kỷ thứ 5 TCN. Thế kỷ thứ 4 TCN, nghệ thuật kiến trúc Hy Lạp cổ bước vào một thời kỳ phát triển mạnh mẽ và rộng khắp. Do tôn giáo luôn chiếm địa vị quan trọng trong xã hội cổ đại, vì vậy có thể nói, đền thờ của các quốc gia cổ đại là nơi tiêu biểu cho những thành tựu cao nhất trong lĩnh vực nghệ thuật kiến trúc của một quốc gia, mà Hy Lạp cổ đại cũng không phải ngoại lệ. Là một quốc gia đa thần, tất cả công dân Hy Lạp đều công nhận sự chi phối của các vị thần lên các thành bang và từng hiện tượng trong tự nhiên. Vì vậy, người Hy Lạp cổ thờ phụng rất nhiều thần linh và cũng cho xây dựng rất nhiều đền thờ. Đền thờ Hy Lạp cổ đại không chỉ là trung tâm hoạt động tôn giáo mà còn là nơi diễn ra các hoạt động xã hội của công dân trong thành bang như các hoạt động thương nghiệp, đồng thời còn là nơi cất chứa tài sản công cộng. Một đền thờ như thế sẽ trở thành thánh địa cho sự sùng bái của người Hy Lạp. Xung quanh thánh địa, người ta còn cho xây dựng rất nhiều công trình công cộng như sân vận động, hội trường, nhà nghỉ v.v...

Kiến trúc đền thờ ban đầu của Hy Lạp chỉ là những công trình kiến trúc hình chữ nhật, có hành lang, cửa và dành riêng cho giới quý tộc cư trú. Trong cách nhìn của người Hy Lạp cổ đại, đền thờ là nơi cư trú của các vị thần, mà thần chính là con người ở trạng thái hoàn mỹ nhất. Vì vậy, đền thờ cũng là nơi cư trú cho những con người ưu tú nhất trong xã hội. Sau đó, các đền thờ được tôn thêm vẻ uy nghi bằng những hàng cột khổng lồ. Ban đầu là dạng “mái che phía trước”, với cổng vào đền thờ được trang trí bằng bốn trụ đá tròn và rất lớn, sau đó lại phát triển thành kiểu “mái che trước sâu”. Đến thế kỷ thứ 6 TCN, kiểu mái che trước sau lại biến đổi thành hình thức tiêu chuẩn của kiến trúc đền thờ Hy Lạp cổ đại dạng “cột bao quanh”, tức bốn phía của ngôi đền thờ hình vuông đều được bao bọc bởi một hành lang trụ cột khổng lồ.

Phong cách cô định của kiến trúc Hy Lạp cổ đại được gọi là “dạng trụ”, về cơ bản có những dạng trụ chủ yếu sau đây:

Dạng trụ Doric: kiểu dáng thô, không có móng trụ, thân trụ thô to và thu nhỏ dần về phía trên, có khắc những rãnh lõm, tạo thành những góc nhọn giữa các rãnh. Ánh sáng mặt trời khi rơi đến thân cột sẽ tạo ra những hiệu ứng bóng tối và chuyển đổi độ sáng rất đặc biệt, làm cho công trình kiến trúc dường như được mở rộng ra cùng không gian vô tận, đầu trụ không có trang trí.

Dạng trụ Ionic: cân xứng, nhẹ nhàng, thanh thoát, có móng trụ, thân trụ nhỏ dài, trên dưới biến hóa không rõ ràng, các rãnh lõm khá sâu, giữa các rãnh không tạo thành góc nhọn, đầu trụ có trang trí hình ảnh.

Dạng trụ Corinth: được biến đổi từ dạng trụ Ionic. Hiện nay, chúng ta chỉ còn được nhìn thấy kiểu kiến trúc này ở một vài di tích hoang phế còn sót lại, nhưng chỉ vậy thôi cũng đủ làm cho chúng ta phải thán phục và ngậm ngùi tiếc nuối một nền nghệ thuật kiến trúc huy hoàng trong lịch sử loài người.

Thành trì của nữ thần Athena

Thành bang Athens được đặt theo tên gọi của nữ thần Athena, còn Vệ thành chính là nơi thờ phụng vị Nữ thần này. Nguyên là một thành trì của chủ nô Athens, đến thế kỷ thứ 5 TCN, khi Athens bước vào thời kỳ chính trị dân chủ theo chế độ nô lệ, Vệ thành được sửa đổi và xây dựng thành trung tâm hoạt động tôn giáo của thành bang. Nó được xây dựng trên đỉnh một ngọn núi nhỏ nằm hơi chếch về phía Nam của trung tâm thành bang Athens, được xem là tác phẩm tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc Hy Lạp cổ đại. Kiến trúc Vệ thành có sự kết hợp mật thiết với địa hình. Nếu xem Vệ thành là một chỉnh thể, thì ngọn núi chính là nền móng tự nhiên của nó, trong đó, kết cấu của quần thể kiến trúc cùng với sự sắp xếp của các thành phần tạo nên một sự hài hòa, nhịp nhàng với sự cao thấp, nhấp nhô của “nền móng tự nhiên” đó, tạo thành một thể thống nhất hoàn chỉnh. Nó được xem là sự thể hiện hoàn mỹ nhất của tinh thần dân tộc và lý tưởng thẩm mỹ của người Hy Lạp cổ đại. Trong các di chỉ ở Vệ thành, nổi tiếng nhất là đền thờ Parthenon ở cửa núi, đền thờ Venus và đền thờ Nữ thần chiến thắng Athena.

Di chỉ đền thờ thần Zeus vĩ đại

Đại hội Olympic cổ đại bắt nguồn từ hoạt động tôn giáo, mà Olympia chính là một trong những trung tâm tôn giáo đương thời, nơi ấy còn lưu lại một số di tích như đền thờ thần Zeus và đền thờ thần Hera. Trong đó đền thờ thần Zeus Olympia (Temple of the Olympian Zeus) là công trình huy hoàng, vĩ đại nhất. Đền thờ được xây dựng vào năm 515 TCN, nhưng mãi đến thế kỷ thứ 2 sau Công nguyên (SCN), dưới sự trị vì của hoàng đế Hadrian, công trình này mới được hoàn thành. Phía Đông của khu di chỉ vẫn còn tồn tại một sân vận động cổ xưa nhất trên thế giới, xung quanh là khán đài được đắp lên bằng đất, có thể chứa hơn 40.000 khán giả. Bên cạnh đó còn có đàn tế thần Néméei Weng nổi tiếng khắp thế giới, vì đó là nơi đã thắp lên ngọn đuốc của thể vận hội Olympic hiện đại.

Herotsos Artikos – sân khấu kịch lộ thiên khổng lồ



Cửa núi của thành trì Athena, được xây dựng từ năm 437-432 TCN. Công trình kiến trúc vĩ đại này được xây dựng theo phong cách dạng trụ Ionic.

Sân khấu kịch của Hy Lạp cổ được xây dựng từ rất sớm, cách tạo hình cơ bản là lợi dụng vào địa thế của sườn núi, ghế ngồi của khán giả sẽ nâng cao lên dần, tạo thành hình bán nguyệt, đồng thời còn có những lối đi thông theo đường thẳng. Khu vực biểu diễn là một khoảng đất bằng phẳng hình tròn, nằm ở trung tâm sân khấu. Phía sau còn có một khu vực được xây dựng làm nơi hóa trang của các diễn viên cũng như cất giữ đạo cụ. Sân khấu kịch không chỉ là nơi tổ chức các buổi biểu diễn mà đó còn là nơi dân chúng tự do tập hợp vui chơi, vì vậy, chúng thường có quy mô rất lớn. Sân khấu kịch lộ thiên được xem là một trong những thành tựu lớn nhất của nghệ thuật kiến trúc Hy Lạp cổ đại trong giai đoạn hậu kỳ.

Di chỉ đền thờ Delphi



Di chỉ đền thờ thần Zeus.

Delphi là một thành bang ở miền Trung Hy Lạp cổ đại, và cũng là một trong những trung tâm của hoạt động tôn giáo. Đây từng là nơi tồn tại của đền thờ Apollo. Apollo (còn được gọi là thần Mặt trời) là vị thần quản lý về âm nhạc, cung tiễn, y dược và chăn nuôi. Đền thờ Apollo bắt đầu được xây dựng vào thế kỷ thứ 6 TCN, và được trùng tu nhiều lần sau đó. Delphi nổi danh vì những câu thần dụ trong đền thờ Apollo. Thần dụ là những lời nói và chỉ thị do một Nữ tư tế trong đền thờ thực hiện và được giải thích tường tận hơn bởi một thầy tư tế khác. Mỗi khi gặp phải những vấn đề nan giải, người Hy Lạp thường đến nơi đây để cầu xin sự chỉ dẫn của thần linh. Xung quanh thần miếu còn có sân khấu kịch, sân vận động v.v... Mỗi năm, nơi đây lại tổ chức những nghi thức cúng tế thần linh trọng đại, bên cạnh đó là những hội thi thể thao, biểu diễn âm nhạc và kịch nghệ.

“Bia kỷ niệm những người đoạt giải thưởng Athens” – Lysicrates, bia kỷ niệm ban đồng ca



Kịch trường, được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ 5, quy mô to lớn của nó đã nói lên một giai đoạn phát triển rất mạnh mẽ của sân khấu kịch trong lịch sử Hy Lạp cổ đại.

Đây là một dạng công trình kiến trúc mang tính kỷ niệm, được người Hy Lạp cổ đại xây dựng để tôn vinh những người đã giành được chiến thắng trong các cuộc thi thể thao và âm nhạc. Vì vậy chúng được gọi là “Bia kỷ niệm những người đoạt giải thưởng Athens”. Bắt đầu từ thế kỷ thứ 4 TCN, những kiến trúc mang tính kỷ niệm này bắt đầu xuất hiện. Đây là một kiến trúc duy nhất còn lưu lại.



Phù điêu trong kho báu Siphnus, mặt cửa này đã trở thành một hình mẫu cho các kiến trúc sư Ionic mô phỏng.

Công trình này được xây dựng trong khoảng thời gian từ năm 335-334 TCN. Lysicrates là một thương nhân giàu có ở Athens, đã xây dựng công trình này để kỷ niệm đội hợp ca do ông tài trợ giành được chiến thắng trong kỳ thi nhạc hội được tổ chức vào ngày lễ Thần rượu hằng năm. Phần móng của công trình này rộng 29m², cao 4,7m. Trên phần móng là một ngôi đình cao 65m, quanh đình là 6 trụ đá theo phong cách Corinth, phần đỉnh có hình chóp rỗng, được tạo thành từ một khối đá cẩm thạch hoàn chỉnh, bên trong đặt huy chương chiến thắng. Phần mái hiên có các bức bích họa miêu tả câu chuyện Thần rượu Dionisus dùng độ bợn cướp trên biển và đã biến bọn chúng thành một lũ heo biển. Kết cấu đặc sắc của đài kỷ niệm được thực hiện theo một quy tắc nhất định. Cả phần móng và ngôi đình đều có phần đài và mái hiên hoàn chỉnh, hình thành nên sự đối xứng giữa các bộ phận. Phần móng dày nặng kết hợp với ngôi đình nhẹ nhàng hoa lệ, tạo nên cảm giác ổn định và đẹp. Đây được xem là một trong những công trình kiến trúc đầu tiên của Hy Lạp cổ đại được thực hiện theo phong cách Corinth.

Đền thờ nữ thần chiến thắng Athena

Đền thờ nữ thần chiến thắng Athena được xây dựng vào khoảng năm 449-421 TCN, theo dạng trụ Ionic, phần nền dài 8,15m, rộng 5,38m, hành lang trụ đá trước sau đều được trang trí hết sức tinh xảo. Đền thờ là một kết tinh nghệ thuật được người Dorian và người Ionic sinh sống tại Athens cùng nhau sáng tạo. Nữ thần chiến thắng (Nike) là con gái của người khổng lồ Pallas và thần bóng đêm Styx, là hình ảnh tượng trưng cho trí tuệ của Nữ thần trí tuệ Athena và thần Zeus. Athena không chỉ là vị thần chiến thắng của chiến tranh mà còn là vị thần chiến thắng trong mọi hoạt động thi đấu khác.



Tượng nữ thần trí tuệ Athena. Đây là một tác phẩm phục chế, nguyên tác được thực hiện bằng gỗ và ngà voi, bề mặt được phủ vàng. Tay trái nữ thần cầm khiên, tay phải chống kiếm, tác phẩm đã thể hiện được nét thần thái anh dũng của một vị nữ thần chiến thắng và trí tuệ.

Khi bình luận về nền nghệ thuật kiến trúc Hy Lạp cổ đại, Engel đã từng phát biểu: “Kiến trúc Hy Lạp cổ đại tựa như một buổi sớm mai tươi sáng, tỏa chiếu ánh sáng khắp nơi”. Nghệ thuật kiến trúc Hy Lạp cổ đại là kiệt tác vĩ đại của nền nghệ thuật thế giới, không ai là không kinh ngạc trước những kỳ tích mà nhân dân Hy Lạp đã sáng tạo nên.



Đầu trụ dạng Corinth, được trang trí hết sức công phu, tinh tế.

Phong cách kiến trúc Hy Lạp cổ đại

Hy Lạp cổ đại nằm ở phía Nam châu Âu, dọc theo duyên hải vùng biển Aegean và Địa Trung Hải, được xem là chiếc nôi của nền văn minh phương Tây. Nghệ thuật kiến trúc của nó cũng là nền móng cho phong cách kiến trúc châu Âu sau này. Do địa hình có nhiều núi, sản lượng đá cẩm thạch rất lớn, nên từ hơn 2.000 năm TCN, người Hy Lạp đã biết sử dụng đá để xây dựng nhà cửa; sáng tạo nên những hành lang trụ đá và những công trình kiến trúc dựa vào sườn núi. Các trụ đá thường rất lớn, được trang trí độc đáo, nhất là phần đỉnh trụ luôn được tô điểm bằng những đường nét chạm trổ vô cùng tinh tế, xinh đẹp, hình thức độc đáo. Kiến trúc Hy Lạp rất chú trọng đến yếu tố chặt chẽ, trang trọng. Thông qua nghiên cứu tỉ mỉ số mỹ học đã làm cho hình thức kiến trúc luôn có được một quan hệ logic hoàn chỉnh và chặt chẽ, tạo nên sự hài hòa thống nhất giữa nghệ thuật và chức năng của công trình. Đặc biệt là cách tạo hình của các trụ đá đã tạo nên một ảnh hưởng rất sâu sắc đối với nghệ thuật kiến trúc. Ba dạng trụ đều có những ý nghĩa khác nhau: dạng trụ Doric đại diện cho cái đẹp nam tính, đường nét thô cứng, to lớn tạo cảm giác hùng vĩ, mạnh mẽ; dạng trụ Ionic đại diện cho cái đẹp nữ tính, nhã nhặn thanh tú, đầu trụ có trang trí hoa văn, phía dưới có móng trụ, tạo cảm giác thanh thoát, nhẹ nhàng; dạng trụ Corinth, đầu trụ thường được trang trí bằng những cành lá hay khóm hoa, đại diện cho niềm hân hoan của một vụ mùa bội thu. Ba dạng trụ ấy vẫn được sử dụng cho đến ngày nay, trở thành những kiểu thức trang trí kinh điển trong các công trình kiến trúc...



Trụ đá hình người được cất giữ trong kho báu Siphnus. Đây là tác phẩm được thực hiện theo dạng trụ Ionic, tượng trưng cho cái đẹp nữ tính.

Chương 4

TỪ “KINH THÁNH THIÊN VĂN” KHÁM PHÁ NỀN VĂN HÓA KHOA HỌC PHÁT TRIỂN CAO ĐỘ

Năm 215 TCN, tướng La Mã Curious thống lĩnh đại quân tấn công thành Syracuse của Hy Lạp. Tương truyền, nhà toán học, vật lý học Hy Lạp cổ đại Archimedes đã vận dụng nguyên lý hội tụ ánh sáng của kính lõm, tập trung ánh sáng mặt trời vào một điểm cố định trên các chiến thuyền La Mã và đốt cháy các chiến thuyền này. Truyền thuyết ấy có thật hay không? Hiện nay, Mỹ đã chi tiền tài trợ cho các học giả thuộc các trường đại học và học viện nổi tiếng tiến hành kiểm chứng. Các nhà khoa học đã dùng đồng vàng và pha lê để chế tạo một chiếc kính lõm khổng lồ, sau đó tập trung một luồng ánh sáng hội tụ rất mạnh từ mặt kính đến một chiếc thuyền gỗ cũ kỹ ở cách đó 45m. Điều khiến các nhà khoa học thất vọng là, mặc dù chiếc thuyền đã bị hun nóng đến bốc khói, nhưng nó không hề bốc cháy.



Archimedes vận dụng nguyên lý hội tụ ánh sáng của kính lõm để đốt cháy những chiến thuyền của La Mã.

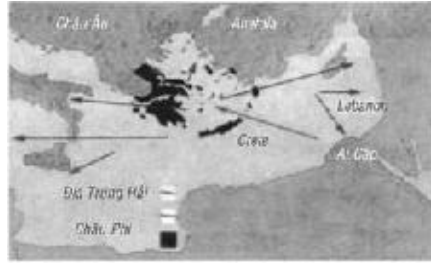
Như vậy, kết quả thí nghiệm cho thấy câu chuyện trên đây có thể chỉ là những lời phóng đại của người Hy Lạp cổ đại thời ấy. Tuy nhiên, từ câu chuyện của Archimedes, chúng ta có thể nhận thấy những thành tựu về mặt vật lý học của người Hy Lạp cổ đại. Thực ra, vào khoảng thời gian ấy, trong rất nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau như: thiên văn, toán học, vật lý học, y học v.v... người Hy Lạp đều đạt được những thành tựu to lớn. Rất nhiều nghiên cứu khoa học ngày nay vẫn mang dấu ấn sâu sắc của Hy Lạp cổ đại.

❖ **NỀN VĂN HÓA VÀ KHOA HỌC PHÁT TRIỂN CAO ĐỘ CÓ PHẢI ĐƯỢC BẮT NGUỒN TỪ PHƯƠNG ĐÔNG HAY KHÔNG?**

Nền văn hóa, khoa học của Hy Lạp cổ đại đã có từ rất lâu đời, những thành tựu văn hóa xán lạn của nó đã có ảnh hưởng vô cùng sâu sắc đối với sự phát triển của văn hóa phương Tây, trở thành cơ sở cho nền văn hóa khoa học của châu Âu trong thời cận đại. Tuy nhiên, nền văn hóa khoa học phát triển rực rỡ ấy không phải là món quà được các vị thần trên đỉnh núi Olympia ban tặng cho người Hy Lạp nói riêng và người châu Âu nói chung. Vậy nền văn hóa khoa học xán lạn ấy đã có những bước phát triển như thế nào?

Một chuyên gia nghiên cứu lịch sử khoa học hiện đại người Mỹ, George Sarton, đã từng phát biểu: “Cơ sở của nền khoa học Hy Lạp cổ đại hoàn toàn bắt nguồn từ phương Đông. Mặc dù các thiên tài Hy Lạp cổ luôn có một óc tư duy vô cùng sâu sắc, nhưng nếu không có những cơ sở ấy, không hẳn là họ đã có thể sáng tạo nên những thành tựu sánh ngang với vùng đất phương Đông. Chúng ta không có quyền phủ nhận người cha Ai Cập và người mẹ Mesopotamia của thiên tài Hy Lạp cổ đại”. Vì vậy, muốn tìm hiểu nguồn gốc của nền văn hóa khoa học Hy Lạp cổ đại, chúng ta cần phải quay về với nền văn minh của vùng đất Tây Á và Bắc Phi cổ đại.

Không gian và thời gian không thể ngăn cách ngọn nguồn của Hy Lạp cổ đại với phương Đông



Con đường phát triển của nền văn minh Aegean gắn liền với sự giao lưu với các nền văn minh đến từ các châu lục khác.

Xét trên yếu tố không gian, quá trình phát triển của nền văn hóa Hy Lạp cổ đại không thể tách rời với sự “nuôi nấng” của biển Aegean. Khu vực biển Aegean lấy biển Aegean làm trung tâm, bao gồm bán đảo Hy Lạp cổ đại, các đảo trong vùng biển Aegean, đảo Crete và dải đất ven biển phía Tây bán đảo Tiểu Á, nằm đúng vào điểm giao thoa của hai nền văn minh lớn nhất của nhân loại là Ai Cập và Mesopotamia. Đây là khu vực có sự chia cắt rõ ràng giữa biển và lục địa, đồi núi trùng điệp, phía Đông nối với bán đảo Á Rập, phía Nam hướng về Ai Cập, phía Tây đối diện với bán đảo Italian, phía bắc thông với biển Hắc Hải. Những điều kiện địa lý đặc biệt ấy đã biến Hy Lạp cổ đại thành nơi tiếp xúc, hấp thu và chuyển hóa của các nền văn hóa độc đáo đến từ khu vực Á – Phi. Vì vậy có thể nói, nền văn hóa và khoa học Hy Lạp cổ đại trên vùng biển Aegean là sự hấp thu nền văn hóa tiên tiến của phương Đông, kết hợp với nguồn sản vật vĩ đại của đất nước trên nền tảng đặc tính dân tộc.



Một chiếc cốc bằng vàng được khai quật tại di chỉ Mycenae, có niên đại ước tính vào khoảng 1500 TCN. Tác phẩm được gia công hết sức tinh xảo, hình ảnh sống động như thật.

Xét trên phương diện thời gian, ngọn nguồn của nền văn hóa khoa học Hy Lạp cổ đại có thể truy nguyên về giai đoạn tiếp xúc giữa nền văn minh Crete và nền văn minh Ai Cập. Những trang đầu tiên của nền văn minh Hy Lạp được tìm thấy trước hết tại Crete và Mycenae. Sự giao lưu giữa Crete và Ai Cập bắt đầu vào thời kỳ Tiền vương triều (khoảng năm 4000 TCN). Trong suốt 1.000 năm sau đó, dựa vào vị trí địa lý thuận lợi là nằm giữa Ai Cập và bán đảo Hy Lạp, Crete trở thành đường giao thông buôn bán giữa hai khu vực này. Nhờ đó, văn minh Crete đã hấp thu được rất nhiều thành quả của nền văn minh Ai Cập. Nhìn vào những thành tựu còn để lại của nền văn minh Crete như in ấn, bích họa, các dụng cụ bằng đá, và nhất là thành tựu chữ viết, chúng ta dễ dàng nhận ra ảnh hưởng sâu sắc của nền văn minh Ai Cập. Bên cạnh đó, văn hóa Crete còn có quan hệ mật thiết với các nền văn hóa khác đến từ phương Đông như Babylon, Troy, Cyprus, Bắc Syria.

Rất nhiều tri thức khoa học mang tính hệ thống đã tồn tại khá lâu ở các khu vực Tây Á và Bắc Phi trước khi nền văn hóa khoa học của Hy Lạp cổ ra đời. “Iliad” và “Odyssey” chắc chắn không phải là những thành tựu sớm nhất của nền văn minh Hy Lạp cổ đại. Giống như sự khởi đầu cho mọi nền văn hóa huy hoàng khác, đó không chỉ là sự mở đầu cho một lần tiến hóa, mà còn là điểm cuối và đỉnh điểm của một lần tiến hóa khác. Có nghĩa là, bất kể một nền học thuật nào của Hy Lạp cổ đại, từ thiên văn cho đến toán học, từ vật lý cho đến y học, đều là kết quả của việc tiếp thu và phát triển trên nền tảng của những thành quả đến từ vùng đất Ai Cập ở phương Bắc, hoặc của nền văn minh Mesopotamia ở Tây Á.

Văn hóa và khoa học Hy Lạp cổ đại là kết quả của sự giao thoa, dung hòa giữa tự thân văn hóa khoa học Hy Lạp với nền văn hóa khoa học đến từ Ai Cập, Babylon, Ấn Độ và nhiều quốc gia phương Đông khác. Nó không chỉ giữ vai trò là cầu nối đầu tiên cho năm vùng đất văn minh lớn nhất trong thế giới cổ đại, mà còn mở ra con đường giao lưu, hội nhập văn hóa nhân loại

giữa ba đại lục Á, Âu, Phi. Trong quá trình đó, văn hóa Hy Lạp lại tiến hành điều chỉnh, biến đổi những thành quả đến từ Đông - Tây, tạo nên một quần thể văn hóa mang phong cách độc đáo của riêng mình. Đồng thời tạo nên một bước tiến mới, xây dựng văn hóa của mình thành nền tảng văn hóa cho toàn châu Âu.

Nguồn gốc sâu xa của hình thức văn hóa khoa học

Quá trình phát sinh và phát triển của nền văn hóa khoa học Hy Lạp cổ đại trải qua ba giai đoạn lớn trong lịch sử Hy Lạp là thời kỳ Cổ phong, thời kỳ cổ điển và thời kỳ cổ Hy Lạp hóa. Thời kỳ cổ phong với những thành tựu về văn tự và nghệ thuật; thời kỳ cổ điển với những thành tựu về triết học; thời kỳ cổ Hy Lạp hóa với những thành tựu về khoa học tự nhiên. Một cách tổng quan, tất cả những thành tựu đó đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền văn hóa phương Đông. Chúng ta có thể tìm đến ngọn nguồn của nó dựa trên những hình thức cụ thể của nền văn hóa khoa học Hy Lạp cổ đại.



Hai bức tượng đá khổng lồ nằm giữa khu vực sông Nile và thung lũng các vị vua, tiêu biểu cho sự phát triển của nền văn minh Ai Cập. Sự phát triển của Hy Lạp chính là kết quả của quá trình dung hợp những thành tựu văn minh tiên tiến này.

I. Chữ Viết

Chữ viết là một tiêu chí đánh giá trọng yếu của nền văn minh nhân loại. Người Phoenicia đã có một cống hiến vô cùng quan trọng cho nền văn minh thế giới là sáng tạo nên loại văn tự chữ cái. Trên cơ sở 24 ký hiệu phụ đơn âm đã được giản hóa từ loại chữ tượng hình của Ai Cập, người Phoenicia đã sáng tạo cho mình loại văn tự chữ cái, tổng cộng có 22 chữ cái, là những ký hiệu tuyến tính, chỉ có phụ âm mà không có nguyên âm. Người Hy Lạp cổ đã dựa trên loại chữ viết ấy và sáng tạo thêm các nguyên âm, hình thành chữ cái Hy Lạp cổ đại, trở thành một công cụ phục vụ cho sự phát triển và giao lưu của nền văn hóa và khoa học của Hy Lạp cổ đại.

II. Nghệ Thuật

Bước vào thời kỳ cổ phong, người Hy Lạp đã thay đổi hai chất liệu thường được dùng trong các công trình xây dựng trước đây là gỗ và gạch. Học theo phương pháp xây dựng của người Ai Cập, Hy Lạp bắt đầu sử dụng đá cẩm thạch làm nguyên liệu chính trong các công trình kiến trúc của mình. Giữa thế kỷ thứ 7 TCN, người Hy Lạp bắt đầu sử dụng đá cẩm thạch vào việc điêu khắc những bức tượng người to lớn như thật. Có thể nói, nghệ thuật điêu khắc Ai Cập đã có ảnh hưởng trực tiếp đến nghệ thuật tạc tượng của Hy Lạp, từ hình tượng cho đến kỹ thuật, đặc biệt là trong các bức tượng đứng. So sánh một số tác phẩm điêu khắc của Hy Lạp và Ai Cập, chúng ta sẽ dễ dàng nhận ra một điều, muốn thực hiện được những tác phẩm có kích thước giống y như người thật trên một chất liệu rất cứng là đá cẩm thạch, là một công việc không hề đơn giản chút nào. Chính vì vậy, người Hy Lạp cổ đại không chỉ học tập nghệ thuật điêu khắc của Ai Cập mà còn nghiên cứu và vận dụng hệ thống tỷ lệ của người Ai Cập ở một trình độ rất cao.



Thucydides, nhà sử học lừng danh của Hy Lạp cổ đại, tác giả của bộ sử “Lịch sử cuộc chiến tranh Poloponnesian”.

Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của ngành hàng hải và buôn bán trên biển đã giúp người Hy Lạp mang về đất nước vô số chế phẩm bằng vàng, châu báu, ngà voi v.v... từ các nước Tây Á. Gây ảnh hưởng lớn nhất đối với phong cách chế tác của những người thợ thủ công Hy Lạp chính là chế tác hoa văn trên đồ gốm. Những tranh vẽ động vật đến từ phương Đông cũng được xuất hiện trên các bình gốm Hy Lạp. Hình ảnh con sư tử trên các vật dụng, vốn là một động vật không tồn tại trong môi trường tự nhiên của Hy Lạp cổ đại đã chứng minh cho sự ảnh hưởng của văn hóa phương Đông đến nền nghệ thuật Hy Lạp cổ đại. Ngoài ra, điêu khắc ngà voi, vốn được xem là công nghệ của người Tây Á, đã giúp cho những người thợ thủ công Hy Lạp thoát khỏi sự đơn điệu của phong cách trang trí bằng những đường nét hình học.



Bức tượng “Người cầm mâu”. Trong chừng mực nào đó, những tác phẩm điêu khắc này đều chịu sự ảnh hưởng từ kỹ thuật điêu khắc của người Ai Cập, kết hợp với sự cải tiến theo tinh thần dân tộc Hy Lạp, tạo nên một phong cách nghệ thuật vô cùng độc đáo.

III. Tôn Giáo

Trên phương diện tôn giáo, Hy Lạp cổ đại là nơi có hệ thống tôn giáo đa thần rộng rãi, trong các vị thần được người Hy Lạp cổ đại sùng bái, chỉ có một ít thuộc ngữ hệ Ấn Âu. Hai vị thần Apollo và Aphrodite có thể đều là sản phẩm đến từ bên ngoài, khởi nguồn sớm nhất là ở vùng Tây Á và Tiểu Á. Chỉ có điều, hai vị thần này phải được du nhập vào đất Ai Cập từ trước thời kỳ cổ phong. “Trong mối liên hệ giữa tôn giáo Đông – Tây, sự sùng bái đối với thần Adonis từ vùng đất Tây Á truyền vào Hy Lạp, thần Puang (thần rìu) trong thần thoại của người Phoenicia cũng được người Hy Lạp tiếp nhận, đổi tên thành “Pigemei”, tức vị thần “đại quyền thủ”. Có thể nói, trong quá trình phát triển của nền văn hóa khoa học, Hy Lạp cổ đã từng bước xây dựng cho mình một hệ thống tôn giáo độc đáo, riêng biệt, nhưng bên trong nó vẫn có hình bóng của một nền tôn giáo đến từ phương Đông.

IV. Văn Học



Chữ cái viết hoa của Hy Lạp cổ đại. Sự ra đời của loại chữ viết này đã có tác dụng rất lớn đối với quá trình phát triển và truyền bá văn hóa Hy Lạp.

Văn học Hy Lạp cổ đại cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều từ Mesopotamia. Có thể kể ra những câu chuyện văn học tương đồng như chuyện hồng thủy của người Mesopotamia với truyền thuyết Throw Cali Weng trong thần thoại Hy Lạp, hay sự giống nhau giữa hai câu chuyện Jason và Heracles. Thương để giáng xuống những trận dịch để trừng phạt tội lỗi của con người là một đề tài chung thường gặp trong văn học Hy Lạp và Mesopotamia. Hình thức sử thi Hy Lạp cổ cũng có thể tìm thấy trong các tác phẩm sử thi của vùng Mesopotamia. Những câu chuyện trong “Ngụ ngôn Ezop” cũng có thể tìm thấy trong văn học Sumer. Bên cạnh đó, trong tác phẩm “thần phổ” của Hesiod, lần đầu tiên có sự xuất hiện của những câu chuyện thần thoại về sự thay thế thần quyền. Kết cấu và tình tiết của nó đều tương đồng với những câu chuyện về sự thay thế thần quyền của Tây Á. Đương nhiên, đó không thể là sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa các câu chuyện mà nó là kết quả của một quá trình giao lưu và vay mượn giữa các nền văn hóa.



Bức tượng bằng đá cẩm thạch này tuy không được tạo nên bởi bàn tay của những nghệ nhân Hy Lạp, nhưng chủ đề và phong cách của nó lại chịu ảnh hưởng sâu sắc nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp cổ đại. Đây là hình tượng được tạo nên dựa trên sự dung hợp giữa hình tượng vị thần Apollo và chàng David trong Kinh thánh.



Alexander Đại đế trên lưng chiến mã.

“Nguồn gốc của triết học Hy Lạp đến từ Ai Cập, việc nhìn nhận triết học khởi nguồn từ Hy Lạp là một ngộ nhận. Trước người Hy Lạp rất lâu, người Ai Cập đã đưa ra những suy tư triết học của mình về các vấn đề lý luận bản chất vũ trụ và xã hội nhân loại”. Đồng thời, người Hy Lạp cũng đã tìm được những tri thức khoa học phù hợp của người Mesopotamia, mang về những tri thức thiên văn học và những nguyên lý toán học, tư tưởng và nhãn quan của người Hy Lạp cổ đại cũng nhờ đó mà được mở rộng. Trên nền tảng đó, kết hợp với niềm say mê nồng hậu đối với các hiện tượng tự nhiên và kinh nghiệm thực tiễn của mình, nền triết học Hy Lạp đã được ra đời, rồi đạt được những bước phát triển đột phá trong khoảng thế kỷ thứ 6 TCN, mở ra những bước đi đầu tiên cho chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng.

VI. Khoa Học Tự Nhiên

Nền khoa học tự nhiên chỉ thực sự xuất hiện tại Hy Lạp vào thời kỳ cổ Hy Lạp hóa. Đây là thời kỳ khoa học tự nhiên của Hy Lạp phát triển đến đỉnh điểm và cũng là thời kỳ giao lưu, dung hòa văn hóa khoa học giữa phương Đông và phương Tây. Khi một cuộc giao thoa văn hóa mang ý nghĩa thực thụ chưa xảy ra, công cuộc chinh phục những vùng đất rộng lớn ở châu Á và châu Phi, cùng với quá trình xây dựng một đế quốc hùng mạnh bao trùm cả ba châu lục Á-Âu - Phi của Alexander Đại đế đã tạo nên một cơ sở vững chắc cho sự giao lưu văn hóa Đông - Tây. Quá trình viễn chinh của Alexander Đại đế cũng là quá trình tiếp thu văn hóa phương Đông một cách có hệ thống. Sau cái chết của ông, trên vùng đất bao la hoang tàn của đế quốc, ba quốc gia Hy Lạp hóa lớn được xây dựng là Ptolemy, Grand-Cuban và Macedonia. Một cục diện quốc tế tương đối yên bình đã tạo điều kiện cho các quốc gia phát triển, thúc đẩy quá trình dung hợp giữa văn hóa Đông Tây.



Bức tượng nhà thơ nữ Sappho của Hy Lạp cổ đại.

Vì vậy, nền khoa học tự nhiên của Hy Lạp cổ đại cũng mang trên mình dấu ấn của văn hóa phương Đông. Các hình thức khác nhau của nền văn minh Hy Lạp cổ đại đều bắt nguồn từ tinh hoa văn hóa của phương Đông, chứ không phải là những sáng tạo của riêng mình.

Những con đường giao lưu và hấp thu văn hóa khoa học

I. Thương Mại

Bước vào thời kỳ Cổ phong, quá trình giao lưu giữa người Hy Lạp với các quốc gia phương Đông cũng dần dần trở nên sâu sắc. “Ngay từ thế kỷ thứ 9 TCN, những thương nhân Hy Lạp ở vùng Júpia và biển Aegean đã cùng với những nhà thám hiểm thực hiện những chuyến đi biển dài ngày đến vùng duyên hải phía Tây của vùng đất Tây Á. Họ đã xây dựng ở vùng cửa sông Onondaga Cervantes thuộc phía bắc Syria – một địa điểm buôn bán – bắt đầu tiến hành hoạt động buôn bán trực tiếp với lưu vực Lưỡng Hà. Không lâu sau, nơi đây trở thành một điểm trung chuyển trọng yếu trong con đường buôn bán giữa phương Đông và phương Tây”. Cũng thời gian ấy, do những bất Ổn trong xã hội Tây Á, không chỉ rất nhiều sản vật của vùng đất này được xuất khẩu sang Hy Lạp, mà còn có một số lượng khá lớn thợ thủ công trốn sang Crete, họ xây dựng những phường nghề ở đây và vẫn tiếp tục duy trì công việc của mình. Trong đó đáng kể nhất là kỹ thuật gia công đồ trang sức và chế tác các công cụ bằng đồng đen.



Chiếc mũ cối được làm từ nanh heo rừng vẫn thường được các chiến binh Hy Lạp sử dụng khi ra trận.

Người Hy Lạp cổ đại còn cho xây dựng thành phố Andean bên bờ sông Tongx-inluo Andean, một nhánh của dòng sông Nile vĩ đại. Vì nhu cầu tranh hùng tranh bá của mình, vị pharaoh Psammetichus I đã cho xây dựng đội lục quân, một hạm đội rất hùng mạnh, đa số các binh sĩ đều là những người lính đánh thuê đến từ Hy Lạp. Họ đã mời rất nhiều thương nhân Hy Lạp đến định cư tại Ai Cập, thành Calosess đã được xây dựng trong thời gian này. Vua Ramesses còn đồng ý cho người Hy Lạp xây dựng nơi đây thành một thành phố Hy Lạp thuần túy, được tự do tổ chức các hoạt động buôn bán theo ý mình, về sau, Andean trở thành trung tâm thương nghiệp của Hy Lạp, Ai Cập và nhiều quốc gia khác trong khu vực Địa Trung Hải.

Ngoài ra, cảng Paper ở Athens cũng là một thương cảng quốc tế nổi tiếng vào thời bấy giờ. Bằng rất nhiều con đường mậu dịch, mua bán trên biển cũng như đường bộ, người Hy Lạp không chỉ mang về những nhu yếu phẩm cần thiết cho cuộc sống, mà còn mang về những sản phẩm tinh thần, tức nền văn hóa và khoa học tiên tiến của phương Đông.

II. Phong Trào Thực Dân

Trong những yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa khoa học của Hy Lạp cổ thời kỳ đầu, còn có một nhân tố nữa đó là “Phong trào thực dân”. Ngay từ thời kỳ văn minh Mycenae, đã có rất nhiều vùng đất được kiến lập xung quanh khu vực biển Aegean. Sau đó, những người Phoenicia ở phía đông Địa Trung Hải cũng kiến lập những vùng đất thực dân ở Bắc Phi, Tây Ban Nha, Ý v.v... Người Mycenae và người Phoenicia đều lấy nền văn hóa đặc sắc của Tây Á làm cơ sở, lấy thương nghiệp và hoạt động thực dân làm phương tiện truyền bá văn minh, sáng tạo nên nền văn hóa độc đáo của riêng mình, tạo nên một sự ảnh hưởng rất lớn đối với nền văn hóa khoa học của Hy Lạp cổ đại.

Sau đó, do sự gia tăng dân số của Hy Lạp, đất canh tác không đủ đáp ứng nhu cầu lương thực trong nước, Hy Lạp rơi vào thời kỳ khủng hoảng trầm trọng về kinh tế và chính trị. Những người Hy Lạp vốn có truyền thống hàng hải nhanh chóng phát hiện ra những vùng đất có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng tương đồng với đất nước mình mà dân cư lại vô cùng thưa thớt. Họ bắt đầu thực hiện những chuyến đi dọc theo bờ biển Aegean để kiến lập những vùng đất thực dân mới, thậm chí còn đưa thuyền đến cả đất Ý và Sicily. Bên cạnh đó, người Hy Lạp còn cho xây dựng những trung tâm thương mại ở Ai Cập và Babylon. Chính việc xây dựng những trung tâm thương mại cùng với chính sách thực dân, mở rộng lãnh thổ đã giúp cho Hy Lạp hấp thu và dung hợp được những giá trị văn minh cốt tủy của phương Đông.



Một chiếc thạp bằng đồng đen, trên bề mặt là hình ảnh các chiến binh và chiến xa của Hy Lạp cổ đại.

III. Chiến Tranh

Lịch sử cổ đại đã từng chứng kiến những cuộc chiến tranh kinh hoàng giữa phương Tây và phương Đông, trong đó đáng kể nhất là cuộc chiến tranh Hy Lạp - Ba Tư, diễn ra vào thế kỷ thứ 5 TCN và cuộc Đông chinh của Alexander đại đế bùng nổ sau đó một thế kỷ. Trong cuộc chiến tranh Hy Lạp - Ba Tư, người Ba Tư đã truyền bá văn minh phương Đông vào phương Tây, đưa nền văn minh phương Đông ảnh hưởng sâu rộng vào lưu vực sông Danube và bán đảo Hy Lạp. Thông qua Ba Tư, bốn nền văn minh lớn nhất trong thế giới cổ đại là Ba Tư, Babylon, Ai Cập và Ấn Độ đã không ngừng được truyền bá vào phương Tây, mà điểm dừng cụ thể của chúng là các thành bang của Hy Lạp cổ đại. Trong thời kỳ Đông chinh của Alexander Đại đế, do sự say mê tìm tòi đối với nền triết học Ấn Độ kỳ bí của thầy mình là Aristotle, Alexander đã đưa về Hy Lạp một số nhà thông thái Ấn Độ, giúp cho người Hy Lạp có được cơ hội tìm hiểu căn cứ về nền triết học Ấn Độ. Ngoài ra, Alexander còn sưu tập các tiêu bản động thực vật ở nhiều vùng đất khác nhau rồi gửi chúng về Hy Lạp nghiên cứu, các binh sĩ của ông còn sử dụng những thầy thuốc người Ấn Độ. Bên cạnh đó, các tăng nhân Ấn Độ cũng từng có cơ hội đến truyền giáo tại Athens. Sau cái chết của Alexander, con đường truyền bá văn hóa từ Đông sang Tây vẫn không ngừng mở rộng. Thành phố Alexandria của Ai Cập trở thành hải cảng lớn nhất, “trung chuyển” nền văn minh phương Đông hướng đến phương Tây. Bên cạnh đó, nhu cầu chiến tranh cũng đòi hỏi những khí giới công thủ lợi hại hơn, hiệu quả hơn, đó cũng là một nhân tố thúc đẩy khoa học kỹ thuật phát triển. Có thể khẳng định, chiến tranh cũng là một yếu tố hết sức quan trọng trong quá trình giao lưu và tiếp xúc văn hóa khoa học giữa Hy Lạp và các quốc gia phương Đông.



Sự tăng cường quan hệ mậu dịch giữa các nước đã thúc đẩy nền kinh tế Hy Lạp cổ đại phát triển mạnh mẽ.

IV. Du Lịch

Vào thời cổ đại, các nền văn minh tiêu biểu ở phương Đông cũng như khu vực Bắc Phi, Tây Á, luôn tạo nên một sức hấp dẫn mãnh liệt đối với người châu Âu, thôi thúc họ tìm đến với phương Đông để thám hiểm và học hỏi. Các nhà triết học và khoa học của Hy Lạp cổ đại luôn tìm cách đặt chân đến những vùng đất kỳ bí ấy. Người cha của môn khoa học lịch sử Hy Lạp cổ đại là Herodotus đã từng rong ruổi khắp Ba Tư, Ai Cập, Phoenicia, Tiểu Á.. Trong chuyến đi “lịch sử” của mình, ông đã miêu tả lại những điều tai nghe mắt thấy ở phương Đông, giới thiệu tường tận về phong tục tập quán, thành tựu văn hóa, khoa học kỹ thuật của các quốc gia phương Đông cho phương Tây được biết. Có thể nói, ông là người đã có công lớn trong việc truyền bá nền văn minh phương Đông đến với Hy Lạp cổ đại nói riêng và phương Tây nói chung.

V. Truyền Bá Tôn Giáo

Tôn giáo là một hình thức đặc thù để truyền bá văn minh. Trong lịch sử lâu đời của mình, người Do Thái đã sáng lập nên đạo Do Thái, kinh điển của họ gồm có “Torah” và “Old Testament” (Cựu ước). Vào khoảng đầu công nguyên, Cơ Đốc giáo bắt đầu xuất hiện dựa trên nền tảng của Do Thái giáo, rồi bắt đầu được truyền bá vào khu vực sử dụng ngôn ngữ Hy Lạp của châu Âu. Cùng với bước đường Tây tiến của đạo Cơ Đốc, kinh “Cựu ước” của người Hebrews cũng được dịch sang ngôn ngữ Hy Lạp. Kinh “Cựu ước” cùng với tư tưởng tôn giáo phương Đông được truyền bá vào phương Tây, văn hóa Hebrews cũng được truyền bá tại châu Âu, trở thành một trong những đầu nguồn quan trọng của dòng văn hóa châu Âu.

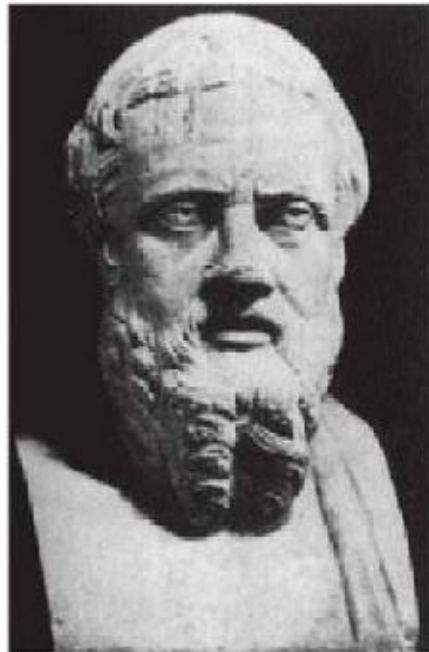
Nền văn hóa khoa học của Hy Lạp cổ đại, cố nhiên là một kiệt tác của người Hy Lạp, nhưng nó cũng là một sản vật được tạo ra trên cơ sở của nền văn hóa khoa học kỹ thuật đến từ Tây Á, Bắc Phi. Tách rời khỏi nền văn minh Tây Á và Bắc Phi, tách rời khỏi những yếu tố nhân văn, hoàn cảnh địa lý ở khu vực phía đông Địa Trung Hải, đặc biệt là khu vực biển Aegean, chúng ta sẽ không thể nào tìm ra được lời giải thích thỏa đáng cho nguồn gốc của nền văn minh Hy Lạp cổ đại. Điều này không chỉ chứng minh, quá trình sản sinh và phát triển của nền văn hóa khoa học Hy Lạp cổ đại là một quá trình lâu dài, với nhiều hình thức và nguồn gốc khác nhau, mà còn cung cấp những cơ sở vững vàng cho luận điểm “văn minh đến từ phương Đông”.

Y học Hy Lạp cổ đại được du nhập từ Ai Cập

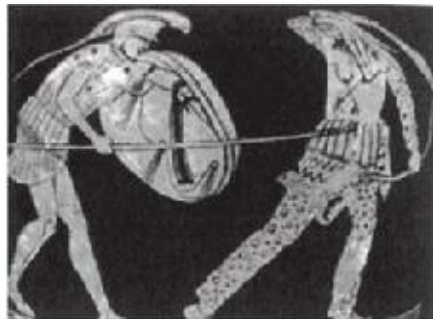
Kể từ khi người Hy Lạp cổ đại mang rất nhiều dược vật và phương pháp trị liệu của Ấn Độ về châu Âu, cho tới ngày nay, chúng vẫn còn được sử dụng tại một số khu vực miền núi và nông thôn của châu Âu. Đầu thế kỷ thứ 3 TCN, nhà giải phẫu học người Hy Lạp là Herophilus đã tiến hành một cuộc nghiên cứu tại thành phố Alexandria của Ai Cập chứng minh, não là cơ quan tư duy của con người, mọi cảm giác của con người đều được truyền đi thông qua thần kinh não. Ngoài ra, ông còn đưa ra lý luận về sự tuần hoàn của máu, cho rằng độ nhanh chậm, mạnh nhẹ của mạch đập có thể nói lên tình trạng sức khỏe của một con người. Không có gì để nghi ngờ rằng, thành tựu y học của ông trên thực tế là sự kiến lập dựa trên nền tảng y học của người Ai Cập. Nghi thức ấp trứng được cử hành trong đền thờ thần Asclepius của Hy Lạp cũng là một mô hình bắt nguồn từ Ai Cập. Trong các đền thờ lớn của Ai Cập đều có cất giữ những tài liệu bệnh học bằng phương pháp lâm sàng, các tài liệu ấy chắc hẳn đã giúp ích rất nhiều cho Hippocrates – người cha của nền y học Hy Lạp cổ đại. Điều đó cũng nói lên rằng, y học cổ đại là sự kế thừa và phát triển từ nền tảng của y học Ai Cập cổ đại.



“Người cha của y học Hy Lạp cổ đại – Hippocrates”. Những lý luận của ông đã trở thành cơ sở cho lý luận y học phương Tây.



Tượng bán thân Herodotus, người được xưng tụng là “cha đẻ của sử học phương Tây”.



Cảnh chiến đấu của những chiến binh Hy Lạp cổ đại được miêu tả trên các bình gốm.

❖ NGƯỜI VÉN BỨC MÀN BÍ MẬT CỦA ĐỊA CẦU

Sinh sông ven bờ Địa Trung Hải, người Hy Lạp nổi tiếng khắp thế giới về khả năng quan sát thiên văn và khí tượng. Trong các ghi chép còn lại của người Hy Lạp cổ đại, dân tộc này đã từng tiến hành những hoạt động quan sát thiên văn và khí tượng hết sức tường tận. Họ có một niềm say mê đặc biệt với bầu trời, và qua một thời gian dài quan sát tỉ mỉ, cuối cùng họ đã phát hiện được một điều hết sức thú vị, các ngôi sao trên bầu trời được phân làm hai nhóm rõ rệt, giới tuyến phân cách giữa hai nhóm sao ấy là một hình tròn do sao Đại Hùng vạch nên. Vòng tròn ấy lại song song với xích đạo trái đất, nằm ở vị trí 66,32 độ vĩ bắc, và người Hy Lạp đã gọi vòng tròn ấy là “vòng bắc cực”.

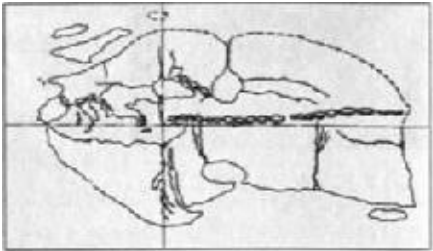
Những thành tựu của nền văn minh Hy Lạp cổ đại bao trùm lên mọi lĩnh vực, ngoài việc nghiên cứu sự chuyển dời của các vì sao, họ còn đạt được những thành tựu kỳ diệu khác trong lĩnh vực thiên văn học, đưa ra thuyết “địa tâm”, tạo nên một ảnh hưởng lâu dài trong lịch sử châu Âu nói riêng và nhân loại nói chung. Có thể nói, ảnh hưởng của nó đối với đương thời chẳng kém gì sức công phá của một quả bom nguyên tử, mà công lao lớn nhất phải được dành cho nhà thiên văn học Ptolemy.

Ptolemy – vị thánh thiên văn

Ptolemy (tên Latinh là Claudius Ptolemaeus – khoảng năm 90-168), là nhà thiên văn, địa lý, và toán học lừng danh của Hy Lạp cổ đại, là tác giả của thuyết “Địa tâm”. Năm 127, Ptolemy được đưa đến học viện Alexandria. Chính tại nơi đây, ông đã nghiên cứu rất nhiều thư tịch và học được các phương pháp đo lường về thiên văn và địa lý. Ông đã ở lại thành phố Alexandria trong một thời gian khá dài (có lẽ phải đến năm 151). Hiện nay, chúng ta chỉ còn lưu lại được rất ít tài liệu ghi chép về cuộc đời của ông.

Thánh kinh thiên văn học của người Hy Lạp – “thuyết địa tâm”

Sống vào thế kỷ thứ 2, Ptolemy đã đưa ra học thuyết về kết cấu vũ trụ của mình, tức thuyết “Địa tâm”. Thuyết này chủ trương địa cầu là trung tâm của vũ trụ và đứng yên bất động; mặt trời, mặt trăng, các hành tinh và hằng tinh vận hành tuần hoàn xung quanh địa cầu. Vấn đề cơ bản mà ông phải đối diện là: đặt giả thuyết địa cầu là trung tâm của vũ trụ, cùng với tiền đề là tất cả thiên thể trong vũ trụ đều vận hành theo một quỹ đạo hình tròn với một vận tốc đều đặn, vậy phải làm sao để giải thích sự vận hành của các thiên thể. Bởi vì trên thực tế, các thiên thể lại vận động xung quanh địa cầu theo một quỹ đạo hình cầu với những tốc độ khác nhau. Để bảo vệ giả thuyết ban đầu của mình, cần phải nghĩ ra những nguyên lý hình học hết sức phức tạp. Ông đã sử dụng ba phương pháp tưởng tượng nguyên thủy phức tạp là bản luân (round – vòng nhỏ hơn), thiên tâm viên (quỹ đạo lệch tâm) và quân luân (all round – vòng tròn trái đất). Ông có thể miêu tả một cách hợp lý quỹ đạo vận hành của sao Hỏa, sao Kim và sao Mộc, nhưng nếu đặt chúng trong một mô hình thì kích thước và chu kỳ của chúng sẽ phát sinh những xung đột.



Một nhà khoa học khác của Hy Lạp cũng đạt được những thành tựu rất lớn trong lĩnh vực địa lý là Eratosthenes. Đây là tấm bản đồ phục chế từ nguyên bản tấm bản đồ thế giới do Eratosthenes miêu tả.

Một biểu đồ toán học không phản ánh đúng kết cấu vũ trụ thực tế của Ptolemy lại tỏ ra có đủ khả năng giải thích tình trạng vận hành của các hành tinh mà các nhà thiên văn học đương thời có thể quan sát được. Đồng thời, học thuyết của ông còn có một giá trị thực dụng rất lớn đối với ngành hàng hải. Chính vì vậy mà thuyết “Địa tâm” đã được đông đảo mọi người tin tưởng. Bản thân Ptolemy cũng thừa nhận rằng, hệ thống thiên văn của ông không mang tính chân thật của vật lý, mà chỉ là một phương án toán học để tính toán vị trí của các thiên thể. Tuy nhiên, bất luận hệ thống ấy có tồn tại những khuyết điểm như thế nào, nó vẫn được lưu hành trong suốt 1.300 năm, mãi đến thế kỷ thứ 15, thuyết “Địa tâm” mới bị Copernicus lật đổ. Còn chuyện Giáo hội Thiên Chúa giáo đã lợi dụng và bảo vệ cho thuyết Địa tâm như thế nào, thì đó cũng là câu chuyện xảy ra sau khi Ptolemy đã qua đời hơn 1.000 năm.



Ptolemy, người sáng lập thuyết “Địa tâm”. Hệ thống lý luận của ông được các nhà khoa học sau này gọi là “Hệ thống Ptolemy”.

Những phát kiến địa lý quan trọng

Ngoài những khám phá về mặt Thiên văn học, Ptolemy còn đạt được những thành tựu rất lớn trong lĩnh vực địa lý. Ông cho rằng, đối tượng nghiên cứu của địa lý phải là địa cầu, chủ yếu phải nghiên cứu hình trạng, kích thước, đo kinh độ, vĩ độ, cùng với phương pháp hình chiếu địa đồ. Ông đã phát minh ra một dụng cụ đo lường kinh độ, vĩ độ. Ptolemy còn để lại 8 tác phẩm viết về địa lý học. Thông qua phương pháp nghiên cứu thiên văn một cách hệ thống, ông đã biên soạn bản đồ vị trí của hơn 1.000 hằng tinh.

Bốn tác phẩm nổi tiếng nhất của Ptolemy là “Thiên văn học đại thành” (Almagest), “Địa lý học” (Geography), “Thiên văn tập” (Tetrabiblos) và “Quang học” (Optics). “Thiên văn học đại thành” được xem là đỉnh điểm của tư tưởng vũ trụ học và thiên văn học trong lịch sử văn minh Hy Lạp cổ đại, thông trị ngành thiên văn thế giới trong suốt 13 thế kỷ. Một tác phẩm vô cùng phức tạp và chứa đựng một lượng tri thức khổng lồ như thế không thể là thành quả của một cá nhân đơn độc. Ptolemy đã dựa vào thành quả của những người đi trước, đặc biệt là Hipparchus để hoàn thiện cho những học thuyết của mình, đó là một sự thực không cần phải che giấu.

Ptolemy là một nhà thiên văn học vĩ đại, rất nhiều phát minh của ông đã được người đương thời và hậu thế ứng dụng, những lý luận do ông đưa ra có tầm ảnh hưởng thời đại sâu sắc. Đương nhiên, ông cũng phạm phải rất nhiều sai lầm, nhưng với những thành tựu mà ông đã công hiến cho lịch sử nhân loại, Ptolemy xứng đáng được xưng tụng là “Vị Thánh thiên văn”.



Ptolemy, nhà thiên văn học Hy Lạp cổ đại đang tiến hành quan trắc thiên văn.

Cuộc tranh luận về quy luật vận động của các thiên thể

Trong khoảng thế kỷ thứ 3 – thế kỷ 4 TCN, Hy Lạp cổ đại có hai cách nhìn khác nhau về sự vận động của các thiên thể.



Columbus, nhà hàng hải lừng danh, người sáng lập nên lịch sử hàng hải nhân loại.

Đại diện cho cách nhìn thứ nhất là Eudoxus, người chủ trương giải thích sự vận động của thiên thể dựa trên góc độ hình học. Eudoxus tiến hành phân giải các hiện tượng chu kỳ phức tạp thành những vận động chu kỳ đơn giản. Tiếp đó, ông lại chỉ định cho mỗi vận động chu kỳ đơn giản đó một quỹ đạo hình tròn hoặc hình cầu. Ông cho rằng, tất cả thiên thể đều vận động xung quanh trái đất theo một chu kỳ hình tròn với tốc độ không đổi. Bên cạnh đó, ông còn dùng 27 tầng cầu để giải thích sự vận động của các thiên thể. Sau đó, Aristotle lại tăng số lượng tầng cầu lên 56.



Aristarchus, nhà thiên văn Hy Lạp cổ đại, người đầu tiên đưa ra luận thuyết “Nhật tâm”.

Đại diện cho cách nhìn thứ hai là Aristarchus. Ông cho rằng địa cầu tự quay quanh trục của nó mỗi ngày, mỗi năm nó quay quanh mặt trời một vòng theo quỹ đạo hình tròn, mặt trời và các hành tinh đều bất động, còn các hành tinh thì vận động xung quanh mặt trời. Tuy nhiên, kiến giải của Arist-archus không được những người đương thời chấp nhận, bởi vì điều này tỏ ra trái ngược với những gì mà mắt thường có thể nhìn thấy được.

❖ ĐỈNH CAO CỦA TƯ DUY LOGIC CỔ ĐẠI

Trong rất nhiều di chỉ khảo cổ của Hy Lạp cổ đại, các nhà khoa học đều phát hiện thấy một số đồ vật tựa như phù hiệu chữ số. Ban đầu, các nhà khoa học cho rằng chúng là những phù hiệu chữ viết. Trải qua một thời gian nghiên cứu tỉ mỉ, họ mới phát hiện rằng, đây có thể là những di tích xưa nhất còn sót lại về toán học của Hy Lạp cổ đại. Lẽ nào vào thời điểm đó, Hy Lạp cổ đại đã có những thành tựu về toán học cao đến như thế?

Một số tài liệu ghi chép của người sau cho thấy, lĩnh vực toán học đã đạt được những thành tựu rất cao. Lịch sử phát triển của toán học có thể phân làm 3 thời kỳ:

Thời kỳ thứ nhất bắt đầu từ học phái Ionic và dừng lại với học phái Platon (khoảng giữa thế kỷ thứ 7-3 TCN).

Thời kỳ thứ hai là giai đoạn tiền kỳ Alexander, bắt đầu với Euclid cho đến năm 146 TCN, khi đất nước Hy Lạp cổ rơi vào tay của Đế quốc La Mã.

Thời kỳ thứ ba là thời kỳ hậu Alexander, Hy Lạp cổ nằm dưới sự thống trị của Đế quốc La Mã. Thời kỳ này được kết thúc vào năm 641, khi Alexandria bị người Ả Rập chiếm lĩnh.

Từ thời điểm suy vong của nền văn minh Ai Cập và Babylon, cho đến sự hưng thịnh của nền văn minh Hy Lạp cổ đại, trong giai đoạn quá độ đó, có rất ít sử liệu toán học còn lưu giữ được cho đến hôm nay. Tuy nhiên, sự phát triển của toán học Hy Lạp cổ đại chắc chắn có quan hệ mật thiết với văn hóa phương Đông.

Trường phái Ionic

Miletus là thành phố lớn nhất của Ionic và cũng là quê hương của Thales, người được công nhận là ông tổ của triết học Hy Lạp cổ đại. Thời trẻ ông là một thương nhân, từng du lịch đến các vùng đất Babylon, Ai Cập v.v... ông nhanh chóng tiếp thu được những tri thức khoa học và phát triển chúng lên một tầm cao mới. Về sau, chính ông đã sáng lập ra trường phái triết học Ionic, thoát khỏi sự ràng buộc của tôn giáo, tìm kiếm những chân lý từ trong tự nhiên, xem nước là cội nguồn của vạn vật.



Euclid, nhà hình học có uy quyền nhất trong thời kỳ cổ đại Hy Lạp.

Vào thời ấy, chưa có sự phân biệt giữa thiên văn, toán học và triết học. Vì vậy, Thales đồng thời cũng là nhà nghiên cứu thiên văn và toán học. Ông từng dự đoán một lần nhật thực, kêu gọi hai nước Medes (ở phía nam biển Caspian) và Lydia (nay là phía tây Thổ Nhĩ Kỳ) đình chiến. Nhiều nhà khoa học nhận định lần nhật thực ấy đã xuất hiện vào ngày 28 tháng 5 năm 585 TCN. Trong thời gian đi đến Ai Cập, ông đã từng lợi dụng bóng nắng và quan hệ tỷ lệ để tính toán chiều cao của kim tự tháp, khiến cho vị pharaoh đương thời hết sức kinh ngạc. Thales là người mở đầu cho phương pháp chứng minh bằng mệnh đề. Đó là tiêu chí đánh dấu quá trình nhận thức sự vật khách quan của con người đã đi từ giai đoạn cảm tính tiến lên giai đoạn lý tính. Đó là một bước nhảy vọt phi thường trong lịch sử toán học. Bên cạnh Thales, trường phái Ionic còn có những gương mặt xuất sắc khác như Anaxiruander, Anaximenes v.v... Đây là những nhân vật đã có ảnh hưởng rất lớn đến Pythagoras, người đã sáng lập nên học phái mang tên ông.

Trường phái Pythagoras (Pitago)



Pythagoras, người đã có những cống hiến to lớn cho sự phát triển của bộ môn hình học.

Pythagoras sinh tại đảo Samos, vào khoảng năm 580 TCN. Để thoát khỏi chính sách bạo ngược ở đây, ông đã di cư đến Crotone, phía Nam bán đảo Ý. Tại đây, ông đã tổ chức một đoàn thể bí mật, hợp nhất chính trị, tôn giáo, triết học và toán học. Ông bị bức hại trong cuộc đấu tranh chính trị, nhưng học phái của ông vẫn tiếp tục tồn tại trong hai thế kỷ sau đó. Tiêu chí của học phái Pythagoras là dùng số học giải thích mọi thứ, không chỉ cho rằng vạn vật bao hàm số, mà vạn vật đều là số. Định lý Pythagoras vẫn nổi tiếng và được ứng dụng cho đến tận ngày nay.

Một đặc điểm của học phái này là đặt toán thuật và hình học vào trong một quan hệ mật thiết. Chúng ta dễ dàng nhận thấy điểm khác biệt giữa học phái Ionic và học phái Pythagoras. Nếu việc nghiên cứu toán học của học phái Ionic không xuất phát từ hứng thú triết học mà nặng về phần thực tế thì trái lại, học phái Pythagoras lại không chú trọng đến việc ứng dụng thực tế, có xu hướng kết hợp tôn giáo và toán học, muốn thông qua toán học để khám phá chân lý vĩnh hằng.

Trường phái Athens

Đến thế kỷ thứ 5 TCN, Athens trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học của Hy Lạp cổ đại, nơi mọi người được công khai tranh luận với nhau về mọi vấn đề. Trong những cuộc tranh luận hay biện luận công khai ấy, đòi hỏi người tranh luận phải có những tri thức hùng biện, tu từ, triết học và cả toán học, và thế là “Học phái trí nhân” được ra đời. Công việc của họ là truyền dạy những tri thức về văn pháp, logic, toán học, thiên văn, tu từ, hùng biện v.v...



Pythagoras và các học trò đang tiến hành nghiên cứu.

Trong lĩnh vực toán học, họ đưa ra “Ba vấn đề lớn”: Góc bất kỳ tam đẳng phân; Hình lập phương (hình khối), tìm thể tích khối lập phương, khiến thể tích của nó gấp 2 lần thể tích khối lập phương đã biết; phép cầu phương một vòng tròn, để tìm ra một hình vuông, khiến cho diện tích của nó bằng với diện tích hình tròn đã biết. Chỗ khó của vấn đề này, là khi vẽ hình chỉ cho phép dùng thước kẻ thẳng (không có thước chia độ) và compa.

Điều lý thú trong cách giải của người Hy Lạp cổ là giải quyết các vấn đề này từ cơ sở lý luận, đây là một bước tiến quan trọng của hình học trong bước quá độ từ ứng dụng thực tế chuyển sang lý luận hệ thống.

Học giả Antiphon của trường phái này đã đưa ra phương pháp sử dụng “Phép tận cùng” để giải quyết vấn đề chuyển từ hình tròn sang hình vuông. Đây là mô hình của lý luận giới hạn cận đại, đầu tiên vẽ đường tròn nội tiếp của hình vuông, sau đó tăng dần cạnh theo cấp số cộng 8; 16; 32... Antiphon tin rằng hình đa diện “cuối cùng” sẽ có diện tích gần bằng diện tích hình tròn.



Nhà toán học Euclid và các học trò đang nghiên cứu vấn đề toán học.

Thế kỷ 3 TCN, Platon đã thành lập học phái của mình ở Athens. Platon rất coi trọng toán học, nhưng ông lại quá nhấn mạnh tác dụng của toán học trong phương diện rèn luyện kỹ năng, mà xem nhẹ giá trị thực dụng của nó. Ông chủ trương bồi dưỡng khả năng tư duy logic thông qua môn hình học, bởi vì hình học có thể mang lại cho con người ấn tượng trực quan, thể hiện sự

trừu tượng của qui luật logic trong các hình cụ thể.

Học phái này đã sản sinh ra không ít học giả, như Eudoxus từng theo học Platon, ông đã sáng tạo ra “Phép so sánh”. Học trò của Platon là Aristotle cũng là một nhà triết học cổ đại, người đặt nền móng về logic hình thức. Tư tưởng logic của ông đã mở ra con đường cho hệ thống logic chặt chẽ trong bộ môn hình học sau này.

Trường phái Elia

Trung tâm toán học Hy Lạp cổ thời kỳ này còn có một trường phái nữa đó là trường phái Elia, đại diện cho trường phái này là Zeno. Ông đã đưa ra 4 vấn đề trái ngược, làm chần động giới học thuật, 4 vấn đề đó là: Thuyết nhị phân, một vật đi từ điểm A tới điểm B sẽ không thể nào tới được, bởi vì muốn đi từ A tới B trước tiên phải đi qua nửa đoạn đường, nhưng muốn đi qua nửa đoạn đường này lại phải đi qua một nửa của nửa đoạn đường, cứ tiếp tục phân như vậy, sẽ không có giới hạn. Kết luận là vận động của vật này bị trở ngại bởi chiều dài vô hạn của quãng đường, không thể nào đi hết; Thuyết Achilles đuổi rùa: Achilles đuổi rùa, không bao giờ bắt kịp, bởi vì khi anh ta đuổi tới điểm xuất phát của rùa, thì rùa đã bò về phía trước được một đoạn, anh ta lại đuổi tới điểm đó, thì rùa lại chạy về phía trước một đoạn ngắn nữa. Cứ lặp đi lặp lại như vậy, sẽ không bao giờ đuổi tới; Thuyết mũi tên bay đứng yên, mỗi một tích tắc, mũi tên ở vào một vị trí xác định, cho nên nó không hề chuyển động; vấn đề vận động, Zeno luận chứng rằng thời gian bằng một nửa của nó.

Trường phái Nguyên tử luận

Democritus là đại biểu của trường phái “Nguyên tử luận”. Ông cho rằng đoạn thẳng, diện tích và hình khối, là do sự cấu thành của rất nhiều nguyên tử không thể phân chia được nữa. Tính diện tích và thể tích là giống như tập hợp những nguyên tử đó lại. Phương pháp suy lý hết sức cứng nhắc này lại là một manh mối quan trọng cho những phát hiện mới của các nhà toán học cổ đại.

Thời kỳ toán học sơ đẳng – thành tựu toán học trong giai đoạn mới

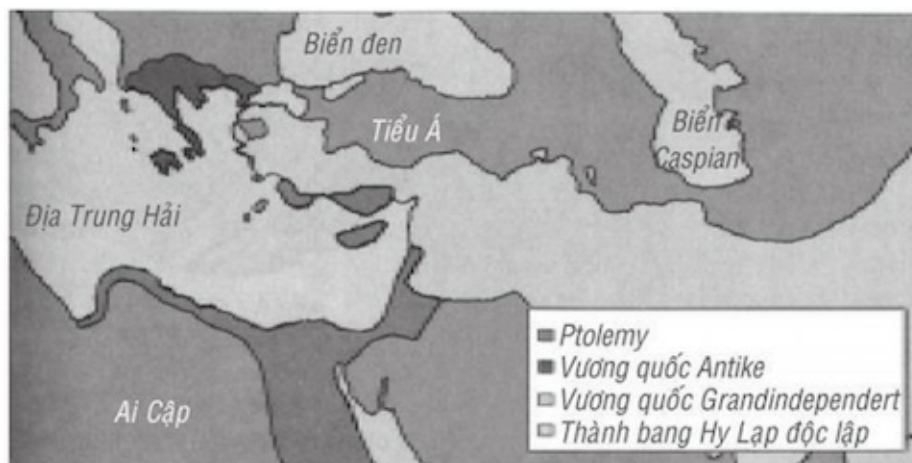
Từ sau thế kỷ 4 TCN, toán học Hy Lạp cổ đại dần dần thoát ly khỏi thiên văn học và triết học, trở thành môn khoa học độc lập. Lịch sử của toán học bước vào một giai đoạn mới – Thời kỳ toán học sơ đẳng.



Apollonius, nhà toán học lớn khác của Hy Lạp cổ đại.

Đặc điểm của thời kỳ này là, hệ thống lý luận toán học (chủ yếu là hình học) đã được hình thành, từ khoa học kinh nghiệm – lấy thực nghiệm và quan sát làm căn cứ – quá độ sang khoa học diễn giải, xuất phát từ một số mệnh đề nguyên thủy (tiền đề), thông qua suy lý logic để có được một loạt định lý. Đây là tinh thần cơ bản của toán học Hy Lạp cổ.

Trong thời kỳ này, hình học sơ đẳng, phép tính đại số sơ đẳng, về cơ bản đã trở thành một môn độc lập. So sánh với phương pháp giải tích vi phân, tích phân và hình học xuất hiện vào thế kỷ 17, thì nội dung nghiên cứu của thời kỳ này có thể dùng “toán học sơ đẳng” để khái quát, do vậy gọi nó là thời kỳ toán học sơ đẳng. Thành phố Alexandria của Ai Cập là đầu mối giao thông đường biển, đường bộ giữa phương Đông và phương Tây, đồng thời trải qua quá trình kiến thiết của vua Ptolemy, dần dần trở thành trung tâm văn hóa mới của Hy Lạp, thời kỳ này khu vực Hy Lạp cổ đã bị đẩy xuống vị trí thứ yếu. Mạnh nha đầu tiên của môn hình học là ở Ai Cập, sau đó chuyển sang Ionic, tiếp tục phát triển mạnh ở Italy và Athens, sau cùng lại quay trở về với Ai Cập. Trải qua vòng tuần hoàn này, Ai Cập đã trở thành một vùng đất vô cùng màu mỡ cho toán học phát triển.



Bản đồ thế giới thời kỳ Hy Lạp cổ hóa, sau khi vương quốc của Alexander phân rã.

Sự phát triển của toán học sau khi người La Mã xâm lược.

Từ thế kỷ 4 TCN đến năm 146 TCN, Hy Lạp cổ diệt vong, La Mã trở thành kẻ thống trị trong khu vực Địa Trung Hải. Toán học Hy Lạp cổ với Alexandria là trung tâm, đã đạt đến thời kỳ phát triển đỉnh điểm của nó. Ở đây có thư viện sách lớn và tràn đầy không khí học thuật, học giả từ các nơi tề tựu về đây để tiến hành nghiên cứu và dạy học, trong đó có 3 học giả có thành tựu lớn nhất trong thời kỳ này là Euclid, Archimedes và Apollonius.

“Hình học nguyên bản” của Euclid là bộ sách nổi tiếng xuyên thời đại. Ý nghĩa lịch sử to lớn của nó là đã dùng “tiền đề” để xác lập hệ thống diễn giải chuẩn mực sớm nhất. Những tri thức toán học được tích lũy trước đây là vụn vặt, chắp vá, nhưng nhờ có sự hỗ trợ của phương pháp logic, ông đã liên kết những tri thức này lại và phân loại, so sánh, vạch rõ quan hệ nội tại giữa chúng, rồi chỉnh lý thành một hệ thống chặt chẽ. “Hình học nguyên thể” đã thể hiện tinh thần này, nó có ảnh hưởng sâu rộng đối với toàn bộ quá trình phát triển của toán học.



Tác phẩm toán học nổi tiếng “Hình học nguyên thể” của Euclid.

Archimedes là nhà vật lý học kiêm toán học, ông thiên về việc kết hợp các ứng dụng cụ thể của lý luận trừu tượng và công trình kỹ thuật, quan sát bản chất của sự vật trong thực tiễn, thông qua luận chứng chặt chẽ, làm cho kinh nghiệm thực tế phát triển thành lý luận. Ông dựa vào nguyên lý lực học để tìm cách giải quyết vấn đề về diện tích và thể tích, nên đã bao hàm tư tưởng đầu tiên về tích phân. Công hiến chủ yếu của Archimedes là việc nghiên cứu tỉ mỉ đường gấp khúc hình nón.

Ngoài 3 nhà toán học lớn này, Eratosthenes cũng rất nổi tiếng với việc đo lường trái đất và “Dãy số nguyên tố” đặt theo tên ông; nhà thiên văn học Hipparchus chế tạo ra “bảng tính sin”, đó là nền móng của lượng giác.

Sau năm 146 TCN, dưới sự thống trị của La Mã, các học giả ở Alexandria vẫn được kế thừa công việc của lớp người đi trước và liên tục có những phát minh mới. Hero (khoảng năm 62); Menalaus (khoảng năm 100); Pappus v.v... đều có những công hiến quan trọng. Nhà thiên văn học Ptolemy đã tiếp tục phát huy công việc của Hipparchus, đặt nền móng cho lượng giác.

Các học giả Hy Lạp cổ thời kỳ cuối cũng đã có nhiều đóng góp cho số học và đại số, đại biểu cho số này có Nikemaheshi (khoảng năm 100) và Diophantine (khoảng năm thứ 250). Nikemaheshi là người ở khu vực Jerash (nay là thành phố ở miền Bắc Jordan), tác phẩm nổi tiếng là “Nhập môn số học”. “Số học” của Diophantine là lý luận giảng số học, phần lớn nội dung có thể qui vào phạm vi đại số, hoàn toàn thoát ly khỏi hình thức của hình học, là một môn độc lập trong toán học Hy Lạp cổ, có ảnh hưởng lớn đối với toán học sau này.

Vào năm 325, Constantinus Đại đế của đế quốc La Mã bắt đầu lợi dụng tôn giáo làm công cụ thống trị, đặt tất cả các môn khoa học dưới sự khống chế của thần học Cơ Đốc giáo.



Nhà toán học lừng danh Archimedes, từng là quản lý thư viện Alexandria.

Năm 529, Hoàng đế đế quốc Đông La Mã Justinian ra lệnh đóng cửa Học viện Platon và những trường học khác của Hy Lạp cổ, cấm các học giả dạy học. Rất nhiều học giả Hy Lạp cổ trốn sang Syria và Ba Tư, việc nghiên cứu toán học của Hy Lạp cổ gặp phải trở ngại lớn. Năm 614, Alexandria bị người Ả Rập xâm chiếm, thư viện một lần nữa bị phá hủy, toán học Hy Lạp cổ cũng bị cắt đứt từ đó.



Tác phẩm “Thánh kinh” kinh điển của Cơ Đốc giáo, sau khi đế quốc La Mã xâm chiếm Hy Lạp cổ, Cơ Đốc giáo đã khống chế tất cả các bộ môn khoa học.

Xét từ ý nghĩa của lịch sử văn hóa toán học, toán học phương Tây khởi nguồn từ Hy Lạp cổ không phải chỉ là một hệ thống thao tác diễn giải toán học, mà vấn đề chủ yếu ở chỗ, nó là một hệ thống phát huy vai trò chủ đạo trong giải thích lý tính hệ thống văn hóa, hoặc có thể xem là một hình thức qui phạm của cấu tạo lý tính. Dùng toán học để giải thích mọi vấn đề là quan niệm giá trị của toán học phương Tây.

Định Lý Pythagoras

Có lần Pythagoras nhận lời tham dự bữa tiệc của một nhân vật có địa vị, phòng ăn trong Cung điện hào hoa của vị chủ nhân này được lát bằng những viên đá hoa cương hình vuông rất đẹp. Do chưa tới giờ khai tiệc, nên các vị khách quý liên tục thở dài vì đói, nhưng nhà toán học thích quan sát và tìm hiểu này lại nhìn xuống những viên đá hoa hình vuông xinh đẹp, được sắp xếp có quy tắc ở dưới chân mình. Không phải là Pythagoras thưởng thức vẻ đẹp của những viên đá hoa cương, mà là ông đang nghĩ tới mối quan hệ giữa chúng với toán học. Thế là ông cầm giấy bút quỳ xuống nền nhà, chọn một viên đá hoa cương, lấy đường chéo AB của nó làm cạnh, rồi vẽ 1 hình vuông. Ông phát hiện ra rằng, diện tích của hình vuông này bằng đúng diện tích của 2 viên đá hoa cương. Ông lại lấy đường chéo của hai viên đá kề sát nhau rồi vẽ 1 hình vuông khác, ông nhận thấy diện tích của hình vuông này bằng diện tích của 5 viên đá hoa cương. Pythagoras mạnh dạn đặt giả thiết: Bất kỳ hình tam giác vuông nào, bình phương của cạnh huyền cũng bằng tổng bình phương của hai cạnh còn lại. Bữa tiệc hôm đó, ánh mắt ông dường như không rời khỏi nền nhà. Vậy là Pythagoras đã phát hiện được một định lý về tam giác vuông. Ông vô cùng sung sướng, ra lệnh cho học trò của mình giết 100 con trâu để ăn mừng chính vì thế định lý về tam giác vuông cũng được gọi là “Định lý trăm trâu”.

❖ CUỘC ĐỜI ARCHIMEDES

Nhà vật lý học Hy Lạp cổ Archimedes từng tuyên bố: “Hãy cho tôi một điểm tựa, tôi sẽ nâng bổng trái đất lên”. Cuộc đời của ông là một câu chuyện truyền kỳ, ông không chỉ có cống hiến to lớn cho sự phát triển của nền khoa học kỹ thuật đương thời mà còn để lại cho hậu thế một kho tàng tri thức quý báu.

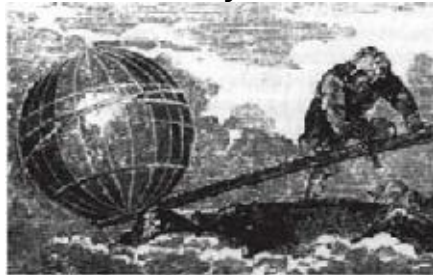
Có một câu chuyện như sau: Vua Hieron chế tạo cho Quốc vương Ai Cập một chiếc thuyền có thể tích khá lớn và tương đối nặng, sức người khó lòng kéo đi được, vì vậy mà nó đã phải nằm trên bờ biển khá lâu. Archimedes đã lắp đặt một hệ thống ròng rọc phức tạp trên con tàu, đưa một đầu dây giao cho Hieron. Hieron kéo nhẹ sợi dây, một điều kỳ diệu đã xảy ra, chiếc thuyền lớn bắt đầu di chuyển từ từ trên mặt đất, và cuối cùng nó đã xuống được mặt biển. Nhà vua vô cùng kinh ngạc và khâm phục tài năng của Archimedes, đồng thời lệnh cho binh sĩ đi dán một cáo thị như sau: “Từ nay về sau, bất luận Archimedes nói gì, mọi người đều phải tin theo ông ấy!”

Archimedes luôn say mê đưa những phát hiện của mình ứng dụng vào cuộc sống, từ đó kết hợp lý luận với thực tiễn. Tại Ai Cập, vào khoảng 1.500 năm TCN, đã từng có người dùng đòn bẩy nâng vật nặng, có điều, mọi người vẫn không hiểu được nguyên lý của nó. Archimedes đã chuyên tâm nghiên cứu hiện tượng này và phát hiện ra nguyên lý đòn bẩy. Đó chính là điểm hơn người của ông. Có thể nói, ngoài Newton và Einstein, không ai có những cống hiến vĩ đại thông qua những việc làm vì nhân loại như Archimedes. Archimedes là “hóa thân lý tưởng của sự hợp nhất thiên tài lý luận và thiên tài thực nghiệm trong một con người”.

❖ THÀNH TỰU VĨ ĐẠI CỦA THIÊN TÀI ARCHIMEDES

Năm 287 TCN, Archimedes chào đời trên vùng đất Syracuse ở đảo Sicily (Nay là Siracusa ở Italia). Xuất thân trong dòng dõi quý tộc, ông có mối quan hệ mật thiết với vua Hieron, gia đình lại vô cùng giàu có. Cha của Archimedes là một nhà toán học kiêm thiên văn học, có kiến thức uyên bác, với bản tính khiêm tốn. Nhờ gia đình có quan hệ thân thiết với vua Hieron, năm 11 tuổi, Archimedes được đưa đến học tập tại thành phố Alexandria, trung tâm văn hóa của Hy Lạp cổ thời bấy giờ.

Thành phố Alexandria nằm ở cửa khẩu sông Nile, nơi đây có những viện bảo tàng, thư viện vô cùng to lớn, đồng thời còn là nơi hội tụ của những con người lỗi lạc, vì thế được xưng tụng là “kinh đô của trí tuệ”. Archimedes đã sinh sống và học tập ở đây trong một thời gian rất lâu, có quan hệ mật thiết với rất nhiều học giả lỗi lạc đương thời. Trong thời gian học tập, ông tỏ ra vô cùng hứng thú với các môn toán học, lực học và thiên văn học. Trong khi học tập về thiên văn học, ông đã phát minh ra thiết bị quả cầu và hành tinh chuyển động bằng thủy lực, đồng thời có thể dùng nó để mô phỏng sự vận hành của mặt trời, mặt trăng và các hành tinh, trình bày hiện tượng nhật thực và nguyệt thực. Để giải quyết một vấn đề nan giải là đưa nguồn nước sông Nile vào các cánh đồng, ông đã phát minh ra máy bơm nước xoắn ốc.



Đây là một bức tranh được thực hiện dựa trên cảm hứng từ câu nói bất hủ của Archimedes, rất phù hợp với nguyên lý đòn bẩy do chính ông phát hiện.



Nhà khoa học vĩ đại Archimedes, người đã có những cống hiến to lớn trong các lĩnh vực toán học, vật lý học, thiên văn học và lực học.



Một bức bích họa tả cảnh người nông dân Hy Lạp đang sử dụng hệ thống dẫn nước do Archimedes phát minh.

Năm 240 TCN, Archimedes trở về Syracuse, làm cố vấn cho vua Hieron, giúp giải quyết các vấn đề khoa học kỹ thuật trong thực tiễn sản xuất, kỹ thuật quân sự và sinh hoạt thường nhật.

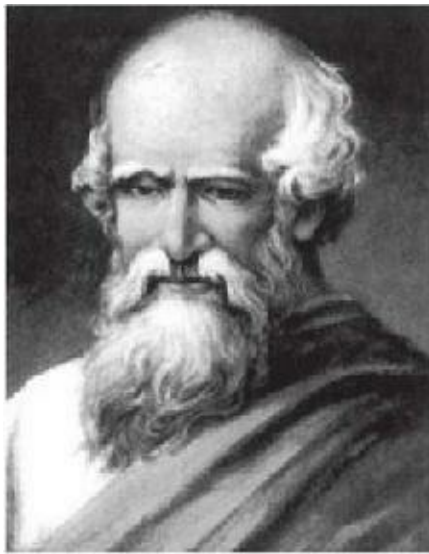
Lực học là lĩnh vực mà Archimedes đã gặt hái được những thành tựu kỳ diệu nhất. Ông đã hệ thống và chứng minh định luật đòn bẩy một cách chặt chẽ, đặt nền tảng vững chắc cho ngành Tĩnh lực học. Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm của thế hệ trước, Archimedes đã nghiên cứu một cách hệ thống nguyên lý đòn bẩy và trọng tâm của vật thể, đưa ra phương pháp xác định trọng tâm vật thể một cách vô cùng chính xác. Ông còn chỉ ra rằng, nếu đặt một lực nâng vào đúng vị trí trung tâm của vật thể, ta sẽ duy trì được trạng thái cân bằng của nó. Trong quá trình nghiên cứu cơ giới, ông đã ứng dụng nguyên lý đòn bẩy để chế tạo rất nhiều hệ thống cơ giới. Trong quá trình nghiên cứu vật thể nổi, ông đã phát hiện được định luật về sức đẩy của chất lỏng, tức định luật Archimedes nổi tiếng.

Archimedes còn xác định được phương pháp tính toán diện tích và thể tích của những hình và vật thể phức tạp. Trong quá trình suy diễn những công thức trên, ông đã phát minh ra “Phép khử liên tiếp”, tức những gì chúng ta nói hôm nay từng bước một tính theo phương pháp xấp xỉ đến giới hạn. Chính vì vậy mà ông còn được công nhận là “Ông tổ của toán học vi tích phân”. Ông dùng phương pháp đa giác nội tiếp và đa giác ngoại tiếp với đường tròn, các cạnh càng nhiều thì diện tích dần ngang nhau, để tính được tỷ lệ chu vi của trái đất khá chính xác. Trước những phương thức biểu thị chữ số của người Hy Lạp cổ đại, Archimedes còn sáng tạo phương pháp ghi đại số, xóa bỏ sự hạn chế của phương pháp tính toán bằng mẫu tự Hy Lạp cổ đại, vốn không thể tính qua con số 10.000, đồng thời còn vận dụng nó để giải quyết rất nhiều vấn đề nan giải trong toán học.



Tem kỉ niệm Archimedes, mô tả ông đang nghiên cứu toán học.

Trong lĩnh vực thiên văn học, ông cũng đạt được những thành tựu xuất sắc. Ngoài việc phát minh ra thiết bị tinh cầu để miêu tả sự vận hành của mặt trời, mặt trăng và các thiên thể đã được giới thiệu ở trên, ông còn cho rằng địa cầu là một vật thể có dạng hình tròn, đồng thời xoay chuyển xung quanh mặt trời. Quan điểm ấy đã đi trước “Thuyết nhật tâm” của Copernicus 1.800 năm. Với những điều kiện đương thời, Archimedes không thể đi sâu nghiên cứu vấn đề trên. Nhưng ở vào thế kỷ thứ 3 TCN, mà ông đã có thể đưa ra một kiến giải như thế, đủ chứng tỏ trí tuệ của ông phi phàm đến mức nào.



Chân dung Archimedes

Là một nhà toán học, Archimedes đã để lại cho nhân loại các phẩm toán học nổi tiếng: như “Về hình cầu và hình trụ; về độ đo cung; về đường cong Parabol; về đường xoắn...”.

Archimedes tỏ ra là một nhà khoa học khác biệt với các nhà khoa học lỗi lạc của Athens lúc bấy giờ. Ông xem trọng tính nghiêm cẩn, chuẩn xác của khoa học, luôn đòi hỏi phải tiến hành nghiên cứu thật chính xác, tường tận đối với mọi vấn đề, phù hợp với chứng minh logic. Bên cạnh đó, ông còn hết sức chú trọng đến tính ứng dụng thực tế của tri thức khoa học. Ông hết sức coi trọng thí nghiệm, tự tay chế tạo các dụng cụ và máy móc. Suốt cuộc đời của mình, ông đã thiết kế và chế tạo rất nhiều mô hình và máy móc, ngoài hệ thống đòn bẩy, còn có hệ thống bánh lăn, máy bơm nước, máy tưới nước, và cả máy bắn đá được dùng trong quân sự. Hệ thống máy bơm nước “xoắn ốc Archimedes” hiện nay vẫn còn được sử dụng tại một số vùng nông thôn của Ai Cập.

Archimedes – Nhà ái quốc vĩ đại

Archimedes còn là một nhà ái quốc. Vào cuối đời, khi quân đội La Mã tấn công vào Syracuse, Archimedes đã cùng với đồng bào mình chế tạo rất nhiều vũ khí tác chiến để chống lại kẻ thù. Khi thủ lĩnh của đội quân xâm lược là Masaius đưa quân tấn công vào thành, những chiếc máy bắn đá do ông thiết kế đã đánh cho quân địch một trận thất điên bát đảo. Một hệ thống máy cầu hình cánh tay do ông thiết kế có thể nâng bổng và lật úp những chiến thuyền của kẻ thù.



Cánh tay máy khổng lồ đang chụp lấy chiến thuyền. Những phát minh của Archimedes đã giúp cho quân đội Hy Lạp chống lại sự xâm lược của người La Mã.

Một truyền thuyết khó tin khác còn nói rằng, ông từng lãnh đạo nhân dân Syracuse sử dụng những tấm kính lõm khổng lồ, tập trung ánh sáng mặt trời để thiêu đốt chiến thuyền bằng gỗ của quân đội La Mã. Các binh sĩ La Mã tham gia trong trận chiến này đều kinh hoàng khiếp vía trước những phát minh của Archimedes. Mỗi khi nhìn thấy một sợi dây thừng hay một khúc cây từ trong thành ném ra là họ lại kinh hãi hét lên “Archimedes đến rồi!”, sau đó lập tức ôm đầu bỏ chạy.

Archimedes đã để lại cho nhân loại rất nhiều lý luận khoa học quý giá, đặt nền móng cho sự phát triển của khoa học ngày nay. Ông là một nhà khoa học vĩ đại của mọi thời đại, những thành tựu khoa học của ông khiến cho mọi người phải kinh ngạc thán phục và những câu chuyện anh hùng về lòng ái quốc của ông mãi mãi sẽ được chúng ta nhớ đến với lòng kính ngưỡng và khâm phục.

Phát hiện trong bồn tắm

Liên quan đến Archimedes, mọi người thường kể lại một câu chuyện hết sức thú vị sau đây: Tương truyền vua Hieron đã ra lệnh cho một người thợ kim hoàn chế tạo cho ông một chiếc vương miện bằng vàng. Nhà vua nghi ngờ người thợ kia đã thêm kim loại khác vào bên trong chiếc vương miện, nhưng chiếc mũ ấy lại có trọng lượng bằng với số vàng ròng mà nhà vua đã giao cho ông ta. Rốt cuộc thì người thợ kia có lấy bớt vàng của nhà vua hay không? Muốn kiểm tra sự thật, lại không thể phá hủy vương miện của nhà vua, thật là một vấn đề vô cùng nan giải.

Nhà vua phải cho mời Archimedes đến kiểm tra. Ban đầu, Archimedes cũng không sao tìm ra được biện pháp hữu hiệu để giải quyết vấn đề trên. Một hôm, ông đến nhà tắm công cộng để tắm rửa, đang lúc ngồi trong bồn tắm, nhìn thấy nước trào ra ngoài, đồng thời cảm thấy thân thể được nâng lên nhẹ nhẹ, ông đột nhiên nghĩ ra phương pháp đo lường vật thể rắn trong nước bằng lượng nước tràn ra ngoài, cũng có nghĩa là ông đã có thể xác định được tỉ trọng của chiếc vương miện bằng vàng. Ông lập tức nhảy khỏi bồn tắm, kích động đến quên cả việc mặc áo quần, vừa đi vừa hét lên “Eureka! Eureka!” (Tôi hiểu rồi!).



Là một người say mê khoa học, Archimedes luôn chú ý đến những hiện tượng diễn ra trong đời sống hằng ngày. Đây là bức họa được người sau vẽ lại, kể về phát hiện vĩ đại mà ông đã tìm ra trong khi đang tắm.



Trong lúc tắm, Archimedes đã phát hiện ra định luật sức nâng của nước, giải quyết được vấn đề chiếc vương miện của nhà vua.

Sau khi tiến hành thêm một bước thí nghiệm, ông đặt vương miện của nhà vua cùng với một khối vàng ròng có cùng trọng lượng vào hai chậu nước đầy, rồi so sánh lượng nước trào ra ở hai chậu. Ông nhanh chóng phát hiện thấy lượng nước tràn ra trong chậu nước đặt vương miện nhiều hơn so với lượng nước tràn ra nơi chậu nước đựng vàng ròng. Điều này nói lên rằng, thể tích của vương miện lớn hơn thể tích của khối vàng ròng có cùng trọng lượng, chứng tỏ vương miện của nhà vua đã được thêm vào bằng một kim loại khác nhẹ hơn vàng.

Ý nghĩa của lần thí nghiệm ấy không chỉ nằm ở việc phát hiện sự lười gát của người thợ đối với nhà vua, mà thông qua thí nghiệm ấy, Archimedes còn phát hiện ra một định luật mang tên ông: “Lực nổi mà một vật thể chiếm được trong thể lỏng sẽ bằng với trọng lượng thể lỏng tràn ra ngoài”. Cho đến ngày nay, mọi người vẫn ứng dụng nguyên lý này để tính toán tỉ trọng vật thể và đo lường trọng lượng chuyên chở cho một con tàu.

❖ HÀNH TRÌNH CỦA MỘT CUỘC ĐỜI THẦN KỲ HUYỀN ẢO

Nhà triết học Aristotle của Hy Lạp đã dựa vào phương pháp so sánh tính trạng để phân chia loài vật, ví dụ, ông xếp các động vật máu nóng vào chung một loài, phân biệt chúng với các động vật máu lạnh. Ông còn sắp xếp thứ tự các loài vật dựa trên sự hoàn thiện về cấu tạo, đặt ra khái niệm về cấp bậc của giới tự nhiên. Trong nghiên cứu khoa học hiện đại, những phương pháp trên vẫn mang một ý nghĩa thực tiễn rất cao. Vào thời đại đó mà ông đã có thể thực hiện những công trình nghiên cứu sinh vật học sâu sắc như thế, một mặt là nhờ vào kết quả của sự phát triển cao độ trong nền văn minh Hy Lạp cổ đại, mặt khác không kém phần quan trọng là tác dụng của chữ viết.



Aristotle, học trò của Platon và là nhà khoa học vĩ đại của Hy Lạp cổ đại.

Việc phát minh ra chữ viết đã giúp cho nhân loại có thể ghi lại kết quả quan sát của mình về giới tự nhiên, cùng với những tri thức, kinh nghiệm khoa học mà người đi trước đã tích lũy được. Trên bình diện lịch sử, tri thức sinh vật học đã bắt đầu có những bước phát triển sơ bộ tại Ai Cập, Babylon trong thời cổ đại, trải qua một thời gian dài phát triển và tích lũy, đến khoảng thế kỷ thứ 5 – thế kỷ 4 TCN, ngành sinh vật học đã ra đời tại Hy Lạp cổ đại.



Tem kỷ niệm có in hình Aristotle.

Người Hy Lạp cổ đại đã đưa ra giả thuyết sự sống khởi nguồn từ giới tự nhiên của chính mình. Quan niệm ấy được mở đầu với nhà triết học Thales khi ông cho rằng vạn vật được sinh ra từ nước, mà khoa học ngày nay đã chứng minh sự sống nguyên thủy trên địa cầu xuất phát từ nước. Đến thời Aristotle, ông cùng với các học trò của mình đã tiến hành những công trình nghiên cứu hết sức sâu sắc về sinh vật. Ông đã giải phẫu, phân loại, miêu tả một cách chính xác hình thái của các loài động thực vật, đề xuất khái niệm về tầng thứ của các sinh vật. Ông cho rằng sinh vật có sự cao thấp, khác biệt, có thể sắp xếp theo một cấp bậc từ thấp đến cao và con người chính là động vật cao cấp nhất trong giới tự nhiên, là một “đóa hoa tự nhiên” mà sự sống hướng đến. Có thể nói, bằng những công trình nghiên cứu sâu sắc và chính xác của mình, Aristotle đã đánh dấu cho sự ra đời của ngành sinh vật học.

Con đường nghiên cứu sinh vật học của Aristotle

Aristotle có một niềm đam mê nồng nhiệt đối với công việc nghiên cứu động, thực vật. Trong suốt cuộc đời của mình, ông đã nghiên cứu hơn 500 loài động vật, và ít nhất đã tự tay mổ xẻ, quan sát hơn 50 loài động vật. Bằng phương pháp giải phẫu, ông đã nắm bắt được rất nhiều kiến thức về động vật, tiến hành quy nạp và chỉnh lý, tạo nên bước phát triển mới trong lĩnh vực nghiên cứu sinh vật học. Ông đã tiến hành miêu tả khái quát về các phương diện phân loại, cấu tạo giải phẫu hình thái, quá trình sinh sản và mang thai của động vật. Những tác phẩm viết về động vật học của ông như: “Động vật chí”, “Kết cấu của động vật”, “Vận động động vật”, “Quá trình sinh sản của động vật”, “Sự di chuyển của động vật” v.v... cho đến ngày nay vẫn là những tư liệu nghiên cứu quý giá.



Trước Aristotle, con người được xem là một sự sáng tạo của thần linh.

Trước Aristotle, chưa có người phương Tây nào tiến hành phân loại hệ động vật. Cống hiến lớn nhất của Aristotle đối với ngành sinh vật học là hệ thống phân loài động vật do ông đề xuất. Đầu tiên, ông căn cứ vào màu sắc máu trong cơ thể động vật để phân loại động vật thành hai loại lớn là động vật có máu màu đỏ và động vật không có máu màu đỏ. Động vật có máu màu đỏ tương đương với động vật có xương sống, động vật không có máu màu đỏ tương đương với động vật không có xương sống ngày nay. Ông còn chỉ ra: “Tất cả động vật có máu màu đỏ, cơ thể của chúng đều có một xương sống theo hình thức nào đó. Hoặc do xương hợp thành, hoặc do gai hợp thành”. Trong động vật có máu màu đỏ, ông lại chia thành 4 loài:

1. Thú bốn chân sinh bằng thai: bao gồm toàn bộ động vật có vú. Aristotle đã chính xác khi phân loại cá voi và dơi thuộc vào nhóm động vật có vú.
2. Động vật bốn chân đẻ trứng: bao gồm các động vật ăn côn trùng và động vật lưỡng thê
3. Chim.
4. Cá.



Bức tượng bán thân Aristotle, khai quật được tại Hy Lạp.

Trong động vật không có máu màu đỏ, ông cũng phân thành 4 loài:

1. Động vật nhuyễn kiện (tương đương với động vật có chân đầu theo cách phân loại ngày nay).
2. Động vật nhuyễn giáp (tương đương với động vật loài giáp xác theo cách phân loại ngày nay).
3. Động vật giới xác (tương đương với động vật thân mềm theo cách phân loại ngày nay).
4. Các loại côn trùng.

Trong lịch sử sinh vật học, Aristotle được xưng tụng là “Cha đẻ của phân loại học”. Phương pháp phân loại “hữu huyết” và “vô huyết” của ông được mọi người vận dụng trong một thời gian rất dài. Về sau, nó được Lamarck đổi tên thành “động vật có xương sống” và “động vật không xương sống”.



Aristotle không chỉ có được những thành tựu xuất sắc trong lĩnh vực sinh vật học, mà ông còn là một người thầy. Trong hình là nơi mà Aristotle giảng dạy cho Alexander Đại đế.

Aristotle đã tiến hành rất nhiều nghiên cứu đối với quá trình mang thai và phát triển của động vật. Ông cho rằng, có thể dựa trên phương thức sinh sản và mức độ trưởng thành lúc mới sinh của động vật để làm tiêu chí phân biệt các loài. Chính nhờ phương pháp giải phẫu mà ông đã quan sát được cá voi là loài động vật sinh sản bằng thai và hô hấp bằng phổi. Vì vậy, dù có ngoại hình giống hệt loài cá, nhưng ông vẫn xếp cá voi vào loài động vật có vú. Aristotle đã so sánh quá trình phát triển của trứng cá mập, trứng chim, trứng ếch và trứng của nhiều loại côn trùng khác, tuy chúng đều là trứng, nhưng lại có những đặc điểm khác nhau. Ông không chỉ chú ý đến sự khác biệt về mặt cấu tạo của động vật, mà còn chú ý đến mối quan hệ của chúng. Ông phát hiện thấy trong tự nhiên, không có một loài động vật nào vừa có nanh dài lại vừa có sừng. Ông cho rằng đó là vì loài dã thú không cần đến cả nanh dài và sừng để bảo vệ mình. Ông còn phát hiện, động vật nhai lại có một loại bao tử nhiều lớp, chính là để bù đắp cho bộ răng không phát triển của chúng. Cách giải thích của Aristotle đều mang sắc thái “Mục đích luận”, nhưng quả thực là ông có một óc quan sát vô cùng tỉ mỉ và nhạy bén. Cách nhìn của ông đã có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của ngành sinh vật học về sau.

Aristotle còn tiến hành quan sát thói quen của một số loài động vật. Ví dụ ông đã miêu tả về cách bắt mồi của con “cá gây mê” như sau: “Đối với những sinh vật mà nó muốn bắt, trước hết, nó sẽ sử dụng tính năng gây “chân động” trên cơ thể khiến cho con vật kia bị tê liệt, sau đó mới nuốt chửng con mồi. Nó cũng ẩn mình trong bùn cát, bắt lấy những sinh vật nào không may bơi vào phạm vi phát ra chấn động làm tê liệt con mồi”. Loài cá “gây mê” ấy chính là con cá chình điện ngày nay. Nó có thể phóng ra một dòng điện làm tê liệt các con mồi trong một phạm vi nhất định. Vào thời ấy, tuy chưa biết điện là như thế nào, nhưng Aristotle đã miêu tả rất chính xác thói quen của loài cá chình điện, đó là kết quả của một quá trình quan sát hết sức tỉ mỉ.



Công việc nghiên cứu động vật của Aristotle đã được người Hy Lạp trình bày trên các bức bích họa.

Aristotle từng quan sát quá trình sinh sản của một loài cá chình lớn. Ông phát hiện thấy trứng của loài cá này sinh trưởng rất chậm, vì vậy, cá đực phải canh giữ từ 40-50 ngày để ngăn ngừa trứng bị các loài cá khác ăn mất. Ông còn nói thêm, trứng của loài cá bao giờ cũng bị tổn thất rất nhiều. Một số người sau này đã tỏ ý nghi ngờ về miêu tả trên của ông, vì các học giả phát hiện thấy loài cá chình ở châu Âu không mang những đặc tính giống như Aristotle đã từng miêu tả. Đến thế kỷ 19, có người đã phát hiện thấy cá chình ở vùng châu Mỹ lại có những đặc tính giống như trên. Không chỉ như thế, vào năm 1856, mọi người đã được tận mắt chứng kiến cảnh cá chình đực đang canh giữ trứng con tại một nhánh của con sông Aquaira đổ vào vịnh Corinth của Hy Lạp. Điều này đã chứng minh quan sát của Aristotle là chính xác và những miêu tả của ông không phải là lời nói hoang đường.



Vua Philip II của đế quốc Macedonia. Thiên tài Aristotle đã sống trong thời kỳ Philip II trị vì.

Những miêu tả của Aristotle về động vật là có căn cứ và đáng tin cậy. Ông là người đầu tiên đã ghi chép lại kết quả nghiên cứu động vật của loài người trong suốt quá trình lịch sử lâu dài, sau đó kết hợp với những quan sát thực tiễn của chính mình để tiến hành tổng kết, chỉnh lý và biến chúng thành một hệ thống lý luận nghiên cứu sinh vật học hoàn chỉnh.

Aristotle – nhà tư tưởng vĩ đại (384-322 TCN)

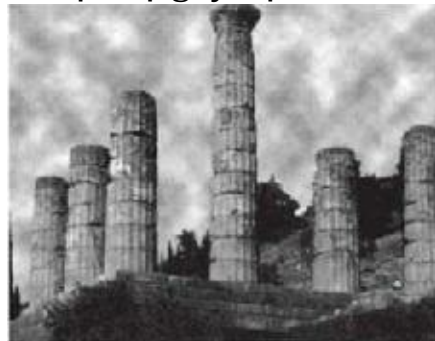
Aristotle sinh ra tại thành phố Stagira. Cha ông là một thầy thuốc trong Cung đình của vua Amyntas (Philip), nước Macedonia, qua đời khi Aristotle hãy còn rất nhỏ. Năm 18 tuổi, Aristotle được đưa đến Athens, học tập tại Hàn lâm viện của Platon, sau đó đảm nhiệm chức giáo sư. Sau khi Platon qua đời, ông rời bỏ Athens, đến thành phố Assos thuộc vùng Tiểu Á để thành lập một trường học, bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu. Ba năm sau, quân đội Ba Tư tấn công thành trì, Aristotle chạy sang thành phố Island Miltirini trên đảo Resbo. Năm 335 TCN, ông trở về Athena, xây dựng một giảng đường khác tại Lyceum, bên trong một sân vận động nằm gần đền thờ Apollo. Vì vậy, học viện của ông được gọi là học viện Lyceum. So với Hàn lâm viện Platon, học viện do ông sáng lập chú trọng hơn về mặt thực tế, đưa ra điểm khó khăn trong vấn đề nghiên cứu, phương diện thu thập tài liệu, thí nghiệm và thăm dò. Năm 323 TCN, Alexander đại đế đột nhiên qua đời, các hoạt động chống lại đế quốc Macedonia nổi lên rầm rộ tại Athens. Aristotle bị tố cáo là đối tượng đả kích chính trị, bị khép tội “bất kính thần linh”. Ông giao học viện lại cho Dofrast, tránh nạn về Kalkis và qua đời một năm sau đó vì bệnh tật.

Dofrast – nhà nghiên cứu thực vật học đầu tiên



Dofrast là người học trò thành công nhất của Aristotle. Trong các lĩnh vực thực vật học, y học và sinh lý học, ông đều đạt được những thành tựu rất cao.

Dofrast là học trò của Aristotle. Ông từng cùng với thầy của mình thu thập các tiêu bản về thực vật. Về sau, Aristotle chủ yếu tập trung nghiên cứu động vật, còn Dofrast lại tiếp tục chuyên tâm nghiên cứu thực vật. Phương pháp nghiên cứu của Dofrast rất khác biệt với các nhà nghiên cứu thảo mộc thông thường, vì họ chủ yếu nghiên cứu dược tính và phương pháp bào chế của các loại thực vật, còn Dofrast lại xem thực vật là một bộ phận của giới tự nhiên, từ đó, ông bắt đầu tiến hành quan sát và ghi chép về sự phân bố, đặc điểm cùng những truyền thuyết về các loài thực vật. Cũng giống như người thầy của mình, ông xem thực vật là đối tượng nghiên cứu. Những tri thức về thực vật học được Dofrast ghi chép lại đã vượt xa phạm vi của những người đi trước. Những loài thực vật mà ông đề cập đến cũng vượt ra khỏi giới hạn của Hy Lạp cổ đại và vùng biển Địa Trung Hải, vươn rộng ra khắp châu Âu, châu Á và một số khu vực khác. Theo ghi chép, ông đã để lại hơn 200 tác phẩm, đáng tiếc là hầu hết các tư liệu này đều bị thất truyền. Hiện nay chỉ còn giữ lại được một số tác phẩm nổi tiếng của ông như cuốn “Thực vật chí” và “Nguồn gốc thực vật”. “Thực vật chí” là cuốn sách chủ yếu bàn đến vấn đề phân loại hình thái đối với các loài thực vật. “Nguồn gốc thực vật” chủ yếu bàn luận đến quá trình sinh trưởng và sinh sản của các loài thực vật, ảnh hưởng của môi trường xung quanh đối với sự phát triển của chúng, các bệnh tật, sự gây hại của côn trùng và biện pháp phòng trị v.v...



Bên cạnh di chỉ đền thờ Apollo này là một giảng đường do Aristotle sáng lập.

Dofrast đã miêu tả khá tường tận các bộ phận rễ, thân, cành, lá, hoa, quả của một số loài thực vật. Ông khẳng định tác dụng của rễ là hút chất dinh dưỡng từ trong đất. Ông nhận thức được rằng, không phải tất cả các bộ phận nằm bên dưới mặt đất của một loài thực vật đều là rễ, mà ngược lại, một số bộ phận trên mặt đất cũng có tác dụng của một bộ rễ thực thụ. Đối với thân, ông cho đó là cơ quan vận chuyển dinh dưỡng từ rễ lên các bộ phận khác của thực vật, đồng thời, ông còn phân loại cấu tạo của thân làm ba lớp là vỏ, gỗ và lõi. Về lá, tuy không đưa ra một định nghĩa nào, nhưng ông đã tiến hành miêu tả phương thức sinh trưởng và trật tự tăng thứ giữa các lá trên một thân cây. Về hoa, ông cho rằng cánh hoa, đài hoa và nhụy hoa là do lá biến

thành, núp của hoa chính là quả nhỏ. Trong quá trình miêu tả thực vật, ông còn sáng tạo ra một số thuật ngữ mới như “Carpos”, dùng để chỉ những kết cấu có chứa hạt; “Pericarpion” dùng để chỉ lớp kết cấu bao bọc bên ngoài hạt.

Dofrast đã miêu tả khoảng 540 giống hoặc biến giống. Ông phân thực vật làm hai loại chính là thực vật lục sinh (sống trên cạn) và thực vật thủy sinh (sống dưới nước). Trong thực vật lục sinh lại phân thành thực vật rụng lá và không rụng lá. Trong thực vật thủy sinh lại phân thành thực vật nước ngọt và thực vật nước mặn. Căn cứ vào đặc tính sinh lý, ông lại phân thực vật thành thực vật có quả, thực vật không quả, thực vật nở hoa, thực vật ẩn hoa. Căn cứ vào các đặc điểm khác nhau về thân, lá, hạt... ông đã miêu tả tỉ mỉ sự khác biệt giữa thực vật một lá mầm và thực vật hai lá mầm.



Aristotle và Dofrast đã có công lao rất lớn đối với sự phát triển của ngành sinh vật học thế giới mà lợi ích của nó được thể hiện rõ nhất trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thông qua khảo sát và phân tích tài liệu, Dofrast đã nhận ra thực vật dã sinh có một khu vực phân bố nhất định. Do nhu cầu khác nhau về nước, một số thực vật chỉ phân bố nơi ao hồ hoặc các khu vực hết sức ẩm ướt. Bên cạnh đó, lại có một số thực vật không sinh trưởng trong ao hồ, cũng không sinh trưởng tại các vùng đất khô nóng, một số loài thực vật khác chỉ có thể sinh sống trên bờ biển. Ông còn chỉ ra rằng, ánh sáng cũng là một nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố của các loài thực vật.

Dofrast đã có những ghi chép tỉ mỉ về đặc điểm sinh sản hữu tính của các loài thực vật bậc cao. Ông nói: “Dựa theo chủng loại, các loài cây đều có những điểm khác nhau, nhưng chúng đều có chung một điểm là được tổ hợp thành bởi cây tính cái và cây tính đực. Đối với những cây như táo, dừa thì chỉ có sự mọc kề sát giữa cây đực và cây cái mới có lợi cho quá trình thành quả. Ông còn giới thiệu cả phương pháp thụ phấn nhân tạo đối với các loại cây trên.

Những thành quả của Aristotle và Dofrast đã ảnh hưởng sâu sắc đến ngành sinh vật học trong suốt gần 2.000 năm sau đó. Đến trước thế kỷ 16, vẫn chưa có một nhà sinh vật học nào vượt qua được trình độ của hai ông.

TƯ DUY TRÍ TUỆ VÀ NGUỒN GỐC CỦA TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY

Hình thái văn hóa đầu tiên của nhân loại là tôn giáo và thần thoại, triết học được rút ra từ thế giới quan của hai hình thái văn hóa này. Các dân tộc trên thế giới đều có tôn giáo và thần thoại, nhưng không phải dân tộc nào cũng có triết học. Trong rất nhiều nền văn minh cổ đại, chỉ có Trung Quốc, Ấn Độ và Hy Lạp cổ đại là những quốc gia đã sản sinh ra những nền triết học đúng nghĩa. Hơn nữa, nền triết học của 3 dân tộc đó gần như được ra đời trong cùng một thời kỳ lịch sử. Trong lịch sử Hy Lạp cổ đại, yếu tố gây nên ảnh hưởng sâu sắc nhất đối với nền văn minh phương Tây có lẽ chính là bộ môn khoa học liên quan đến tâm linh nhân loại – đó là triết học. Trong lịch sử Hy Lạp cổ đại, rất nhiều trường phái triết học đua nhau phát triển, phần lớn những tư tưởng triết học ấy đều phản ứng đối với tình trạng xã hội đương thời, đồng thời tiến hành nghiên cứu một cách sâu sắc về nội tâm con người.



Socrates, nhà triết học Hy Lạp cổ đại nổi tiếng.

Những triết gia vĩ đại như Pythagoras, Socrates, Platon v.v... đều để lại cho hậu thế những tác phẩm bất hủ về tư tưởng triết học của mình. Họ chính là những con người đã đưa nền triết học thế giới bước từ giai đoạn cổ điển, phát triển thành chủ nghĩa duy vật khoa học hiện đại. Thế giới triết học Hy Lạp cổ đại chứa đựng nhiều sự vật kỳ diệu, con đường phát triển của tư tưởng triết học thời đó đã diễn biến như thế nào?

❖ VÌ SAO HY LẠP CỔ ĐẠI LẠI PHÁT SINH TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC?

Bán đảo Hy Lạp cổ đại là một vùng đất khô cằn, nhiều đồi núi, cùng với sự gia tăng dân số mạnh mẽ, người Hy Lạp cổ chỉ còn biết hướng ra biển để mưu cầu cơ hội tồn tại và phát triển. Họ đã xây dựng nhiều vùng thuộc địa ở ven biển Aegean, Địa Trung Hải, Hắc Hải và nhiều đảo khác. Đến thế kỷ thứ 6 TCN, người Ba Tư từ phương Đông xâm lược phương Tây, gây nên một sự biến thiên về lãnh thổ quốc gia, quá trình di cư và dung hợp giữa các dân tộc, hoạt động giao lưu văn hóa và trao đổi mậu dịch giữa phương Đông và phương Tây ngày càng phát triển. Vào thời điểm đó, Ai Cập và Babylon là hai nền văn hóa phát triển rực rỡ nhất. Tri thức và kỹ thuật về y học, lịch pháp, đo lường, số học, thiên văn học của hai quốc gia này nhanh chóng được truyền vào Hy Lạp. Văn hóa ngoại lai và kỹ thuật kinh nghiệm vốn có kết hợp với nhau, tạo điều kiện cho sự 'ra đời' của những tư tưởng mới.



Sự phát triển của các thành bang Hy Lạp cổ là điều kiện sáng tạo và phát triển của triết học Hy Lạp.

Người Hy Lạp cổ đại rất giỏi về hàng hải. Những chuyến đi biển dài ngày đã giúp họ phát hiện được tính quy luật của những hiện tượng tự nhiên như thiên văn, khí tượng, hải lưu v.v... Bạn thử nghĩ xem, một chiếc thuyền nhỏ lênh đênh trên biển lớn, đối diện với không gian bao la của biển trời, ngược nhìn sự chuyển dời của muôn triệu vì sao đêm, trong một khung cảnh thiên nhiên như thế, làm sao con người lại không nảy sinh ra những suy tưởng về sự kỳ diệu của vũ trụ tự nhiên? Một khi con người hiểu được rằng, thông qua quan sát, họ có thể phát hiện ra những quy luật và đưa ra những dự đoán chính xác về sự vận hành của giới tự nhiên, thì thế giới trong mắt họ không còn là những hiện tượng biến hóa vô thường hay chịu sự chi phối của một thế lực bên ngoài nào đó. Mọi người bắt đầu có những quan niệm về sự biến hóa, về trật tự và nguyên nhân. Đồng thời, họ cũng dần ý thức được rằng, trật tự và nguyên nhân là những yếu tố tồn tại bên trong sự vận động biến hóa của sự vật.

Suy nghĩ về tự nhiên – con đường hình thành tư tưởng mới

Triết học Hy Lạp cổ đại bắt đầu từ những suy nghĩ về tự nhiên. Tại sao con người không thỏa mãn với thế giới quan trong thần thoại mà lại bắt đầu có những suy luận triết học về thế giới tự nhiên? Từ những phương diện hoàn cảnh địa lý và bối cảnh lịch sử xã hội v.v... chúng ta sẽ giải quyết được vấn đề này.



Sự phát triển của chế độ nô lệ cũng là một nhân tố thúc đẩy phát triển triết học Hy Lạp.

Triết học Hy Lạp cổ đại là nguồn gốc của triết học phương Tây. Danh từ triết học (philosophy) trong ngôn ngữ phương Tây được bắt nguồn từ chữ philo-sophia, có ý nghĩa là say mê trí tuệ. Đối với người Hy Lạp, trí tuệ không phải là một nhận thức cảm tính, mà là một tri thức về nguyên nhân và nguyên lý của sự vật. Tư duy triết học của người Hy Lạp cổ bắt đầu hình thành vào thời kỳ Cổ phong. Theo cách nhìn của các nhà tư tưởng Hy Lạp cổ đại, sự ra đời của triết học phải có những điều kiện sau đây:

Trước hết là sự kinh ngạc, tức là có cảm giác kinh ngạc khi nhìn thấy một sự vật nào đó, có năng lực đặt ra câu hỏi và nghiên cứu cùng tận vấn đề.

Thứ hai là nhàn nhã, tức là có những điều kiện vật chất đáp ứng cho việc theo đuổi hoạt động trí não.

Thứ ba là tự do, tức là tự do suy nghĩ.

Sự hình thành của các thành bang, sự phát triển của chế độ nô lệ, một môi trường xã hội tương đối tự do dân chủ cùng với một tôn giáo giáo điều, hà khắc và không có hệ thống đã tạo tiền đề cho sự ra đời và phát triển cao độ của triết học Hy Lạp cổ đại.

Triết học sớm nhất của Hy Lạp cổ đại là triết học tự nhiên, tức là sự khám phá và giải thích về bản thân giới tự nhiên, không có quan hệ gì với con người. Thales, sinh ra tại Miletus, thuộc khu vực Tiểu Á (cuối thế kỷ thứ 7 – đầu thế kỷ 6 TCN) được xem là nhà triết học tự nhiên đầu tiên. Ông cho rằng nước là khởi nguồn của vạn vật, tất cả đều sinh ra từ nước và trở về với nước, đại lục cũng nổi trên mặt nước. Đây là một nhận thức có tính trừu tượng cao, sáng lập nên thế giới quan chủ nghĩa duy vật, dùng bản thân vật chất trong tự nhiên để giải thích về tự nhiên, ông được xưng tụng là “Cha đẻ của triết học”. Anaximander (611-546 TCN) cũng đi theo con đường mà Thales đã khai phá để đưa ra quan niệm nguồn gốc thế giới là một dạng vô hạn trừu tượng, chỉ có vô hạn mới có thể tồn tại vĩnh hằng. Trong quá trình vận động, cái vô hạn làm nảy sinh ra những mâu thuẫn, như nóng với lạnh, khô hạn với ẩm ướt v.v... quan niệm trên thống nhất thế giới vạn vật trong một khái niệm tương đồng. So với quan niệm của Thales, Anaximander đã có tiến bộ rất lớn khi đưa nhiều sự vật trừu tượng khác nhau vào trong một khái niệm cụ thể.



Thales – người đại biểu của học phái triết học sớm nhất của Hy Lạp cổ.

Học trò của Anaximander là Anaximenes (giữa thế kỷ 6 TCN) lại cho rằng nguồn gốc của thế giới là không khí, sự giãn nở và thu hẹp của nó đã sinh ra vạn vật trên thế giới. Mọi thứ đều được phát sinh và chuyển biến trong không khí vĩnh hằng, bao gồm cả thần linh. Ba nhà triết học tiên phong này đều là người Miletus, và lại có quan hệ thầy trò với nhau. Vì vậy tư tưởng triết học của họ được đặt chung vào một hệ thống với tên gọi là trường phái Miletus.

Đầu thế kỷ thứ 5 TCN, sau khi đế quốc Ba Tư hủy diệt thành Miletus, trường phái Miletus cũng biến mất, nhưng đóng góp lịch sử của trường phái này sẽ không bao giờ bị quên lãng. Phương pháp giải thích nguyên nhân căn bản của các hiện tượng tự nhiên bằng chính bản thân tự nhiên đã mở đường cho một phương thức tư duy tách biệt khỏi tôn giáo và thần thoại. Đó chính là điều kiện tiên quyết cho sự phát sinh và phát triển của khoa học.

Sự phân ly giữa triết học và tôn giáo đã giúp triết học có được con đường phát triển độc lập của mình, từ đó mở đường cho một thời kỳ phát triển rực rỡ của nền triết học Hy Lạp cổ đại.

Đặc điểm địa lý của Hy Lạp cổ đại

Phần đất liền của Hy Lạp cổ đại là bán đảo Hy Lạp, được chia thành 3 bộ phận: Bắc, Trung, Nam. Thành Athens nằm ở miền Trung Hy Lạp cổ, từ xưa đến nay vẫn là trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế của đất nước Hy Lạp. Miền Nam Hy Lạp cổ còn được gọi là bán đảo Peloponnesian, với mũi Đông Bắc là thành bang Mycenae, một trung tâm văn minh xuất hiện ngay sau nền văn minh Crete, giữ vai trò rất quan trọng trong lịch sử phát triển của nền văn minh Hy Lạp cổ đại. Vào thời kỳ văn minh Hy Lạp cổ đại, trên bán đảo Hy Lạp và các đảo nằm trong vùng biển Aegean, có đến hàng trăm thành bang của Hy Lạp được xây dựng, nhưng chưa bao giờ thống nhất về mặt chính trị. Dù vậy trên phương diện dân tộc, ngôn ngữ, văn hóa và phong tục, Hy Lạp cổ đại lại có được một sự thống nhất rất cao.

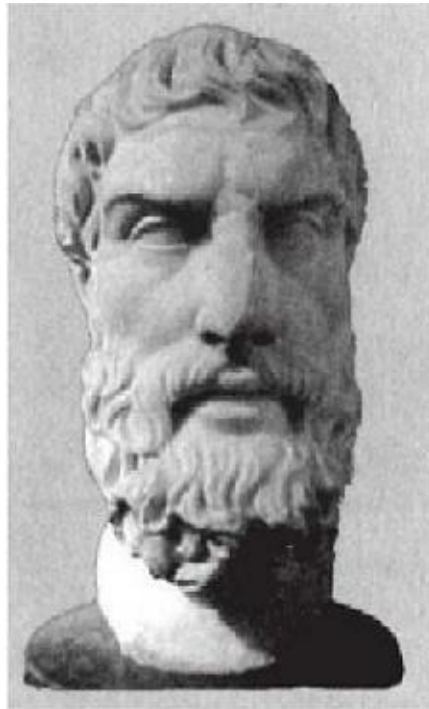
❖ CÁC TRƯỜNG PHÁI TRIẾT HỌC LỚN CỦA HY LẠP CỔ ĐẠI

Một trong những sự xuất hiện có công hiến quan trọng nhất đối với thể hệ sau của nền văn minh Hy Lạp cổ đại đó chính là triết học. Với khát vọng nghiên cứu và giải thích thế giới tinh thần của đời sống nhân loại, triết học Hy Lạp cổ đại đã cung cấp cho chúng ta những kinh nghiệm vô cùng quý giá. Lịch sử Hy Lạp cổ đại đã xuất hiện rất nhiều nhà triết học vĩ đại và cũng hình thành nên rất nhiều trường phái triết học. Các trường phái luôn lên tiếng bảo vệ cho tư tưởng của mình, tạo nên một thế giới triết học vô cùng sôi nổi.

Tục ngữ nói: “Loạn thế xuất anh hùng” (Anh hùng xuất hiện trong thời thế loạn lạc), câu nói ấy quả không sai. Trong một thời đại đầy những biến động như vậy, tư tưởng của con người rất dễ phát sinh những chuyển biến lớn, vì thế, trên mảnh đất Hy Lạp cổ đại, các trường phái đã đua nhau phát cao ngọn cờ triết học của mình.

Trường phái Pythagoras

Kể từ khi trường phái Miletus khai sáng một tư tưởng triết học mới cho Hy Lạp cổ đại, các trường phái triết học khác cũng dần dần xuất hiện, mà đại biểu đầu tiên là trường phái Pythagoras. Pythagoras (giữa thế kỷ thứ 6 TCN) là người đảo Samos, sau đó chuyển đến sinh sống ở phía Nam Italia. Ông chính là người đầu tiên đã sử dụng đến danh từ “triết học”. Ông tự định nghĩa triết gia là “người say mê trí tuệ”, vì theo quan niệm của ông, có kẻ sống vì tiền, có kẻ sống vì danh, cũng có một số người không sống vì danh cũng không sống vì lợi mà biết lựa chọn điều mình yêu thích nhất, đó là chuyên tâm xem xét thế giới tự nhiên, tăng cường tri thức, trở thành một con người tài trí. Chỉ những con người như vậy mới được gọi là “nhà triết học”.



Triết gia Epicurus, người sáng lập trường phái Epicurus. Ông là người kế thừa và phát triển học thuyết nguyên tử lượng của Democritus.

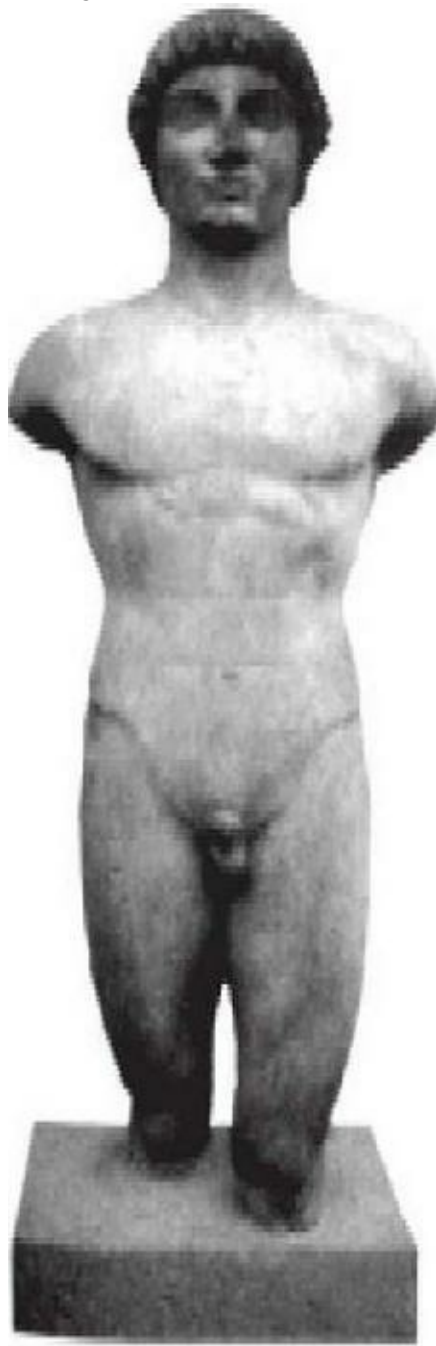
Có thể thấy, Pythagoras đã xem triết học là một phương thức sống và là một cảnh giới cao cả. vốn là một nhà toán học, nên trong quá trình tìm hiểu nguồn gốc và sự vận động biến hóa của thế giới vạn vật, ông đã cho rằng con số trừu tượng chính là nguồn gốc của vạn vật, từ số mà có hình, từ hình mà có vật. So với quan niệm nguồn gốc vật chất mà trường phái Miletus đã đề xướng thì con số có tính xác định chặt chẽ hơn, như vạn vật có thể được lượng hóa, một trái táo, hai cái bàn, ba con người v.v... Phương pháp dùng thuộc tính số tự của sự vật để giải thích mọi hiện tượng trong vũ trụ của Pythagoras không đi đến thành công, nhưng cho thấy tư duy trừu tượng của con người đã đạt đến một trình độ phổ biến và quy ước rất cao.



Sự khác biệt về giới tính nam nữ cũng được xếp vào phạm trù đối lập giữa các sự vật.

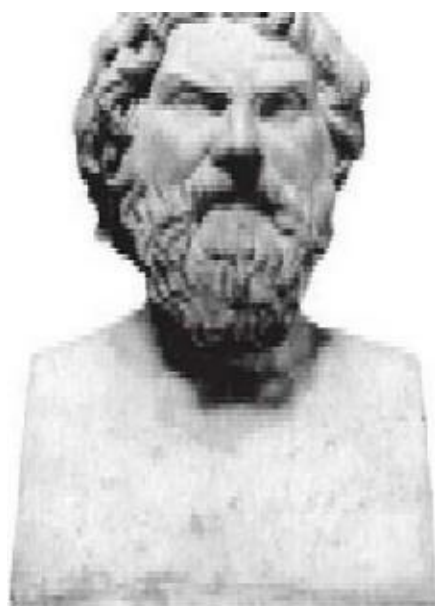
Đồng thời với việc sử dụng con số để giải thích các hiện tượng của thế giới, Pythagoras còn phát triển thêm quan hệ biện chứng đối lập thông nhất còn mang tính chất phác do học phái Miletus đề xướng, tạo thêm cho con số những hàm nghĩa mới. Ông cho rằng có 10 vật đối lập, như số lẻ và số chẵn, trống và mái, sáng và tối, động và tĩnh, thiện và ác, hữu hạn và vô hạn v.v... Tính thống nhất giữa các mặt đối lập cũng chính là tính thống nhất của con số. Trường phái Pythagoras đặc biệt nhấn mạnh đến tính hài hòa thống nhất, xem đó là mục tiêu theo đuổi cuối cùng của triết học. Quan niệm về sự hài hòa thống nhất ấy có được một chỗ đứng rất lớn, đại diện cho thái độ của một số người trong đấu tranh xã hội, tức tư tưởng trung dung, hòa hoãn. Thái độ ấy đã có ảnh hưởng quan trọng đối với xã hội Hy Lạp cổ đại và cả đế quốc La Mã sau đó.

Trường phái Elea với thuyết duy tâm



Tượng người Hy Lạp cổ.

Triết học duy tâm chủ nghĩa đầu tiên ở Hy Lạp cổ đại chính xác là do phái Elea đề xướng. Trong tư tưởng triết học của Pythagoras tuy cũng có một phần mang tính duy tâm, nhưng ranh giới không rõ ràng. Trường phái Elea đã nổi lên rất rầm rộ tại đảo Elea phía Nam Italia, với nhân vật tiêu biểu là Parmenides (khoảng thế kỷ thứ 5 – thế kỷ thứ 4 TCN). Parmenides phản đối hai loại nhận thức quan của Heraclitus. Nắm bắt chân lý phải thoát ly khỏi kinh nghiệm cảm tính, dựa vào tư tưởng thuần túy, tư duy logic. Chỉ có tư tưởng là chân thật, là con đường duy nhất để đạt được chân lý. Tiêu chí nhận thức tách biệt chủ thể và khách thể là một hình thái triết học mới, khác biệt với triết học chất phác nguyên thủy, đó chính là tiêu chí đánh dấu sự ra đời của tư duy logic.



Triết học gia Antisthenes, người sáng lập trường phái Cynics. Chủ trương của phái này là trở về trạng thái nguyên thủy.

Đầu tiên, Parmenides chỉ ra một sự khác biệt rõ ràng giữa tư duy và tồn tại. Ông cho rằng thế giới phân làm hai bộ phận rõ ràng, một bộ phận là chủ thể nhận thức, tức con người; một bộ phận khác là thế giới khách quan, tức đối tượng nhận thức của con người. Trên phương diện chủ thể nhận thức, ông lại phân làm hai loại, một là kinh nghiệm cảm quan, Parmenides gọi đó là ý kiến; loại thứ hai là nhận thức tư duy, Parmenides gọi đó là chân lý. Tư tưởng triết học của ông được xây dựng dựa trên sự đối lập của hai dạng nhận thức này, nhưng không phải là sự đối lập thống nhất như Heraclitus đã đưa ra. Trong cách nhìn của Parmenides, nhận thức mang tính chân lý được biểu hiện ở chỗ “tồn tại là tồn tại, không tồn tại là không tồn tại”, hoàn toàn không phải là quan niệm vừa tồn tại lại vừa không tồn tại của Heraclitus, mọi thứ đều chuyển hóa theo mặt đối lập của mình. Ông cho rằng, tư tưởng của Heraclitus chỉ là “ý kiến”, là cảm giác không thực.



Những vị thần xuất hiện trong các câu chuyện thần thoại và truyền thuyết, chính là ngọn nguồn cho tư tưởng chủ nghĩa duy tâm.

Ông còn cho rằng thế giới bên ngoài mà con người có thể cảm thụ được bằng kinh nghiệm là thiên biến vạn hóa, là không chân thật. Đối lập với nó tất yếu phải có một thế giới chân thật, tồn tại thuần túy, nó chỉ có thể được phát hiện thông qua tư duy logic. Vì vậy, tư duy tinh thần của con người cũng sánh ngang với sự tồn tại thuần túy. Parmenides là đại biểu chủ yếu và sớm nhất của chủ nghĩa duy tâm chủ quan. Phương thức tư duy của ông đã đưa triết học Hy Lạp cổ đại đến một trình độ mới trong tư duy logic.

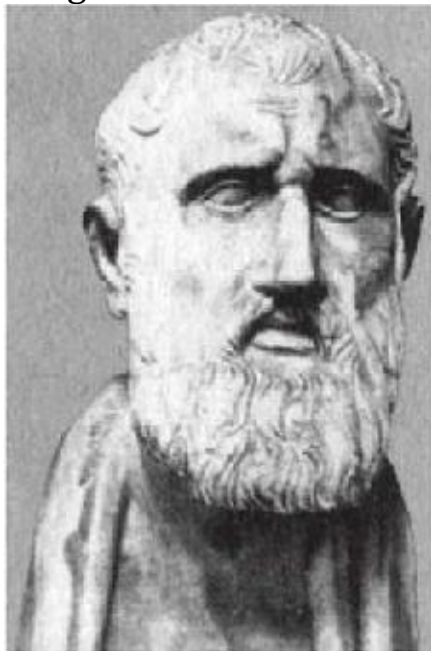
Do sự xuất hiện của trường phái Elea, sự phân định các khái niệm duy tâm và duy vật, vận động và tĩnh lặng được giải thích trong triết học ngày càng rõ ràng hơn. Chủ nghĩa duy vật khẳng định nguồn gốc của thế giới là vật chất, vật chất quyết định tinh thần, tồn tại quyết định ý thức. Chủ nghĩa duy tâm cho rằng phương pháp tư duy của con người, tức quy luật tư duy logic cao hơn tồn tại vật chất, sự tồn tại của khách quan cần đến sự xác định của tư duy, không

thông qua tư duy thì không thể tồn tại. Sự phân chia cơ bản này đã xuyên suốt quá trình lịch sử triết học phương Tây.

Chủ nghĩa duy vật đơn giản của Democritus

Sau Parmenides, nhắc đến chủ nghĩa duy vật, nhân vật kiệt xuất nhất phải kể đến là Democritus (khoảng năm 460-370 TCN). Khác với hai trường phái Miletus và Pythagoras, Democritus đề xướng chủ nghĩa duy vật đơn giản. Sinh ra và lớn lên tại Abdera thuộc thành bang Thrace, Democritus là một nhà triết học không tham gia vào các hoạt động chính trị, xã hội mà dành rất nhiều thời gian trong đời mình cho công việc viết lách. Nhưng đáng tiếc, hầu hết các phẩm của ông đều bị thất truyền.

Hạt nhân cơ bản trong học thuyết của ông là thuyết “Nguyên tử lượng”. Ông cho rằng, nguồn gốc của vũ trụ là nguyên tử và hư không.



Zenu, người sáng lập học phái Shichega, chủ trương nguồn gốc của thế giới là một dạng “vũ trụ tính”.

Nguyên tử là vật chất, không có khe hở và không thể phân chia, là nhân tố cấu thành tất cả sự vật trên thế giới. Giữa nguyên tử và nguyên tử chỉ có sự khác biệt về lượng, chứ không khác biệt về chất. Ví dụ, mặt trời và mặt trăng đều được tạo thành từ những nguyên tử trơn sáng và có hình cầu, linh hồn con người cũng được cấu thành giống như vậy. “Không một vật gì có thể sinh ra từ hư không và cũng không thể biến mất vĩnh viễn”. Sự biến hóa, sinh diệt của các hiện tượng vật chất đều do sự sắp xếp không giống nhau của các nguyên tử trong không trung. Có thể nói, thuyết nguyên tử luận đã đưa tư tưởng chủ nghĩa duy vật tiến một bước rất dài, thoát khỏi màu sắc cảm tính của chủ nghĩa duy vật trong quá khứ, như không khí, nước v.v..., đạt đến khái niệm vật chất siêu cảm tính. Khái niệm “hư không” do Democritus đưa ra cũng mang thêm những ý nghĩa mới. Ông không nhìn nhận nguyên tử chứa đầy trong vũ trụ, mà cho rằng giữa nguyên tử và nguyên tử, giữa tập hợp nguyên tử này và tập hợp nguyên tử kia còn có rất nhiều không gian. Đó là điều kiện tồn tại cho tất cả sự vật. Bởi vì, chỉ khi không gian ở vào tình trạng hư không, sự vật mới có thể đặt mình vào đó. Trong hư không, nguyên tử vận hành theo hình thức xoắn ốc. Trong quá trình vận hành ấy, các nguyên tử sẽ tách ra và tổ hợp lại với nhau tại một vị trí hay thời điểm nào đó, từ đó sản sinh ra thế giới vạn vật.

Có thể nói, với phương pháp suy luận chặt chẽ và có tính chính xác cao, thuyết nguyên tử lượng của Democritus chính là đỉnh điểm của triết học chủ nghĩa duy vật trong thời kỳ cổ đại.

Sau Democritus, triết học chủ nghĩa duy vật của Hy Lạp cổ đại đi vào suy thoái, trong khi đó, với sự xuất hiện của Socrates, Platon... triết học chủ nghĩa duy tâm lại có cơ hội phát triển và dần chiếm được ưu thế. Tiếp sau đó, một học trò xuất sắc của Platon là Aristotle đã đưa tư tưởng triết học trở thành một bộ môn khoa học độc lập. Trong tác phẩm của ông, tinh thần say mê tri thức và nghiên cứu vạn vật của người Hy Lạp cổ đại đã phát triển lên đến đỉnh điểm. Tư tưởng triết học của ông là sự kế thừa có phê phán những tư tưởng của người thầy đi trước, trong đó, yếu tố phê phán giữ vai trò trọng yếu.

Sự xuất hiện của nhiều triết gia vĩ đại cùng với sự tranh luận sôi nổi giữa các trường phái đã

hình thành nên một thời đại triết học vô cùng đặc sắc tại Hy Lạp cổ đại, góp phần to lớn vào quá trình phát triển của nền triết học nhân loại.

Aristotle – cây đại thụ của triết học Hy Lạp cổ đại

Aristotle (384-322 TCN) là một học giả uyên bác, là cây đại thụ về tri thức văn hóa khoa học của Hy Lạp cổ đại. Trong đó, triết học là lĩnh vực mà ông đã đạt được những thành tựu vĩ đại nhất. Trong cuộc đời của mình, ông đã theo học vị thầy khả kính Platon trong suốt 20 năm, từng trở thành thầy giáo của Alexander đại đế, sau đó trở về Athens dạy học và viết sách. Ông đã biên soạn hơn 1.000 cuốn sách, một số lớn đã bị thất truyền, hiện chỉ còn giữ được 162 cuốn, chia làm 47 bộ như “Siêu hình học”, “Vật lý học”, “Khí tượng học”, “Chính trị học”, “Luân lý học”, “Tu từ học”, “Phạm trù thiên” ... một số tác phẩm trong đó có thể không phải là nguyên tác. Ông có để lại một câu nói lừng danh: “Tôi yêu thầy tôi, nhưng tôi cũng yêu chân lý”, câu nói ấy đã phản ánh thái độ của ông, niềm tin vào chân lý là vượt trên tất cả. Nhận thức luận triết học của ông được bắt đầu bằng sự phê phán quan niệm lý tính của Platon. Trong tác phẩm “Siêu hình học”, ông cho rằng giới tự nhiên là một thực thể khách quan và thực sự tồn tại, nhận thức của con người có được là do sự cảm nhận với thế giới tự nhiên đó, không có cảm giác sẽ không có tri thức. Ông cho quan niệm lý tính của Platon là một dạng thần linh được nhân cách hóa, tựa như thần là con người được thần linh hóa vậy. Quan niệm tự nhiên chẳng qua chỉ là một thực thể tự nhiên được vĩnh hằng hóa.



Aristotle không chỉ đạt được những thành tựu rất cao trong lĩnh vực triết học, mà còn có những cống hiến to lớn trong nhiều lĩnh vực khoa học khác. Đây là những bức ảnh được in kèm vào trong một cuốn sách của ông do các họa sĩ thực hiện vào thời kỳ Trung cổ.

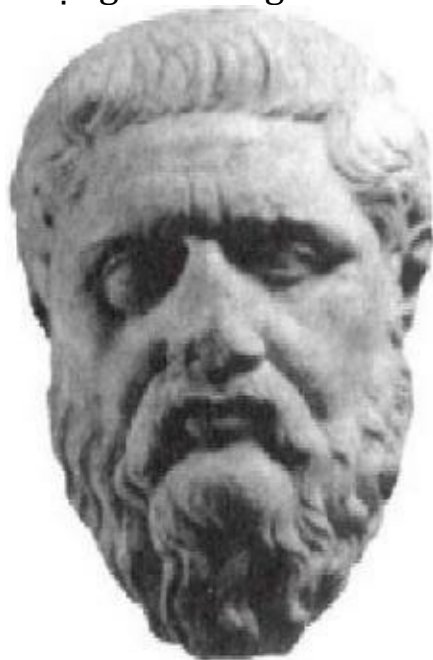


Bức tượng một nhà triết học Hy Lạp cổ đại.

❖ TƯ TƯỞNG “VUA TRIẾT HỌC”, ĐỘNG LỰC THỨC ĐẨY KHOA HỌC PHÁT TRIỂN

Là một nhà triết học, Platon đã có ảnh hưởng vô cùng sâu sắc đến nền triết học nói riêng và sự phát triển của tổng thể văn hóa châu Âu nói chung. Đặc biệt là nhân thức luân, triết học toán học và tư tưởng giáo dục toán học của ông, dưới điều kiện xã hội Hy Lạp đương thời, đã có một tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ đối với sự hình thành của khoa học và sự phát triển của toán học.

Từ các tác phẩm của ông, chúng ta có thể tìm thấy những bước nghiên cứu đầu tiên của lĩnh vực triết học toán học. Tư tưởng triết học toán học của Platon là sự đồng nhất đối với nhận thức luận của ông, đặc biệt là sự không thể tách rời đối với quan niệm lý tính do ông đề xướng. Ông cho rằng đối tượng nghiên cứu của toán học phải là những quan hệ vĩnh hằng bất biến trong thế giới quan niệm lý tính có thể nhận biết được, chứ không phải là những quan hệ biến động vô thường trong thế giới vật chất không thể cảm thụ. Vì vậy, đối tượng nghiên cứu của toán học phải là những con số trừu tượng và những hình vẽ lý tưởng.



Platon, nhà triết học lừng danh nhất của Hy Lạp cổ đại. Ông có một học trò xuất sắc không kém đó là Aristotle.

“Quốc gia lý tưởng” – một tác phẩm triết học nổi tiếng chấn động cổ kim

Tác phẩm “Quốc gia lý tưởng” do Platon biên soạn đã trở thành một tác phẩm triết học có ảnh hưởng sâu sắc đến nền triết học nhân loại. Đồng thời, nó cũng là tác phẩm phản ánh chân thật nhất tư tưởng triết học của ông. Tư tưởng “Vua triết học” chính là hạt nhân của cuốn sách này. “Quốc gia lý tưởng” là một bộ sách chấn động cổ kim, bàn luận mọi vấn đề trong cuộc sống từ vấn đề Ưu sinh học, hạn chế sinh đẻ, giải thể gia đình, tự do hôn nhân, độc thân, chuyên chính, cộng sản, dân chủ, tôn giáo, đạo đức cho đến vấn đề giáo dục (bao gồm nhà giữ trẻ, vườn mẫu giáo, tiểu học, trường học, các viện đại học và các cơ sở dạy nghề, nông lâm, hàng hải và y học), bên cạnh đó còn thảo luận đến các vấn đề bình đẳng nam nữ, quyền tham gia chính trị và quân sự của nam giới và nữ giới.



Thế giới tư tưởng của Platon hoàn mỹ không kém gì đền thờ nữ thần Hera.

Thông qua nội dung tư tưởng và tính logic trong tác phẩm “Quốc gia lý tưởng”, Platon đã thể hiện được tư tưởng “Vua triết học” của mình.

Ảnh hưởng sâu sắc của nội dung tư tưởng “Vua triết học”

Phần nội dung tư tưởng này chủ yếu được bàn luận đến từ giữa quyển thứ năm đến quyển thứ bảy trong bộ sách. “Chỉ khi nào gặp phải những tình huống bức bách, khiến cho một số rất ít những nhà triết học bị xem là vô dụng kia phải đứng ra quản lý thành bang (bất luận là họ có tình nguyện hay không), đồng thời khiến cho công dân thành bang ấy phải phục tùng dưới sự quản lý của họ. Hoặc chỉ khi nào con cái của những người đương quyền, con cái của nhà vua hay bản thân người đương quyền, bản thân nhà vua, nhận được sự cảm hóa của thần linh, thực sự yêu mến nền triết học chân chính – chỉ đến khi ấy, một thành bang, một quốc gia hay một cá nhân mới có khả năng đạt tới sự hoàn thiện”. Nói tóm lại, nhà triết học tham gia vào chính trị, nhà chính trị tất yếu phải là một triết học gia, đó chính là chủ trương chính trị của “Vua triết học”. Đó cũng chính là vấn đề, ai phù hợp làm nhà chính trị và nhà chính trị phải phù hợp với những tiêu chuẩn nào.



Bức tượng đồng Platon, tư tưởng “Vua triết học” của ông có ý nghĩa sâu sắc.

Đương nhiên, chủ trương này có mối quan hệ vô cùng khăng khít với những vấn đề khác như quan niệm lý tính, đặc tính của bản thân triết học, đặc tính của nhà triết học cùng với vấn đề chức trách và sự bồi dưỡng của một nhà triết học. Ba phương diện đầu chính là cơ sở logic cho tư tưởng này và nó sẽ được đề cập đến trong phần dưới của bộ sách. Phương diện cuối cùng, tức chức trách và sự bồi dưỡng của một nhà triết học là một thành phần phải có trong chủ trương “Vua triết học”. Liên quan đến vấn đề chức trách của nhà triết học, Platon nhấn mạnh đến hai quan điểm: ưu sinh, giáo dục và chế định pháp luật, về phương diện Ưu sinh, việc kết hôn phải do các nhà triết học lựa chọn, trên tiêu chí các cặp nam nữ phải là những con người có thiên tính ưu tú nhất, quá trình kết hôn do các nhà thống trị bí mật thực hiện, được quyết định dựa trên hình thức rút thăm. Từ đó, những đôi nam nữ này sẽ sinh ra được những đứa trẻ có thiên tính ưu việt nhất, về phương diện giáo dục, trong tình trạng không hề biết đến cha mẹ, những đứa trẻ có thiên tính ưu việt trên đây sẽ được đưa đến các học viện, được luyện tập thật tốt về thể dục, âm nhạc và những môn học khác để có thể trở thành một vệ sĩ đúng nghĩa. Đồng thời, họ phải trở thành những con người xây dựng nền móng cho tư tưởng “Vua triết học” sau này.



Triết học Hy Lạp cổ đại là một thứ vũ khí quan trọng bảo vệ thành bang Hy Lạp cổ.

Đối với công việc chế định pháp luật, các nhà triết học phải có nhiệm vụ chế định pháp luật cho thành bang, bởi vì một quốc gia muôn Ổn định, không xuất hiện sự phân liệt, không bị suy thoái, tất yếu phải là một chế phẩm mô phỏng theo tính chân thật của quan niệm lý tính và hình thức quốc gia thần thánh, mà chỉ có những nhà triết học chân chính mới có thể nhìn thấy và mô phỏng được hình hài của thần thánh.

Về vấn đề người kế thừa của “Vua triết học”, tức là vấn đề bồi dưỡng của nhà triết học, Platon chủ trương tuyển chọn những con người “có trí nhớ tốt, khả năng lý giải nhạy bén, ôn hòa nhã nhặn, say mê chân lý, chính nghĩa, dũng cảm và biết khống chế” để bồi dưỡng triết học. Nhưng chỉ khi nào vầng hào quang của họ đã qua đi, mới được phép huấn luyện phương pháp biện luận cho họ, chỉ khi nào thể chất của họ đã suy nhược và họ đã vượt qua độ tuổi phục vụ trong quân đội và công cộng, họ mới được phép tiến vào lĩnh vực thần thánh này. Khi đó, họ mới có thể thông qua phương pháp biện luận và lý tính để nhìn thấy quan niệm mẫu mực của lý tưởng tốt. Và dưới sự chỉ đạo của quan niệm lý tính ấy, họ mới có thể nhận thức được thực tại của vạn vật. Chỉ với phương pháp ấy, họ mới có thể trở thành người kế thừa hợp cách của thành bang. Quốc gia cũng chỉ có thể trường tồn dưới sự dẫn dắt của sự chân thiện.

Tư tưởng logic độc đáo của “Vua triết học”

Tính logic trong tư tưởng “Vua triết học” của Platon chủ yếu được hợp thành từ năm bộ phận là cách nhìn về thế giới quan; cách nhìn đối với hoạt động nhận thức và trạng thái linh hồn; cách nhìn đối với triết học; cách nhìn đối với tình trạng chính trị hiện đang tồn tại và cách nhìn về nhà triết học.



Triết học là chiếc ô che chở của thành bang.

Dưới đây chúng ta sẽ đi sâu nghiên cứu từng lĩnh vực một.

1. Cách nhìn đối với thế giới quan: Platon phân chia thế giới thành thế giới khả kiến (thế giới có thể nhìn thấy) và thế giới khả tri (thế giới có thể nhận biết). Thế giới khả kiến bao gồm bản thân sự vật và hình ảnh của sự vật; thế giới khả tri chủ yếu đề cập đến thế giới ý niệm và bản chất của sự vật. Thế giới khả tri có thể đạt được thông qua hai con đường, trước tiên là sự xuất phát từ giả thuyết, thông qua lý tính để suy luận đến kết quả; thứ hai là từ một quan niệm lý tính này đi đến một quan niệm lý tính khác, để cuối cùng quy kết thành một quan niệm lý tính mới, tức dạng tri thức có được thông qua phương pháp biện luận.
2. Cách nhìn đối với hoạt động nhận thức và trạng thái linh hồn: “Mẫu mực lý tưởng tốt” là nhân tố mang tính tối cao, chỉ đạo khả năng nhận thức đối với bản thân tồn tại của sự vật. Sự nhận thức đối với bản thân tồn tại của sự vật cùng với nhận thức về hình thức hay quan niệm lý tính đối với mặt sau của sự vật chính là “tri thức”. Những yếu tố khác chỉ được gọi là “ý kiến”, tức sự phản ánh đối với thế giới khả kiến thiên biến vạn hóa. Tương phản với nhân tố này là bốn trạng thái của linh hồn: lý tính, lý trí, tín niệm và tưởng tượng.
3. Cách nhìn đối với triết học: Triết học chính là dưới sự chỉ đạo của quan niệm mẫu mực lý tưởng tốt, thông qua nghiên cứu và nhận thức bản chất sự vật bằng phương pháp biện chứng mà có được. Chỉ có triết học mới có thể hướng dẫn con người nhận thức được bản thân tồn tại của thế giới.
4. Cách nhìn đối với tình trạng xã hội đang tồn tại: Tình trạng chính trị đang tồn tại là sự suy đồi ngày càng trầm trọng, ngày càng xa xa với mẫu mực lý tưởng tốt. Thêm vào đó là tình trạng các nhà triết học không được trọng dụng cùng với sự độc thiện của bản thân các nhà triết học. Rất ít người có thể nhận thức được điểm mấu chốt này để cứu vãn hay xây dựng lại một chế phẩm mới tiếp cận nhất với quốc gia mẫu mực lý tưởng tốt.
5. Cách nhìn đối với nhà triết học: Nhà triết học chính là người theo đuổi chân lý, có nhiều tri thức, và không ham mê quyền lực. Nhưng xuất phát từ trách nhiệm đối với thành bang, và dưới sự thỉnh cầu của người thống trị, họ có thể xuất hiện để vạch ra những kế sách cho việc bảo vệ và xây dựng thành bang. Và cũng chỉ có họ mới đủ khả năng dựa vào chính mẫu mực lý tưởng tốt trong cuộc đời để phục chế lại nó. Nhận thức luận triết học của ông đã trở thành nguồn gốc tư tưởng chủ yếu cho chủ nghĩa duy tâm phương Tây. Thế giới chân thiện mỹ do ông đề xướng cũng chính là niềm khao khát của ông về thế giới mẫu mực lý tưởng tốt. Người đời sau gọi hành vi theo đuổi chủ nghĩa duy lý thuần tinh thần là hành vi dạng

thức Platon.



Bức bích họa “Trường phái Athens”, hai người ở giữa là Socrates và Platon. Nơi đây Platon đã truyền bá tư tưởng “Vua triết học”.

Platon – người kế thừa trung thực của Socrates

Platon sinh ra trong một gia đình quý tộc tại thành Athens, trong thời kỳ các thành bang của Hy Lạp cổ bắt đầu xuất hiện những biến động lớn. Ông luôn mong ước có thể dùng triết học của mình để cứu vớt quốc gia và xã hội, sau đó dồn hết tâm trí vào giáo dục và sáng tác, để lại cho người đời sau rất nhiều tác phẩm có giá trị. Hầu hết các tác phẩm của ông đều được viết ra dựa trên hình thức đối thoại. Một số tác phẩm tiêu biểu như “Thiên giải thích”, “Thiên hội ẩm”, “Quốc gia lý tưởng” v.v... Nội dung đề cập đến rất nhiều vấn đề như triết học, chính trị, luân lý, giáo dục, gia đình... Tư tưởng triết học của ông là một hệ thống vô cùng to lớn, các vấn đề lý luận khác đều xuất phát trên cơ sở này.

Trong cách nhìn của ông, thế giới được phân thành hai bộ phận là thế giới tự nhiên nằm trong cảm giác và thế giới siêu tự nhiên nằm trong ý niệm. Do thế giới cảm nhận luôn biến hóa không ngừng, nhận thức của con người đối với nó cũng tùy theo thời gian, vùng đất, con người, tình cảm mà có sự khác nhau. Do vậy, thế giới cảm giác là thế giới không chân thật. Điều chân thật duy nhất mà con người có thể biết đến được đó chính là thế giới ý niệm tồn tại vĩnh hằng, còn thế giới hiện thực được con người cảm thụ chỉ là sự phản ánh lại của thế giới ý niệm. Ví dụ, khi nói đến thiếu nữ và hoa tươi, tất nhiên phải có một khái niệm về cái đẹp xuất hiện trước trong tâm trí của người phán đoán, khái niệm ấy lại nhất định phải thống nhất với khái niệm tổng thể về cái đẹp. Như vậy, bên ngoài bản thân của người phán đoán, nhất định phải có một khái niệm về cái đẹp tuyệt đối.



Platon là người đã kế thừa xứng đáng tư tưởng và quan điểm của Socrates, hệ thống lý luận của ông đã có ảnh hưởng rất sâu sắc đối với hậu thế.

❖ VẬN MỆNH CỦA TRÀO LƯU TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC TRONG THẾ GIỚI HY LẠP CỔ ĐẠI

Người Hy Lạp cổ rất giỏi phát hiện và học hỏi những thành tựu của các quốc gia phương Đông, và quả thực là họ đã tiếp thu được rất nhiều từ các quốc gia này.

Một trong những đặc tính có thể thấy được ở người Hy Lạp cổ đại là “lòng tham không đáy” đối với tri thức – họ luôn mong muốn có thể ngay lập tức vượt qua những điều họ đã được học. Khi theo đuổi con đường triết học, người Hy Lạp cổ đại luôn tự xem mình là những người có văn hóa và vì văn hóa. Họ biết cởi bỏ cái tâm lý tự cao tự đại, không phải vì mục đích sáng tạo lại khởi nguyên của triết học và khoa học, mà là ra sức bổ sung, nâng cao, tinh hóa những yếu tố tiên tiến. Và như thế, họ hoàn toàn xứng đáng trở thành những con người sáng tạo trên một ý nghĩa cao hơn và trong một phạm vi thuần túy hơn so với những người đi trước. Điều đó cũng có nghĩa là, họ đã sáng tạo nên “đầu não triết học điển hình”, và nhân loại ngày sau sẽ không còn một sáng tạo mang tính thực chất nào nữa đối với phương diện này.



Ảnh hưởng to lớn của triết học Hy Lạp cổ đại tựa như công trình “Vạn quốc môn” của tín đồ Bái Hỏa giáo Ba Tư, sừng sững bất diệt cùng thời gian.

Đối mặt với những nhà triết học vĩ đại của Hy Lạp cổ đại như Thales, Mander, Heraclitus, Parmenides, Anaxagoras, Empedocles, Democritus, Socrates, mỗi một dân tộc đều phải cúi mình thán phục. Tất cả những con người ấy là một chỉnh thể, là một quần tượng được tạc nên từ một khối đá khổng lồ. Tư tưởng và tính cách của họ được xuyên suốt bởi tính tất nhiên nghiêm cẩn. Họ không hề có một quy tắc thông thường nào để noi theo, bởi vì cả triết học và toán học trong thời đại ấy đều không phải là những môn học chuyên nghiệp. Họ phải sống trong sự “vô cùng cô độc”, chỉ mình họ và khối tri thức của họ mà thôi. Tất cả những con người ấy đều có được một sức mạnh kỳ lạ của những con người cổ đại, nhờ đó, họ đã vượt trên tất cả hậu thế. Sức mạnh ấy đã thôi thúc họ phát hiện hình thức của chính mình, rồi kiến tạo, biến hóa, đưa nó đạt đến một khả năng phi thường kỳ diệu. Họ không hề được gặp một mô thức có trước nào có thể giúp họ đối mặt với những khó khăn. Vì vậy, họ đã kết hợp với nhau để tạo nên một “Nước cộng hòa thiên tài” đối lập với một “Nước cộng hòa học giả” (cách nói của nhà triết học người Đức Schopenhauer): tiếng gọi của một con người vĩ đại sẽ vượt qua năm tháng, hướng đến một con người vĩ đại khác, và tinh thần đối thoại ấy vẫn được duy trì qua nhiều thế hệ.



Người Hy Lạp cổ đại đã dựa vào kỹ thuật đóng tàu tiên tiến của mình để tiến hành những cuộc đi biển dài ngày, đến với những vùng đất xa lạ. Thành quả của những chuyến đi ấy không chỉ là vàng bạc châu báu, lương thực thực phẩm mà còn có cả những giá

trị văn hóa đặc sắc mang về từ những vùng đất nọ.

Đối với tinh thần đối thoại ấy, từ Thales cho đến Socrates, tất cả những con người triết học vĩ đại đã tiếp xúc với nhau, hình thành nên tất cả giá trị điển hình của tinh thần Hy Lạp cổ đại. Họ đồng thời còn là những con người tiêu biểu cho sức sáng tạo vĩ đại, mà toàn bộ lịch sử Hy Lạp cổ đại vẫn còn bàng bạc dấu ấn của đặc trưng ấy. Nếu phải giải thích chính xác toàn bộ đời sống của Hy Lạp cổ đại, cuối cùng chúng ta sẽ phát hiện được sự phản ánh của cùng một hình tượng, đó chính là những màu sắc kỳ dị, tỏa sáng trên những thiên tài tối cao của Hy Lạp cổ đại.

Triết học kinh nghiệm xuất hiện đầu tiên trên vùng đất Hy Lạp cổ đại hay sự ngưỡng vọng đối với “bảy triết nhân”, đã phác họa lên những đường nét không thể nào quên về hình tượng con người Hy Lạp cổ đại. Các dân tộc khác đã sinh ra những thánh đồ, Hy Lạp cổ đại đã sinh ra được những triết nhân.



Tính sáng tạo của những con người Hy Lạp cổ đại đã làm xuất hiện những nhà triết học vĩ đại như Socrates, đáng tiếc là ông phải chịu bức hại đến chết. Đây là bức tranh “Cái chết của Socrates”, do các họa sĩ hậu thế thực hiện.

Có người đã nói rất đúng rằng, muốn định tính cho một dân tộc, thay vì xét xem dân tộc ấy có những nhân vật vĩ đại, hãy xem dân tộc ấy dùng phương thức gì để nhận thức và suy tôn những nhân vật vĩ đại ấy. Vào một thời đại khác, một vùng đất khác, triết học gia là một gã lãng du cô độc, ngẫu nhiên, trong một hoàn cảnh đối địch khắc nghiệt nhất, họ không phải là những con người ẩn dật, mà là những con người quật khởi và luôn sẵn sàng chiến đấu. Chỉ có trên vùng đất Hy Lạp cổ đại, triết gia mới không là một con người ngẫu nhiên. Họ xuất hiện trong khoảng thế kỷ thứ 6-5 TCN, bị bao vây trong sự mê hoặc và những mối nguy hiểm lớn của cuộc sống đời thường, nhưng họ luôn biết cách vượt qua những nguy hiểm và cám dỗ đó.



Những nhà triết học Hy Lạp cổ đại vẫn trường tồn và bất hủ như những công trình vĩ đại trên đây.

Chỉ có một nền văn hóa tương tự như nền văn hóa của Hy Lạp cổ đại, mới có thể giải đáp được vấn đề nhiệm vụ của các nhà triết học. Bởi vì chỉ có nó mới có thể hiểu và đủ sức chứng minh, vì sao và bằng cách nào mà một nhà triết học lại không phải là một người lãng du ngẫu nhiên, tùy ý, phiêu dạt vô định. Có một nhân tố mang tính tất yếu đã gắn kết nhà triết học với một nền văn hóa chân chính.

Tuy nhiên, nếu đó không phải là một nền văn hóa vốn có, thì chúng ta phải suy xét như thế nào? Như thế, có lẽ nhà triết học chính là một ngôi sao chổi chưa rõ cát hung, khiến mọi người phải luôn lo lắng sợ hãi. Nếu ở vào tình cảnh may mắn, nó có thể phát sáng tựa như một ngôi sao rực rỡ trong Thái dương hệ. Chỉ trong đất nước Hy Lạp cổ đại, họ mới không là một ngôi sao chổi, và người Hy Lạp cổ quyền biện hộ cho các nhà triết học. Vì vậy có thể nói, Hy Lạp cổ đại và sự phát triển của triết học Hy Lạp có mối quan hệ bổ sung cho nhau, tương quan lẫn nhau. Vận mệnh tương đồng đã giúp cho cả hai cùng tiến lên phía trước. Thành tựu của Hy Lạp cổ đại đã tạo tiền đề cho triết học Hy Lạp cổ đại phát triển và đồng thời, sự phát triển của triết học đã tạo nên một thời kỳ phồn vinh vô tiền khoáng hậu trong lịch sử Hy Lạp cổ đại.

Sự phát triển của chủ nghĩa duy vật



Nhìn vào dáng vẻ uy nghi diễm lệ của ngôi đền thờ, chúng ta có thể cảm nhận được tinh thần và trí tuệ siêu việt của dân tộc Hy Lạp cổ đại.

Trong thế kỷ thứ 5 TCN, triết học cổ điển Hy Lạp cổ đại tiếp tục kế thừa truyền thống chủ nghĩa duy vật của triết học tự nhiên, một trong những đại biểu sớm nhất là nhà triết học Empedocles (495-435 TCN) trên đảo Cysili và Anaxa-goras (500-428 TCN) thầy dạy của nhà triết học Pericles. Empedocles đã cải tiến lý luận của các nhà triết học tự nhiên trước đây cho rằng, nguồn gốc của vạn vật trong vũ trụ là một dạng nguyên tố, đề xuất nguồn gốc vạn vật gồm bốn nguyên tố là đất, nước, khí và lửa. Bốn loại nguyên tố này đại diện cho thể rắn, thể lỏng, thể khí và một dạng vật chất còn mỏng và nhẹ hơn cả không khí. Đồng thời ông còn đề xuất tư tưởng vật chất bất diệt, tạo tiền đề cho sự ra đời của thuyết nguyên tử luận. Anaxagoras là người kiên quyết ủng hộ cho nền chính trị dân chủ Pericles, ông đã phát huy thuyết bất khả phân của vật chất, cho rằng mọi vật đều được tạo thành từ rất nhiều vật chất lớn nhỏ có tính chất khác nhau, gọi là “chủng tử”, trực tiếp mở đường cho sự ra đời của thuyết “nguyên tử luận” sau này. Democritus (khoảng 460-370 TCN) chính là nhà triết học đã đưa ra học thuyết nguyên tử luận. Học thuyết nguyên tử luận do ông xây dựng được xem là hệ thống triết học hoàn chỉnh nhất của chủ nghĩa duy vật trong thời cổ đại.



Các công trình vĩ đại của Hy Lạp vẫn trường tồn cùng với thời gian.

Chương 6

CÂU CHUYỆN VỀ THỂ VẬN HỘI OLYMPIC

Công trình cổ nhất được phát hiện trong quần thể di chỉ Olympia có thể có độ tuổi lên đến 4.000 năm, trong đó nổi tiếng nhất là đền thờ thần Zeus nằm ở khu vực trung tâm (ước tính được xây dựng vào khoảng năm 460 TCN). Đền thờ có chiều dài 66m, rộng 30m, mỗi đầu đông tây đều có 6 trụ đá, mỗi đầu nam bắc đều có 13 trụ đá, được thực hiện theo dạng trụ Doric, toàn bộ công trình được thực hiện bằng chất liệu đá. Các nhà khảo cổ học đều công nhận đây là một trong những công trình vĩ đại và hoàn mỹ nhất của Hy Lạp cổ đại.



Zeus – người cha của chúng thần Hy Lạp, rất thích hóa thân thành những hình thù khác nhau để tìm đến thế gian. Trong hình là một con chim ưng do thần Zeus biến thành, đang cắp một cô gái xinh đẹp.

Trong thần thoại Hy Lạp có nói, thần Zeus ngự trị trên đỉnh Olympia chính là vị thần cai trị toàn cõi thế gian, vì vậy, đền thờ của thần đã được nhân dân Hy Lạp xây dựng trên đỉnh núi này. Đó còn là nơi tổ chức các cuộc thi thể thao và là hình ảnh tượng trưng cho sức mạnh của người chiến thắng. Sức tưởng tượng của người Hy Lạp cổ đại thật phong phú.



Đền thờ Parthenon được xây dựng trên đỉnh núi Olympia. Đây là một trong những di tích có liên quan mật thiết với đại hội Olympic cổ đại.

Hy Lạp cổ đại đã lưu lại biết bao truyền thuyết bất hủ, trong đó có câu chuyện về những cuộc thi đấu diễn ra trên ngọn núi Olympia thần kỳ. Câu chuyện ấy đến nay vẫn làm cho chúng ta cảm thấy say mê và xúc động.

❖ THẾ VẬN HỘI CỔ ĐẠI THẦN BÍ



Từ những bức tranh được thực hiện trên các bình gốm cổ của Hy Lạp, chúng ta có thể nhận ra lịch sử lâu đời của hoạt động thi đấu thể dục thể thao.

Các nhà khảo cổ học đã phát hiện được một di chỉ tại vùng đất phía đông Peloponnese, miền Tây bán đảo Peloponnese. Đó là một khu di chỉ có chiều dài từ đông sang tây khoảng 520m, nam bắc rộng khoảng 400m, trung tâm là khu vực thờ thần Ancient, là nơi hiến tế cho thần Zeus. Theo các tài liệu phát hiện được, khu vực trung tâm có chiều dài 200m và chiều rộng 175m. Đó chính là khu di chỉ Olympia.

Thế vận hội cổ đại của Hy Lạp đã được mọi người biết đến rất nhiều. Trong một quốc gia như Hy Lạp cổ đại, thể thao và văn hóa đều có một lịch sử hết sức lâu đời và thú vị. Thế vận hội có nguồn gốc từ Hy Lạp, và mấy ngàn năm sau đó, nó lại được quay trở về với vùng đất sản sinh ra mình.

Truyền thuyết về Olympia trong những câu chuyện thần thoại

Dựa vào những tài liệu ghi chép, nguồn gốc của đại hội Olympic có thể bắt đầu từ năm 776 TCN. Nhưng thể vận hội cổ đại có thể đã tồn tại trước thời điểm đó độ vài thế kỷ. Hy Lạp cổ đại là một vương quốc thần thoại, với những câu chuyện thần thoại hào hùng, sông động và những truyền thuyết dân gian ly kỳ, phức tạp, những yếu tố đó đã tạo nên một bức màn thần bí bao trùm lên nguồn gốc của thể vận hội cổ đại. Theo truyền thuyết, đại hội Olympic là một hoạt động thi đấu thể thao được tổ chức định kỳ để kính nhớ thần Zeus. Một truyền thuyết khác cho rằng, nguồn gốc của nó có liên quan đến câu chuyện về người anh hùng Heracles, con trai thần Zeus, người được xưng tụng là “đại lực thần” vì sức mạnh vô song của mình. Chuyện kể rằng, tại thành bang Eris, Heracles đã thực hiện được một công việc mà không một con người trần gian nào có thể thực hiện được đó là quét sạch tất cả các chuồng bò chứa đầy phân trong cả vương quốc. Nhưng rồi nhà vua lại không muôn thực hiện lời hứa ban thưởng 300 con bò như đã giao kết từ đầu. Tức giận, Heracles bèn đánh đuổi tên vua gian trá ra khỏi vương quốc. Để chúc mừng chiến thắng, Heracles đã tổ chức một đại hội thể thao trên ngọn núi Olympia.



Heracles, con trai thần Zeus. Theo truyền thuyết, Heracles đã từng thực hiện 12 kỳ công chấn động chư thần và loài người. Đây là một trong những kỳ công đó – giết chết con sư tử khổng lồ Nimia.

Chiến tranh giữa các thành bang đã hình thành nên Thế vận hội cổ đại

Trên thực tế, nguồn gốc của Thế vận hội cổ đại có quan hệ mật thiết với tình hình xã hội của Hy Lạp cổ đại. Đến khoảng thế kỷ thứ 9-8 TCN, xã hội thị tộc Hy Lạp cổ đại bắt đầu tan vỡ, xã hội nô lệ theo thể chế thành bang dần được hình thành, không bao lâu sau đã có hơn 200 thành bang xuất hiện. Các thành bang đều hoạt động theo cơ chế chính trị của riêng mình, và không ngừng xung đột với nhau.

Để ứng phó chiến tranh, các thành bang đều tích cực huấn luyện binh sĩ. Tại Sparta, trẻ em từ 7 tuổi trở lên đã được quốc gia nuôi dưỡng, rèn luyện thể lực, huấn luyện các kỹ thuật quân sự, trong đó thể dục vận động là một phương pháp hữu hiệu để đào tạo một chiến sĩ dũng cảm và thiện chiến. Các thành bang của Hy Lạp đều xây dựng những sân huấn luyện, đây được xem là một trong những tiêu chí thể hiện sức mạnh của một thành bang. Sân huấn luyện thường là một vùng đất hình chữ nhật, xung quanh có hàng lang bao bọc. Trên sân huấn luyện có những đường chạy, xung quanh đường chạy có thiết kế khán đài. Sân vận động không có mái, mọi hoạt động luyện tập đều diễn ra ngoài trời. Người Hy Lạp cổ đại xem việc phơi nắng là một tiêu chí đánh giá sức khỏe, một làn da trắng đồng nghĩa với một thân thể không cường tráng. Được tuyển chọn vào luyện tập tại sân huấn luyện cũng là một vinh dự đối với công dân Hy Lạp cổ đại.

Trong xã hội Hy Lạp cổ đại, mọi người rất yêu chuộng thể dục thể thao. Vì vậy, hầu như mọi công dân tự do của Hy Lạp cổ đại đều đến trường huấn luyện để học qua các lớp huấn luyện, đặc biệt là những người thuộc tầng lớp quý tộc. Họ cho rằng, chỉ có những người trải qua các lớp huấn luyện mới được xem là một con người có giáo dục đầy đủ, bằng không, chỉ nên xếp họ vào hạng dân ti tiện mà thôi.

Chiến tranh đã thúc đẩy sự phát triển của hoạt động thể dục thể thao tại Hy Lạp cổ đại, những nội dung thi đấu trong các hội thi Olympic cổ đại cũng mang dấu ấn quân sự rất rõ ràng. Tình trạng chiến tranh triền miên đã khiến cho người dân cảm thấy buồn chán, đa số đều mong muốn có được một cuộc sống yên bình, vui tươi. Về sau, vua Sparta và vua Eris đã ký kết “điều ước đình chiến thần thánh”. Và thế là, các hoạt động chuẩn bị binh lực và huấn luyện binh sĩ dần dần trở thành những hoạt động thể dục thể thao mang tính chất hòa bình và hữu nghị.



Có rất nhiều bộ môn được tổ chức trong đại hội Olympic cổ đại. Đây là một bức tranh thực hiện trên gốm, miêu tả cuộc thi đấu vật được tổ chức vào thời Hy Lạp cổ đại.

Đại hội Olympic cổ đại – minh chứng lịch sử cho thời kỳ phồn vinh của Hy Lạp cổ đại

Về cơ bản, đại hội Olympic của Hy Lạp cổ đại được tổ chức 4 năm một lần, chu kỳ đó được gọi là “Olympiades”. Cứ theo chu kỳ ấy mà tính thì từ năm 766 TCN đến năm 394 SCN, trải qua hơn 1.170 năm, tổng cộng đã có 293 lần đại hội được tổ chức. Nhưng trên thực tế, số lần tổ chức lại ít hơn rất nhiều. Có điều, thể vận hội Olympic cổ đại có quy định, một “Olympiades” là một lần, bất kể có cử hành hay không, số lần vẫn cứ theo đó mà tính.

Vào giai đoạn ban đầu, không có nhiều bộ môn thi đấu được tiến hành trong hội thi, vì vậy, thời gian thi đấu của 22 kỳ đại hội đầu tiên chỉ diễn ra trong vòng 1 ngày. Về sau, cùng với sự gia tăng của các bộ môn thi đấu, thời gian tổ chức được kéo dài thành 2 ngày. Từ đại hội Olympic cổ đại lần thứ 37, lại có thêm các cuộc thi dành cho độ tuổi thiếu niên, thời gian thi đấu được nâng lên 5 ngày. Trong đó, ngày đầu tiên là các nghi thức khai mạc, cử hành hiến tế và tuyên thệ. Ngày thứ 2, 3, 4 là những ngày tiến hành các bộ môn thi đấu cụ thể. Ngày thứ năm sẽ tiến hành các nghi thức bế mạc, phát thưởng và tôn vinh thần linh.



Tranh vẽ “Dũng sĩ ném đĩa” được thực hiện trên một chiếc ly bằng gốm hình tròn của Hy Lạp cổ đại. Bức tranh thể hiện sự tập trung cao độ của vận động viên.

Những kỳ thể vận hội đầu tiên được tiến hành bên trong khu vực thờ thần Ancient, thuộc làng Olympia.



Một bức phù điêu khắc họa cảnh thi đấu của các vận động viên Hy Lạp cổ đại.

Sau đó, một sân vận động được xây dựng tại phía Đông Bắc của khu vực thờ thần, xung quanh có xây những khán đài dựa vào địa hình tự nhiên của khu vực. Đường chạy trong vận động trường có độ rộng 32m, có thể dành cho 20 vận động viên thi đấu cùng một lúc, chiều dài đường chạy là 192m. Vạch xuất phát được phủ bằng đá, phía trên có khắc hai vạch ngang song song và những đường vạch dọc để ngăn cách các vận động viên. Không chỉ là một đại hội thi đấu thể thao, trong suốt hơn 1.000 năm tồn tại của mình, đại hội Olympic cổ đại trên thực tế là một ngày lễ mang tính quốc gia của Hy Lạp cổ đại.

Sau tuyên bố “đình chiến thần thánh”, hàng vạn người đã đổ dồn về Olympia. Tại nơi đó, đại biểu của các thành bang đã cùng nhau tham gia nghi thức tế tự thần linh và nhiều hoạt động ý nghĩa khác. Các nhà chính trị ký kết với nhau những điều ước mới, các nhà nghệ thuật trưng bày những tác phẩm của mình, các học giả trao đổi với nhau những vấn đề về học thuật, các nhà hùng biện thi nhau diễn thuyết, các thương nhân trưng bày những sản phẩm mới của mình. Mọi người đều mặc những trang phục đẹp nhất, tô điểm bằng những trang sức quý giá nhất. Mỗi thành bang đều đưa đến những tuyển thủ ưu tú nhất của mình để thi đấu với nhau. Tất cả đều khỏa thân bước vào sân thi đấu, phô trương những cơ bắp tuyệt mỹ, tài năng khéo léo, sức mạnh và lòng dũng cảm của mình.

Ý nghĩa của thể vận hội Olympic cổ đại đã vượt ra khuôn khổ của một cuộc thi đấu, nó là một thành tố quan trọng trong nền văn hóa, kinh tế, chính trị và tôn giáo của Hy Lạp cổ đại, có tác dụng thúc đẩy hoạt động hòa hợp chính trị, phát triển mậu dịch, góp phần làm phong phú nền văn hóa và dung hợp tình cảm dân tộc. Nó đã tạo một cơ hội cho mọi công dân Hy Lạp được quây quần bên nhau trong một bầu không khí hòa bình và hữu nghị. Với một nội dung phong phú và một khung cảnh hùng tráng, đại hội Olympic cổ đại thực sự là một đại lễ.

Sự suy vong của đại hội Olympic cổ đại dưới gót chân xâm lược

Như một quy luật lịch sử tất yếu, mọi thứ đều phải diễn ra theo một trình tự hình thành, phát triển và suy vong. Sau khi đất nước Hy Lạp cổ đại phải nằm dưới sự thống trị của đế quốc La Mã, đại hội Olympic cổ đại cũng dần dần suy yếu. Ban đầu, tuy các kỳ đại hội vẫn được diễn ra, nhưng Olympia không còn là nơi tổ chức thi đấu duy nhất nữa. Ví dụ như vào kỳ đại hội lần thứ 175, được tổ chức vào năm 80 TCN, đế quốc La Mã đã triệu tập những vận động viên ưu tú nhất về thi đấu tại La Mã, còn Olympia chỉ dành để tổ chức đại hội dành cho độ tuổi thiếu niên. Vào thời này, các vận động viên chuyên nghiệp cũng bắt đầu xuất hiện với số lượng đáng kể, đại hội Olympic trở thành cuộc thi của các tuyển thủ chuyên nghiệp. Điều này đã khiến cho những người Hy Lạp vốn say mê thể thao đỉnh cao không còn hứng thú đến dự đại hội nữa. Từ thế kỷ thứ 2 sau Công nguyên (SCN), đạo Cơ Đốc đã thống trị cả châu Âu, bao gồm cả quốc gia Hy Lạp cổ đại, tôn giáo này đề xướng chủ nghĩa cấm dục, chủ trương linh hồn và nhục thể không tách rời, phản đối thể dục thể thao, khiến cả châu Âu bước vào thời kỳ tăm tối, thể vận hội cổ đại cũng đi vào suy thoái, chỉ còn tồn tại về mặt danh nghĩa.



Sự du nhập của đạo Cơ Đốc đã dẫn đến sự diệt vong của đại hội Olympic cổ đại.

Năm 393 SCN, Hoàng đế La Mã Theodosius I tuyên bố Cơ Đốc giáo là chính giáo, cho rằng đại hội Olympic cổ đại là vi phạm giáo chỉ của Cơ Đốc giáo, là hoạt động của những tín đồ dị giáo. Năm sau, ông tuyên bố xóa bỏ đại hội này. Năm 426, hoàng đế Theodosius II thiêu hủy những bộ phận còn lại của quần thể kiến trúc Olympia. Hai đợt động đất lớn diễn ra vào các năm 511 và 522 đã phá hủy hoàn toàn những gì còn lại của công trình này. Vì vậy, đại hội thể thao Olympic cổ đại kéo dài trong hơn 1.000 lịch sử đã không còn tồn tại nữa.

Đại hội Olympic cổ đại cực thịnh một thời đã dần dần bị chôn vùi trong lớp bụi lịch sử, nhưng niềm tin về hòa bình, sức mạnh và lòng dũng cảm từ ngọn lửa thiêng Olympic vẫn trường tồn bất diệt.

Sự tái sinh kỳ diệu

Có những niềm tin bất diệt cùng với thời gian và cũng có những giá trị không bao giờ bị chôn vùi cùng lịch sử. Sau hơn 1.000 năm lặn mình trong cô tịch, cuối cùng, ngọn lửa thiêng Olympic lại được thắp lên. Ngày 25 tháng 11 năm 1892, trong đại hội kỷ niệm ba năm thành lập “Hội liên hiệp thể dục thể thao nước Pháp”, Coubertin đã phát biểu một bài diễn thuyết với đề tài “Phục hưng Olympic”. Đó là lần đầu tiên ông chính thức đề xuất ý định thành lập thể vận hội Olympic hiện đại.

Ngày 16 tháng 4 năm 1894, Hội nghị thể dục thể thao Quốc tế được triệu tập tại Paris. Ngày 23 tháng 6, Hội nghị thông qua quyết định thành lập ủy ban Olympic Quốc tế. Hội nghị đã quy định chọn tiếng Pháp làm ngôn ngữ chính thức trong Ủy ban Olympic Quốc tế, và giống như thể vận hội Olympic truyền thống, tổ chức đại hội thi đấu 4 năm một lần. Ban đầu, các thành viên trong ủy ban dự định tổ chức thể vận hội đầu tiên tại Paris. Nhưng sau đó lại xét thấy Hy Lạp là vùng đất bắt nguồn của Olympic, việc tổ chức tại Hy Lạp sẽ mang nhiều ý nghĩa hơn, nên Đại hội đã ấn định kỳ Olympic hiện đại đầu tiên sẽ được tổ chức tại Hy Lạp là vào năm 1896. Xét thấy khu di chỉ Olympia đã hư hại quá nhiều, ủy ban Olympic Quốc tế quyết định dời địa điểm về thủ đô Athens. Tinh thần bất diệt của Olympic đã được sống lại và truyền đến mọi nơi trên thế giới.



Trải qua chiến tranh, hỏa hoạn và động đất, Olympia đã trở thành một vùng đất hoang phế.

Coubertin – người cha của Olympic hiện đại

Lebaron Pierre De Coubertin, sinh ngày 1 tháng 1 năm 1863 trong một gia đình quý tộc tại Paris, là người con út trong một gia đình có 4 anh em. Năm 1471, một người trong dòng tộc của ông đã được vua Louis XI ban tặng danh hiệu quý tộc. Cha ông là Char De Coubertin, một họa sĩ rất có tiếng đương thời. Mẹ ông là Mari, cũng là hậu duệ của một gia đình quý tộc. Coubertin đã kế thừa được một tài sản khổng lồ từ cha mẹ. Từ năm 1896 đến năm 1925, ông giữ chức Chủ tịch Ủy ban Olympic Quốc tế. Ông đã dành trọn cuộc đời mình cho việc khôi phục tinh thần Olympic, được tôn vinh là “Người cha của Olympic hiện đại”.

Coubertin không chỉ là một nhà hoạt động thể thao quốc tế kiệt xuất mà còn là một nhà giáo dục, nhà sử học đạt được nhiều thành tựu. Một số tác phẩm của ông như “Lịch sử nước pháp sau 1870”, “Cải cách chế độ giáo dục”, “Giáo dục học nước Anh”, “Nguyên lý chỉ đạo vận động”, “Lý tưởng của vận động tâm lý”, “Ca ngợi thể thao”.. Trong đó nổi tiếng nhất là bài “Ca ngợi thể thao”, được ông phát biểu trong Thế vận hội Olympic Stockholm năm 1912. Tác phẩm đã nhận được huy chương vàng do kỳ đại hội này trao tặng.

Tại nước Pháp, có một con đường và một sân vận động mang tên Coubertin. Trong đại sảnh của tòa nhà ủy ban Olympic Quốc gia Pháp có dựng một bức tượng Coubertin bằng đồng. Ngày 17 tháng 12 năm 1999, ông được truy tặng danh hiệu “Nhà lãnh đạo thể thao thế kỷ” do tạp chí Olympic bình chọn.



Athens đã trở thành biểu tượng của Olympic hiện đại.

❖ VÙNG ĐẤT CUỒNG NHIỆT CHO CẢ CON NGƯỜI VÀ THẦN LINH

Trên đỉnh Olympia, đền thờ thần Zeus là công trình nổi tiếng nhất, với những trụ đá khổng lồ và những đường nét chạm trổ vô cùng tinh xảo. Ngày nay, tuy không còn nhìn thấy diện mạo ban đầu của nó, nhưng các nhà khảo cổ học đều nhất trí công nhận đây là một trong những công trình kiến trúc vĩ đại nhất của Hy Lạp cổ đại.

Người Hy Lạp cổ đại thường tổ chức những buổi lễ tế trọng đại tại Olympia, Tây Bắc bán đảo Peloponnese. Phẩm vật dâng tế là một con bò hay dê còn nguyên vẹn, cư dân thành thị thường mặc những trang phục lộng lẫy, ca hát nhảy múa, yến tiệc linh đình, đồng thời còn tổ chức những cuộc thi chạy bộ với cự ly ngắn.

Sức mạnh và nét đẹp của Olympic cổ đại

Vào năm 776 TCN, Hy Lạp cổ đại quy định cách 4 năm sẽ tổ chức một kỳ đại hội thi đấu thể thao tại Olympia. Đó chính là kỳ đại hội Olympic cổ đại đầu tiên được ghi chép lại bằng văn kiện.



Một người đàn ông vác đầu trâu trên vai, tham gia hoạt động tế lễ Olympic.

Đại hội thi đấu thường được tổ chức vào ngày rằm đầu tiên sau tiết Hạ chí. Ban đầu, đại hội chỉ tổ chức trong một ngày, đến năm 472 TCN, đại hội được kéo dài trong năm ngày. Trước ngày diễn ra đại hội, sẽ có ba vị sứ giả mang huyết thông Hy Lạp do thành bang Elea tuyển chọn đến trước đền thờ Zeus để cử hành nghi thức tôn giáo, châm ngọn lửa thiêng, sau đó chạy đến các vùng đất trong lãnh thổ Hy Lạp để thông báo về ngày thi đấu và các hạng mục thi đấu cần chuẩn bị. Sau khi nhìn thấy ngọn lửa thiêng, các thành bang sẽ lập tức đình chiến, phái một sứ giả cùng với đoàn vận động viên xuất sắc nhất của mình hội tụ về Olympia. Khi đến nơi, các đoàn đại biểu sẽ dựng lều trại và cờ hiệu của riêng mình, tạo nên một khung cảnh vô cùng náo nhiệt.



Di chỉ đền tế thời Hy Lạp cổ.

Theo quy định ban đầu của đại hội, chỉ có những công dân mang huyết thống Hy Lạp và những người tự do mới được quyền tham gia thi đấu. Những người đã từng lĩnh nhận hình phạt, có những vết nhơ về đạo đức và phụ nữ đều không được tham gia (phụ nữ cũng không được quyền bước vào bên trong khán đài để xem các vận động viên thi đấu). Bắt đầu từ kỳ đại hội thứ 30 (năm 660 TCN), toàn thể công dân sông tại đại lục Hy Lạp đều có quyền tham gia. Và từ kỳ đại hội lần thứ 40, cư dân trên các vùng đất thực dân của Hy Lạp cũng có quyền tham gia.



Phụ nữ không được tham gia vào các cuộc thi Olympic cổ đại, họ chỉ có thể ở nhà chăm lo công việc lao động.

Ngày đầu tiên trong đại hội thi đấu phải được dành để cử hành các nghi thức kính bái thần Zeus, sau đó, các hoạt động thi đấu sẽ được tiến hành trên một sân cỏ phía trước đền thờ. Những hạng mục thi đấu ban đầu chỉ có chạy bộ (khoảng 182m). Khi bắt đầu cuộc thi, các vận động viên đều không mặc trang phục, cơ thể được thoa một lớp dầu ô liu, dưới ánh nắng mặt trời, làn da căng bóng và những bắp thịt cuộn cuộn sẽ tạo nên một sự kết hợp hoàn mỹ giữa cái đẹp và sức mạnh. Có một giai thoại kể rằng, vào những kỳ đại hội Olympic cổ đại đầu tiên, các vận động viên đều khoác trên mình những tấm da thú khi thi đấu. Trong cuộc thi đấu nọ, một tuyển thủ không cẩn thận đã làm rơi tấm da sư tử xuống đất, nhưng chính chàng trai trần trụi này lại là người đánh bại mọi tuyển thủ trong ngày hôm ấy, dành được vòng nguyệt quế. Thế là từ đó, không mặc quần áo trong khi thi đấu đã trở thành một quy định đối với các vận động viên.



Một bức tượng đồng có kích thước tương đương với thực tế, khắc họa hình ảnh một chàng thiếu niên đang luyện tập trên lưng ngựa.

Khỏa thân thi đấu là một nét văn hóa độc đáo của Hy Lạp cổ đại. “Thời đại của sức mạnh” là thuật ngữ được dùng để nhắc đến thời kỳ độc đáo này trong lịch sử Hy Lạp cổ đại. Những hình ảnh đó trở thành một nguồn cảm hứng rất lớn cho các nhà nghệ thuật thể hiện hình tượng của mình. Vào thời ấy, cơ bắp cuộn cuộn, sức khỏe phi thường luôn được mọi người công nhận là biểu tượng của cái đẹp.

Các kỳ đại hội về sau càng tăng thêm số môn thi đấu, như vật, năm môn phối hợp, đánh quyền, đua ngựa, đua xe, thi đấu nghệ thuật, thi truyền lệnh, thi thổi sáo, thi ném lao, ném đĩa v.v... Các vận động viên càng có nhiều cơ hội thi thố tài năng, các cổ động viên càng hăng say reo hò cổ vũ, không khí các kỳ đại hội luôn diễn ra hết sức náo nhiệt và sôi động.

Trong tất cả các môn thi thì đua ngựa và đua xe là hai môn đem lại nhiều cảm xúc phấn khích nhất. Một cổ chiến xa bốn ngựa kéo, phải chạy 12 vòng quanh một đường chạy quy định. Đến những khúc quanh, người điều khiển phải hết sức khéo léo mới có thể giữ cho xe ngựa thăng bằng và không để đối thủ vượt qua. Đến giai đoạn kết thúc, người điều khiển phải nhảy xuống ngựa, tay nắm chặt dây cương rồi cùng với con ngựa của mình lao nhanh về đích. Trên sân thi đấu, vó ngựa tung lên, bánh xe quay tít, cát bụi mù mịt; trên khán đài, người xem reo hò, âm thanh vang xa đến hàng chục dặm. Đây là một cuộc thi đòi hỏi phải có xe ngựa và được huấn

luyện chuyên nghiệp, vì vậy, nó gần như trở thành một cuộc thi của các nhà quý tộc.

Vinh dự của người chiến thắng

Sau khi cuộc thi kết thúc, nghi thức trao giải sẽ được cử hành long trọng tại một nơi gần đền thờ Zeus. Tên của người chiến thắng sẽ được đọc lên một cách trân trọng, bên cạnh đó, tên của cha mẹ, tên thành bang và vùng đất sinh ra người chiến thắng cũng được đọc lên cho tất cả mọi người được biết. Vốn là một dân tộc có óc tưởng tượng rất phong phú, người Hy Lạp cổ đại đã nghĩ ra những phần thưởng lãng mạn nhất và cũng thần thánh nhất để ban tặng cho người chiến thắng: những người đoạt giải quán quân sẽ được ban tặng một vòng hoa được kết từ cành nguyệt quế, tượng trưng cho hòa bình và tình hữu nghị. Người đội vòng nguyệt quế thậm chí còn được nhân dân sùng kính và yêu mến hơn cả nhà vua, có người còn lễ bái họ như những vị thần.

Sau khi kết thúc lễ ban thưởng, một buổi diễu hành sẽ được diễn ra. Những người trọng tài đi đầu tiên, tiếp đó là những vận động viên chiến thắng trong cuộc thi năm đó. Tất cả những vận động viên chiến thắng đều mặc trang phục sắc sỡ, đầu đội vòng nguyệt quế, trên tay cầm thêm một nhành nguyệt quế. Đi kèm hai bên đoàn người chiến thắng là rất nhiều tăng lữ, sứ giả và các thành viên Ban tổ chức giải. Trong tiếng sáo rộn ràng, tất cả sẽ cùng nhau ca hát và đi chậm chậm về phía trước. Mọi người đứng hai bên đường reo hò chúc tụng và tung những đóa hoa tươi lên mình những người chiến thắng.



Hình ảnh một vận động viên đua xe đang ngồi trên cỗ xe ngựa, được khắc họa trên một chiếc bình gốm Hy Lạp cổ đại.

Trong nghi thức bế mạc đại hội thi đấu, những người chiến thắng còn được chiêu đãi một buổi “Quốc yến”. Nhà thơ nổi tiếng nhất đương thời sẽ ngâm tặng họ những bài thơ tuyệt mỹ. Một đội kiến trúc sư sẽ phụ trách công việc xây dựng một tượng đài kỷ niệm những người chiến thắng trên đỉnh núi Olympia. Tên tuổi của họ sẽ nhanh chóng lan truyền ra khắp Hy Lạp, có khi còn được lan truyền ra cả nước ngoài bằng nhiều hình thức. Quê hương của những người chiến thắng chào đón họ như những vị anh hùng thắng trận trở về. Có thành bang còn quyết định phá một đoạn tường thành, để người chiến thắng có thể đi vào thành như một người chinh phục. Nếu người chiến thắng là cư dân Athens, anh ta còn có thể được thưởng thêm 500 đồng tiền bạc.



Người chiến thắng trong mỗi môn thi đều giành được một tặng phẩm hết sức đơn giản nhưng đầy ý nghĩa và giá trị, đó là một vòng nguyệt quế.

Đại hội thể thao cổ đại còn lập nên một phong cách thi đấu đẹp, người chiến thắng sẽ nhận được sự tôn vinh và kính trọng của mọi người. Còn những kẻ dùng thủ đoạn bất chính để giành chiến thắng sẽ lập tức bị đuổi khỏi cuộc chơi và chịu sự đàm tiếu, chế nhạo của mọi người.



Một hình ảnh được thực hiện trên bình gốm của Hy Lạp cổ đại. Trong hình là một vận động viên mình trần đang thi đấu.

Trong thời gian diễn ra đại hội, các nghệ thuật gia từ các thành bang đổ dồn về Olympia để triển lãm những tác phẩm của mình, các nhà thơ ngâm nga những thi phẩm mới nhất, các nhà sử học, triết học thi nhau diễn thuyết. Trong khi đó, các thương nhân lại bàn bạc với nhau về chuyện buôn bán, định kế ước, biến đại hội thể thao thực sự trở thành một đại hội của tư tưởng, văn hóa và giao lưu kinh tế trong toàn cõi Hy Lạp. Đại hội thể thao cổ đại là một bộ phận của văn hóa các dân tộc Hy Lạp cổ đại, có tác dụng tích cực trong việc đoàn kết các dân tộc, duy trì sự thống nhất quốc gia, giảm thiểu và khống chế chiến tranh, có ảnh hưởng khá lớn đến các hoạt động chính trị.



Trong thời gian diễn ra đại hội, các hoạt động buôn bán hết sức tấp nập, sự giao lưu giữa các dân tộc càng thêm được tăng cường.



Đây là những loại tiền mà các vận động viên người Athens được ban tặng sau khi giành được chiến thắng trong một kỳ đại hội.

Đại hội thể thao Olympic là một sự kiện vô cùng trọng đại trong đời sống của cư dân Hy Lạp cổ đại. Đến cả chiến tranh cũng phải nhường đường cho hoạt động này. Điều khiến mọi người

không thể hiểu nổi là, ngay cả khi bị nước ngoài tấn công, người dân Hy Lạp cổ đại vẫn đặt đại hội thể thao lên vị trí số một. Thời gian tổ chức đại hội là một thời gian Quốc lễ thực sự đối với họ. Mỗi người dân đều xem việc được tận mắt chứng kiến một đại hội thể thao là niềm hạnh phúc lớn nhất trong đời mình.



Bức tượng của một vận động viên chiến thắng. Trong thời gian còn được bảo quản hoàn chỉnh, trên đầu bức tượng còn khắc họa một dải lụa cột đầu và một vòng hoa nguyệt quế.

Bài thơ ca ngợi đại hội thể thao cổ đại

Một nhà thơ lừng danh của Hy Lạp cổ đại là Pindaros đã viết lên những vần thơ ca ngợi đại hội Olympic cổ đại như sau:

Nước là thứ xinh đẹp nhất

Và vàng thì rực rỡ tựa như ánh lửa chói ngời, phô trương về kiêu ngạo giàu có.

Thế nhưng, trong tim của tôi, nếu bạn muốn ban thưởng cho người chiến thắng trong cuộc thi đấu,

Ngoại trừ vầng mặt trời tỏa sáng khắp nơi nơi, trên trời không còn một ngôi sao nào khác nữa.

Không có cuộc thi nào đáng cho chúng ta ca ngợi cho bằng cuộc thi được tổ chức trên ngọn núi Olympia này.

❖ “VƯỜN VIÊN MINH” TRÊN ĐẤT NƯỚC HY LẠP CỔ ĐẠI

Các công trình kiến trúc Hy Lạp cổ đại được xây dựng cách đây hơn 2.000 năm đã khiến cho các nhà khảo cổ ngày nay phải hết sức kinh ngạc, đặc biệt là các công trình phục vụ đại hội Olympic cổ đại. Ngoài đài tế thần linh, sân thi đấu, đài lửa thiêng, phòng tắm, phòng tư liệu, phòng tiếp khách, đài phát lệnh v.v... tất cả đều được xây dựng đầy đủ và hết sức hoàn hảo. Có thể nói, so với một đại hội Olympic hiện đại, đại hội thể thao của người Hy Lạp cổ đại không hề thua kém về mặt cơ sở vật chất. Thật khó giải thích vì sao hoạt động thể thao của Hy Lạp cổ đại lại vươn đến một tầm cao như vậy. Có lẽ, thông qua những phế tích còn lại của khu di chỉ Olympia, chúng ta sẽ tìm được đôi chút manh mối cho vấn đề này.

Di chỉ Olympia trải qua bao thế kỷ vẫn tồn tại đến nay



Hình dáng của một thân cây ô liu được miêu tả trên một chiếc bình gốm Hy Lạp cổ đại. Đây là hình ảnh tượng trưng của hòa bình, và cũng là hình ảnh tượng trưng cho Olympia.

Olympia nằm ở phía Đông Pyrgos, phía Tây bán đảo Peloponnese, nơi giao lưu của hai con sông Alpha Kelaze-fushi Tufts và Confluence, cách Athens 370km. Đây là một nơi có khí hậu ôn hòa, cảnh sắc tươi đẹp, khắp nơi đều có thể trông thấy những cây ô liu, quế và bách xanh tốt. Olympia là quê hương của Đại hội thể thao Olympic. Theo những tài liệu ghi chép lại, ngay từ thời đại đồ sắt, người Doris đã xây dựng ở đây một đền thờ. Olympic cổ đại chính là một hoạt động lễ hội cúng tế thần linh. Đây là nơi có sân vận động cổ xưa nhất thế giới. Về sau, tuy đại hội Olympic được tổ chức luân phiên giữa các nước, nhưng vẫn giữ nguyên tên gọi này, bên cạnh đó, ngọn lửa thiêng trong các kỳ đại hội đều được lấy từ nơi đây.



Một trụ đá móng được tìm thấy trong khu di chỉ Olympia.

Di chỉ Olympia có chiều dài từ đông sang tây là 520m, nam bắc 400m, trung tâm là khu vực thờ thần Ancient, được thiết kế để phục vụ cho việc cúng tế thần Zeus. Các công trình kiến trúc chủ yếu trong khu vực thờ thần là đền thờ Zeus và đền thờ Hera, ngoài ra còn có Thánh viện, kho bảo vật, nhà khách cùng các dãy phòng hành chính v.v... Niên đại của các công trình kiến trúc này có thể lên đến năm 2000 TCN, trong đó nổi tiếng nhất là đền thờ thần Zeus. Một công trình điêu khắc được thực hiện trên hai sườn núi khắc họa hình ảnh người anh hùng Peropus đang tham gia cuộc thi đua xe trong một kỳ Olympic và câu chuyện về cuộc chiến tranh giữa người Hy Lạp cổ với quái thú nhân mã (đầu người mình ngựa), đây được xem là những tác phẩm điêu khắc tiêu biểu sớm nhất theo phong cách điêu khắc cổ điển. Bức tượng thần Zeus khổng lồ ước tính được thực hiện vào khoảng nửa sau của thế kỷ thứ 5 TCN. Đây là một tác phẩm tuyệt mỹ của nhà điêu khắc lừng danh Phidias, toàn bộ bức tượng được khảm vàng và ngà voi. Đây được xem là tác phẩm tiêu biểu nhất trong thời kỳ cực thịnh của nền nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp cổ đại, được người Hy Lạp ca ngợi là một trong bảy đại kỳ quan của thế giới.



Tượng thần Zeus đã hoàn toàn biến mất, những gì còn sót lại chỉ là một vài trụ đá gãy đổ tại khu di chỉ Olympia.



Tượng thần Zeus ở Olympia. Đây là một tác phẩm phục chế, nguyên tác của nó có lẽ đã bị thiêu hủy trong một trận hỏa hoạn.

Mặt đông bắc là một sân vận động, bốn phía có thiết kế khán đài theo hình bậc thang, mặt tây có thiết kế cửa vào sân vận động dành riêng cho các trọng tài và vận động viên, đường chạy trong sân vận động có độ dài 210m, rộng 32m. Sân vận động cùng với các công trình kiến trúc lân cận như sân biểu diễn võ thuật, nhà nghỉ dành cho các thầy tư tế, nhà khách, phòng hội nghị, đài lửa thiêng và các dãy phòng khác kết hợp với nhau, tạo thành một quần thể kiến trúc vô cùng rộng lớn.

Viện bảo tàng khảo cổ Olympia

Viện bảo tàng khảo cổ Olympia là viện bảo tàng đầu tiên của Hy Lạp, được xây dựng từ năm 1883 đến 1886. Trước năm 1970, hoạt động chủ yếu của bảo tàng là triển lãm các cổ vật được tìm thấy tại khu di chỉ Olympia. Sau khi được trùng tu, nơi đây còn giữ nhiệm vụ bảo tồn các công cụ thời kỳ đồng đen và triển lãm về lịch sử tổ chức các kỳ Olympic cổ đại.

Tượng thần Zeus trong đồng phế tích

Theo ước đoán, bức tượng này đã được hoàn thành trong kỳ đại hội Olympic cổ đại đầu tiên (năm 776 TCN). Đền thờ thần Zeus, nơi đặt bức tượng Zeus cũng chính là nơi khởi nguồn của đại hội thể thao Hy Lạp cổ đại, một số hạng mục thi đấu đã được tổ chức tại nơi đây. Di chỉ nằm trong khu cổ thành của Olympia, Tây ngạn Hy Lạp cổ đại.



Tranh thần Zeus, chúa tể của chúng thần trong thần thoại Hy Lạp.

Đền thờ Zeus do kiến trúc sư Libon thiết kế, còn bức tượng thì được thực hiện bởi bàn tay điêu luyện của nhà điêu khắc Phidias. Bề mặt của đền thờ được phủ bởi một lớp đá vôi, phần đỉnh được xây dựng bằng đá cẩm thạch, toàn bộ đền thờ được chống đỡ bởi 34 trụ đá thực hiện theo dạng trụ Corinth, mỗi cột cao 17m. Toàn bộ bề tượng và phần áo choàng của bức tượng Zeus đều được làm bằng vàng. Trên đầu là một vòng hoa được đan từ cành nguyệt quế, tay phải cầm bức tượng Nữ thần chiến thắng được chế tác từ ngà voi và vàng ròng, tay trái cầm đại trượng khảm vàng lấp lánh, trên mặt có một con chim ưng đang đậu. Chiếc ghế của thần Zeus còn được trang sức bằng những nhân vật trong thần thoại như quái thú nhân sư (đầu người mình sư tử), Nữ thần chiến thắng v.v... Mặt ghế rộng khoảng 6,5m, cao 1m, tượng cao 13m, tương đương với một tòa nhà bốn tầng hiện nay. Phần đầu của bức tượng gần như đã chạm đến mái của đền thờ.

Theo tài liệu ghi chép, vào thế kỷ thứ 5 TCN, ngôi đền đã bị một trận hỏa hoạn thiêu hủy. Để bảo đảm an toàn cho bức tượng, người Hy Lạp đã dời nó về Constantinople (nay là Istanbul), nhưng rồi nơi đây cũng không thể bảo vệ được bức tượng khổng lồ này. Cũng theo tài liệu ghi chép, vào năm 462 TCN, một trận đại hỏa hoạn đã thiêu hủy hoàn toàn bức tượng này và tường thành Olympia ngày nay cũng chỉ còn sót lại một vài đoạn hoang tàn đổ nát.



Tranh phục chế, miêu tả cảnh trước đền thờ Ancient trong thời gian diễn ra đại hội thể thao. Đây là một tài sản quý báu mà người Hy Lạp cổ đại đã để lại cho chúng ta.

Di chỉ đại hội thể thao Olympic cổ đại

Trong lịch sử của nền văn minh nhân loại, người Hy Lạp cổ đại không chỉ cống hiến cho nhân loại thần thoại và truyền thuyết, tư tưởng và nghệ thuật, mà trên phương diện kiến trúc, họ cũng đã để lại cho nhân loại những di sản vô cùng quý giá. Di chỉ Olympia cổ đại là một quần thể kiến trúc vô cùng to lớn, với đầy đủ các cơ sở vật chất phục vụ cho một cuộc đại hội thể thao, có thể sánh ngang với quy mô của những kỳ Olympic hiện đại. Năm 776 TCN, ngọn lửa thiêng của đại hội đã được thắp lên lần đầu tiên tại nơi đây. Và đến năm 2004, ngọn lửa thiêng ấy lại một lần nữa được cháy sáng trên vùng đất thần thánh này.

❖ NGỌN LỬA OLYMPIC PHẢI CHĂNG ĐÃ ĐƯỢC PROMETHEUS ĐÁNH CẮP TỪ TRỜI XUỐNG?

Ngày 10 tháng 7 năm 2004, Chủ tịch ủy ban Olympic Quốc gia Hy Lạp Daskalaki đã châm ngọn lửa trên đài lửa thiêng được xây dựng tại khu di chỉ hoàng cung Knossos thuộc đảo Crete. Đây chính là nơi mà truyền thuyết Hy Lạp cổ đại đã kể lại rằng, vị thần Prometheus đã đưa ngọn lửa lấy trộm được từ trời xuống cho nhân loại. Câu chuyện xúc động ấy đã bao phủ lên đại hội thể thao cổ đại một màu sắc vô cùng thần bí.

Câu chuyện là một cột mốc đánh dấu bước quá độ của người Hy Lạp trong quá trình đi từ đời sống nguyên thủy đến ánh sáng của văn minh. Prometheus là hình ảnh tượng trưng cho tinh thần phản kháng, ý chí bất khuất và khát vọng vươn lên của con người. Karl Max đã đánh giá cao “Prometheus là vị thánh và là con người tử vì đạo được sùng bái nhất trong lịch sử triết học”.



Di chỉ Thiên Hỏa trong truyền thuyết trên đảo Crete.

Prometheus là con trai của Nữ thần chính nghĩa Themis, là anh em họ hàng với thần Zeus tối cao và là người bạn chí thân của Nữ thần trí tuệ Athena. Prometheus đã dùng đất sét nặn ra những tượng người giống y như thật. Tiếp đó, nữ thần Athena lại thổi một luồng khí vào các hình nhân, ban cho chúng một sự sống mới, đó chính là những con người đầu tiên của nhân loại. Họ phải sống với nhau trong những hang động tối tăm u ám, ăn lông ở lỗ, chưa biết đối phó với thiên nhiên như thế nào. Để giúp nhân loại thoát khỏi cảnh ngu muội, Prometheus thường đến nhân gian, dạy cho dân chúng làm nhà, quan sát thời tiết, phân biệt bốn mùa, tính toán thời gian và thuần dưỡng gia súc. Ông còn dạy dân bào chế thuốc, giúp giải trừ bệnh tật.



Hình tượng một người dân Hy Lạp cổ đại giơ tay lên trời để bày tỏ lòng tôn kính và biết ơn đối với Prometheus, vị thần đã mang ngọn lửa từ trời đến cho nhân loại.

Trong khi Prometheus phải dốc hết tâm trí sức lực để dạy dỗ nhân loại thoát khỏi cảnh cơ cực, ngu muội, thì thần Zeus chỉ muốn được làm chúa tể nhân loại, muốn toàn thể nhân loại phải dâng cúng cho mình những gì tốt đẹp nhất. Nhưng nhân loại thì nghèo khổ cơ cực, làm sao đủ sức đáp ứng những yêu cầu thái quá của thần Zeus. Vì lòng thương yêu nhân loại, Prometheus phải ra tay cứu giúp. Khi biết chuyện, thần Zeus đã rất giận dữ, ông quyết định phải trừng phạt Prometheus và toàn thể nhân loại. Thế là, thần Zeus quyết định không ban tặng cho con người món quà cuối cùng, đó chính là lửa. Thần Zeus cho rằng không nên giúp đỡ con người quá nhiều, nếu không sẽ khó lòng thống trị được họ, thậm chí có ngày họ sẽ quay lại chinh phục vũ trụ, uy hiếp quyền uy của chư thần. Bất luận Prometheus có van nài như thế nào, Zeus vẫn cương quyết không ban tặng ngọn lửa từ trời xuống cho nhân loại. Không còn cách

nào khác, Prometheus quyết định sẽ tự mình đánh cắp ngọn lửa ấy. Nhân khi thần mặt trời bay ngang qua bầu trời, ông đã dùng một cành cây, gắp ngọn lửa từ nơi ấy và mang xuống nhân gian. Kể từ đó, nhân loại đã có được lửa, mà ngọn “lửa trời” một khi đã đến nhân gian thì không thể thu hồi về trời được nữa. Lửa đã mang đến cho con người một cuộc sống tốt đẹp hơn, tất cả đều vô cùng biết ơn công đức và tấm lòng dũng cảm của Prometheus.

Ánh lửa bùng cháy từ mặt đất đã tỏa sáng lên cả cõi trời, khiến cho thần Zeus vô cùng tức giận, ông quyết định báo thù nhân loại. Thần Zeus dùng mỹ nhân kế đổ tội ác và tai họa trong chiếc hộp Pandora xuống nhân gian. Từ đó về sau, mặt đất, bầu trời và biển cả không còn tĩnh lặng như xưa nữa, tai họa và đau khổ bắt đầu phủ trùm trên cõi nhân gian. Tiếp đó, thần Zeus lại tìm cách trừng phạt Prometheus, ra lệnh cho thần lửa Hephaestus bắt trói Prometheus trên một sườn núi hoang vu lạnh lẽo, khiến thần không thể lên trời, không thể xuống đất.



Hình tượng nữ thần trí tuệ Athena được vẽ theo sự miêu tả trong thần thoại Hy Lạp.

Không những thế, Zeus còn ra lệnh cho một con chim ưng hung dữ đến hành hạ Prometheus, khiến thần phải chịu đựng triền miên trong đau khổ. Không biết đã trải qua bao nhiêu năm như vậy, cho đến một hôm, “đại thần lực” Heracles biết chuyện này và đã ra tay giải cứu Prometheus.

Về sau, để kỷ niệm vị thần anh dũng và cũng để bày tỏ tấm lòng biết ơn của nhân loại, trước khi châm ngọn “lửa thiêng” Olympic, người Hy Lạp luôn tổ chức lễ tế thần. Đó cũng là nguồn gốc của lễ đốt đuốc luôn được tổ chức một cách long trọng trong các kỳ đại hội Olympic cổ đại và vẫn được duy trì cho đến hôm nay. Aeschylus, cha đẻ của bi kịch Hy Lạp đã sáng tác vở “Prometheus bị xiềng” để ca ngợi hình ảnh người anh hùng không khuất phục cường bạo, dám hy sinh bản thân để mang phúc cho nhân loại. Nhà thơ nổi tiếng người Anh là Shircain cũng sáng tác một vở kịch thơ “Prometheus được giải cứu”. Tinh thần hy sinh quên mình vì loài người của Prometheus trở thành hình tượng đáng kính. Tinh thần Prometheus và ngọn lửa thiêng sẽ còn cháy sáng trong lịch sử nhân loại hôm nay và mãi mãi.



Thần Prometheus giúp nhân loại khắc phục thiên tai, hỏa hoạn.

Để thể hiện chiến thắng của con người trong việc chinh phục ngọn lửa từ thiên nhiên, và cũng để nói lên quá trình đấu tranh gian khổ của sự kiện vĩ đại đó, người Hy Lạp cổ đại đã sáng tạo nên hình tượng người anh hùng Prome-theus. Một bước ngoặt đánh dấu sự chuyển mình của người Hy Lạp từ thời kỳ nguyên thủy tiến bước vào kỷ nguyên ánh sáng và văn minh.



Một ly rượu cổ được khai quật tại Hy Lạp, trên mặt ly có miêu tả cảnh một đội nhạc đang hòa tấu những ca khúc dâng lên vị thần Prometheus đáng kính.

Đại hội thể thao thế giới đã có lịch sử tồn tại hơn 3.000 năm. Olympic thế giới hiện đại đã trở thành đại hội thể thao lớn nhất hành tinh, và quy mô của nó đang ngày càng mở rộng hơn nữa. Đó chính là kết tinh của trí tuệ Hy Lạp và cũng là bằng chứng chân thật nhất cho khát vọng đấu tranh vì tự do, tiến bộ của toàn thể nhân loại.

“Prometheus được giải cứu”

Cuối cùng thì ngày giải phóng cho người anh hùng Prometheus cũng đã đến. Sau những năm tháng ròng rã bị treo mình trên vách đá, một hôm, trên đường đi tìm Hesperides, Heracles đã đến nơi giam giữ vị thần bất hạnh này. Trông thấy con ác điểu đang lao vào cắn xé lá gan của Prometheus, Heracles lập tức giương cung bắn rớt con chim hung ác, sau đó phá tan xiềng xích, giải thoát Prometheus và đưa thần xuống khỏi vách núi. Nhưng để thỏa mãn điều kiện của thần Zeus, Heracles phải dùng con nhân mã (một quái vật đầu người mình ngựa) làm vật thế thân. Tuy nhân mã có thể yêu cầu sự sông trường sinh, nhưng để cứu mạng Prometheus, nó đã cam tâm tình nguyện hy sinh thân mình. Để triệt để chấp hành phán quyết của Zeus, Prometheus phải mang một vòng sắt vĩnh viễn, trên vòng sắt có khảm một viên đá lấy từ núi Caucasus. Bằng cách đó, Zeus có thể tự hào tuyên bố, kẻ thù của ông vẫn bị xiềng xích trên sườn núi Caucasus.



Câu chuyện Prometheus bị xiềng trên vách núi đã trở thành nguồn cảm hứng cho rất nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật tự cổ chí kim. Trong hình là một bức tranh tả cảnh con chim ưng hung hãn đang lao đến cắn xé lá gan của Prometheus.

❖ PHỤ NỮ HY LẠP CỔ ĐẠI VÀ PHONG TRÀO THỂ THAO

Các nghiên cứu y học về phụ nữ Hy Lạp cổ đại đã cho thấy, xương cốt của họ to hơn rất nhiều so với xương cốt của phụ nữ phương Đông và cả những người phụ nữ phương Tây đương thời, vậy đâu là nguyên nhân của vấn đề này? Liên tưởng đến đại hội thể thao cổ đại, các nhà khoa học đã đặt nghi vấn, phải chăng vào thời này, phụ nữ Hy Lạp đã được tham gia vào các kỳ đại hội? Muốn hiểu được vấn đề này, trước tiên chúng ta phải tìm hiểu xem, vào thời kỳ cổ đại, phụ nữ Hy Lạp đã sinh hoạt như thế nào và họ có thực sự được quyền tham gia vào các hoạt động thể thao hay không?

Sự ràng buộc đối với người phụ nữ Hy Lạp cổ đại

Trong lịch sử Hy Lạp cổ đại, đại hội thể thao Olympic cổ đại là lễ hội lớn nhất của nhân dân Hy Lạp, xuất phát từ nghi lễ tế thần Zeus. Bởi vì, đối với người Hy Lạp, Zeus chính là vị thần tối cao của nhân loại và thần linh. Trong đại hội Olympic cổ đại, cùng với những cuộc thi đấu là hoạt động văn hóa, kinh tế. Tuy nhiên, về tổng thể, nó được xem là hình ảnh tượng trưng cho sức mạnh nam giới, họ chính là hiện thân của sức mạnh, kỹ thuật và vẻ đẹp vô hạn của con người. Trong suốt 1.170 năm tồn tại của Olympic cổ đại, phụ nữ luôn bị ngăn cấm tham gia vào các hoạt động thi đấu của đại hội, nếu không tuân thủ, họ sẽ phải chịu một hình phạt vô cùng nghiêm khắc là chặt đầu. Thi đấu và xem thi đấu được coi là đặc quyền của nam giới. Thậm chí trong các hoạt động rèn luyện thể thao thường nhật, quan niệm ấy vẫn in sâu trong tư tưởng của người Hy Lạp cổ đại.



Tượng “Nữ thần chiến thắng”. Bức tượng đã phản ánh chân thật hình ảnh người phụ nữ Hy Lạp tràn đầy sức sống, tự tin và hết sức gợi cảm.

Chỉ có những nam công dân Hy Lạp và người tự do mới được tham gia thi đấu trong các kỳ đại hội. Nô lệ, người ngoại quốc và phụ nữ không có quyền tham gia vào hoạt động này. Trong đó, sự cấm đoán đối với phụ nữ là vô cùng hà khắc. Người Hy Lạp cổ đại cho rằng, đại hội Olympic không có duyên với phụ nữ. Điều luật thời ấy có quy định: phụ nữ không có quyền tham gia hoặc quan sát hoạt động thi đấu thể thao, người vi phạm phải chịu sự trừng phạt của pháp luật, nặng nhất có thể là tử hình. Sở dĩ có những lệnh cấm trên, thứ nhất là vì hoạt động thi đấu thể thao là một nội dung nằm trong nghi thức tôn giáo, sự xuất hiện của phụ nữ trong những hoạt động này được xem là một hành động bất kính và làm ô uế thần linh, thứ hai là các nội dung thi đấu trong đại hội Olympic cổ đại luôn đòi hỏi rất nhiều sức lực và các vận động viên phải khổ luyện, để phụ nữ trông thấy cảnh ấy sẽ là một hành động làm thương tổn đến phong hóa dân tộc. Một khi các nhà chức trách phát hiện thấy một phụ nữ xem trộm, cô ta có thể bị đưa lên một vách đá cao và bị xô xuống dưới, hoặc bị chìm chết dưới dòng sông Alpha Kelazefushi Tufts.

Chuyện “màn nhung không kém mày râu”

Tuy nhiên, trong kỳ đại hội lần thứ 96, diễn ra vào năm 396 TCN, một quả phụ Hy Lạp tên là Karin Dolly Parton McNair Liya đã cải trang thành nam giới, lấy tư cách một huấn luyện viên đưa con trai mình là Pitsi More Si vào sân thi đấu quyền kích. Sau khi anh ta đoạt được giải quán quân, bà đã vui mừng chạy thẳng vào sân để ôm hôn đứa con của mình, kết quả là bà đã để lộ thân phận. Căn cứ theo pháp luật, thì bà phải lĩnh án tử hình. Nhưng nhờ vào thành tích xuất sắc của cậu con trai và lời thỉnh cầu của vị thương trưởng lão, bà mới được xá tội một cách đặc biệt. Câu chuyện về những người phụ nữ vi phạm điều luật của đại hội Olympic cổ đại mà vẫn còn sống sót thật là hiếm có trong lịch sử Hy Lạp. Nói cách khác, người phụ nữ được tha mạng trên là trường hợp ngoại lệ duy nhất được ghi chép lại trong suốt lịch sử tồn tại của các kỳ Olympic cổ đại.



Do các điều luật khắt khe, nghiêm cấm phụ nữ xem và tham gia thi đấu, nên họ chỉ có thể ở nhà lo việc thêu thùa đan dệt trong thời gian diễn ra đại hội Olympic cổ đại.

Đại hội thể thao Olympic cổ đại tuy có những quy định vô cùng khắt khe đối với phụ nữ, nhưng vẫn có một sự phân biệt đối xử rất rõ giữa các phụ nữ quý tộc và phụ nữ thường dân. Năm 680 TCN, kỳ đại hội thứ 25 đã đưa ra một quy định mới đối với bộ môn đua xe, theo đó, người chiến thắng không phải là bản thân người đánh xe, mà thuộc về con ngựa và chủ nhân của cỗ xe đó. Các phụ nữ quý tộc có quyền thuê người tham gia thi đấu, trở thành người chiến thắng gián tiếp trong cuộc thi. Thậm chí vào thời kỳ cực thịnh của thành bang Sparta, em gái của vua Sparta là Agesilaus đã dựa vào uy quyền của người anh, miệt thị các quy tắc của đại hội, đích thân tham gia vào cuộc thi đua xe tứ mã. Agesilaus đã giành được chiến thắng trong cuộc thi đó và trở thành người phụ nữ đầu tiên giành được chức quán quân trong lịch sử đại hội Olympic cổ đại. E sợ trước sức mạnh của vua Sparta, các trọng tài đành phải chấp nhận kết quả không hề mong muốn ấy.



Các trụ đá được khắc theo hình các thiếu nữ tại đền thờ Erechtheus đã thể hiện được phong thái đoan trang của người phụ nữ Hy Lạp cổ đại.

Tập tục độc đáo của người Hy Lạp cổ đại

Tuy đại hội thể thao cổ đại không có duyên phận với người phụ nữ Hy Lạp, nhưng họ vẫn phải tiếp thu những bài huấn luyện thể thao vô cùng nghiêm khắc. Bởi vì trong quan niệm của người Hy Lạp cổ đại, chỉ có những người mẹ kiên cường mới có thể dưỡng dục được những dũng sĩ can đảm. Vì vậy, trước khi các thiếu nữ Sparta lập gia đình, họ phải được tập luyện các kỹ thuật chiến đấu, chạy đua, ném đĩa và phóng lao. Họ tin rằng, với các bài tập đó, những người phụ nữ này sẽ sinh được những người con khỏe mạnh và dũng cảm nhất.



Khu di chỉ đền thờ nữ thần Hera.

Sử liệu còn chứng minh, tại thành bang Sparta, một trong những thành bang hùng mạnh nhất của Hy Lạp cổ đại, phụ nữ còn có quyền ra sân thi đấu cùng nam giới. Nhưng các nhà sử học cho rằng, nguyên nhân của tình trạng đó là do nhu cầu bảo vệ lãnh thổ của mỗi thành bang, đặc biệt là quan niệm người phụ nữ càng khỏe mạnh thì con cái của họ sẽ là những chiến binh khỏe mạnh và dũng cảm. Các nhà khảo cổ học còn phát hiện được một số bằng chứng cho thấy, trong giới quý tộc thượng lưu, có rất ít phụ nữ tham gia vào các hoạt động thi đấu như chạy bộ, bơi lội, đá cầu, cưỡi ngựa v.v...

Tuy nhiên, mãi đến trước thế kỷ thứ 1 TCN, những người phụ nữ vẫn tuyệt đối không được quyền xuất hiện trong các đại hội thi đấu tại Athens hay bất kỳ một vùng đất nào khác của Hy Lạp cổ đại. Phụ nữ không được tham gia vào các hoạt động thể dục thể thao, chứng tỏ vai trò lãnh đạo của họ trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, chính trị là rất khiêm tốn.



Phụ nữ Hy Lạp cổ đại được rèn luyện ngay từ nhỏ để có thể sinh ra những chiến binh dũng cảm nhất, khỏe mạnh nhất.

Đại hội thể thao Olympic cổ đại tuy có lịch sử lâu đời, nhưng phụ nữ chưa bao giờ được trở thành một đối tượng có quyền tham gia chính thức. Từ đó có thể thấy, đại hội thể thao cổ đại của người Hy Lạp thực chất chỉ là một hoạt động vui chơi, hưởng thụ của giới quý tộc đương thời mà thôi. Trong một thời đại mà địa vị của người phụ nữ còn quá thấp kém, đó là một tình trạng tất nhiên và cũng là một sự chà đạp đối với quyền lợi của người phụ nữ.

Sự ra đời của “Đại hội thể thao dành cho nữ giới”

Chúng ta đều biết rằng, đại hội thể thao cổ đại của người Hy Lạp không cho phép phụ nữ tham gia, nhưng thật đáng ngạc nhiên, Hy Lạp cổ đại vẫn có Olympic dành cho phụ nữ.

Đại hội thể thao nữ giới còn được gọi là “Đại hội thể thao Hera”. Hera là vợ của thần Zeus. Theo truyền thuyết, Đại hội thể thao Hera được ra đời vào thế kỷ thứ 6 TCN, bởi công lao của bà Hippotamia, vợ của Paropus – người sáng lập ra đại hội Olympic cổ đại. Để cảm tạ nữ thần Hera đã ban cho mình một cuộc hôn nhân ngập tràn hạnh phúc, Hippotamia đã lựa chọn 16 phụ nữ xuất sắc tại 16 thành bang, tổ chức một cuộc thi đấu dành cho nữ giới lần đầu tiên tại thánh địa Olympia. Thời gian tổ chức là vào khoảng cuối tháng 6 và đầu tháng 7. Người tham gia được chia làm ba nhóm dựa trên độ tuổi. Chạy đua là bộ môn chính yếu trong “Đại hội thể thao Hera”, cự ly chạy thường ngắn hơn nam giới một chút. Cự ly chạy của nhóm có độ tuổi thấp nhất là khoảng 32m.



Phụ nữ Hy Lạp cổ đại chỉ được phép đảm đương công việc gia đình, căn bản không có quyền tự do tham gia vào các hoạt động chính trị xã hội cũng như thể thao.

Người chiến thắng trong “Đại hội thể thao Hera” cũng nhận được vinh dự không kém gì các vận động viên nam và cũng được trao tặng một vòng nguyệt quế mang ý nghĩa thiêng liêng, bên cạnh đó họ còn có thể được ban thưởng một miếng thịt bò cúng tế cho thần linh và được họa ảnh lưu lại trên thánh địa Olympia. Theo các sử liệu ghi chép lại, “Đại hội thể thao Hera” đã được tổ chức liên tục cho đến năm 146 TCN – thời điểm quân đội La Mã xâm nhập vào đất nước Hy Lạp cổ đại. Tính ra, hoạt động thể thao này đã kéo dài được hơn 450 năm lịch sử.



Sự xâm lược của quân đội La Mã đã làm chấm dứt hoạt động của “Đại hội thể thao nữ giới”.

❖ NHỮNG ANH HÙNG VANG DANH TRÊN TRƯỜNG THI ĐẤU

Chúng ta đã biết đại hội thể thao Olympic cổ đại không cho phép phụ nữ tham gia, vậy thì ai mới là người có đủ điều kiện tham gia vào hoạt động thi đấu này? Bên cạnh giai cấp thượng lưu quý tộc, những người tham gia đại hội chủ yếu là nam giới có quyền tự do công dân. Nhưng những con người tham gia thực sự vào hoạt động thi đấu, các huấn luyện viên, vận động viên và trọng tài, họ là những con người như thế nào?

Huấn luyện viên – người đào tạo nên những anh hùng của Olympic cổ đại

Các huấn luyện viên của đại hội Olympic cổ đại là những người được tuyển chọn từ những chiến binh giàu kinh nghiệm và có lòng trung thành với thành bang quê hương mình. Họ thường là những người đã từng giành được chiến thắng trong các kỳ đại hội trước, đồng thời còn có một trình độ hiểu biết khá cao về tri thức văn hóa, bồi dưỡng đạo đức, dưỡng sinh trị liệu, phương pháp huấn luyện và cả tâm lý học. Vì vậy, họ là những con người có được một địa vị đáng kính trong xã hội.

Phần lớn các huấn luyện viên đều vận dụng lý luận của các nhà y học và dưỡng sinh có tiếng tăm của Hy Lạp vào trong phương pháp huấn luyện, giúp các vận động viên có thể duy trì và phục hồi được thể lực một cách nhanh chóng sau những buổi tập hay những ngày thi đấu vô cùng căng thẳng, đảm bảo cho các vận động viên có thể đạt được những thành tích tốt nhất.

Các huấn luyện viên còn có nhiệm vụ đào tạo các vận động viên thành những tuyển thủ trầm tĩnh, gan dạ, thiện chiến và biết cách khống chế bản thân để có thể ứng phó với mọi tình huống xảy ra trong khi thi đấu. Phương pháp huấn luyện và quản lý của các huấn luyện viên là vô cùng nghiêm khắc.



Dụng cụ y tế được sử dụng trong các kỳ đại hội thể thao cổ đại.

Vận động viên – những chiến binh dũng cảm trên sân vận động

Đại hội Olympic cổ đại là một hoạt động mang đầy sắc thái dân tộc và tôn giáo. Vì vậy, đại hội có những quy định vô cùng nghiêm khắc đối với thân phận của các vận động viên:

Thứ nhất, đó phải là những công dân thuần túy Hy Lạp.

Thứ hai, đó phải là những công dân tự do.

Thứ ba, đó phải là đàn ông.

Các vận động viên phải tiến hành nghi thức tuyên thệ trước tượng thần Zeus, tuyên bố không dùng thủ đoạn xấu để giành chiến thắng, không phá hoại các quy định của đại hội. Sau khi đã trải qua một loạt những cuộc khảo sát hợp lệ, tên của họ sẽ được viết trên một tấm bảng, tại một nơi sầm uất, dễ nhìn thấy nhất của vùng Olympia. Bắt đầu từ thời gian đó, các tuyển thủ sẽ không được phép đưa ra bất kỳ một lý do nào để rút khỏi chương trình thi đấu đã đăng ký, chỉ còn một mục tiêu và cũng là lựa chọn duy nhất được phép thực hiện – thi đấu hết mình để giành lấy vòng nguyệt quế vinh quang.

Trọng tài – vị quan tòa áo đen thần thánh trên sân đấu

Trọng tài là những người có được một địa vị rất cao trong thời gian diễn ra Đại hội thể thao Olympic cổ đại, mỗi trọng tài đều có những chức trách như sau:

1. Trước khi bắt đầu đại hội, họ sẽ được đưa đến Eris học tập các quy tắc của cuộc thi.
2. Tiến hành các hoạt động thẩm tra tư cách của những vận động viên tham gia đại hội.
3. Giám sát hoạt động huấn luyện, giảng dạy về đạo đức thi đấu thể thao.
4. Ban bố mệnh lệnh “Ngưng chiến thần thánh” đến các thành bang.
5. Đưa các vận động viên đến tuyên thệ trước đền thần Zeus.
6. Tổ chức thi đấu, quyết định người chiến thắng và các hình thức xử phạt.



Hình ảnh một vận động viên đang tham gia vào môn chạy bộ của đại hội Olympic cổ đại.

Vị trọng tài đầu tiên của đại hội Olympic cổ đại là Quốc vương Delphi, về sau, việc tuyển chọn các trọng tài được thực hiện theo nguyên tắc kế thừa của những người thuộc thành bang Eris, trong khoảng thời gian 200 năm đầu của Đại hội, chỉ có một trọng tài duy nhất quán xuyến toàn bộ hoạt động của đại hội. Đến năm 580 TCN, đại hội được tổ chức dưới sự điều hành của hai vị trọng tài. Đến năm 480 TCN, số trọng tài tăng lên 9 người, trong đó có một vị được chọn là trọng tài chính và bắt đầu có sự phân công tương đối rõ ràng trong công việc: 3 người phụ trách năm môn thi đấu phối hợp, 3 người phụ trách môn đua ngựa, 3 người còn lại phụ trách các môn thi đấu khác. Đến năm 384 TCN, số trọng tài cho một kỳ đại hội đã được chính thức xác định là 10 người, không tăng không giảm. Các trọng tài phải tiến hành nghi thức tuyên thệ hết sức trang nghiêm trước tượng thần Zeus, bảo đảm không nhận của đút lót, quang minh chính đại trong việc điều hành các trận đấu. Trong khi diễn ra đại hội, nếu cảm thấy không phục trước phán quyết của trọng tài, vận động viên có thể tiến hành khiếu nại. Nếu có những bằng chứng xác thực cho thấy trọng tài đã đưa ra phán quyết sai lầm, ông ta có thể bị phạt một số tiền rất nặng, nhưng quyết định của ông ta thì không bao giờ thay đổi.



Cảnh một cuộc thi đấu quyền tại Đại hội thể thao Olympic cổ đại.

Người chiến thắng trong một kỳ đại hội Olympic cổ đại luôn nhận được sự tôn kính và sùng bái nồng nhiệt của dân chúng trong toàn cõi Hy Lạp. Danh hiệu quán quân không chỉ mang đến cho riêng bản thân người chiến thắng mà cả cha mẹ và thành bang quê hương anh ta một niềm vinh dự vô cùng lớn lao. Trong thâm tâm của một người dân Hy Lạp cổ đại, người đạt được danh hiệu quán quân trong một kỳ đại hội là dũng sĩ được thần Zeus yêu quý nhất, là công dân ưu tú nhất của Hy Lạp cổ đại. Bức trao thưởng của đại hội được thiết kế ngay phía trước tượng thần Zeus. Nghi thức trao giải diễn ra hết sức trang trọng, người chiến thắng được đưa lên một chiếc bục được làm từ vàng và ngà voi, đầu đội vòng nguyệt quế, mình khoác lễ phục màu đỏ thẫm. Vị trọng tài sẽ cầm một cành ô liu ở trong tay, quay mặt về phía khán giả để tuyên bố danh tánh, lịch sử cá nhân, cha mẹ và thành bang của người chiến thắng, rồi trao cành ô liu cho người chiến thắng. Tiếp theo đó, người chiến thắng sẽ được tham gia vào các hoạt động chúc mừng triền miên. Tên tuổi của người chiến thắng sẽ được loan truyền khắp cõi Hy Lạp và theo các cuộc hành trình đến cả những vùng đất hải ngoại xa xôi. Vòng nguyệt quế trở thành tặng phẩm cao quý nhất trong một kỳ đại hội thể thao của người Hy Lạp cổ đại, là niềm vinh dự lớn lao nhất cho mỗi vận động viên. Trở về quê hương, người chiến thắng sẽ nhận được một sự đón tiếp vô cùng long trọng, chính quyền thành bang còn ban cho người chiến thắng rất nhiều đãi ngộ như miễn trừ tất cả các loại thuế, suốt đời nhận sự cung dưỡng của quốc gia, được giữ vị trí tốt nhất tại kịch trường. Chính vì vậy, các vận động viên tham gia đại hội Olympic cổ đại đều có một mục tiêu vô cùng mãnh liệt là giành chiến thắng.

Để vĩnh viễn tôn vinh thành tích của người chiến thắng, Đại hội Olympic cổ đại đã quyết định xây dựng cho những vận động viên ba lần dành được danh hiệu quán quân một tượng đài ngay tại khu vực thánh địa Olympia. Đảm nhiệm công việc tạc tượng là những nhà điêu khắc, nhà nghệ thuật kiệt xuất nhất đương thời.

Người dân Hy Lạp còn có một lòng sùng kính ngưỡng mộ đặc biệt với những vận động viên có một thân hình hoàn mỹ. Mỗi khi mắc phải bệnh tật, dân nghèo Hy Lạp thường đến cầu cứu những vận động viên khỏe mạnh rắn chắc này, xin họ ban cho sức mạnh và trừ khử bệnh tật. Có thể nói, các vận động viên kiệt xuất trong những kỳ đại hội đã được nhân dân tôn kính và sùng bái không kém gì các vị thần trên đỉnh Olympia.



Bức tượng một quán quân Olympic cổ đại được vinh dự lưu giữ lại trong đền thờ thần Zeus.

Tóm lại, trong suốt hơn 1.000 năm lịch sử của mình, do mối tương quan mật thiết của các bộ môn thi đấu với hoạt động quân sự mà tính chất đối kháng trong các cuộc thi Olympic cổ đại là vô cùng khốc liệt, một số bộ môn còn có thể dẫn đến thương vong. Sự kết hợp giữa tài năng của huấn luyện viên, lòng dũng cảm của vận động viên cùng với kinh nghiệm phong phú của trọng tài là yếu tố quan trọng nhất quyết định sự thành công của một kỳ đại hội.

Đại hội thể thao Olympic cổ đại là nơi thể hiện lòng dũng cảm, sự cường tráng và vẻ đẹp hoàn mỹ; thể hiện khát vọng và lý tưởng của người Hy Lạp cổ đại; là một di sản quý báu mà nhân dân Hy Lạp cổ đại đã lưu lại cho hậu thế.

Lý tưởng Olympic

“Trong suy nghĩ của chúng ta, lý tưởng Olympic là một khái niệm văn hóa thể thao náo nhiệt, một mặt nó được xây dựng trên tinh thần của những kỵ sĩ, đó là lòng dũng cảm và mạo hiểm; mặt khác, nó còn được xây dựng trên khái niệm mỹ học, tức sự sùng bái đối với cái đẹp và sự trang nhã”.

Người sáng lập phong trào Olympic hiện đại – Coubertin (1863-1937)

Phong trào Olympic là triết học nhân sinh nhằm mục đích tăng cường thể chất, ý chí, tinh thần và phát triển toàn diện vẻ đẹp của con người.

Phong trào Olympic mong muốn tạo nên một sự dung hợp giữa hoạt động thể dục và văn hóa giáo dục, sáng tạo nên một phương thức sống luôn luôn nỗ lực tìm kiếm niềm vui, phát huy những giá trị giáo dục tốt đẹp và được xây dựng trên nguyên tắc tôn trọng những giá trị cơ bản của con người, đó là đạo đức và sự công bằng.

Tôn chỉ của phong trào Olympic là biến hoạt động thể dục thể thao thành một đối tượng phục vụ cho sự phát triển hài hòa của con người, thúc đẩy việc xây dựng một xã hội tôn nghiêm, hòa bình vì lợi ích và sự an toàn của tất cả chúng ta.

Hiến chương Olympic 1999”



CRETE – NỀN VĂN MINH VÔ TÌNH BỊ CHÔN VÙI BỞI TỰ NHIÊN

Việc phát hiện di chỉ Crete đã mang lại cho các nhà khoa học rất nhiều khám phá mới. Di chỉ văn hóa thời kỳ đồ đá mới này được hình thành vào khoảng 6.000 năm TCN và phát triển tương đối ổn định trong một thời gian dài sau đó. Cư dân vùng này chủ yếu sống trong các hang động. Đến khoảng năm 2500 TCN, các sản phẩm bằng đồng đen bắt đầu xuất hiện. Đến năm 2000 TCN, Crete bắt đầu hình thành quốc gia đầu tiên. Đặc trưng lớn nhất của nền văn minh Crete chính là những kiến trúc cung điện. Các thành phố đều được hình thành xung quanh Hoàng cung. Cung đình là trung tâm kinh tế, chính trị và văn hóa của cả nước. Vào thời đó, Crete thường xuất hiện những cơn địa chấn dữ dội. Do thiên tai và nhân họa, phần lớn các vương cung đều bị phá hoại nhiều lần, đó cũng là lý do tạo nên sự mất tích kỳ bí của nền văn minh Crete sau này.



Tranh vẽ cảnh đấu bò trên đồ sứ phát hiện ở đảo Crete.

Nền văn minh Crete giúp chúng ta hiểu được trình độ phát triển của khoa học vào thời kỳ ấy. Bên cạnh đó, văn minh Crete còn để lại cho nhân loại những di sản và tư liệu quý giá. Từ những bức bích họa trên gốm được tìm thấy ở vùng đất này, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra sự thông minh tài trí của cư dân Crete. Đảo Crete thần bí đã trở thành trọng điểm nghiên cứu của các nhà khảo cổ học. Tất cả đều mong muốn khám phá bí mật của Mê cung “Knossos”.

❖ CRETE – NỀN VĂN MINH KỲ ẢO

Bức tượng “Mẫu thần mặt đất” được thực hiện bằng chất liệu đá cẩm thạch khai quật trên bờ biển Aegean được xem là tác phẩm khai sáng cho nền nghệ thuật điêu khắc trên chất liệu cẩm thạch của Hy Lạp cổ đại. Kể từ đó, Crete bắt đầu phát triển nhanh chóng, mở ra một thời kỳ vô cùng thịnh vượng. Làm thế nào người Crete có thể đạt được những thành tựu đáng kinh ngạc như vậy? Để tìm lời giải đáp cho vấn đề này chúng ta bắt đầu đề cập đến nền “Văn minh Aegean” xuất hiện trên vùng biển Aegean.



Một bức bích họa được tìm thấy trong khu di chỉ Crete, miêu tả cảnh huấn luyện một con trâu. Qua bức tranh, chúng ta có thể thấy được sự khéo léo và lòng dũng cảm của các cư dân Crete.

Vào khoảng năm 3000 TCN, khu vực biển Aegean của Hy Lạp cổ đại bắt đầu bước vào thời đại đồng đen. Đến khoảng năm 2000 TCN, khu vực này đã bước vào giai đoạn giữa và cuối của thời đại đồng đen. Một số quốc gia và nền văn minh bắt đầu xuất hiện, trước hết là tại Crete, sau đó là bán đảo Hy Lạp, gọi chung là “Văn minh Aegean”.

Những cư dân đầu tiên sinh sống trên khu vực Aegean không phải là người Hy Lạp cổ đại. Các tác gia Hy Lạp cổ đại gọi họ là người Pilashiji, Leleji và Cagliari. Khu vực Aegean có không ít địa danh sử dụng những chữ *nth*, *ss* làm từ cuối, như vùng Corinth thuộc bán đảo Hy Lạp, vùng Knossos thuộc Crete và Haliknasus thuộc bờ Tây Tiểu Á v.v... Xét trên phương diện ngôn ngữ học, loại từ cuối này không thuộc hệ thống ngôn ngữ Hy Lạp cổ đại, từ đó chứng minh, những cư dân đầu tiên của khu vực này không phải là người Hy Lạp cổ đại. Các học giả gọi họ là dân tộc Địa Trung Hải, có một mối quan hệ khá gần gũi với các cư dân thuộc bán đảo Tiểu Á. Kể từ sau năm 2500 TCN, một nhóm người sử dụng ngôn ngữ Hy Lạp cổ thuộc ngữ hệ Ấn Âu đã từ lưu vực sông Danube tìm đến các vùng đất Macedonia, trong đó có một bộ phận đã xâm nhập vào các vùng đất thuộc miền Trung và Nam của bán đảo Hy Lạp, chung sống với những người dân bản xứ mà hình thành nên người Hy Lạp cổ đại. Họ chính là những cư dân đã có những công hiến quan trọng đối với sự phát triển của nền văn minh Aegean.

Thời kỳ tiền vương cung – giai đoạn tiếp thu ảnh hưởng sâu sắc từ phương đông của nền văn minh Crete

Di chỉ văn hóa thời kỳ đồ đá mới này được hình thành vào khoảng năm 6000 TCN và phát triển tương đối Ổn định trong một thời gian dài sau đó. Cư dân vùng này chủ yếu sống trong các hang động. Đến khoảng 2500 TCN, các sản phẩm bằng đồng đen bắt đầu xuất hiện. Kỹ thuật luyện kim chủ yếu được truyền đến từ vùng Tiểu Á và quần đảo Cyclades. Kỹ thuật chế tác bình gốm, in ấn, trang sức đạt tới trình độ khá cao. Sự phát triển của thủ công nghiệp dẫn đến quá trình phân công lao động, trao đổi sản phẩm thương nghiệp và phân hóa giai tầng xã hội. Thông qua một lượng lớn các tác phẩm in ấn cá nhân, những món trang sức bằng vàng quý giá và công trình kiến trúc hình chữ L được tìm thấy ở phía Đông Crete, chúng ta có thể khẳng định, vào khoảng 3000 năm TCN, chế độ tư hữu đã tương đối phát triển và sự phân hóa giàu nghèo đã hình thành rất rõ rệt trên vùng đất này.

Văn hóa Crete chịu ảnh hưởng sâu sắc của vùng Tây Á và Ai Cập. Vào khoảng năm 2500 TCN, đã có một cuộc di dân khá lớn từ Bắc Phi đến phía Nam Crete, chung sống với các cư dân bản địa. Các kỹ thuật chế tác đồ gốm, bình hoa, ngà voi và trang sức của người Ai Cập cũng được đưa đến vùng đất này. Tuy nhiên, ngay từ ban đầu, văn hóa Crete đã không phải là một nền văn hóa phục chế và mô phỏng lại từ một nền văn hóa ngoại lai, mà nó là một sự hấp thu có cải tiến, dần dần hình thành nên một phong cách độc đáo của riêng mình.

Vào khoảng năm 2000 TCN, Crete xuất hiện quốc gia đầu tiên. Các học giả đã căn cứ vào đặt điểm này để phân chia quá trình phát triển của nền văn minh Crete thành bốn thời kỳ là:

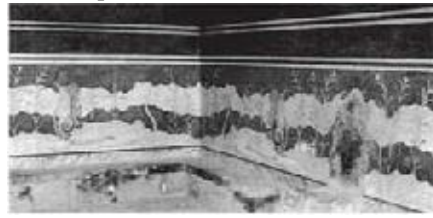
Thời kỳ tiền vương cung (khoảng năm 3000 TCN)

Thời kỳ cổ vương cung (khoảng năm 2000-1700 TCN)

Thời kỳ tân vương cung (khoảng năm 1700-1450 hoặc 1380 TCN)

Thời kỳ hậu vương cung (khoảng năm 1450 hoặc 1380-1100 TCN).

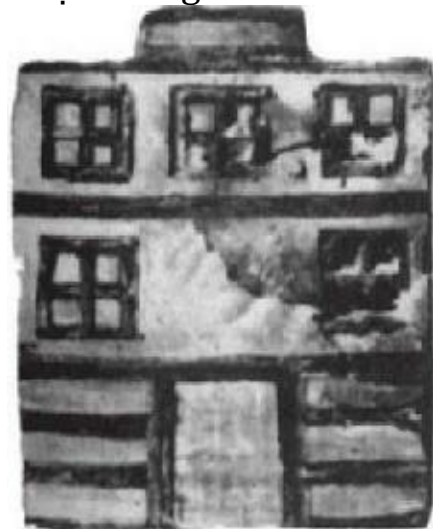
Thời kỳ cổ vương cung – giai đoạn hình thành của nền văn minh Crete



Một bức bích họa trong vương cung Knossos.

Thời kỳ cổ vương cung là giai đoạn hình thành và phát triển sơ bộ của nền văn minh Crete. Dựa trên những di chỉ khảo cổ phát hiện được, chúng ta có thể nhận thấy những quốc gia đầu tiên chủ yếu phát triển ở khu vực miền Trung và phía Đông đảo Crete. Một số quốc gia tiêu biểu là Knossos, Este, Melia, Gaulni v.v... Trong đó hùng mạnh nhất chính là Knossos ở bờ bắc miền trung Crete và Este ở bờ nam miền trung Crete. Cả hai đều có những thành phố khá lớn và xây dựng nhiều hải cảng. Giữa hai bên có xây dựng một hệ thống giao thông nối liền với nhau. Vào giai đoạn cuối của thời kỳ cổ vương cung, Knossos hầu như đã đặt sự thống trị của mình lên toàn bộ đảo. Trong thần thoại Hy Lạp có nhắc đến tên của một vị vua Crete là Minos, các học giả bèn gọi vương triều của Knossos là vương triều Minos, nền văn minh Crete cũng được gọi là văn minh Minos. Crete được xem là khu vực xuất hiện chữ viết đầu tiên của châu Âu, ban đầu chỉ là những hình vẽ, nhưng sau đó được giản hóa dần thành những hình tuyến, rồi tiến đến giai đoạn âm tiết phù hiệu. Đáng tiếc là chữ hình tuyến của nền văn minh Crete vẫn chưa được giải mã, nhưng có thể khẳng định đó không phải là chữ viết thuộc ngôn ngữ Hy Lạp cổ đại.

Đảo Crete có những cánh rừng phát triển tươi tốt, phía Đông là đồng bằng thích hợp cho việc canh tác. Các loại cây trồng chủ yếu là ngũ cốc, ô liu và nho. Ngoài lương thực, dầu ô liu và rượu nho là những sản phẩm vô cùng quan trọng. Các vương cung đều cho xây dựng những căn hầm tích trữ dầu và rượu, các dãy phòng được thiết kế thành những hang dài còn số vò thì lên đến trăm ngàn. Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Crete chủ yếu đến từ công thương nghiệp và mậu dịch hàng hải, các sản phẩm thủ công của họ nổi tiếng khắp vùng Địa Trung Hải vì độ tinh xảo và xinh đẹp. Các vật dụng thường ngày được chế tác từ đồng hoặc vàng cùng với các sản phẩm thủ công mỹ nghệ đều đạt tới độ tinh tế rất cao, nhưng đồ gốm mới là sản phẩm kiệt xuất nhất của nền thủ công mỹ nghệ thời kỳ này. Bình gốm Kamales được trang trí bằng những bức tranh màu sắc tươi sáng, đường nét trang nhã, được công nhận là những chiếc bình gốm đẹp nhất của thế giới cổ đại. Nghề đóng thuyền cũng rất phát triển, các đội thương thuyền của họ có mặt khắp nơi trong vùng biển Địa Trung Hải.



Mô hình phòng ốc của người dân trên đảo Crete, hình ảnh được phục chế trên bề mặt của một chiếc bình gốm.

Bên cạnh đó, Crete còn có một đội thuyền chiến hùng hậu, trở thành lực lượng phòng vệ chủ yếu cho các thành phố. Vì vậy, các thành thị và vương cung trên đảo Crete đều không xây dựng những tường thành kiên cố, tạo nên một nét khác biệt rất lớn đối với các nền văn minh cổ đại khác, vốn rất xem trọng việc phòng thủ quốc gia bằng những hệ thống tường thành cao ngất và

kiên cố. Với lượng nông sản dồi dào và các sản phẩm thủ công nghiệp danh tiếng, Crete tiến hành trao đổi mậu dịch với khắp các nước trong khu vực Địa Trung Hải, đáng kể nhất là mối quan hệ khăng khít với Ai Cập. Các nguyên liệu quý giá như vàng, ngà voi cùng các sản phẩm cao cấp khác đều chủ yếu đến từ Ai Cập. Vào thời kỳ cổ vương triều, một số văn vật của vương triều thứ 12 thuộc thời kỳ Trung vương quốc của Ai Cập đã lưu truyền đến Crete, ảnh hưởng của Ai Cập bắt đầu ảnh hưởng đến hầu hết mọi phương diện của nền văn minh Aegean. Sự phát triển của công thương nghiệp và vận chuyển đường biển lại càng thúc đẩy sự hưng vượng của các thành phố. Đây chính là đặc điểm chung của nền văn minh Hy Lạp cổ đại. Nhưng ngay từ ban đầu, Crete đã lấy vương cung làm trung tâm chính trị, và quyền lực ấy càng được tăng cường sau khi Crete thống nhất. Nói cách khác, thành phố chính là trung tâm của vương triều thống trị. Đó chính là điểm khác biệt lớn nhất của nó so với các quốc gia thành thị được xây dựng trên thể chế cộng hòa sẽ xuất hiện vào giai đoạn sau.

Thời kỳ tân vương cung – giai đoạn vương triều Minos chinh phục Hy Lạp cổ đại, xây dựng quyền lực trên biển



Một bộ móng tay bằng vàng có nguồn gốc từ Ai Cập đã được phát hiện trên đảo Crete.

Thời kỳ Tân vương cung là giai đoạn phồn vinh của nền văn minh Crete, vương triều Minos không chỉ thống trị toàn bộ đảo Crete mà còn thống trị luôn cả quần đảo Cyclades. Các thương trạm và thuộc địa của Minos có mặt ở khắp nơi trong vùng biển Aegean, phía Đông có thể vươn đến đảo Rhode và Militus của vùng Tiểu Á; phía tây bắc vươn đến vùng Mycenae, Athens và Thebes, điểm cực tây có thể vươn đến quần đảo Libra của nước Ý. Ngoài ra, Crete còn có một mối quan hệ vô cùng mật thiết với Ai Cập hùng mạnh. Trong ngôi mộ của tể tướng Lehemis, thuộc vương triều thứ 18, có một bức bích họa tả cảnh sứ giả Crete đến Ai Cập dâng tặng lễ vật, điều này chứng minh Crete đã thiết lập được mối quan hệ ngoại giao hữu nghị tốt đẹp đối với Ai Cập, quan hệ thương mại giữa đôi bên là hết sức tốt đẹp và phát triển. Sự phát triển về mặt thương mại với các nước bên ngoài cùng với sự hùng mạnh của lực lượng hải quân đã giúp cho vương triều Minos thiết lập quyền thống trị trên biển của mình. Trong tác phẩm “Lịch sử” lừng danh, nhà sử học Herodotus đã gọi Minos là người thống trị trên biển, “là một quốc vương đã chinh phục được rất nhiều vùng đất và thường xuyên giành được chiến thắng trong các cuộc giao tranh”. Trong tác phẩm “Lịch sử cuộc chiến tranh Peloponnese”, Thucydides lại phân tích: “Theo truyền thuyết, Minos là người đầu tiên tổ chức hải quân, ông là người đã khống chế phần lớn lãnh hải của Hy Lạp cổ đại vào thời đó”.



Phòng cất giữ lương thực được khai quật tại Knossos.

Khả năng khống chế trên biển của Minos đã tạo nên một mạng lưới mậu dịch ở phía đông Địa Trung Hải, phạm vi ảnh hưởng của nó đã hình thành nên một khu vực thương mại với trung tâm là Crete, liên kết với đảo Rhode ở phía Đông, bán đảo Peloponnese ở phía tây.



Vẻ đẹp hùng vĩ của cung điện Knossos được phục chế dựa trên những di chỉ còn sót lại.

Đây chính là con đường giao thông huyết mạch với các quốc gia còn lại của châu Âu và với

những nền văn minh rực rỡ đương thời của phương đông như Ai Cập, Babylon... Crete trở thành nơi hội tụ của ba nền văn minh Á – Âu – Phi.

Tuy loại văn tự hình thon dài (văn tự tuyến hình) của Crete vẫn chưa được giải mã, chúng ta chưa thể nắm bắt được nhiều về tình hình chính trị và kết cấu xã hội của nó, nhưng chúng ta có thể khẳng định, dân tộc kiến tạo nên nền văn minh Crete có nguồn *gốc* chủng tộc khác biệt với những người Hy Lạp cổ đại sau này. Ngoài ra, nền thông trị của vương triều Minos chắc chắn phải được xây dựng trên nền tảng của chế độ nô lệ và lực lượng nông dân đông đảo, không có gì khác biệt với các quốc gia cổ đại cùng thời. Những năm gần đây, các nhà khảo cổ còn phát hiện những bằng chứng cho thấy, nền văn minh Crete vẫn duy trì tập tục sử dụng con người làm lễ vật cúng tế thần linh, phản ánh thực chất của chế độ nô lệ trong xã hội Crete. Vào khoảng năm 1450 TCN, những cu' dân sử dụng ngôn ngữ Hy Lạp cổ chiếm lĩnh vương cung Knossos, đánh dấu sự suy sụp của nền văn minh Crete. Từ đó về sau, trung tâm của nền văn minh Aegean được chuyển sang vùng đất Mycenae nằm trong bán đảo Hy Lạp cổ đại.



Vào thời kỳ thống trị của vương triều Minos, nền thương mại trên biển của người Crete phát triển rất mạnh, hoạt động trao đổi hàng hóa diễn ra vô cùng sôi nổi.

Đảo Crete với những thành phố nhỏ yên tĩnh, phong cảnh tuyệt vời

Chỉ có thể dùng một từ “tuyệt mỹ” để hình dung về đảo Crete. Iraklion là thành phố lớn nhất trên đảo, được xem là thiên đường của các hoạt động vui chơi và mua sắm. Dù bạn đang đi trên con đường mua sắm Dikeosinis, quảng trường Venise, khu chợ lộ thiên hay đi dọc theo những hè phố xinh đẹp, tất cả đều có thể thỏa mãn nhu cầu mua sắm của bạn.

Knossos nằm cách thành phố Iraklion khoảng 5km, đây là khu di chỉ cổ xưa nhất trên đảo Crete và cũng là một trong những khu vực còn bảo tồn được những cổ vật hoàn chỉnh nhất của nền văn minh Hy Lạp cổ đại.

Hania được mệnh danh là thành phố xinh đẹp nhất trên đảo Crete. Nơi thu hút khách du lịch nhất của thành phố Hania chính là khu phố cổ nằm bên một hải cảng lâu đời.

Suốt chiều dài lịch sử, đảo Crete từng nằm dưới quyền thông trị của rất nhiều dân tộc ngoại bang. Vì vậy, nơi đây vẫn còn lưu lại dấu tích của những công trình kiến trúc hết sức độc đáo. Đi dọc hải cảng Hania, bạn không chỉ nhìn thấy những khách sạn, quán cà phê mà còn có những quán bar và tiệm ăn nhỏ nhỏ nằm ẩn mình trong những con hẻm cũ kỹ. Hãy một lần dạo bước trên các đường phố của Hania, bạn sẽ thực sự cảm thấy kinh ngạc và thán phục trước vẻ đẹp cổ kính nhưng vẫn không kém phần hiện đại của nó.

❖ TRUYỀN THUYẾT VỀ QUÁI VẬT MINOTAURUS

Cách thủ phủ Iraklion của Crete 5km là vương cung Knossos. Tòa cung điện lịch sử mang nhiều màu sắc thần kỳ này đã bị hủy hoại đến hai lần trong lịch sử tồn tại của mình. Sau hơn 3.000 năm chìm trong lòng đất, cuối cùng, vào năm 1900, công trình kiến trúc kỳ diệu này đã được nhà khảo cổ lừng danh người Anh là Arthur Evans phát hiện và phục hồi lại diện mạo nguyên thủy. Để ghi nhớ cống hiến kiệt xuất của Arthur Evans, đất nước Hy Lạp đã quyết định dựng một bức tượng bán thân của ông ngay lối cửa vào cung điện.

Câu chuyện thần thoại lưu truyền hậu thế

Trong thần thoại Hy Lạp có kể rằng, trên đảo Crete có một vị vua vô cùng hùng mạnh, đó chính là Minos.



Tượng đầu bò được khai quật bên trong vương cung Minos.

Do hành động cự tuyệt dâng hiến cho thần biển Poseidon một con bò đực, ông đã phải gánh chịu sự trả thù rất độc ác của vị thần kia. Poseidon làm phép khiến cho người vợ xinh đẹp của vua Minos yêu say mê một con bò đực, bà ta đã hóa trang thành một con bò cái để giao phối cùng với nó. Chẳng bao lâu sau, bà có mang và sinh hạ một quái vật mình người đầu bò với tên gọi Minotaurus. Minos yêu mến Minotaurus như con trai nhưng lại sợ' nó ăn thịt thần dân của mình. Vì thế, ông ra lệnh xây dựng một mê cung, đưa Minotaurus vào đó sinh sống. Đồng thời ông còn ra lệnh cho người Hy Lạp mỗi năm phải chọn ra bảy cặp đồng nam đồng nữ làm thức ăn cho Minotaurus. Hy Lạp vào thời đó chỉ là một thuộc địa của Crete. Lão quốc vương Aegean sau khi đã bị Minos đánh bại thì không dám thốt lên một lời phản đối, nhưng ông vẫn không thể nhẫn tâm để cho thần dân của mình trở thành miếng mồi cho một con quái vật. Chính trong tình cảnh tiến thoái lưỡng nan đó, vị hoàng tử trẻ tuổi Theseus đã xin phép phụ vương được một phen tìm đến Crete giết chết quái vật trừ họa cho dân. Lão quốc vương tuy rất thương con, nhưng biết lòng con đã quyết, ông đành phải dùng kế đưa hoàng tử vào số những đồng nam dâng cúng cho quái vật Minotaurus.



Một hiện vật thuộc thời kỳ văn minh Aegean Hy Lạp cổ đại.

Hoàng tử Theseus đã không phụ lòng mong mỏi của thần dân Hy Lạp cổ đại. Nhờ vào thanh bảo kiếm và sợi dây thần mà công chúa Crete trao tặng, Theseus đã xâm nhập vào được mê cung, giết chết quái vật Mino-taurus và trở về tổ quốc an toàn. Nhưng trên hành trình trở về quê hương, vì quá vui mừng trước chiến công vừa lập được, Theseus đã quên không kéo cánh buồm trắng như đã ước định, khiến lão quốc vương cứ ngỡ con trai mình đã chết. Ông đau buồn gào khóc rồi nhảy xuống biển tự vẫn. Để tưởng niệm vị vua nhân ái, kể từ đó, nhân dân Hy Lạp cổ đại bèn đặt tên cho vùng biển bao quanh Hy Lạp là biển Aegean.



Một bức tranh vẽ lại truyền thuyết Minotaurus.

Nguồn gốc của câu chuyện ly kỳ Minotaurus

Thực ra, cung điện Knossos không to lớn như những gì chúng ta tưởng tượng, các dãy phòng có phần hơi nhỏ nhưng lại được sắp xếp rất đặc biệt, đường xá quanh co vô cùng phức tạp, không hổ danh là một tòa mê cung. Dưới ánh sáng mặt trời, mọi thứ trông đều hết sức xinh đẹp, đặc biệt là những trụ đá có màu hồng tươi vô cùng đặc biệt. Người Crete xem ra rất am hiểu về nghệ thuật phối màu. Các bức bích họa phục chế bên trong cung điện (nguyên tác hiện được bảo tồn tại viện bảo tàng Iraklion) cơ bản chỉ sử dụng ba sắc màu chính là đỏ, vàng và xanh lam, nhưng lại tạo nên một khung cảnh vô cùng tươi sáng và đáng yêu. Trong số những bức bích họa còn lưu giữ được, đáng chú ý nhất là bức tranh “Lợn biển nghịch nước” bên trong phòng ngủ của hoàng hậu.



Phù hiệu sừng trâu được phát hiện ở cung vua Knossos trên đảo Crete.

Bức tranh tả cảnh mấy chú lợn nước đang tung tăng bơi lội ở giữa một đàn cá, phương pháp cấu hình rất đơn giản nhưng lại vô cùng sống động, tạo hiệu quả thẩm mỹ rất cao, khiến cho người xem cảm thấy vô cùng thích thú. Bên cạnh đó còn có bức tranh “Xiếc bò”, trung tâm của bức tranh là một con bò đực to khỏe đang hung hăng lồng lộn, phía trước và sau con bò đều có một thiếu nữ đang đứng nhìn, còn trên lưng bò là một chàng trai đang cố gắng giữ thăng bằng, có lẽ anh chàng này là một diễn viên tạp kỹ. Bất luận chủ đề mà bức tranh muốn thể hiện là gì, có một điểm mà chúng ta có thể khẳng định: bò là một con vật chiếm giữ một địa vị vô cùng

quan trọng trong văn hóa và đời sống của người dân Crete. Người Crete sùng bái bò, xem bò là tổ vật của dân tộc mình. Bò trở thành vật tượng trưng cho cả nền văn minh Minos. Từ những nhận định trên, chúng ta không khó giải thích sự ra đời của câu chuyện thần thoại Minotaurus. Đương nhiên, quái vật đầu bò không hề tồn tại trong thực tế, nó chỉ là một hình ảnh tượng trưng, là một tiêu chí cho cả nền văn minh Minos. Do địa vị quá quan trọng của bò trong đời sống xã hội của người Minos, vì vậy, hình tượng quái vật đầu bò hình người cũng trở thành một tiêu chí hết sức bình thường trong tâm trí của người dân Crete. Cũng tựa như người dân Hy Lạp cổ đại vì quá say mê môn cưỡi ngựa nên cũng không lấy gì làm thắc mắc khi nghe truyền thuyết của dân tộc mình nhắc đến hình tượng quái vật nhân mã. Từ câu chuyện vua Minos ép buộc quốc vương Hy Lạp dâng hiến các đồng nam đồng nữ làm tế phẩm cho quái vật Minotaurus, chúng ta có thể liên tưởng đến những hành động đánh cướp nô lệ vẫn thường xảy ra vào thời kỳ này. Hình ảnh hoàng tử Theseus hạ sát quái vật tượng trưng cho cuộc chinh phục của một vị thánh vương thuộc vùng bán đảo Hy Lạp cổ đại đối với đảo Crete. Chuyện tình giữa hoàng tử Theseus và công chúa Aderiana có thể cũng đưa đến cho chúng ta một gợi ý rằng vị quốc vương này đã xâm nhập vào được Crete thông qua con đường hôn nhân, sau đó mới tiến hành bạo động, cướp lấy chính quyền. Bất kể như thế nào, nền văn minh Minos – một trong những nền văn minh lâu đời nhất châu Âu – cũng đã đột ngột biến mất vào khoảng năm 1400 TCN, bị thay thế bởi nền văn minh Mycenae và vĩnh viễn rút lui khỏi vũ đài lịch sử.

Tái hiện nền nghệ thuật đỉnh cao từ những văn vật vô giá còn lưu lại

Trong số các hiện vật quý giá khai quật được tại các khu di chỉ của Crete, có hai tác phẩm được tìm thấy tại Knossos được xem là quý giá nhất: “Ngư quý xà thần”. “Ngư quý” là chỉ bức tượng đầu bò màu đen có hai chiếc sừng bằng vàng, tiêu biểu cho thành tựu cao nhất của nghệ thuật Minos. “Xà thần” là một bức tượng nhỏ bằng gốm, thể hiện hình tượng một cô gái thướt tha yếu điệu, với đôi ngực trần căng đầy, nếu không phải là một người am tường, thật khó có thể nhận ra đó là hình tượng của một vị Nữ thần; với một vùng đất không hề có rắn như Crete, hình tượng nữ thần hai tay chống lên con rắn thật là một câu chuyện kỳ lạ và khó giải thích. Ngoài ra, các bình gốm trang trí tinh tế được khai quật tại cung Phaisto – một trong những di chỉ tiêu biểu của nền văn minh Minos – cũng là những hiện vật vô cùng quý giá. Những chiếc bình này trên thực tế mang hình dạng của những chiếc cốc chân cao được phóng đại lên. Bề mặt có trang trí những đóa hoa ly ly đang bùng nổ, khiến cho hình dáng chiếc bình vốn rất thô kệch lại trở nên trang nhã, tinh tế vô cùng. Trong những cửa hàng trưng bày đồ lưu niệm của Iraklion, bạn có thể tìm thấy tất cả những sản phẩm phục chế của nền văn minh Minos, ngoại trừ những chiếc bình gốm theo dạng này. Có thể hiểu được kỹ thuật gia công của những sản phẩm trên là công phu đến dường nào, đến cả việc làm hàng giả, mô phỏng theo nguyên bản cũng hết sức khó khăn. Tiếp theo phải kể đến những chiếc bình thủy tinh đáy nhọn được khai quật tại Zakro với đồ tinh xảo cao, màu sắc rực rỡ, bắt mắt. Các món trang sức bằng vàng hay bạc cũng được thực hiện với một trình độ thủ công rất cao, tiêu biểu nhất là món trang sức bằng vàng thể hiện hình tượng hai con ong mật đang bắt chéo đuôi với nhau. Đương nhiên, văn minh Crete còn lưu lại vô số những chiếc bình gốm được trang trí với đủ loại hoa văn, những chiếc mâm bằng gốm khắc vô số chữ hình tuyến mà chưa ai có thể đọc được, những con dấu được khắc đủ hình đủ dạng, những bức tượng gốm với phong cách tạo hình kỳ dị, những dụng cụ bằng đồng đen v.v... tất cả đều khiến bạn phải thốt lên lời cảm phục trước sự thông minh tài trí của những con người cổ đại. Tất nhiên không thể quên các bức bích họa trong vương cung Knossos, mặc dù đã có bản tay phục chế của những con người hậu thế, nhưng nét đẹp kỳ diệu của những bức tranh luôn gây ấn tượng khó quên.



Cảnh những chiếc thuyền xuôi ngược trên biển cho thấy kỹ thuật hàng hải của người Crete vào thời ấy đã đạt đến một trình độ khá cao.

Thực ra, mê cung trên đảo Crete chỉ là một công trình kiến trúc đương đại, được bao phủ bởi những truyền thuyết và thần thoại, khiến cho con người ngày càng bị mê hoặc. Nhưng bất luận thế nào, truyền thuyết ấy vẫn luôn bao hàm những bí mật không thể lý giải về mê cung Knossos. Chỉ ít, nó cũng là một minh chứng cho nền văn minh phát triển cao độ của người dân Crete.

Lịch sử thú vị về chiếc bồn cầu

Ngay từ thời nguyên thủy, con người luôn luôn giải quyết nhu cầu đại tiểu tiện ở bên ngoài ngôi nhà của mình. Nếu có một người sử dụng bồn cầu bên trong ngôi nhà của mình, thì dưới ảnh hưởng của khí hậu và thời gian, chẳng bao lâu anh ta cũng phải đem chúng đổ ra bên ngoài. Sử dụng bồn cầu hút nước phải chăng là một sự khiêu khích đối với truyền thống của cha ông?

Chúng ta có bao giờ đặt vấn đề bồn cầu hút nước đã có mặt từ bao giờ hay chưa?



Bức tượng một người phụ nữ đang ngồi, được khai quật tại khu di chỉ Knossos.

Thực ra, việc sử dụng loại bồn cầu dội nước đã có lịch sử từ rất lâu đời. Trong khi khám phá khu di chỉ Knossos, nhà khảo cổ học Arthur Evans đã phát hiện thấy một dụng cụ khá thú vị: một tấm ván dày có khắc những rãnh ngang được dùng làm chỗ ngồi, cùng với nó là một đồ đựng trông giống như một cái bồn cầu có thể dội nước. Vậy là, ngay từ thời đại đồng đen, cung điện Knossos trên đảo Crete đã được thiếc kế những chiếc bồn cầu thoát nước, giúp cho các vương phi công tử có thể giải quyết “nỗi buồn” của mình mà không phải lặn lội ra đến bên ngoài hoàng cung.

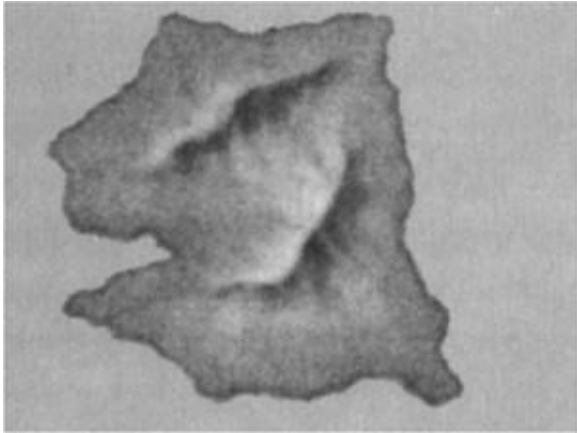
❖ TÍNH CHẤT THẦN BÍ CỦA VĂN HÓA MÊ CUNG DƯỚI ĐẤT

Crete – nền văn minh bị chôn vùi dưới đáy biển sâu

Trên vùng biển Aegean của Hy Lạp cổ đại, có một đảo ít được chú ý đến là Santorini, với diện tích chưa đến 78km², trên đảo có một ngọn núi lửa mang tên Santorini, cao 584m so với mặt nước biển. Vào khoảng năm 1470 TCN, ngọn núi lửa này đã bùng phát dữ dội, phun hơn 62,5 tỉ m² nham thạch, tạo nên những tiếng nổ khủng khiếp và những đợt sóng thần dữ dội cao đến 60m. Các chuyên gia tính toán rằng, trong suốt hơn 3.000 năm sau đó, vẫn không có trận biến động nào có thể so sánh với sức mạnh tàn phá của nó.

Hoạt động của núi lửa cùng với sóng thần đã gây nên những tai họa thảm khốc cho vành đai khu vực Địa Trung Hải, cư dân duyên hải bán đảo Hy Lạp và các đảo lân cận bỏ mạng vô số kể. Các thôn trấn trên đảo Crete cách đó 130km về phía nam đều bị phá hủy hoàn toàn. Tại khu di chỉ Knossos, các nhà khảo cổ học đã phát hiện được rất nhiều bằng chứng cho thấy tòa cung điện hùng vĩ này đã bị nhận chìm ngay trong đợt sóng thần đó. Một thảm họa thiên nhiên bất ngờ đã khiến cho nền văn minh Minos 1.000 năm lịch sử biến mất hoàn toàn, vương quốc Knossos cũng không còn cơ hội tìm lại vẻ huy hoàng một thời của mình.

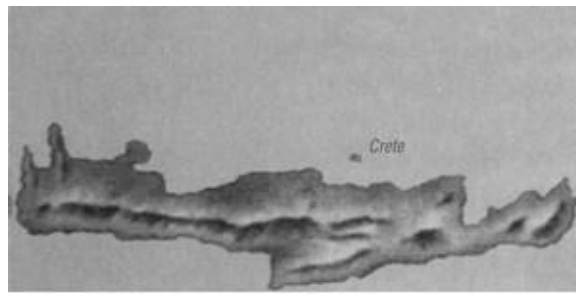
Với diện tích 8.336km², Crete là đảo lớn nhất trong vùng biển Aegean. Bước vào thời kỳ đồ đá mới (2600 năm TCN), đã bắt đầu xuất hiện những bộ lạc sinh sống trên đảo, trở thành cái nôi của nền văn minh cổ đại trên vùng biển Aegean. Vào khoảng 2000 năm TCN, Crete bước vào thời kỳ đồng đen. Sau một thời gian chia cắt dưới sự thống trị của nhiều tiểu quốc, Knossos đã nổi lên như một lực lượng hùng mạnh nhất, thông nhất các tiểu quốc trên đảo thành một quốc gia duy nhất theo chế độ nô lệ. Đến khoảng năm 1700 TCN, kinh thành Knossos bị hủy hoại nặng nề sau một trận động đất. Kinh thành được xây dựng lại trên đồng phế tích, vương cung Minos càng thêm hùng vĩ, danh tiếng của mê cung vang xa khắp vùng Địa Trung Hải. Văn minh Minos chính là nền tảng cơ sở cho nền một nền văn minh rực rỡ sẽ được hình thành trên lục địa Hy Lạp cổ đại không lâu sau đó.



Hình ảnh đảo Santorini trước khi xảy ra trận núi lửa.



Tình trạng đảo sau khi ngọn núi lửa phun trào, hơn một nửa diện tích của nó đã biến mất vĩnh viễn.



Vị trí địa lý của đảo Crete trên vùng biển Aegean.

Đáng tiếc là vào khoảng năm 1470 TCN, sự bùng phát của ngọn núi lửa Santorini đã hủy diệt tất cả mọi thứ trên đảo Crete. Cùng với thời gian, tất cả thành thị và cung điện đều bị chôn vùi dưới lớp bùn đất. Những cư dân đến định cư tại đảo sau này đã không hề biết đến sự tồn tại của một cung điện như vậy. May mắn là một số học giả nước ngoài đã lần tìm được từ trong lịch sử những manh mối về sự tồn tại của kinh thành Knossos, và họ cũng tin rằng, bên trong kinh thành còn có một mê cung vô cùng thần bí. Cuối cùng thì sau hơn 3.000 năm lịch sử, một thành phố và một mê cung mà mọi người nghĩ rằng chúng chỉ có thể tồn tại trong thế giới ảo diệu của “Thần thoại Hy Lạp” lại được hiện lên trước sự kinh ngạc và thán phục của toàn thể nhân loại.

Văn hóa mê cung chôn vùi trong cổ thành Knossos

Thông qua nhiều cuộc khảo sát, nhà khảo cổ học Arthur Evans đã phán đoán bên dưới thành phố Knossos – cách thủ phủ Iraklion của đảo Crete 7km về hướng Nam – vẫn còn một tòa cổ thành đang bị chôn vùi. Đến năm 1900, ông bắt đầu tiến hành khai quật, và sau hơn tám năm kiên trì làm việc, một tòa cung điện hùng vĩ đã hiện lên trước mắt mọi người, một số cổ vật trong khu di chỉ đã được chuyển về cất giữ tại viện bảo tàng Iraklion.

Về cơ bản, vương cung Minos vẫn còn giữ được sự nguyên vẹn của mình. Công trình này tọa lạc dưới chân núi Kafura, có tổng diện tích là 22.000m². Các trang sức và vật dụng bên trong cung điện vẫn được bảo trì nguyên dạng, một số đã được tu bổ lại. Cung điện của quốc vương nằm ở trung tâm của tòa mê cung, chiếc ghế được làm từ đá dành cho nhà vua ngồi vẫn còn tương đối nguyên vẹn. Trông nó không khác mấy với những chiếc ghế tựa có lưng cao của chúng ta ngày nay.



Các dãy phòng trong vương cung Minoas đã bị hư hỏng khá nặng, nhưng chúng ta vẫn có thể nhận ra sự phát triển cao độ về mặt kiến trúc của người Crete vào thời ấy.

Các bức bích họa được thực hiện trong khắp các cung thất và hành lang cung điện là bằng chứng cho nền văn hóa Minos. Những bức tranh trải qua hàng ngàn năm vẫn chưa bị phai mờ, màu sắc vẫn còn tươi mới. Chất liệu pha màu lấy chủ yếu từ thực vật, khoáng vật và vỏ sò. Một điểm độc đáo khác là các bức tranh thường được thực hiện trên các vách tường chưa khô ráo hẳn, sau khi bức họa hoàn thành, màu sắc sẽ thâm hằn vào trong bức vách, nhờ đó mà nó có thể được duy trì qua một thời gian rất dài.



Một linh vật được người Crete sùng bái.

Một trong những bức bích họa độc đáo nhất được tìm thấy trong phòng làm việc của nhà vua, đó là bức tranh miêu tả một con quái thú đầu sư tử, mình dê và cái đuôi là một con rắn. Nó đang ẩn mình sau một bụi lau và phóng ra một cái nhìn hung tợn. Theo truyền thuyết, ba phần đầu, mình và đuôi của con quái thú tiêu biểu cho bầu trời, mặt đất và các thần linh dưới đất, là một vật linh được người Crete sùng bái từ ngàn xưa. Phòng ngủ của hoàng hậu được trang trí bằng bức tranh vũ nữ và lợn nước đang bơi lội trong nước. Bên ngoài hành lang là những bức bích họa lớn như “Cô gái màu xanh”, “Người cầm ly”, “Xà thần”.



Bức tượng quái thú đầu sư tử, mình dê và đuôi rắn.

Không ít bức tranh tập trung miêu tả cảnh luyện tập võ công và cảnh sinh hoạt của vua Minos. Bức tranh “Quốc vương đội hoa ly ly” được thực hiện trên bức vách phía Nam của sân giữa thể hiện hình ảnh một vị vua với kích thước tương đương với người thực, đầu đội một chiếc vương miện được kết từ hoa ly ly có đính kèm những chiếc lông chim công, mái tóc dài quá vai đang bay phất phơ ở phía sau, trên cổ là một vòng dây chuyền màu vàng, mình khoác áo ngắn, hông thắt đai da, đang tiến bước về phía trước với một phong thái hết sức uy nghiêm lẫn liệt. Bức tranh “Đấu bò” được thực hiện trên vách tường phía bắc của tòa Tây cung lại thể hiện một nét văn hóa hết sức độc đáo. Cảnh tượng không khác gì lễ hội đấu bò của người Tây Ban Nha ngày nay, tạo nên một không khí vô cùng phấn khích cho người thưởng ngoạn.



Cảnh những người Crete tham gia vào buổi cúng tế thần linh.

Những năm gần đây, công việc khai quật ở Knossos lại có được những tiến triển mới. Trong lúc thanh lý những di vật trong một ngôi thần miếu, các nhà khảo cổ học đã phát hiện được 3 bộ xương người. Bộ xương thứ nhất bị gãy ở phần đùi; bộ xương thứ hai dài 180cm, mặt ngược lên, người nằm thẳng, hai tay ôm lấy mặt, tay trái có đeo nhẫn bằng bạc và sắt; bộ xương thứ ba dài 165cm, được đặt trên đàn tề, bên cạnh đàn tề là một bồn chứa, kê đó là một con dao nhọn bằng đồng đen nặng chưa đến 500g. Theo khảo chứng của các nhà khảo cổ, bộ xương thứ nhất là của người trợ thủ cho việc tế tự; bộ xương thứ hai là của một vị tư tế; bộ xương thứ ba nhất định là của một thanh niên bị hy sinh làm vật tế thần; lưỡi dao là công cụ hành quyết,

chiếc bồn là nơi đựng máu của người bị sát tế. Các nhà khảo cổ học đã đặt ra một giả thuyết cho số phận của ba người trên đây: vào một ngày trong năm 1700 TCN, người Minos chuẩn bị tiến hành một nghi lễ long trọng để dâng cúng thần linh, cầu mong cho thảm họa động đất rời xa khỏi vương quốc, lễ vật dâng cúng chính là máu tươi của con người. Đúng lúc máu của người bị hiến tế vừa chảy hết thì cơn đại họa cũng ập đến, ảnh hưởng của cơn địa chấn khiến cho nóc của đền thờ đổ sụp xuống, chôn vùi tất cả mọi người có mặt trong buổi lễ hôm đó. Tại hiện trường của đàn tế, người ta còn phát hiện được rất nhiều mảnh vỡ của những chiếc bình gốm được dùng làm dụng cụ đựng tế phẩm. Vào thời điểm xảy ra tai họa, ắt hẳn nó phải được chất đầy hoa quả, thực phẩm, sữa, mật ong và rượu. Bức tượng thần bằng gỗ được đặt trong chánh điện của ngôi đền đã bị cháy rụi, chỉ còn sót lại phần đế đã bị cháy xam thành than. Cách đàn tế không xa còn có rất nhiều xương cốt nằm vương vãi, rõ ràng đây là thi thể của những người tham gia vào buổi tế thần đã chậm chân không kịp thoát ra ngoài.

Chính nhờ vào những dụng cụ bằng gốm và con dao bằng đồng đen kia mà các nhà khảo cổ đã xác định được niên đại ngôi đền bị hủy hoại, tìm ra được chứng cứ về phong tục dùng người sông cúng tế thần linh của người Crete. Vào thời ấy, những buổi tế lễ thông thường đều chỉ dùng gia súc làm tế phẩm, chỉ khi xuất hiện những đại nạn, trong những tình huống tuyệt vọng nhất, người Crete mới dùng đến người sống để làm tế phẩm. Qua đó có thể thấy, vào khoảng thời gian năm 1700 TCN, khả năng xảy ra những trận động đất lớn ở khu vực biển Aegean là hoàn toàn đáng tin.



Những di thể được phát hiện trong một ngôi đền thờ ở Crete.

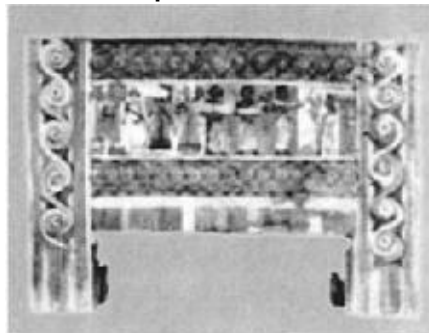
Những di vật được khai quật từ mê cung Minos có một giá trị khoa học rất lớn đối với các nhà nghiên cứu. Đồng thời, nó lại một lần nữa giúp cho mọi người có được một cái nhìn chính xác hơn về nền văn minh Minos, có được những lý giải phù hợp hơn về sự biến mất của mê cung Minos thần bí.

Viện bảo tàng khảo cổ Iraklion



Một bức bích họa được trưng bày trong viện bảo tàng Iraklion, miêu tả những chú khỉ màu xanh đang leo trèo nhảy nhót.

Đến Iraklion, một trong những địa điểm mà bạn không thể nào bỏ qua chính là viện bảo tàng Iraklion nằm bên cạnh quảng trường Eleftheria. Với tư cách là nơi lưu giữ hầu hết các cổ vật của nền văn minh Mino, vì thế của viện bảo tàng Iraklion chỉ đứng sau viện bảo tàng Athens trong việc lưu giữ các hiện vật của nền văn minh Hy Lạp cổ đại. Trước tiên, bạn hãy có một chuyến đi thực tế đến vương cung Knossos hoặc Feitos, sau đó hãy đến nơi này để có được một cái nhìn tổng quát và cận kề về nền văn minh Mino. Bảo tàng Iraklion là bảo khố của nền văn minh Mino, là nơi cất giữ các cổ vật được khai quật trong vương cung Mino cũng như các thành phố và thị trấn khác của đảo, bao gồm các dụng cụ bằng gốm, các bức bích họa, trang sức, công cụ bằng đồng với một số lượng vô cùng phong phú, chắc chắn sẽ mang đến cho bạn thật nhiều cảm xúc và thông tin lý thú về một nền văn minh huy hoàng trong lịch sử.



Một bức tranh có niên đại vào khoảng năm 1400 TCN, miêu tả khung cảnh của một buổi tang lễ, mọi người đang tiến hành nghi thức cúng tế thần linh.

❖ NÚI LỬA BÙNG PHÁT ĐÃ NUỐT CHỨNG KNOSSOS?

*Giữa đại dương mênh mông xanh thẳm, nổi lên một hòn đảo, đó chính là Crete...
Vua Minos sống trong kinh thành Knossos trên đảo.*

“Odyssey” – Homer.

Sự kiện phát hiện ra vương cung Minos trên đảo Crete đã đưa khởi nguồn của văn minh châu Âu lên xa hơn 1.000 năm nữa. Tuy nhiên, văn minh Minos đã được hình thành và phát triển như thế nào? Tại sao nó lại biến mất một cách đột ngột, không để lại một dấu vết như vậy? Ai là người đã tác động đến sự hưng vong của vương triều Minos? Và ai là người có khả năng giải đáp những câu hỏi lịch sử bí hiểm ấy?



Một loại binh khí bằng đồng được khai quật bên trong cung điện Minos.

Hy Lạp cổ đại là quốc gia đã sản sinh và lưu truyền lại rất nhiều câu chuyện thần thoại ly kỳ hấp dẫn. Câu chuyện về quái thú Minotaurus cũng là một câu chuyện ly kỳ được mọi người say mê thích thú và được lưu truyền rất rộng rãi tại Crete. Có thể, thần thoại chỉ là những câu chuyện hoang đường, nhưng bên trong tính chất hoang đường kỳ bí ấy, vẫn có những yếu tố gắn liền với hiện thực cuộc sống. Dựa trên cơ sở phân tích những dữ liệu có được, người thống trị trên đảo Crete vào thời ấy nhất định phải là một thể lực hết sức hung bạo. Họ không chỉ có những hoạt động đàn áp, bóc lột nô lệ dã man ở trong nước mà còn tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược thảm khốc với các nước lân cận. Bằng sức mạnh quân sự, họ đã vơ vét được rất nhiều của cải và tàng trữ trong một mật thất của hoàng cung.



Những cư dân đầu tiên trên đảo Crete đã từng xây dựng các cung điện hùng vĩ.

Trong khoảng thời gian từ năm 2300-1500 TCN, là thời kỳ cực thịnh của văn hóa Crete. Trong đó, khoảng thời gian 100-200 năm cuối cùng chính là thời điểm ra đời của vương triều Minos. Vào thời ấy, vương triều Minos là thể lực hùng cứ trên vùng biển Aegean, thể lực vượt trên cả thành bang Athens, trở thành cầu nối, trạm trung chuyển cho các quốc gia Á-Âu – Phi. Với vị trí địa lý vô cùng thuận lợi, Minos nhanh chóng phát triển công nghiệp hàng hải, xây dựng một hạm đội hùng mạnh. Có thể xem đó là lực lượng hải quân đầu tiên trên thế giới. Với một đội thương thuyền hùng mạnh, Minos nhanh chóng tạo được mối quan hệ mậu dịch với các quốc gia lớn nhất đương thời như Ai Cập, Babylon, Syria, Tiểu Á... đồng thời cũng trở thành một thể lực thực dân, một lãnh chúa trên các vùng biển Aegean. Không chỉ các quốc gia nhỏ bé

nằm rải rác trên các đảo nhỏ của biển Aegean mà đến cả thành bang Athens rộng lớn cũng phải cống nạp điều đặn cho vương quốc Minos. Không có gì để nghi ngờ rằng, Crete chính là một trong những vùng đất phát nguồn cho nền văn minh châu Âu cổ đại.

Mê cung Knossos – ẩn chứa sự huyền hoặc, kỳ bí khôn lường



Hình ảnh hoàng tử Theseus được miêu tả trên một chiếc bình gốm Hy Lạp cổ đại.

Mê cung Knossos, một công trình kiến trúc hùng vĩ và kỳ diệu, trải qua nhiều lần bị hủy hoại và trùng tu, không gian bên trong của nó lại càng thêm huyền diệu phi thường, thật xứng danh với tên gọi “mê cung”. Công trình chủ thể là một tòa kiến trúc hai tầng, công trình đông cung là một dãy lầu bốn tầng. Cung điện của hoàng hậu, các vương phi, người hầu, cùng với nhà thờ tự, kho tích trữ lương thực, tổng cộng có hơn 1.700 gian phòng. Những cột trụ ở mặt trước các tòa nhà đều là các cây gỗ khổng lồ, được đẽo thành hình tròn và bào nhẵn, đầu trên và dưới của cột có phần hơi thô, các thân cột được sắp xếp hết sức cân đối. Sân trung tâm rộng 1400m² có hình chữ nhật là cầu nối giữa Đông cung và Tây cung. Cung điện, phòng ngủ của nhà vua, các vương phi, đình các và cả ngân khố quốc gia đều được phối trí hết sức khéo léo. Với một hệ thống đường ngang lối dọc, vô số hành lang và cửa lớn nhỏ, đoạn phân ra, đoạn hợp lại, trước tắc sau thông, quanh co uốn éo, quả không hổ danh là một tòa mê cung. Quái thú Minotaurus có thể không thực sự tồn tại, nhưng khả năng về một ông vua Minos tàn bạo, e sợ có người hành thích mà ra lệnh xây dựng một cung điện rối rắm như Knossos là hoàn toàn hợp tình hợp lý. Theo truyền thuyết, sau khi xây dựng xong tòa mê cung, người thiết kế công trình này là Daedalus cũng bị lạc trong đấy. Chính giữa vương cung là một sân hình chữ nhật, xung quanh là bảo điện của quốc vương. Tầng dải hành lang dài, những con đường vòng với những cánh cửa thật nặng, nối tiếp toàn bộ công trình thành một khối thống nhất với nhau.



Một lưỡi dao găm bằng đồng đen được tìm thấy bên trong mật thất của vương cung Knossos.

Giữa các sân và phòng ốc là những con đường ngoằn ngoèo, các bậc thềm bằng đá chồng chất lên nhau, tạo thành những chiếc cầu thang, độ cao thấp của các dãy lầu biến hóa vô thường. Lần đầu tiên bước vào cung điện, thật khó có thể trở ra theo đúng con đường ban đầu. Theo khảo cứu của các nhà khảo cổ, tòa cung điện hiện còn tồn tại đã được xây dựng vào “thời kỳ vương cung thứ II” cách nay khoảng 3.000 năm. Nó là tòa cung điện thứ hai được xây dựng trong kinh thành Knossos, phía bắc đảo Crete, tọa lạc trên sườn của ngọn núi Kéfura, chiếm diện tích 20000m², được xem là một trong những kiệt tác tiêu biểu cho nền văn minh Minos xán lạn.



Một chiếc khiên hình số tám thể hiện trình độ kỹ thuật tiên tiến của vương triều Minos.

Điều kỳ lạ là, tất cả thành thị trên đảo Crete đều đột nhiên bị tàn phá trong cùng một thời gian. Không lâu sau đó, quốc gia hùng cứ trên biển Aegean này cũng vĩnh viễn biến mất trên địa cầu. Theo một số tài liệu ghi chép, quần thể cung điện Knossos đã bị thiêu hủy trong một trận hỏa hoạn vào năm 1380 TCN. Không ai biết được nguyên nhân của vụ hỏa hoạn, cũng có thể là do một cuộc nội chiến hay động đất, hoặc do sự tàn phá của các thế lực xâm lăng đến từ bên ngoài. Nhưng giả thuyết có sức thuyết phục cao nhất là Knossos đã bị chôn vùi sau một trận bùng phát núi lửa dữ dội. Về số phận của những người dân trên đảo, một số suy đoán cho rằng, trước khi thảm họa núi lửa xảy ra, đã có những cơn động đất lớn xuất hiện, cư dân trên đảo bèn rời khỏi kinh thành Knossos, tập trung lên các thuyền lớn và di tản khỏi đảo. Nhưng không lâu sau đó thì tất cả đã phải bỏ mạng trong những cơn sóng thần cao đến 60m do tác động của núi lửa và động đất gây nên.



Một bộ áo giáp của binh sĩ Crete được tìm thấy tại khu di chỉ Knossos.

Chúng ta không thể nào biết được diễn biến của sự việc một cách cụ thể, nhưng lần thảm họa đó chính là cột mốc đánh dấu cho sự kết thúc nền văn hóa Minos. Và đến đây, một trong những xã hội văn minh sớm nhất của châu Âu đã hoàn toàn biến mất. Vương quốc Crete bị mọi người lãng quên, chỉ còn lại trong những truyền thuyết mơ hồ kỳ ảo. Sự hưng vong của văn hóa Crete đến nay vẫn là một trong những vấn đề nan giải đối với các nhà khoa học. Tấm màn kỳ bí sẽ không bao giờ có thể được vén lên toàn vẹn.

Lý giải về sự biến mất của Knossos

Vào khoảng thời gian 2000-1450 năm TCN, Vương cung Minos trên đảo Crete chính là trung tâm văn hóa của vương triều Minos. Cách Crete khoảng 110km về phía bắc là một đảo núi lửa, tức đảo Santorini (ngày nay là đảo Sira).

Vào khoảng năm 1450 TCN, tại hai đảo Santorini và Crete đã phát sinh một loạt những cơn biến động địa chấn rất lớn, mọi người không thể biết được những cơn địa chấn ấy đã phát sinh cách nhau vài năm hay đồng loạt phát sinh trong cùng một thời gian. Nhưng mọi người đều biết chắc một điều rằng, ngọn núi lửa khổng lồ trên đảo Santorini đã bùng phát sau những cơn địa chấn đó. Kết quả của những cơn địa chấn và vụ nổ núi lửa khủng khiếp ấy đã tạo nên những đợt sóng thần dữ dội, hầu như toàn bộ cư dân trên đảo Santorini đã bị thiêu sống trong đợt phun trào núi lửa đó. Đợt phun trào núi lửa còn tạo ra một lượng tro khổng lồ, mà theo ý kiến của nhiều nhà khoa học, chính khối lượng tro khổng lồ này đã vùi lấp hoàn toàn cung điện Knossos.

❖ THÀNH LŨY THỐNG TRỊ CỦA NỀN VĂN MINH MYCENAE THẦN BÍ

Di chỉ Mycenae nằm trên một vùng đồi núi, lối vào khu di chỉ là “Cửa sư tử” vô cùng nổi tiếng. Vào thời kỳ văn minh Crete, vẫn chưa có những thành lũy kiên cố, nhưng đến thời đại Mycenae, kiến trúc Vệ thành đã bắt đầu xuất hiện. Đồng thời điều này cũng là dấu hiệu cho thấy vùng đất Hy Lạp cổ đại đã bước vào một giai đoạn chiến tranh triền miên, khốc liệt.

Cung điện được xây dựng trên đỉnh của một khu đồi núi, hiện nay chỉ còn sót lại một vài đoạn tường thành đổ nát. Phần đại sảnh trung tâm của cung điện vẫn còn giữ lại được dấu tích của những trụ đá khá lớn, chung quanh tường thành còn có những hoa văn của nền văn minh Crete. Mặt đông của khu di chỉ có các hồ nuôi thủy sản. Theo khảo chứng của những nhà khoa học, vào thời ấy, bên trong cung điện còn thiết kế cả hồ bơi. Mycenae là khởi đầu cho một thời đại văn minh mới, là sự tiếp nối của nền văn minh Crete vừa lụi tàn.

Kẻ thống trị Mycenae đã thay thế người Minos làm chủ Crete



“Cửa sư tử” – lối vào khu di chỉ Mycenae.

Người Mycenae và người Minos sinh sống trên đảo Crete không phải là những nhóm người cùng một dân tộc. Ngôn ngữ của người Mycenae thuộc hệ ngôn ngữ An Âu, vốn là những bộ tộc sinh sống tại miền Bắc lục địa châu Âu rồi di chuyển dần xuống miền Nam bán đảo Hy Lạp cổ đại. Người Mycenae là một trong những nhóm người xuất hiện sớm nhất tại bán đảo Hy Lạp. Vào khoảng 2000 năm TCN, nhóm người này đã định cư tại bán đảo Peloponnese.



Một tác phẩm nghệ thuật vô cùng quý giá, các hình tượng trong tác phẩm đều được thực hiện bằng những sợi vàng và bạc dát mỏng, miêu tả một cuộc đi săn hết sức sinh động.

Vào thời mà Crete đã tạo nên nền văn minh Minos, những người Mycenae sống trên bán đảo Hy Lạp cổ vẫn còn tương đối lạc hậu. Mặc dù đã bước vào thời kỳ đồ đồng, nhưng Mycenae vẫn chưa kiến lập được một quốc gia. Bên cạnh việc tiếp thu những ảnh hưởng sâu sắc từ nền văn minh Crete, người Mycenae cũng xây dựng cho mình những giá trị riêng biệt như xây dựng các thành lũy kiên cố, đào tạo những đội binh hùng mạnh, thiện nghệ trong việc dùng chiến xa, có tinh thần thượng võ v.v...

Mycenae trở thành một bộ phận hợp thành của nền văn minh Aegean, dần dần thay thế nền văn minh Crete và vươn lên vị trí cao nhất. Đến năm 1450 TCN, có thể là thông qua con đường hôn nhân, người Mycenae đã xâm nhập được vào vương cung Minos, đánh dấu một bước ngoặt then chốt trên con đường phát triển của nền văn minh Mycenae. Sau khi thống trị Crete, người Mycenae tiếp tục thừa hưởng quyền thống trị trên khu vực biển Aegean, đồng thời cũng hấp thu toàn bộ di sản của nền văn minh Crete. Loại chữ hình thon dài của người Crete được sử dụng để ghi lại ngôn ngữ Mycenae, hình thành nên kiểu chữ hình thon dài của người Mycenae (các nhà khoa học thường gọi kiểu chữ hình thon dài của người Crete là chữ hình thon dài kiểu A, còn chữ hình thon dài kiểu B là kiểu viết do người Mycenae phát triển trên cơ sở chữ hình thon dài của người Crete). Trong khoảng những năm 1400-1200 TCN, nền văn minh Mycenae bước vào thời kỳ phát triển đỉnh cao của mình.

Thành lũy Mycenae trên bán đảo Peloponnese



Những vị tướng lĩnh Hy Lạp cổ đại đang cùng binh sĩ xông pha chiến trường.

Kinh thành Mycenae là trung tâm của nền văn minh Mycenae, nằm ở phía đông bắc của bán đảo Peloponnese. Xung quanh nó còn có thành Telins, là một lá chắn quân sự trọng yếu cho kinh thành Mycenae, tất cả thành lũy liên kết với nhau tạo thành thành bang Mycenae, một thể lực hùng mạnh nhất trong các thành bang của bán đảo Hy Lạp cổ đại thời bấy giờ. Những thành bang danh tiếng có thể kể thêm là Sparta ở miền trung bán đảo Peloponnese, Pairos ở miền Tây và Athens, Thebes ở miền Trung. Có khi, các thành bang này cũng hợp nhất với nhau thành một liên minh quân sự, trong đó Mycenae luôn giữ địa vị thống soái. Những gì còn sót lại của khu di chỉ Mycenae chủ yếu là những bức tường thành kiên cố. Chúng được tạo thành từ những khối đá khổng lồ, có độ dày đến 5m và cao 8m, bao bọc xung quanh các sườn núi. Mặt trước thành lũy có một lối vào rất lớn được gọi là cửa sư tử (vì phía trên có khắc hai con sư tử rất lớn đang chầu vào nhau).



Bản đồ phục chế kinh thành Mycenae. Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy một bức tường thành hết sức kiên cố bao bọc toàn bộ dinh thự bên trong kinh thành.

Bên trong thành lũy là một hệ thống kiến trúc cung điện nguy nga tráng lệ, dưới chân thành lũy có những khu phố rộng lớn, những nhà buôn và các làng nghề thủ công, sự phồn vinh và náo nhiệt của nó chẳng kém gì vương cung Knossos trong thời kỳ phát triển cao nhất. Về phương diện mật dịch với bên ngoài, Mycenae còn vượt qua những thành tích mà Crete đã đạt được. Tại các vùng đất Ai Cập, Syria, Phoenicia, Cyprus cùng với miền Nam Ý, quần đảo Li-bra v.v... các nhà khảo cổ học đều tìm thấy những dụng cụ bằng gốm của Mycenae, vượt xa số lượng đồ gốm của Crete từng tìm được ở các vùng đất này. Tại vùng biển Aegean và bán đảo Hy Lạp cổ đại, sự phân bố của văn minh Mycenae cũng trải rộng hơn rất nhiều so với nền văn minh Crete. Hiện nay, các nhà khảo cổ đã phát hiện được hơn một ngàn khu vực lớn nhỏ còn để lại dấu tích của nền văn minh Mycenae.

Những kho tàng bên dưới mộ

Các văn vật chủ yếu của thời kỳ vương triều mộ thẳng đứng chủ yếu được phát hiện tại hai khu lăng mộ nằm bên trong và bên ngoài kinh thành Mycenae. Rất nhiều ngôi mộ của hoàng gia đã được chôn cất trong hai khu lăng mộ này, bên dưới mỗi lăng mộ đều chứa đựng vô số vật tùy táng quý giá. Số lượng đồ tùy táng có thể khiến cho chúng ta phải kinh ngạc, chỉ trong một ngôi mộ bình thường, các nhà khảo cổ đã tìm được hơn 870 hiện vật. Tất cả đều gia công hết sức tinh xảo, đa số có nguồn gốc từ Crete, một số khác đến từ Ai Cập, Tiểu Á và Syria... Điều này có thể nói lên rằng, các vương tộc và quý tộc Mycenae từng mang thân phận của những thủ lĩnh đánh thuê, phục vụ tại các vùng đất Ai Cập và Crete. Sau đó, nhờ vào mối giao thương mật thiết với các khu vực văn minh tiên tiến, kinh tế và văn hóa Mycenae bắt đầu phát triển nhanh chóng, sức mạnh quốc gia ngày được tăng cường, trở thành một lực lượng độc lập và đáng gờm trong khu vực. Đến thời kỳ vương triều mộ đỉnh tròn, Mycenae đã thực sự trở thành một cường quốc đủ sức đối đầu với thế lực quân sự đang suy yếu dần của Crete.



Khung cảnh của đại sảnh nghị sự, được miêu tả lại dựa trên kết quả khảo cổ từ các thành phố của Mycenae.

Khác với kiến trúc mộ huyết dụng thẳng đứng chỉ thiết kế những mộ thất thẳng đứng có cấu trúc đơn giản bên dưới lòng đất, những ngôi mộ đỉnh tròn được tạc vào trong vách đá, dùng những phiến đá được cắt đẽo ngay ngắn để tạo thành những mộ thất hình tròn, bên ngoài có lối đi vào mộ thất, bên trong được thiết kế thành dạng đỉnh tròn với những phiến đá chất chồng lên nhau, hình dáng tựa như một tổ ong, nên còn được gọi là mộ tổ ong. Để thực hiện được những ngôi mộ như thế này đòi hỏi phải có một kỹ thuật cắt đá khá cao, hình thức của nó tuy bắt nguồn từ Crete, nhưng lại được người Mycenae phát triển với quy mô ngày càng lớn. Hiện nay, các nhà khoa học đã phát hiện được một ngôi mộ mái đỉnh tròn cao đến 13,2m, cửa mộ cao 10m, lối vào cửa mộ được chặn bởi một khối đá nặng 120 tấn. Có thể thấy được mồ hôi và sức lực mà người Mycenae đã đổ ra để hoàn tất công trình này.



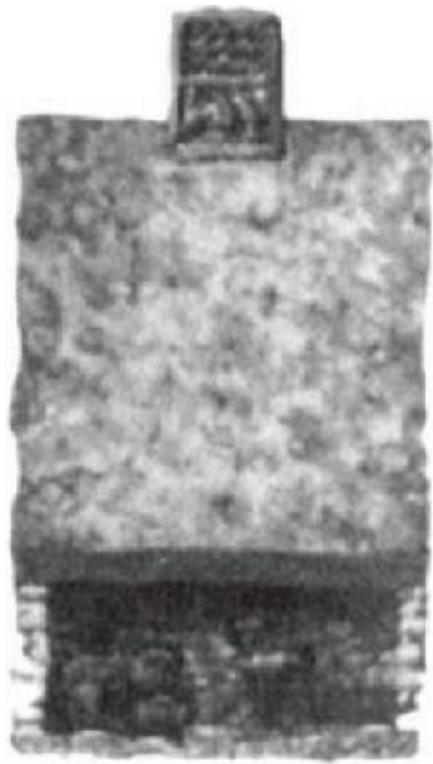
Bán đảo Peloponnese vào thời kỳ văn minh Mycenae.

Giải mã thành công kiểu chữ hình thon dài kiểu B



Những khối đá dày nặng trong hệ thống tường thành của Tiryns, một lá chắn trọng yếu của kinh thành Mycenae, được xây dựng vào khoảng thế kỷ 11 TCN.

Chữ hình thon dài kiểu B của người Mycenae đã được giải mã thành công từ năm 1952, chứng minh ngôn ngữ Mycenae là một nhánh của ngôn ngữ Hy Lạp cổ đại. Những tài liệu trên viết bằng loại chữ hình thon dài B hiện còn lưu giữ được phần lớn chỉ đề cập đến vấn đề kinh tế của vương thất, tuy không giải đáp được nhiều về vấn đề chính trị, lịch sử nhưng lại cung cấp cho chúng ta những thông tin vô cùng quý báu về tình hình kinh tế của thành bang Mycenae vào thời đó. Những tài liệu trên đã nói rõ xã hội Mycenae thời kỳ này được xây dựng trên chế độ nô lệ. Trong các văn bản bằng chữ hình thon dài B đã xuất hiện danh từ “nam nô, nữ nô, âm đọc của nó cũng gần giống với âm đọc của từ nô lệ được người Hy Lạp cổ đại sử dụng sau đó. Trong sổ sách của Ross, có một mục thống kê số nô lệ rất tường tận là phụ nữ 631 người, bé gái 376 người, bé trai 261 người; một thống kê khác lại ghi nữ nô 370 người, bé trai 149 người, bé gái 190 người. Như vậy, số nô lệ trong lần thống kê đầu tiên là 1.268 người; số nô lệ trong lần thống kê sau là 709 người, ở đây không nhắc đến số nô lệ nam, nhưng các tài liệu khác đã cho thấy số nô lệ nam cũng không ít hơn. Dựa vào quy mô của một nước nhỏ như Parios và những số liệu được phản ánh trong tài liệu, có thể hiểu số nô lệ được sử dụng vào thời ấy là rất nhiều. Ngoài ra, các tài liệu còn cho biết tầng lớp quý tộc và vương thất thời ấy đã chiếm dụng một số lượng đất đai rất lớn, trong khi phần đất sở hữu của nông dân lại rất ít, người nông dân cũng phải gánh chịu sự bóc lột hết sức nặng nề của tầng lớp thống trị. Tình hình trên cho thấy xã hội Mycenae cũng như Crete đều là những quốc gia sống theo chế độ nô lệ như hầu hết các quốc gia phương Đông thời bấy giờ.



Phần bia mộ nằm trên mặt đất của một ngôi mộ thẳng đứng.

Chiến tranh triền miên – nguyên nhân dẫn đến sự diệt vong của Mycenae

Kể từ năm 1200 TCN, nền văn minh Mycenae bắt đầu bước vào thời kỳ suy thoái. Những câu chuyện trong thần thoại Hy Lạp đã phần nào miêu tả về vương triều Mycenae trong thời gian này, đó là một giai đoạn đầy hỗn loạn và ngập tràn trong lửa chiến tranh. Các tài liệu khảo cổ cũng đưa ra được những bằng chứng cho thấy sự xuống dốc của nền văn minh Mycenae: chất lượng đồ gốm giảm xuống, sản xuất thu nhỏ, sự lộng hành của bọn cướp biển làm tổn hại nặng nề đến nền kinh tế mậu dịch với các vùng trong khu vực... Sự suy thoái của nền kinh tế có lẽ đã khiến cho những kẻ thống trị phải nghĩ đến con đường cướp bóc bằng vũ lực. Thế là, những cuộc chiến triền miên ác liệt giữa các thành bang bắt đầu nổ ra. Trong đó nổi tiếng nhất phải kể đến là cuộc đại chiến giữa một bên là liên minh các thành bang của Hy Lạp cổ đại và bên kia là thành Troy giàu có của vùng Tiểu Á. Cuộc chiến ấy đã kéo dài trong suốt 10 năm trời, và mặc dù cuối cùng liên quân Hy Lạp đã công phá được kinh thành, nhưng trên thực tế, cả hai đều phải chịu những tổn thất nặng nề.

Liên minh Hy Lạp (đứng đầu là Mycenae) đều rơi vào tình trạng suy kiệt, binh lực không còn, trở thành miếng mồi béo bở cho những binh đoàn Doricn hiếu chiến từ phương Bắc tràn xé. Chỉ trong một thời gian ngắn, tất cả các thành bang ở miền trung Hy Lạp, ngoại trừ Athens và các thành bang trên bán đảo Pelopo-nnese, đều bị chinh phục dưới gót chân của người Doriann. Nền văn minh Mycenae cũng lên tiếng cáo chung từ thời khắc đó.

Một truyền thuyết cổ xưa

Đó là một câu chuyện tàn khốc về cha giết con gái, vợ giết chồng, con trai giết mẹ. Vào cuối thế kỷ thứ 13 TCN, hoàng tử Paris của Thành Troy đã bắt được nàng vương phi Hero xinh đẹp của thành bang Sparta. Vua Sparta cầu cứu đến người anh em của mình là vua Agamemnon của thành bang Mycenae. Agamemnon bèn thống lĩnh liên quân Hy Lạp tiến hành cuộc chiến thành Troy. Trước khi xuất chinh, Agamemnon đã giết chết một con hươu của Nữ thần Althami ngay tại đền thờ của thần, khiến cho Nữ thần vô cùng tức giận. Nữ thần đưa ra một điều kiện nghiệt ngã, chỉ có cái chết của con gái vua Agamemnon mới rửa sạch được tội lỗi mà ông vừa xúc phạm đến thần. Thế là Agamemnon chẳng thém đếm xỉa đến lời cầu xin tha thiết của vợ mình, giết chết cô con gái trưởng rồi thống lĩnh liên quân Hy Lạp, tiến thẳng về thành Troy. Chiến tranh kéo dài trong suốt 10 năm trời, Agamemnon cuối cùng đã đánh bại được thành Troy. Sau khi mang người vợ mới được tiến nạp là công chúa của thành Troy trở về Mycenae, người vợ cũ còn ôm mối hận bị giết con của Agamemnon, đã tư thông với người em họ, âm mưu sát hại ông. Ngay trong đêm Agamemnon trở về hoàng cung, một buổi dạ tiệc được dọn lên, người vợ thù hận cùng với tên em họ đã nhân cơ hội ấy giết chết ông. Tám năm sau, người con trai trưởng của Agamemnon bèn liên kết với chị mình giết mẹ, báo thù cho cha.



Một bức tranh miêu tả cảnh tang lễ của người Mycenae.



Chất lượng của những chiếc bình gốm Mycenae trong giai đoạn hậu kỳ đã không còn được như lúc đầu nữa.



Chỉ có những dân tộc trí tuệ mới có thể tạo nên một nền văn minh huy hoàng xán lạn cho nhân loại. Một nền văn minh vĩ đại sẽ thúc đẩy sự ra đời của một đế quốc vĩ đại, đó là xu hướng tất yếu trong lịch sử phát triển của nhân loại. Tuy người Hy Lạp đã dùng tài trí của mình để sáng tạo nên một nền văn minh vô cùng tiên tiến, nhưng nếu nền văn minh ấy không được truyền bá, nó cũng không thể tạo nên một ảnh hưởng gì lớn lao đối với tiến bộ xã hội. Mà phương thức truyền bá văn hóa trực tiếp nhất và hữu hiệu nhất không gì khác hơn là chinh phục.

❖ TRUYỀN THUYẾT VỀ CHIẾN DỊCH MARATHON

“Ta là Cyrus, vua của vũ trụ, ông vua vĩ đại, ông vua hùng cường, vua của Babylon, vua của tứ phương thế giới...”, đó chính là lời tuyên bố của Cyrus, ông vua đầu tiên của đế quốc Ba Tư hùng cường. Bắt đầu từ năm 553 TCN, chỉ trong vòng 3 năm, Cyrus đã tiêu diệt được đất nước Medes hùng mạnh của miền Tiểu Á, triệt hạ vương quốc Babylon hùng mạnh trên lưu vực hai con sông Tigris và Euphrates. Đến thời kỳ thống trị của Darius III, Ba Tư đã trở thành đế quốc đầu tiên trải rộng lãnh thổ trên cả ba châu lục Á-Âu-Phi.

Để tìm kiếm “đất và nước”, Ba Tư đã xâm phạm biên giới Hy Lạp cổ đại

Một ngày mùa xuân năm 492 TCN, Ba Tư lại muốn chinh phục vùng đất Hy Lạp xinh đẹp và giàu có. Đế quốc Ba Tư bắt đầu phái một đoàn chiến hạm xâm nhập lãnh hải Hy Lạp, mở đầu cho cuộc chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư lấy lòng trong lịch sử nhân loại. Nhưng thời tiết bất thường, hải quân Ba Tư đã gặp phải một trận cuồng phong, 300 chiến thuyền cùng 20.000 binh sĩ và tướng lĩnh đều bỏ mạng dưới đáy biển sâu. Mất đi sự tiếp ứng của lực lượng hải quân, đội quân trên bộ của Ba Tư như người chiến binh vừa bị chặt đứt một cánh tay. Trước sự tập kích bất ngờ của người Thrace, thông soái Ba Tư cũng bị thương trầm trọng. Kế hoạch xâm lược Hy Lạp trong lần đó đã phải chuốc lấy sự tổn thất nặng nề. Vì thế, vua Ba Tư càng thêm tức tối.

Năm sau, vua Ba Tư lại nổi lên ảo tưởng có thể khiến cho Hy Lạp không chiến mà hàng. Ông phái sứ giả đến các thành bang Hy Lạp đòi “nước và đất”, có ý muốn kêu gọi các thành bang thuần phục đế quốc Ba Tư. Các thành bang nhỏ ở miền trung và bắc bán đảo Hy Lạp cổ đại đều e sợ trước sức mạnh của đế quốc Ba Tư mà lê gối xin hàng. Nhưng hai thành bang lớn nhất Hy Lạp lúc bấy giờ là Athens và Sparta thì làm sao có thể cúi đầu khuất phục trước kẻ thù được? Người Athens quảng sứ giả Ba Tư xuống biển còn người Sparta ném sứ giả Ba Tư xuống giếng, cho chúng tự đi tìm “nước và đất”.



Cảnh cuộc chiến Marathon được thể hiện trên tranh sơn dầu của Hy Lạp.

Rơi vào hiểm cảnh, Athens cầu viện Sparta

Trong đời mình, Cyrus chưa từng phải gánh chịu một sự sỉ nhục nặng nề đến thế. Nỗi nhục nhã biến thành căm hờn, ông quyết định phái vị đại tướng quân giàu kinh nghiệm nhất tấn công Hy Lạp lần thứ hai. Năm 490 TCN, đại quân Ba Tư vượt biển Aegean, đổ bộ vào khu vực đồng bằng Marathon nằm ở ngoại ô thành bang Athens. Đứng trước tình thế hiểm nghèo, Athens một mặt bí mật động viên quân lực, tăng cường phòng bị, một mặt cử Pheidippides chạy bộ ngày đêm, vượt qua một quãng đường dài hơn 200km để cầu viện với thành bang Sparta. Pheidippides là vận động viên chạy đường dài cừ khôi nhất của Athens thời bấy giờ, bằng sự bền bỉ và tốc độ kinh người, chỉ trong thời gian vừa hơn một ngày, anh ta đã chạy đến thành bang Sparta. Nhưng người Sparta lại cứng nhắc tuân theo quy định của tổ tiên, trăng chưa tròn thì không thể xuất binh. Sau một hồi van nài khẩn khoản mà không mang lại kết quả, Pheidippides đành quay trở lại chiến trường Marathon để báo tin.



Những chiến binh Sparta anh dũng luôn đi đầu trong các cuộc chiến chống lại kẻ thù xâm lược.

Bảo vệ quốc gia – toàn dân quyết chiến tại Marathon

Sau khi nhận được thông tin người Sparta không chịu xuất binh tiếp ứng, nhân dân Athens vẫn không hề nao núng, họ lập tức tổ chức toàn thể công dân lại, thậm chí cả nô lệ cũng được gia nhập vào quân đội, hướng thẳng đến bình nguyên Marathon, chiếm cứ một vùng địa hình có lợi nhất.



Hình tượng người chiến binh Pheidippides đang gấp rút chạy đến Sparta cầu xin viện binh.

Theo luật pháp Athens, trong thời gian xuất chinh, 10 vị tướng đứng đầu quân đội của Athens sẽ thay nhau nắm giữ binh quyền, mỗi người một ngày. Những hành động quân sự trọng đại, đều phải được thông qua sự thương lượng của 10 vị tướng, sau đó lấy nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số để quyết định. Trong cuộc hội nghị quân sự được chủ trì bởi quan chấp chính quân sự Athens là Carius, 10 vị tướng đã thảo luận sôi nổi xoay quanh vấn đề bị động phòng ngự hay chủ động tấn công. Một vị tướng là Miltiades đưa ra chủ trương chủ động tấn công.



Hình tượng một kỵ binh Sparta trên lưng ngựa. Bức tượng bằng đồng đen được khai quật tại Hy Lạp.

Đến khi biểu quyết, số phiếu tương ứng là 5-5, quan chấp chính Carius ủng hộ chủ trương của Miltiades. Để phát huy tài năng chỉ huy của Miltiades, các vị tướng khác đều tự nguyện từ bỏ quyền được luân phiên chỉ huy tướng đội của mình.

Lúc bây giờ, quân đội Athens có 10.000 người, thêm vào đó là 1.000 viện binh, tổng cộng

không quá 11.000 người. Trong khi đó, quân đội Ba Tư có trên 10 vạn, lại được trang bị hết sức đầy đủ. Trong tình cảnh địch mạnh ta yếu, Medes quyết định không tấn công trực diện với kẻ địch mà tìm cách kéo dài chiến tuyến, đưa đội binh tinh nhuệ sang hai bên, còn các binh sĩ yếu kém lại tập trung ở chiến tuyến chính diện. Sáng sớm ngày 12 tháng 9 năm 490 TCN, trước khi bắt đầu cuộc chiến, Medes đã động viên binh sĩ bằng những lời thật hùng hồn: “Athens có thể bảo vệ được tự do vĩnh viễn, hay phải mang lên mình gông xiềng của nô lệ, tất cả đều do các bạn quyết định”. Những lời khích lệ nồng nàn tình yêu quê hương đất nước của ông đã kích thích sự hăng hái, lòng quyết tâm bảo vệ quốc gia của từng binh sĩ.



Binh sĩ Ba Tư trên chiến trường.

Cuộc chiến khốc liệt bắt đầu, các binh sĩ Hy Lạp đồng loạt tiến công, quân đội Ba Tư lập tức lao ra ứng chiến. Quân đội Hy Lạp vừa đánh vừa lùi, quân đội Ba Tư ngày càng áp đảo. Đến thời khắc quyết định, các binh sĩ tinh nhuệ mai phục ở hai bên đồng loạt xông lên, siết chặt quân đội Ba Tư vào thế gọng kìm. Mải mê truy kích đội quân già yếu của Hy Lạp, chiến tuyến của Ba Tư đã bị kéo dẫn, trong tình cảnh bị đội quân tinh nhuệ của Hy Lạp bao vây, hai đầu không thể tương trợ cho nhau. Tất cả đều rơi vào tình thế hoảng loạn chỉ còn biết đua nhau chạy ra bãi biển, hy vọng có thể kịp thoát lên thuyền mà tháo chạy. Quân đội Hy Lạp truy kích đến tận bãi biển, quyết tâm thực hiện cuộc chiến ngay trên chiến thuyền của quân địch. Một viên tướng của Hy Lạp là Church đã dũng cảm dùng tay nắm chặt lấy chiến thuyền. Bị quân Ba Tư chặt đứt một tay, nhưng Church vẫn cương quyết chịu đựng cơn đau, dùng cánh tay còn lại giữ chặt chiến thuyền của địch. Các binh sĩ khác cũng kịp thời lao đến, hạ gục tất cả binh lính Ba Tư trên chiến thuyền đó. Trong chiến dịch này, quân đội Ba Tư đã tổn thất 6.400 quân và 7 chiến thuyền. Bên phía Athens hy sinh 192 người, trong đó có quan chấp chính Carius và vài vị tướng quân. Đến tối hôm ấy, khi 2.000 quân tiên phong của Sparta vừa hành quân đến nơi, dưới ánh trăng sáng vàng vạc, họ chỉ nhìn thấy một chiến trường chất đầy thi thể.



Hoàng đế Darius trên lưng ngựa.



Cảnh giao chiến ác liệt trên biển giữa quân đội Athens và Ba Tư.

Báo tin thắng trận

Medes muôn báo ngay tin thắng trận cho toàn thể nhân dân Athens đang nôn nóng đợi chờ, nên đã lựa chọn vận động viên chạy đường dài Pheidippides tức tốc trở về Athens báo tin. Lúc bấy giờ, Pheidippides đã bị trúng thương trong cuộc chiến vừa qua. Thế nhưng, để đồng bào mình có thể nhanh chóng biết được tin thắng trận, anh ta đã dùng hết sức bình sinh để chạy, khi về đến được quảng trường trung tâm của thành phố Athens thì sức đã cùng, lực đã kiệt. Pheidippides xúc động hô lên: “Vui... lên nào! Nhân dân Athens, chúng ta... chiến thắng rồi!”. Tiếng hô chưa dứt, Pheidippides đã ngã gục xuống đất và không bao giờ tỉnh lại được nữa.

Cuộc chiến Hy Lạp – Ba Tư kéo dài gần nửa thế kỷ, chiến dịch Marathon chỉ là cuộc chiến đầu tiên, mở màn cho những trận chiến ác liệt sau đó. Chiến thắng của cuộc chiến đã cổ vũ toàn thể nhân dân Hy Lạp đứng lên đấu tranh cho độc lập tự do của dân tộc mình.

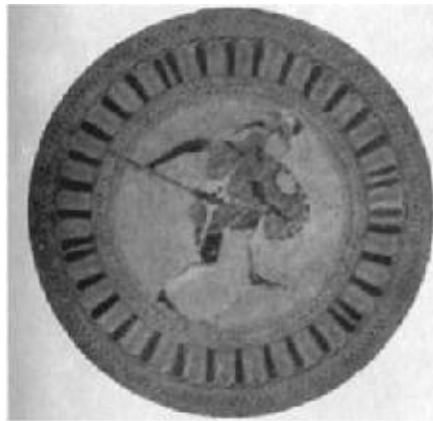
Để ghi nhớ chiến thắng của cuộc chiến và ca ngợi công đức của người chiến binh anh hùng Pheidippides vào năm 1896, trong kỳ đại hội Olympic hiện đại đầu tiên được tổ chức tại Athens, Liên đoàn Olympic Hy Lạp đã quyết định đưa vào nội dung thi đấu một bộ môn mới – chạy Marathon. Cự ly của nó được tính tương đương với khoảng cách từ Marathon đến Athens, dựa theo quãng đường mà người chiến binh Pheidippides đã thực hiện trong chiến dịch Marathon ngày ấy.

Tên tuổi của Pheidippides và chiến dịch Marathon đã cùng với ngọn lửa thiêng của Olympic bùng sáng lên trên khắp hoàn cầu.

Thủy tổ của bộ môn chạy đường dài – Marathon

Khi nhắc đến môn chạy đường dài, chúng ta liền nghĩ ngay đến danh từ Marathon. Marathon trên thực tế là tên gọi của một đồng bằng. Cự ly chính thức của môn chạy Marathon là 42,195km, thường được tổ chức trên những con đường lớn. Do có sự khác biệt về địa hình của mỗi đường chạy của nước tổ chức, vì vậy Marathon là môn thi không được xác định kỷ lục thế giới chính thức, mà chỉ xếp hạng thành tích tốt nhất thế giới.

Cuộc thi Marathon được chính thức đưa vào các hạng mục thi đấu tại kỳ Olympic hiện đại đầu tiên, tổ chức vào năm 1896 tại Athens, Hy Lạp. Cự ly chính thức của môn Marathon hiện đại được tính một cách chính xác tại Luân Đôn vào năm 1908, để tiện cho các vận động viên có thể xuất phát từ trước cửa hoàng gia mà về đến đích. Cự ly này được xác định làm cự ly tiêu chuẩn cho bộ môn Marathon vào năm 1924. Marathon hiện nay đã trở thành một bộ môn thi được mọi người yêu thích. Cuộc thi Marathon được tổ chức hằng năm tại Luân Đôn thu hút trên 2 vạn người tham gia. Về sau, mọi người lại lập ra môn chạy bán Marathon, với cự ly quy định là 21km.



Hình ảnh một chiến binh Hy Lạp được thể hiện trên một cái bàn tròn cổ.



Một tấm khiên của binh sĩ, hình ảnh trang trí trên mặt tấm khiên do các binh sĩ tự do thực hiện.

❖ CHIẾN DỊCH THERMOPYLAE ĐẦM MÁU

*“Hỡi người khách tha hương,
Xin nhắc lời này với người Sparta,
Rằng chúng tôi đã thực hiện được lời hứa,
Và ngủ lại mãi mãi nơi đây.”*

Đó là bài văn khắc trên một tấm bia kỷ niệm có hình dạng như một con sư tử được người Hy Lạp dựng nên tại cửa ải Thermopylae. Đây là tấm bia được dựng nên để kỷ niệm chiến dịch Thermopylae bị tráng của người dân Hy Lạp vào năm 480 TCN. 10 năm sau chiến dịch Marathon anh dũng, quân đội Ba Tư và Hy Lạp lại một lần nữa đối đầu trong một trận chiến ác liệt.

Vì mất cha, Xerxes ấp ủ nguyện vọng thành lập “quân đoàn thế giới”

Sau khi hoàng đế Darius của Ba Tư qua đời, con trai của ông là Xerxes thừa kế ngai vàng. Để thực hiện lời di nguyện của cha mình, Xerxes thề sẽ san bằng Athens, chinh phục Hy Lạp cổ đại. Để thực hiện mục đích ấy, ông đã bỏ ra bốn năm chuẩn bị kỹ lưỡng toàn bộ quân lực trong đế quốc Ba Tư. Các binh sĩ tham gia vào cuộc viễn chinh đến từ 46 quốc gia thuần phục đế quốc Ba Tư với hơn 100 dân tộc khác nhau. Bên cạnh những chiến binh Ba Tư và Medes mình khoác chiến bào sắc sỡ, áo giáp vảy cá, tay cầm kiếm ngắn, giáo dài, còn có những người Assyria đầu đội mũ trện, tay cầm thuẫn và gậy; người Parthia và người Huacizimo thích sử dụng cung tiễn và búa rìu; những người An Độ mặc quần dài; những người A Rập đai lưng thắt chặt, vai phải mang cung dài; những người Ethiopia mình khoác áo da beo hay da sư tử; những người Thrace mình khoác áo choàng đỏ thắm, tay cầm thương và mâu; những chiến binh Cauc-asus đầu đội mũ trện có trang sức tai bò, tay cầm thuẫn da và mác ngắn. Với một đội quân đông đảo đa sắc tộc và vũ khí đa dạng như vậy, cuộc viễn chinh của quân đội Ba Tư không khác gì một cuộc triển lãm quân sự mang tầm vóc quốc tế.



Phù điêu hoàng đế Darius I của đế quốc Ba Tư.

Cuộc vượt biển đầy kiêu ngạo của vua Ba Tư

Mùa xuân năm 480 TCN, toàn bộ quân đội Ba Tư được tập trung tại Sardis thuộc vùng Tiểu Á, (theo tài liệu ghi lại là 500 vạn quân, nhưng trên thực tế có lẽ chỉ vào độ 30-50 vạn quân mà thôi). Dưới sự chỉ huy của Xerxes, quân đội Ba Tư được chia làm hai đạo hải quân và lục quân, đồng loạt tiến đến Hy Lạp cổ đại. Khi đại quân của Ba Tư vừa đến eo biển Hellespont (nay là eo biển Dardanelles), Xerxes đã hạ lệnh dựng cầu. Một chiếc cầu lớn nhanh chóng được dựng nên, đó là một chiếc cầu có hai nhịp, do đội quân Ai Cập và Phoenicia mỗi bên phụ trách một nhịp cầu. Khi cây cầu vừa dựng xong thì một trận gió lớn đột nhiên nổi lên làm gãy cây cầu. Xerxes vô cùng tức giận, ông không chỉ ra lệnh giết hết những người tham gia công việc dựng cầu mà còn bắt cho binh sĩ ném một sợi xích khổng lồ xuống biển, ngạo mạn tuyên bố phải xiềng biển cho bằng được. Ông còn ra lệnh dùng roi quất xuống biển 300 cái, trừng phạt biển dám cản trở con đường tiến quân của đế quốc Ba Tư. Với hành động kiêu ngạo, tự xem mình như thần thánh, Xerxes đã hiện rõ bản chất hung bạo của một nhà cầm quân bất tài.



Hoàng đế Xerxes của Ba Tư. Hình ảnh được thể hiện trên một chiếc bình gốm của Hy Lạp, có niên đại vào khoảng năm 330 TCN.

Cuối cùng thì cây cầu cũng được dựng xong. Chỉ có điều, cầu treo nay đã trở thành cầu nổi. Những người làm cầu đã nảy ra ý tưởng dùng 600 chiến thuyền kết chặt lại với nhau thành một hàng dài. Phía trên thuyền, người ta xếp những tấm ván dày để tạo thành hai lối đi, một cho người và một cho ngựa. Hai bên cầu nổi còn có hàng rào để tránh cho ngựa có thể bị rơi xuống nước.



Chiếc cầu nổi do quân đội Ba Tư thực hiện bằng cách kết nối 600 chiến thuyền lại với nhau.

Quân Ba Tư đã phải mất 7 ngày đêm mới di chuyển qua được eo biển Hellespont. Có một người bản địa tận mắt trông thấy toàn bộ sự việc đã kinh hoàng thốt lên: “Lạy thần Zeus! Tại sao ngài lại biến thành hình dạng của người Ba Tư, lại còn đổi danh thành Xerxes mà thống

lĩnh toàn bộ thế giới đến tiêu diệt đất nước Hy Lạp như vậy?”.



Hình tượng vị vua anh hùng Leonidas tay phải cầm kiếm, tay trái cầm khiên, đang chuẩn bị nghênh chiến cùng quân đội Ba Tư.

Đối diện với sức mạnh tàn bạo của kẻ thù xâm lược, các thành bang Hy Lạp xưa nay chỉ thích chém giết lẫn nhau đã một lòng đoàn kết lại. Hơn 30 thành bang đã nhất trí hợp thành một liên minh chống Ba Tư, chức vụ thống soái quân đội đồng minh do vua Leonidas của thành bang Sparta đảm trách.

Sau khi vượt qua eo biển Hellespont, đại quân Ba Tư tức tốc dồn lên phía Bắc Hy Lạp, khoảng 7, 8 tháng sau thì đến được cửa khẩu Thermopylae. Đây được xem là cửa vào duy nhất ở miền trung Hy Lạp, địa thế dựa núi kề biển, phía trước có hai dòng suối nước nóng. Cửa khẩu vô cùng nhỏ hẹp, chỉ đủ cho một chiến xa đi qua, là con đường duy nhất từ phía bắc có thể tiến vào miền Nam Hy Lạp. Vào thời gian này, Hy Lạp đang tổ chức đại hội Olympic, mà như chúng ta đã biết, đối với người Hy Lạp cổ đại, không gì có thể sánh được với sự thiêng liêng và náo nhiệt của đại hội này, thời gian diễn ra đại hội các thành bang đều từ bỏ binh khí, rời bỏ chiến trường. Vì vậy, số binh lính Hy Lạp được bố trí tại cửa ải này chỉ có vài ngàn quân. Đến khi quân đội Ba Tư sắp tràn đến nơi, vua Leonidas của Sparta cũng chỉ kịp tăng viện đến đây thêm 330 quân nữa mà thôi.



Những chiến binh Sparta anh dũng đang xông pha giữa chiến trường.

Máu nhuộm Thermopylae

Sau khi hạ trại đóng quân tại một bình nguyên cách Thermopylae không xa, Xerxes bắt đầu triển khai một cuộc chiến tranh tâm lý. Ông phái người phao tin cho các binh sĩ trấn giữ cửa ải, rằng quân đội Ba Tư binh nhiều vô số, tên giáo của họ có thể che kín cả mặt trời. Thế nhưng, những chiến binh Sparta dũng cảm nào biết run sợ trước lời đe dọa của kẻ thù, họ còn cười nhạo lại rằng: “Như thế càng tốt, chúng ta có thể có được một ngày mát trời mà thẳng tay chém giết kẻ thù”.



Leonidas thống lĩnh quân đội Hy Lạp tấn công, quyết tâm đến cùng trong cuộc chiến đẫm máu của người Ba Tư.

Hai ngày sau, Xerxes lại phái người đi dò thám động tĩnh bên phía quân đội Hy Lạp. Quân hồi báo cho hay binh lính Hy Lạp đã chất binh khí sang một bên, có kẻ thì ngồi chái đầu, có kẻ lại đang tắm rửa, dường như chẳng còn màng đến chuyện đánh nhau. Xerxes rất lấy làm lạ, sau khi hỏi thăm những người đã có kinh nghiệm chiến đấu nhiều năm, ông mới biết được rằng, chải tóc là một thói quen của người Sparta trước khi xuất trận. Điều này có nghĩa là các binh sĩ Sparta đang chuẩn bị bước vào một cuộc chiến sống mái cùng quân Ba Tư. Xerxes lại kiên nhẫn chờ đợi thêm 4 ngày nữa, khi thấy các binh sĩ Hy Lạp trấn thủ nơi cửa ải vẫn không hề tỏ ý đầu hàng, ông bèn hạ lệnh tấn công trực diện vào Thermopylae, tiêu diệt thẳng tay những binh sĩ Hy Lạp cứng đầu cứng cổ.

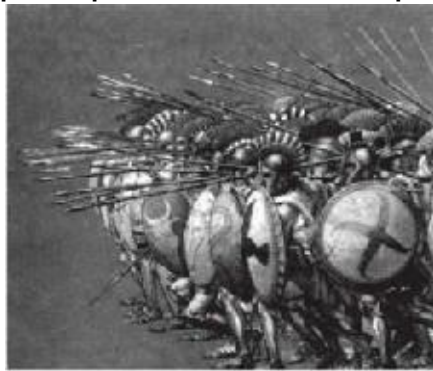
Hiểu được địa thế hiểm trở của Thermopylae, sườn núi hiểm trở, không thể triển khai quân lực, kỵ binh và chiến xa không thể hoạt động, Xerxes sử dụng lực lượng bộ binh được trang bị kỹ lưỡng, luân phiên tấn công vào cửa ải, hy vọng có thể dựa vào số đông mà đè bẹp binh lực Sparta. Với địa thế “một người chống ngàn người” của Thermopylae, các binh sĩ Sparta nhanh chóng triển khai lực lượng, chiếm đóng các mỏm núi cao, tấn công từ trên xuống. Quân đội Ba Tư ngã gục hết lớp này đến lớp khác, nhiều ngày đã trôi qua, tổn thất đã nhiều mà vẫn không sao tiến lên được. Không còn cách nào khác, Xerxes đành phải đưa 1 vạn ngựa lâm quân tinh nhuệ nhất xông vào cửa ải, nhưng rồi tất cả cũng đều bỏ mạng, kế hoạch vượt ải vẫn không thành công.



Những loại vũ khí của người Hy Lạp cổ.

Trong lúc Xerxes vẫn chưa tìm ra kế sách khả thi để công phá Thermopylae, một nông dân

bản địa tên là Epiadis tìm đến báo rằng, có một con đường nhỏ thông ra phía sau cửa khẩu. Xerxes nghe được tin ấy vô cùng mừng rỡ, lập tức ra lệnh cho tên Hy Lạp phản quốc ấy dẫn một đội ngự lâm quân đi theo con đường nhỏ, đột nhập vào phía sau cửa ải. Sau khi vượt qua những khe đá nhỏ, lội qua những con suối, trèo lên những vách đá cheo leo, đến khi trời vừa hừng sáng, băng qua tiếp một cánh rừng, họ đã tiếp cận được đỉnh núi. Vốn dĩ trước đây, Leonidas đã cẩn thận bố trí hơn một 1.000 quân thuộc thành bang Phocis để trấn giữ hai bên con đường nhỏ này, nhưng vì lâu ngày không xảy ra chiến sự, các binh lính không còn cảnh giác, mãi đến khi nghe thấy tiếng bước chân của kẻ địch đã tiến đến cận bên, tất cả mới hoảng loạn tìm giáp đeo kiếm. Bấy giờ, đội ngự lâm quân của Ba Tư đã xuất hiện ngay trước mặt, cùng tiến phóng đến như mưa, binh lính Shoubing thất bại bỏ chạy. Quân đội Ba Tư cũng lập tức đuổi theo đến tận mặt sau của cửa ải. Vua Leonidas hay tin này, biết rằng ưu thế đã mất, ông bèn ra lệnh rút tất cả binh sĩ của các thành bang khác trở về hậu phương để bảo toàn lực lượng, chỉ giữ lại 300 binh sĩ do ông mang đến để nghênh chiến với kẻ thù, vì theo truyền thống của người Sparta, các binh sĩ không bao giờ được rời bỏ trận địa của mình. Cảm phục trước sự anh dũng của vua Leonidas và các binh sĩ Sparta, hơn 700 chiến sĩ thuộc thành bang Thespieae cũng tình nguyện xin được ở lại chiến đấu bên cạnh những người anh em của mình.



Thế trận hình vuông thường được các chiến binh Hy Lạp cổ đại sử dụng khi xông trận.

Trước thế tấn công hai mặt của quân đội Ba Tư, những chiến binh Sparta vẫn anh dũng chiến đấu. Họ dùng những ngọn giáo dài để đâm kẻ thù. Giáo gãy, họ lại dùng kiếm để tiếp tục chiến đấu. Đến khi những thanh kiếm cũng gãy vụn, quân đội Ba Tư bắt đầu tràn tới. Các chiến binh Sparta anh dũng đã đẩy lùi được bốn đợt tiến công của quân địch, liều chết để bảo vệ vị thống soái của mình. Quân số của họ ngày càng ít đi, dần bị dồn ép đến chân của một ngọn núi nhỏ. Quân đội Ba Tư siết chặt vòng vây, những ngọn giáo được phóng ra như mưa, cho đến khi người chiến binh cuối cùng của Sparta ngã gục xuống trận địa. Cuối cùng thì quân đội Ba Tư cũng đã chiếm lĩnh được Thermopylae.

Phải đánh đổi sinh mạng của 20.000 binh sĩ tại cửa ải Thermopylae là một cơn ác mộng đối với Xerxes. Mỗi khi nghĩ đến hình ảnh của những chiến binh Sparta kiên cường bất khuất, thà chết không lui, ông lại kinh hoàng tự hỏi: “Người Sparta phải chăng đều giống như vậy?”.



Phù điêu các chiến binh Sparta.

Khi thu dọn chiến trường, người Ba Tư chỉ tìm được 298 thi thể của người Sparta. Thì ra, có hai binh sĩ Sparta đã không tham gia vào cuộc chiến này, một người vì mắc bệnh đau mắt, còn một người thì được lệnh rút khỏi chiến trường. Sau cuộc chiến, cả hai đều trở về được thành bang Sparta của mình, nhưng họ chỉ nhận được cái nhìn khinh bỉ của đồng bào, không ai thèm

đoái hoài gì đến họ. Một trong hai người đã không chịu đựng nổi nhục rồi bỏ chiến trận mà tự kết liễu đời mình, người kia hy sinh trong một trận chiến sau đó, nhưng người Sparta vẫn cự tuyệt không để cho thi thể của anh ta được chôn vào khu nghĩa trang dành cho những binh sĩ Sparta tử trận.

Cùng lúc với cuộc chiến tại Thermopylae, một trận hải chiến kịch liệt giữa quân đội Ba Tư và Hy Lạp cũng diễn ra tại vùng phụ cận Althemixian, cả hai đều hứng chịu những tổn thất nặng nề. Không lâu sau khi nhận tin quân đội Ba Tư đã phá được Thermopylae, hải quân Hy Lạp cũng dần dần rút khỏi chiến trường, trở về cô thủ tại eo biển Salamis, phụ cận Attica. Cửa ngõ đường biển và đường bộ của miền trung Hy Lạp đều bị phá vỡ, thủ lĩnh hèn quân tử trận, thành bang Athens lâm vào cảnh ngàn cân treo sợi tóc.

Chiến dịch phòng thủ Thermopylae tuy đã thất bại, nhưng nó đã giáng một đòn chí mạng vào quân đội Ba Tư, khiến cho quân xâm lược cảm thấy hoang mang lo sợ trước tinh thần chiến đấu quả cảm của các chiến binh Hy Lạp. Chiến dịch phòng thủ Thermopylae cũng tạo điều kiện cho quân dân Athens có đủ thời gian chuẩn bị cả về tinh thần và lực lượng, có ý nghĩa then chốt trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của người Hy Lạp.

Tìm hiểu về thành bang Sparta

Trong số những thành bang lớn nhất của Hy Lạp cổ đại, Athens giữ vị trí số 1, tiếp đến chính là Sparta. Thành bang là danh từ dùng để chỉ những quốc gia riêng biệt trên lãnh thổ Hy Lạp cổ đại, với trung tâm là một thành phố, xung quanh được bao bọc bởi các thị trấn và làng mạc. Thành bang Sparta nằm trên bình nguyên Lacania, miền Nam bán đảo Hy Lạp cổ đại. Ba mặt của Lacania được núi bao bọc, chính giữa là một đồng bằng nhỏ. “Sparta” vốn có nghĩa là “đồng bằng có thể cày cấy”. Vào khoảng thế kỷ 11 TCN, một bộ lạc thuộc Hy Lạp cổ đại là người Dorian đã hủy diệt những thành bang vốn có từ trước tại vùng đất này, rồi xây dựng thành bang Sparta của người Dorian. Có điều, vào thời bấy giờ, thành bang Sparta vừa không có tường thành mà cũng không có hệ thống giao thông trong thành phố. Như vậy, danh từ “người Sparta” là để chỉ những người Dorian sống tại thành bang Sparta. Nói tóm lại, sự thống trị dã man của người Sparta trên thực tế là một trở ngại cho sự phát triển của nền văn minh Hy Lạp cổ đại.



Bia Thermopylae, được xây dựng để tưởng nhớ cuộc chiến đấu anh dũng của vua Leonidas và các binh sĩ Sparta chống lại sự xâm nhập của quân đội Ba Tư.

❖ “LỜI TIÊN ĐOÁN CHIẾN THẮNG” CỦA THẦN MẶT TRỜI

Kế Sách “Vườn Không Nhà Trống” Của Athens

Sau khi công phá được Thermopylae, quân đội Ba Tư lập tức tiến thẳng đến thành bang Athens, vọng tưởng sẽ quét sạch trở ngại lớn nhất nơi đây, mở đường thôn tính toàn cõi Hy Lạp. Tuy nhiên, quân đội Ba Tư phải ngỡ ngàng khi thấy Athens chỉ còn là một kinh thành trống rỗng, không một bóng người, không một đạo binh kháng cự. Xerxes tức giận hạ lệnh tiêu hủy toàn bộ kinh thành.

Vậy, toàn bộ cư dân Athens đã biến cả đi đâu?

Thật ra, vào thời gian này tại Hy Lạp cổ đại, mọi người lưu truyền với nhau lời tiên đoán của thần Mặt trời: “Vận mệnh của Hy Lạp phải dựa vào tường gỗ mới có thể cứu vãn được!”. Căn cứ vào lời tiên đoán này, có người đã chủ trương di chuyển tất cả cư dân trốn lên trên núi. Thế nhưng, thống soái hải quân Athens là Timistocki lại có cách lý giải lời tiên tri của riêng mình. Ông nói tương lai của Hy Lạp là ở trên mặt biển, tường gỗ mà Thái dương thần muốn nói đến chính là những chiếc thuyền lớn. Theo sự chỉ huy của ông, tất cả phụ nữ và trẻ con đều được đưa lên thuyền, chở đến vùng Teluoxin của Ages và đảo Salamis để lánh nạn. Tất cả nam giới đều được tập trung lên chiến thuyền, di chuyển đến eo biển Salamis. Cư dân Athens và các thành bang lân cận đều tuân theo sự sắp đặt của Timistocki.



Vệ thành Athens – thành bang lớn nhất và hùng mạnh nhất của Hy Lạp cổ đại.

Quân Dân Athens Anh Dũng Chiến Đấu Tại Salamis

Ngay khi lục quân Ba Tư đổ bộ vào kinh thành Athens, hải quân Ba Tư cũng vòng qua đảo Euboea, đánh cướp Attica, rồi tiếp cận bên ngoài cảng Andean (Piraeus) của thành bang Athens. Lực lượng hải quân và lục quân bắt đầu phối hợp với nhau, khí thế dũng mãnh vô cùng.

Đứng trước thế gọng kìm trên biển dưới bộ của quân đội Ba Tư, lực lượng liên quân của Hy Lạp đang trấn giữ tại eo biển Salamis bắt đầu xuất hiện dấu hiệu nao núng, không dám tin tưởng lực lượng nhỏ bé của mình có thể chống lại sức mạnh kinh hồn của quân đội Ba Tư. Quân đội một số thành bang đang dự tính đến trợ giúp Athens vội lên thuyền tháo chạy, trở về bảo vệ quê hương của mình. Chính vào thời khắc then chốt đó, Timistocki kiến nghị tổ chức một hội nghị quân sự, bàn bạc kế sách tác chiến. Trong hội nghị, Timistocki đã khẳng khái chỉ ra con đường chiến đấu tất yếu là tập trung tất cả chiến thuyền lại, quyết chiến một trận sinh tử với quân đội Ba Tư tại eo biển Salamis, đó là con đường duy nhất để liên quân Hy Lạp có thể giành được chiến thắng. Ông nói: “Chiến thuyền Ba Tư tuy đông, nhưng lại có trọng tải quá nặng, xoay chuyển chậm chạp, khi phải vượt qua eo biển Salamis vốn hẹp lại rất cạn, nhất định sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn. Hơn nữa, các thủy thủ Ba Tư lại không nắm bắt được dòng chảy và lộ trình của eo biển Salamis. Ngược lại, chiến thuyền của chúng ta chỉ có kích thước nhỏ, xoay chuyển linh hoạt, rất thích hợp để tác chiến tại eo biển này. Hơn nữa, chúng ta đều là những chiến binh thiện chiến trên biển, quen thuộc thể nước, nắm bắt lộ trình, có thể phát huy toàn bộ Ưu thế”. Timistocki khẳng định: “Khi chiến đấu trong eo biển hẹp này, chiến thuyền của chúng ta có thể lấy ít địch nhiều. Nếu rút khỏi Salamis, quyết chiến trên một mặt nước rộng, toàn bộ quân lực Hy Lạp sẽ bị tận diệt”. Mặc dầu những lời phân tích của Timistocki là hết sức có lý, nhưng mọi người vẫn không nhất trí.



Thuyền chiến 3 mái chèo thời kỳ Hy Lạp cổ.



Bản đồ thể hiện diễn tiến của chiến dịch eo biển Salamis.

Thấy tình thế cuộc chiến có thể đi đến thất bại từ trong trứng nước, Timistocki vô cùng lo lắng. Đột nhiên, một ý tưởng độc đáo chợt lóe lên trong đầu ông: “Tại sao lại không nhờ người Ba Tư đến đây giúp ta một tay nhỉ?”. Thế là, ông cho gọi một vệ sĩ thân cận của mình đến, giao cho anh ta một bức mật thư, bảo anh hãy đi mật báo với vua Ba Tư rằng, hải quân của Hy Lạp đang vô cùng hoang mang lo lắng, không dám giao chiến, chỉ còn nghĩ đến con đường tháo chạy khỏi eo biển này mà thôi. Xerxes nhận được mật thư, lập tức ra lệnh phong tỏa nghiêm mật eo biển, không cho phép bất kỳ một con thuyền nào đi qua.

Rạng sáng ngày 23 tháng 9, hạm đội Ba Tư đã hoàn thành kế hoạch bao vây toàn bộ hạm đội Hy Lạp. Tại cửa khẩu phía Tây, 200 chiến thuyền của Ai Cập đã tiến vào vị trí chỉ định, chặn đứng con đường rút lui của hạm đội Hy Lạp; tại cửa khẩu phía Đông, 800 chiến thuyền Ba Tư xếp thành ba hàng, tạo thành ba lớp rào ngăn dày đặc trên mặt biển. Xerxes vô cùng đắc ý, ông

quyết định giao lại quyền chỉ huy cho đại tướng Alámis, còn mình thì di chuyển đến một vùng đồi núi lân cận eo biển Salamis để quan sát cuộc chiến.



Cảnh cuộc chiến tại eo biển Salamis được các họa sĩ sau này thực hiện.

Đứng bên cạnh Xerxes là một viên sử quan tay cầm giấy bút, chuẩn bị ghi lại những chiến thắng huy hoàng của đại quân Ba Tư.

Trong lúc các tướng lĩnh trong liên minh Hy Lạp còn đang tranh luận không thôi về vấn đề nên đánh hay nên lùi, một viên tướng chủ trương phản đối kế hoạch của Timistocki đột nhiên xô cửa chạy vào và hét lên: “Ngưng bàn luận! Chuẩn bị chiến đấu thôi! Người Ba Tư đã bao vây toàn bộ chúng ta rồi!”. Thấy sự việc đã đến nước này, các tướng lĩnh mới quyết tâm nghe theo mệnh lệnh của Timistocki, quyết chiến cùng đại quân Ba Tư tại eo biển Salamis.

Dưới sự chỉ huy của Timistocki, liên minh Hy Lạp nhanh chóng triển khai đội hình: hạm đội Corinth tấn công vào cửa khẩu phía Tây do hải quân Ai Cập trấn giữ; quân đội chủ lực được phân thành ba đội trái, giữa và phải, tập trung tại cửa khẩu phía Đông, quyết chiến cùng quân chủ lực của Ba Tư.

Có lẽ ông trời cũng muốn trợ giúp cho các chiến binh Hy Lạp. vốn dĩ liên minh Hy Lạp chỉ có vỏn vẹn 358 chiến thuyền, trong khi quân đội Ba Tư lại có đến 1.207 chiến thuyền. Nhưng trước khi cuộc chiến bắt đầu, do không nắm bắt được các yếu tố về khí hậu, dòng chảy, nên trong quá trình triển khai kế hoạch bao vây hải quân Hy Lạp, hải quân Ba Tư đã đụng phải hai trận gió lớn, tổng cộng có đến 600 chiến thuyền bị nhận chìm xuống đáy biển, quân lực tổn thất hết gần một nửa.

Thất bại thảm hại, Xerxes rút khỏi eo biển Salamis

Sau khi mở màn cuộc chiến, Ưu thế và trở ngại về mặt sử dụng chiến thuyền của đôi bên nhanh chóng hiện ra. Những chiến thuyền ba tầng của hải quân Athens, có chiều dài từ 40-45m, bên trong có 170 tay chèo được bố trí cố định ở ba tầng trên, giữa và dưới. Kích thước của những chiến thuyền này nhỏ, tốc độ nhanh, xoay chuyển linh hoạt, dễ dàng di chuyển ở mực nước cạn. Trong khi đó, những chiến thuyền sử dụng buồm kéo cũ kỹ của Ba Tư lại có kích thước quá lớn, tốc độ chậm, khả năng xoay chuyển kém, không thể di chuyển ở các vùng nước cạn. Phát huy ưu thế của mình, Timistocki chỉ huy quân đoàn Athens tấn công vào mặt bên của các chiến thuyền Ba Tư, lợi dụng những mái chèo dài khoảng 5m và được bịt đồng của mình để phá nát các mái chèo bằng gỗ của quân địch. Tiếp sau đó, ông cho các chiến thuyền xoay đầu lại, sử dụng phần mũi thuyền được bịt đồng đâm thẳng vào bụng thuyền của quân đội Ba Tư. Với cách tấn công táo bạo và hiệu quả đó, các chiến thuyền Ba Tư lần lượt bị đánh chìm xuống đáy biển. Chỉ sau một đợt kịch chiến, hạm đội tiên phong của Ba Tư đã không thể đương cự nổi trước sự tấn công dũng mãnh và khéo léo của quân đội Hy Lạp, phải lùi về phía sau. Trong khi đó, chiến hạm Ba Tư được tăng viện ở mặt sau lại không hay biết gì về tình hình chiến sự đang diễn ra, tất cả chỉ biết hò hét lao lên phía trước. Gặp đúng lúc gió thuận nổi lên, các chiến thuyền tiếp viện của Ba Tư nhanh chóng bị đẩy vào eo biển chật hẹp, gặp ngay các chiến thuyền của mũi tiên phong đang hốt hoảng tháo chạy trở lui, hai bên đụng nhau, tạo nên một tình cảnh vô cùng hỗn loạn. Nắm bắt được cơ hội này, Timistocki lập tức chỉ huy toàn bộ lực lượng, xông thẳng về mặt phía Tây. Hạm đội Ba Tư tiến thoái lưỡng nan, bị hải quân Hy Lạp đánh toại bờ. Nhận thấy tình thế không thể cứu vãn, thông soái Alamisis của hải quân Ba Tư đành phải nuốt hận ra lệnh rút lui.

Xerxes đứng trên sườn núi đã trông thấy toàn bộ diễn tiến của cuộc hải chiến mà cũng chỉ biết ngậm ngùi nhìn đoàn quân bại trận của mình tháo chạy. Sau tám giờ giao chiến, 200 chiến thuyền của Ba Tư đã bị đánh chìm, 50 chiến thuyền khác bị hải quân Hy Lạp bắt được. Xerxes không thể ngờ rằng đội quân hùng hậu của ông lại phải chuốc lấy một thất bại thảm hại đến thế.



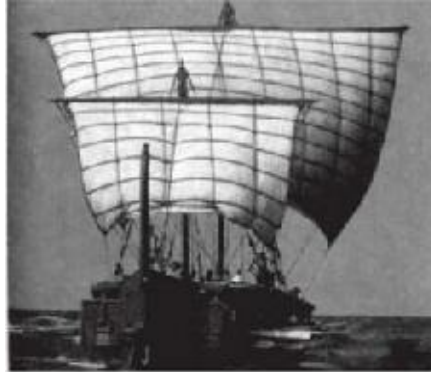
Những kiểu trang phục thường được các chiến binh Hy Lạp cổ đại sử dụng.

Đối mặt với thất bại đã hiện ra ngay trước mắt, Xerxes không thể không lo lắng đến những thử thách phía trước. Lực lượng hải quân đã bại trận, hậu cần cơ bản cho lực quân đã không còn, kể đến là hải quân Hy Lạp có thể nhân cơ hội chiến thắng mà xông lên chiếm giữ eo biển Hellespont (tức eo biển Dardanelles ngày nay) chặn đường rút lui của quân đội Ba Tư. Mấy ngày sau, Xerxes chỉ còn để lại một đội binh ở miền Trung Hy Lạp để tiếp tục giằng co với quân đội Hy Lạp, còn mình thì lạng lẽ đưa hết binh lực còn lại rút về Tiểu Á.

Trận hải chiến tại eo biển Salamis được xem là chiến dịch quan trọng nhất trong cuộc chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư, nó đã làm xoay chuyển toàn bộ cục diện của cuộc chiến. Một năm sau đó, tại chiến trường Plataea, liên minh Hy Lạp đã tiêu diệt nốt đội quân mà Xerxes đã để lại trước đó. Cũng vào khoảng thời gian này, liên quân Hy Lạp cũng đã tiêu diệt toàn bộ lực lượng hải quân Ba Tư tại eo biển Catamarca, thuộc Tiểu Á. Năm 449 TCN, trong trận giáp chiến sau cùng tại đảo Cyprus, liên quân Hy Lạp đã đánh bại hoàn toàn cuộc xâm lược của Ba Tư, hai bên ký kết một điều ước hòa bình, kết thúc cuộc chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư kéo dài gần nửa thế kỷ.

Kinh đô thần thánh của đế quốc Ba Tư

Persepolis là Kinh đô thần thánh của đế quốc Achaemenid, được xây dựng vào năm 518 TCN. Vào thời kỳ ấy, đế quốc Ba Tư là quốc gia hùng cứ cả một vùng đất phương Đông rộng lớn, với vô số các quốc gia chư hầu. Để thể hiện sức mạnh và tầm vóc của một đế quốc lớn, hoàng đế Ba Tư đã cho xây dựng một kinh thành vĩ đại với hệ thống cung điện nguy nga tráng lệ. Kinh thành Persepolis là sự kết hợp tuyệt diệu giữa địa lý tự nhiên với bàn tay tinh hoa khéo léo của con người. Di chỉ cổ thành Persepolis còn là nơi cung cấp rất nhiều tài liệu và hiện vật vô giá về nền văn minh Ba Tư cổ đại, giúp cho các nhà khảo cổ có được những bằng chứng xác thực hơn về một trong những nền văn minh phát triển huy hoàng nhất trong lịch sử loài người.



Những chiếc thuyền ba tầng này có giá rất cao. Vào thời Hy Lạp cổ đại, chỉ có những thành bang giàu có như Athens và Corinth mới có đủ khả năng đưa những chiếc thuyền như thế này vào phục vụ quân đội.

❖ CUỘC VA CHẠM LÀM THAY ĐỔI VẬN MỆNH CẢ PHƯƠNG ĐÔNG VÀ PHƯƠNG TÂY

Hy Lạp là một trong những nền văn minh rực rỡ nhất trong thế giới cổ đại và cũng là một trong những quốc gia có lịch sử gắn liền với những cuộc chiến tranh triền miên. Bắt đầu từ năm 492 TCN, tại Hy Lạp đã nổ ra cuộc chiến tranh quy mô lớn đầu tiên giữa hai lục địa Á – Âu, đó là cuộc chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư. Cuộc chiến ấy đã kéo dài trong suốt nửa thế kỷ, với kết quả chiến thắng thuộc về liên minh quân sự giữa các thành bang Hy Lạp cổ đại, đế quốc Ba Tư phải gánh chịu một tổn thất nặng nề và không còn vươn lên được nữa.



Mũ trận bằng đồng được khai quật tại Sparta.

Do sự hạn chế về địa hình, rất nhiều thành bang của Hy Lạp cổ đại bị ngăn cách bởi các dãy núi, hệ thống giao thông trên bộ rất kém phát triển. Vì vậy, có thể nói mỗi thành bang Hy Lạp cổ đại là một quốc gia có tính độc lập và biệt lập rất cao. Trong số hàng trăm thành bang được xây dựng trên bán đảo Hy Lạp cổ đại, Athens cùng với Sparta là hai thành bang có tốc độ phát triển nhanh chóng và vững mạnh nhất.

Cùng với sự gia tăng dân số tại các thành bang, người Hy Lạp cổ bắt đầu tiến hành những cuộc di dân và hoạt động thực dân đến các vùng đất duyên hải. Đồng thời, do khả năng sản xuất lương thực có hạn trong nước, hoạt động cướp phá nông trang của các thành bang khác trở thành mục tiêu chiến đấu mang ý nghĩa cụ thể nhất. Nói cách khác, chiến tranh giữa các thành bang Hy Lạp cổ đại là chuyện diễn ra hàng ngày và kéo dài từ năm này sang năm khác. Tại thành bang Sparta, nam giới đều không được phép ở nhà, tất cả đều phải tập trung tại doanh trại để sẵn sàng chiến đấu. Mỗi năm một lần, các bé trai ở đây đều được trải qua những bài huấn luyện vô cùng khắc nghiệt để kiểm tra và rèn luyện khả năng chịu đựng gian khổ, chuẩn bị tinh thần để trở thành những chiến binh quả cảm nhất trong tương lai. Các bé gái cũng phải trải qua những bài luyện tập thể lực vô cùng khắc nghiệt, với niềm tin sức mạnh ấy sẽ được di truyền lại cho con cái sau này – những chiến binh bảo vệ đất nước trong tương lai.



Phù điều các chiến binh Ba Tư.

Dã tâm của đế quốc Ba Tư ở Tây Á

Ba Tư là một quốc gia thuộc vùng Tây Á, thông qua các hoạt động chinh phạt mà trở thành một đế quốc lớn. Đến thời kỳ thống trị của Hoàng đế Darius I (từ 522-486 TCN), Ba Tư trở thành đế quốc đầu tiên trong lịch sử thế giới đặt được nền thống trị lên cả ba châu lục Á – Âu – Phi. Lực lượng quân đội chủ yếu của Ba Tư là kỵ binh và bộ binh với vũ khí chủ yếu là cung tên, gồm nhiều binh đội có số quân lực lên đến hơn 10 ngàn người. Đến giữa thế kỷ thứ 6 TCN, Đế quốc Ba Tư xâm chiếm các thành bang do người Hy Lạp xây dựng tại khu vực bờ tây Tiểu Á. Năm 513 TCN, Hoàng đế Darius tiến thêm một bước khống chế eo biển Hắc Hải và khu vực Thrace, uy hiếp trực tiếp đến các thành bang trên bán đảo Hy Lạp.

Tham vọng và dã tâm bành trướng đã thôi thúc Ba Tư đưa quân xâm chiếm Hy Lạp. Từ năm 492 TCN, Đế quốc Ba Tư nhiều lần tấn công Hy Lạp, tiến hành những hoạt động chiếm đóng lãnh thổ, cướp đoạt của cải, hành hung bạo ngược. Đứng trước nguy cơ quốc gia bị rơi vào tay ngoại xâm, các thành bang Hy Lạp đã liên kết lại với nhau, quyết tâm chiến đấu chống lại sự xâm lược của Đế quốc Ba Tư.

Chiến dịch eo biển Catamarca

Sau khi bị tổn thất nặng nề tại eo biển Salamis, hạm đội Ba Tư hối hả rút về eo biển Catamarca (thuộc Tiểu Á, trông ra đảo Samos) để cầu cứu sự trợ giúp của đội quân chủ lực. Trên bán đảo Tiểu Á có rất nhiều kiều dân Hy Lạp cổ sinh sống, tất cả đều nằm dưới sự thông trị của Đế quốc Ba Tư. Ngay lập tức, các kiều dân Hy Lạp này bị ép buộc gia nhập quân đội Ba Tư. Đồng thời, để tạo thế phòng thủ vững chắc trong trường hợp bị liên quân Hy Lạp tấn công, quân đội Ba Tư kéo các chiến thuyền lên bờ, tạo thành một lá chắn tạm thời. Tháng 9 năm 479 TCN, tướng Athens là Xanthispus và vua Sparta thống lĩnh 110 chiến hạm ba tầng, tiến thẳng đến mũi Catamarca, 2 vạn binh sĩ (bao gồm lực lượng bộ binh và các tay chèo) tiến lên Catamarca từ mặt phía đông. Cánh quân Sparta đánh úp vào cánh phải của doanh trại Ba Tư; quân đội Athens, Corinth cùng lực lượng của các thành bang khác tấn công vào cánh trái của doanh trại. Từ bên ngoài, đội quân của Xanthispus nhanh chóng tập kích chặn đứng hướng rút chạy của quân đội Ba Tư, đẩy lùi chúng lại phía sau. Lực lượng tàn quân Ba Tư kéo nhau chạy trốn lên núi thì lại gặp phải sự đột kích của quân đội Hy Lạp từ Miletus phái đến, tổn thất càng thêm trầm trọng. Sau khi chiếm lĩnh được doanh trại của quân đội Ba Tư, liên quân Hy Lạp bèn phá hủy tất cả tàu thuyền và các công trình quân sự do lực lượng Ba Tư dựng nên. Sau lần giao chiến đó, đảo Samos, đảo Chios và đảo Lesbos đều trở về dưới quyền kiểm soát của Hy Lạp.



Bức tượng Hoàng đế Darius I được thực hiện trên chất liệu đá cẩm thạch.

Cuộc chiến tại eo biển Catamarca đã giáng thêm một đòn chí tử vào đội quân xâm lược Ba Tư. Chiến thắng này còn mang một ý nghĩa vô cùng to lớn khi nó đã giải phóng được vùng đất Ionic thoát khỏi sự thống trị của đế quốc Ba Tư.

Chiến dịch Pulatie

Ngày 26 tháng 9 năm 479 TCN, liên minh quân sự giữa 24 thành bang Hy Lạp cổ đại dưới sự lãnh đạo của Athens và Sparta đã tiến hành một cuộc giao chiến quy mô lớn với quân đội Ba Tư tại vùng phụ cận Pulatie (một thành bang nằm ở miền Nam Boeotian của Hy Lạp).

Bắt đầu từ năm 479 TCN, quân đội Ba Tư đã chiếm lĩnh được Attica. Bên phía Hy Lạp, dưới sự thống lĩnh của Pausanias, liên quân Hy Lạp tập kết ở khu vực phía nam của con sông Asopus, gần Pulatie. Bên phía quân đội Ba Tư, dưới sự lãnh đạo của Mardonius, toàn bộ quân lực được tập trung phòng thủ bên phần đông ngạn của con sông Asopus. Đêm 25 tháng 9, để tăng cường mối liên lạc với hậu phương, quân đội Hy Lạp đã chủ động rút lui khỏi trận địa. Mardonius cho rằng hành động của đối phương là một cuộc tháo chạy lén lút liền phát lệnh tổng tấn công. Lực lượng phòng vệ cánh sau của liên quân Hy Lạp (do quân đội Sparta phụ trách) tuy bị tổn thất nặng nề, nhưng vẫn đẩy lùi được mũi tiến công của quân đội Ba Tư. Không lâu sau đó, toàn bộ quân đội Hy Lạp quyết định thực hiện một cuộc phản kích, đánh tan cuộc truy kích của quân đội Ba Tư. Mardonius cố gắng rút toàn bộ lực lượng trở về doanh trại cố thủ, nhưng chưa kịp tới nơi thì đã bị đánh vỡ hoàn toàn. Cùng ngày hôm ấy, hạm đội Ba Tư cũng bị đánh bại tại mũi Catamarca. Chiến thắng cùng lúc tại hai mặt trận Catamarca và Pulatia đã tạo nên một bước ngoặt trọng đại trong cuộc chiến Hy Lạp – Ba Tư. Liên quân Hy Lạp nắm được quyền chủ động chiến lược, đẩy mạnh hướng tiến công sang khu vực biển Aegean và Tiểu Á.



Trong tình cảnh vô cùng nguy cấp, những người Sparta đã anh dũng đứng lên bảo vệ quốc gia. Đây là bản đồ vị trí thành bang Sparta.

Trong trận chiến tại Pulatia, thế trận hình vuông của quân đội Hy Lạp cổ đại lại một lần nữa thể hiện được ưu thế vượt trội trước một lực lượng kỵ binh và bộ binh không chính quy và được tổ chức hết sức rời rạc của quân đội Ba Tư.

Bị thất bại nặng nề tại chiến dịch Catamarca và Pulatia, quân đội Ba Tư bắt đầu rút khỏi Hy Lạp. Chiến thắng của hai chiến dịch này đã khiến cho tình thế của cuộc chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư ngày càng có lợi cho liên quân Hy Lạp cổ đại.



Một bức phù điêu miêu tả cảnh chiến đấu của nhân dân Athens.

Liên minh Hy Lạp phản công

Sau cuộc viễn chinh thất bại lần thứ 3 của quân đội Ba Tư, liên quân Hy Lạp dưới sự chỉ huy của thành bang Athens bắt đầu kế hoạch phản công. Năm 478 TCN, hạm đội Athens chiếm giữ được thị trấn Sestos, một cứ điểm quan trọng nằm ở bờ bắc eo biển Hellespont, khống chế con đường huyết mạch chạy ra eo biển Hắc Hải. Cùng năm ấy, Athens và các thành bang duyên hải vùng biển Aegean thống nhất thành lập đồng minh Delian. Năm 476 TCN, dưới sự chỉ huy của tướng Cimon, liên minh Hy Lạp đánh chiếm thành công khu vực duyên hải Thrace, rất nhiều đảo trong khu vực biển Aegean và Hellespont. Năm 468 TCN, hải quân Hy Lạp đánh bại hạm đội Ba Tư tại cửa sông phía đông Europe. Năm 499 TCN, hải quân Hy Lạp lại giáng thêm một đòn nặng nề vào quân đội Ba Tư tại vùng phụ cận thành phố Salamis, phía đông đảo Cyprus. Đến đây, hai bên nhất trí đàm phán hòa bình. Kaliasi được chọn làm đại biểu toàn quyền của Hy Lạp đến thủ đô Susa của Ba Tư để đàm phán và ký kết “Hiệp ước hòa bình Kaliasi”. Bản Hiệp ước quy định: “Ba Tư phải từ bỏ quyền khống chế tại vùng biển Aegean, Hellespont và eo biển Bospuros (cửa khẩu ra vào Hắc Hải), thừa nhận quyền độc lập của các thành bang Hy Lạp tại khu vực bờ Tây của bán đảo Tiểu Á, chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư kết thúc từ đây”.



Một bức tranh miêu tả cảnh giao chiến kịch liệt giữa hải quân Hy Lạp và hải quân Ba Tư.



Hội nghị thành lập đồng minh Delian dưới sự lãnh đạo của thành bang Athens.

Đánh giá về cuộc chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư

Chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư là cuộc chiến có quy mô to lớn và thời gian kéo dài giữa hai châu lục Á – Âu, với chiến thắng hoàn toàn thuộc về đất nước Hy Lạp cổ đại. Athens nhanh chóng vươn lên trở thành lực lượng bá chủ trong vùng biển Aegean, khống chế mọi con đường thông qua eo biển Hắc Hải, chiếm được những vị trí chiến lược tại vùng duyên hải Aegean, bao gồm cả Helle-spont. Việc nắm quyền làm chủ trong khu vực biển Aegean mang lại một nguồn lợi vô cùng to lớn đối với đất nước Hy Lạp cổ đại. “Mọi người hầu như đều được thức tỉnh”, tất cả đều bắt chước thành bang Athens, chế tạo những chiếc thuyền lớn và thành lập các đội thương thuyền, tích cực phát triển ưu thế trên biển, mở rộng thị trường, tranh giành lợi ích kinh tế. Trong tác phẩm “Lịch sử quân sự phương Tây” của tác giả Fuller người Anh có viết: “Cùng với cuộc chiến này (chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư), chúng ta cũng được đứng vào ngưỡng cửa của thế giới phương Tây. Trong thế giới ấy, trí tuệ của người Hy Lạp đã trở thành nền móng cho việc thành lập các quốc gia sau này. Trong lịch sử, sẽ không có cuộc chiến nào vĩ đại hơn cuộc chiến này, nó tựa như cây nặng chống trời, mang trách nhiệm nâng đỡ toàn bộ lịch sử phương Tây”.

Học thuyết quân sự đã có được những bước phát triển vượt bậc từ sau cuộc chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư. Phương thức xác định những thời điểm có tính cách quyết định, những phương hướng đột kích chính yếu, phương pháp quyết định chiến tranh căn cứ trên chiến cục và tương quan lực lượng, cùng với phương pháp sắp xếp đội hình chiến đấu khối vuông của quân đội Hy Lạp cổ đại đã có những ảnh hưởng sâu sắc đến phương pháp và chiến thuật quân sự của các quốc gia Tây Âu trong suốt các thế kỷ sau này.



Di chỉ thành bang Athens. Với những gì còn lại, chúng ta cũng có thể dễ dàng nhận ra sức mạnh của thành bang này trong lịch sử Hy Lạp cổ đại.



Thế trận hình vuông được người Hy Lạp cổ đại sáng tạo và vận dụng rất hữu hiệu trong cuộc chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư.

Quốc gia của người Aryan

Ba Tư là một cái tên được tất cả dân tộc trên thế giới biết đến. Phạm vi thống trị của đế quốc Ba Tư cổ đại cũng tương đương với diện tích của nước Iran ngày nay. Trên thực tế, Ba Tư chỉ là một bộ lạc cường thịnh ở phía tây nam Iran cổ đại. Khi Ba Tư thống trị được các bộ lạc khác tại Iran, thành lập nên một quốc gia hùng mạnh, mới được các nước lân cận gọi là đế quốc Ba Tư. Sau đó, danh từ “Ba Tư” cũng dần dần được dùng thay thế cho cả vùng đất Iran. Vì vậy, nền văn minh Iran cổ đại cũng được gọi là văn minh Ba Tư. Có điều, người Iran lại có thói quen tự gọi mình là người Aryan. Ý nghĩa của danh từ “Iran” có nghĩa là “đất nước của người Aryan”. So với danh từ “Ba Tư”, cách xưng hô này càng phản ánh được một lịch sử đa dân tộc, đa văn hóa của đất nước Iran.

❖ THAY NHAU BÁ QUYỀN TRONG CUỘC CHIẾN SICILY

Sau khi đánh bại đại quân Ba Tư, người Hy Lạp cổ đại không hề được hưởng những tháng ngày yên bình như họ hằng mong ước. Một cuộc tranh giành quyền lực lại nổ ra giữa Athens và Sparta, dẫn đến cảnh nồi da xáo thịt, chiến tranh triền miên trong suốt 26 năm trời, đó chính là cuộc chiến tranh Peloponnese. 26 năm là một khoảng thời gian rất dài, nó khiến cho những chiến binh cường tráng ngày nào trở thành những ông già yếu đuối, biến những đứa trẻ ngây thơ ngày nào thành những con người khát máu trên chiến trường. Trong 10 năm đầu của cuộc chiến tranh, hai bên ở thế giằng co bất phân thắng bại. Nhưng rồi những năm tháng tiếp theo, nguy cơ bắt đầu giáng xuống những người Athens, thất bại nối tiếp thất bại, tai họa bắt đầu từ cuộc chiến tại Sicily.

Đề tranh bá quyền, Athens lao vào cuộc chiến

Năm 416 TCN, một thành bang đồng minh của Athens trên đảo Sicily là Segesta bước vào cuộc chiến tranh khốc liệt với thành bang Selinus lân cận. Segesta cầu xin sự trợ giúp từ Athens. Về việc có nên xuất binh đến Sicily hay không, đã nổ ra một cuộc tranh luận kịch liệt giữa người đứng đầu phái chủ hòa là Nicias và lãnh tụ của phái chủ chiến là Alcibiades. Nicias khẳng định một cuộc viễn chinh đến Sicily là không cần thiết, ông đã chỉ ra những khó khăn to lớn mà quân đội Athens có thể gặp phải trong cuộc động binh này, đồng thời vạch rõ ý đồ riêng tư của Alcibiades, yêu cầu người Athens phải “để phòng tên thanh niên xa xỉ này, đừng để cho hắn có cơ hội vì vinh quang của riêng mình mà làm hại đến quốc gia”. Là một người có tài hùng biện, Alcibiades dễ dàng bẻ lại lập luận của đối phương, rằng mình chỉ đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu, những lời công kích của đối phương không làm ông phải bận tâm. Ông nói: “Người Sicily chỉ là một nhóm người ô hợp, chinh phục họ dễ như trở bàn tay. Thế lực của thành bang Athens chúng ta đã lớn đến dường này, chúng ta không thể không nghĩ đến chuyện chinh phục các vùng đất mới. Đoạt được vùng đất Sicily rộng lớn ấy, chúng ta sẽ có khả năng giành được bá quyền trên toàn lãnh thổ Hy Lạp”. Kết quả là trong lần Đại hội công dân này, ý kiến của Alcibiades đã chiếm được thế thượng phong. Đại hội quyết định giao cho Nicias, Alcibiades và Lamakashi toàn quyền phụ trách cuộc viễn chinh Sicily.



Bản ghi chép cuộc tranh luận trong Đại hội công dân về vấn đề nên hay không nên thực hiện một cuộc viễn chinh đến Sicily.

Tập kết quân đội, xuất binh đến Sicily

Đầu mùa hạ năm 415 TCN, công tác chuẩn bị quân lực đã được hoàn tất, thành bang Athens đã tập kết được một đội quân vô cùng hùng hậu gồm 136 chiến thuyền, 5.100 giáp binh, 1.200 bộ binh cơ động và 26.000 tay chèo. Sáng ngày xuất chinh, quân đội Athens cùng với lực lượng đồng minh tập trung tại hải cảng Andean (Piraeus), nhân dân Athens cũng đến đây từ rất sớm để tiễn đưa những người con thân yêu của mình lên đường viễn chinh. Đó là một chuyến đi rất hùng tráng và đầy xúc động trong lịch sử Athens. “Mọi người đều hết sức hăng hái và lạc quan, những người lớn tuổi cho rằng họ sẽ chinh phục được những vùng đất ấy, những người trẻ tuổi hy vọng sẽ có được những kinh nghiệm quý báu trong những năm tháng xông pha trong khói lửa chiến tranh. Hầu hết công dân và binh sĩ đều hy vọng cuộc viễn chinh sẽ đem lại cho đất nước những nguồn lợi to lớn, góp phần vào việc xây dựng một đất nước rộng lớn, hùng mạnh và trường tồn”. Khi đoàn binh cuối cùng đã bước lên thuyền, cùng với tiếng tù và ngân dài, những đoàn thuyền bắt đầu chậm rãi tiến ra khơi, hướng đến một vùng đất xa xôi đầy hiểm nguy bất trắc.

Bóng mây che mờ trước cuộc chiến

Trước tiên quân đội viễn chinh Athens hợp nhất với viện quân của đồng minh tại Corsica, sau đó tiếp tục đưa thuyền xuống miền Nam Italia. Vào thời gian này, có hai sự kiện phát sinh đã khiến cho cuộc viễn chinh của quân đội Athens bị phủ lên một đám mây mờ u ám. Sự kiện đầu tiên là, sau khi nhận lời cầu viện của đồng minh Segesta, các chiến binh Hy Lạp mới phát hiện ra một sự thật hết sức thất vọng, rằng Segesta là một đất nước quá nghèo, căn bản không thể chi trả kinh phí cho cuộc viễn chinh của quân đội Athens. Sự kiện thứ hai là thống soái Alcibiades, một trong ba vị thống soái toàn quyền của cuộc viễn chinh đã phản bội, chạy về lực lượng Sparta. vốn dĩ vào cái đêm trước ngày xuất chinh, có kẻ đã hủy hoại gương mặt của tượng thần Hemes, vốn được dùng làm vật chỉ đường tại các con đường của thành bang Athens. Hemes là con trai của thần Zeus trong thần thoại Hy Lạp cổ đại, người Athens tin tưởng Hemes có thể bảo hộ đường sá và trật tự xã hội. Vì vậy, sự kiện tượng thần Hemes bị hủy hoại đã tạo nên một làn sóng bất an trong toàn bộ kinh thành Athens. Để tìm ra kẻ phá hoại, nhà vua đã cho phép tất cả công dân đều có quyền mật cáo, Alcibiades bị điểm mật là người có tham dự vào chuyện này. Alcibiades yêu cầu nhà vua phải đưa ra một phán quyết dứt khoát trước khi xuất chinh, rằng ông có bị liên lụy gì vào bản cáo trạng này không. Biết Alcibiades là người rất có uy tín và nhận được sự yêu mến của binh sĩ, nên những kẻ chống đối cũng không dám đả kích ông trước cuộc xuất chinh, phải đợi đến khi đoàn thuyền đã xuất hành, những kẻ này mới nhất loạt tố cáo tội trạng của ông lên vua Athens. Đại hội công dân Athens quyết định triệu hồi Alcibiades về nước thẩm vấn. Alcibiades tự biết những gì đang chờ đợi mình tại Athens, nên đã quyết định đào tẩu trên đường quay trở lại. Đầu tiên, ông tìm đến Aegeshi, sau đó quay lại Sparta, hiến kế tăng viện cho Syracuse, vậy khôn thành bang Athens. Vốn biết Alcibiades là một vị tướng tài năng, Sparta vô cùng mừng rỡ và lập tức triển khai kế hoạch theo chiến lược của Alcibiades.



Hình ảnh Hermes, con trai thần Zeus.

Chủ soái nhu nhược, cuộc chiến rơi vào thế bế tắc

Sau hành động phản bội của Alcibiades, Nicias vẫn tiếp tục thống lĩnh hạm đội tiếp tục tiến về hướng Tây, vừa đến Sicily thì lập tức triển khai một cuộc quyết chiến kịch liệt với quân đội Syracuse. Sau một cuộc hành trình dài mệt mỏi, quân đội Athens chưa kịp khôi phục lại sức lực, thêm vào đó là sự nhu nhược, thiếu quyết đoán của thống soái Nicias, quân đội Athens đã mấy lần để vượt cơ hội giành được chiến thắng đã đến trong tầm tay, cuộc chiến nhanh chóng rơi vào tình thế kìm hãm, giằng co lẫn nhau. Để phá vỡ thế bế tắc, mùa xuân năm 441 TCN, Nicias và Lamakashi quyết định tiến hành một cuộc tấn công với quy mô cực lớn. Đầu tiên, quân đội Athens cố gắng chiếm lĩnh cứ điểm Egypt Bailey nằm bên ngoài kinh thành Syracuse, sau đó xây dựng một hệ thống tường thành bao vây toàn bộ Syracuse. Trong cuộc kịch chiến xây thành và chống xây thành, tướng quân Lamakashi đã tử trận, Nicias trở thành vị thống soái duy nhất của lực lượng viễn chinh Athens. Sau đó, Nicias lại tiếp tục cho hải quân tấn công vào Syracuse, cơ bản hoàn thành kế hoạch hợp vây thủy bộ, chỉ còn lại một đoạn đang thi công ở hướng chính Bắc, cách bờ biển chừng 1km.



Chiến trường cổ đương thời, từ di tích này ta có thể thấy được sự thảm khốc của chiến tranh.

Chỉ huy thiếu quyết đoán, Athens chuyển thắng thành bại

Trong lúc quân đội Syracuse đã mất hết tinh thần vì thấy kinh thành đã bị vây chặt, quân đội Sparta dưới sự thống lĩnh của Gileabus cũng tức tốc tiến đến Sicily, vượt qua khu vực trồng đang xây dựng ở chính Bắc tiến vào Syracuse. Quân đội Sparta nhanh chóng liên lạc được với đội quân đang bị vây khốn của Syracuse và tiến hành một cuộc phản công. Chỉ sau một cuộc giáp chiến kịch liệt, liên quân Sparta và Syracuse không chỉ đánh tan vòng vây của quân đội Athens mà còn chiếm giữ lại được điểm cao Egypt Bailey, công phá luôn cả lá chắn trọng yếu Sepulion. Cùng thời gian ấy, hạm đội của Corinth phá vỡ tuyến phong tỏa trên biển của hải quân Athens, đưa chiến thuyền xâm nhập vào hải cảng Syracuse, tiếp tục hợp sức với lực lượng hải quân Syracuse và tiến hành một cuộc phản công thần tốc vào hạm đội Hy Lạp. Thấy tình thế đã đảo ngược hoàn toàn, Nisias lập tức thu hồi binh lực, giữ thế phòng thủ, đồng thời phái người tức tốc mang thư về Athens, yêu cầu tăng viện. Sau khi nhận được thư hỏa tốc, Đại hội công dân Athens lập tức phái hai danh tướng là Demoshitini và Jurimeturn thống lĩnh 73 chiến hạm cùng 5.000 bộ binh hậu tuyến và số lượng lớn bộ binh tiền tuyến tức tốc tiến về Sicily, quyết tâm kết thúc cuộc chiến. Y vào Ưu thế binh lực, không lâu sau khi lên bờ, Demoshitini chủ động mở một cuộc tấn công vào điểm cao Egypt Bailey trong một đêm tối. Liên quân Syracuse và Sparta ngoan cường chống trả, 2.000 chiến binh Athens tử trận, kế hoạch chiếm đóng cứ điểm Egypt Bailey thất bại hoàn toàn.



Những chiến binh Sparta thiện chiến trên bộ đã đánh tan hoàn toàn đội quân viễn chinh của Athens.

Bấy giờ, Demoshitini mới biết tình hình không hề đơn giản như ông vẫn nghĩ, đặc biệt là tinh thần xuống dốc của các binh sĩ, ai ai cũng trông ngóng được trở về quê hương. Thêm vào đó, doanh trại của quân viễn chinh Athens lại đồn trú trên một vùng đầm lầy, số binh sĩ mắc bệnh ngày một tăng, đừng nói đến chuyện giành chiến thắng, đến cả niềm hy vọng bảo toàn mạng sống để về được quê hương cũng hết sức mong manh. Trong tình cảnh ấy, Demoshitini đề nghị Nisias rút quân. Thế nhưng, Nisias sợ phải gánh trách nhiệm của một kẻ bại tướng, nên kiên quyết duy trì cuộc chiến. Bấy giờ, viện binh của Sparta đã đến được Sicily, Syracuse cũng chiêu mộ được nhiều viện binh mới, ưu thế về mặt quân số của Athens đã không còn nữa. Nisias nhận được tin báo vô cùng hoảng sợ, cuối cùng ông đành phải ra lệnh cho toàn quân nhanh chóng rút lui. Trong lúc quân đội viễn chinh Athens lũ lượt rút lên chiến hạm, chuẩn bị rút về nước thì xảy ra hiện tượng nguyệt thực.

Vốn là một viên tướng cẩn trọng quá mức, Nisias lập tức hạ lệnh đình chỉ mọi hoạt động, cho gọi thầy chiêm tinh đến bốc quẻ. Lời từ trong quẻ bói là “Phải đợi thêm 27 ngày sau mới có thể động binh”. Thế là kế hoạch rút quân lại được trì hoãn thêm nhiều ngày nữa. Chính trong thời khắc cần sự quyết đoán nhất, Nisias lại không. Những chiến binh Sparta thiện chiến trên bộ đã đánh tan hoàn toàn đội quân viễn chinh của Athens. kiên quyết, khiến cho toàn bộ quân đội viễn chinh Athens bị dồn vào đường cùng.

Toàn quân bị diệt, âm mưu bá quyền trên biển tiêu tan

Người Syracuse và Sparta không vì nguyệt thực mà tạm ngưng cuộc chiến, họ lại tiếp tục triển khai những cuộc tấn công ác liệt về phía quân đội Athens. Ngày 3 tháng 9, một trận tập kích nổ ra bên trong hải cảng, 76 chiến thuyền của Syracuse đã đánh bại 86 chiến thuyền của Athens, dũng tướng Jurimeturn tử trận. Những chiến thuyền còn sót lại bị đánh lùi về phía sau. Quân đội Syracuse nhân cơ hội này bịt chặt hải cảng, phong tỏa hoàn toàn hải quân Athens.

Trước tình hình đó, Nisias không còn màng đến “ý trời” nữa, ông lập tức ra lệnh cho tất cả quân đội – ngoại trừ lực lượng cố thủ – tất cả đều phải lên thuyền, quyết chiến một trận sống mái cùng quân địch. Trong ngày hôm đó, hải cảng Sicily đã diễn ra một trận chiến ác liệt chưa từng thấy. Chiến thuyền của hai bên cuốn vào nhau, tiếng gào thét long trời lở đất. Sau khi các chiến thuyền đã tiếp cận vào nhau, binh lực của hai bên bắt đầu sử dụng những mũi thương dài tấn công lẫn nhau. Cuộc chiến đã diễn ra trong một thời gian rất lâu, cuối cùng thì đội quân viễn chinh Athens đã không thể tiếp tục đứng vững. Không còn phương án nào khác, Nisias đành phải ra lệnh cho lực lượng tàn quân rút vào đất liền.

Hải chiến là sở trường của người Athens, trong khi người Sparta lại là những chiến binh bất bại trên đất liền. Dưới sự bao vây và công kích của liên quân Syracuse – Sparta, tàn binh Athens tiếp tục ngã gục hết lớp này tới lớp khác. Đến rạng sáng ngày thứ sáu, lực lượng liên quân đã bao vây toàn bộ 6.000 binh sĩ hộ vệ của Demoshitini, buộc viên tướng này phải đầu hàng, sau đó lại truy kích lực lượng của Nisias. Một cuộc giao chiến nổ ra, lực lượng rệu rã của Athens không còn là đối thủ ngang tầm của các chiến binh Sparta nữa, thống soái Nisias bị bắt làm tù binh, quân đội Athens hoàn toàn bị tiêu diệt.



Trận thủy chiến giữa quân đội Athens và Sparta, kết thúc bằng sự thảm bại của đội quân viễn chinh Athens.

Sau cuộc chiến, Syracuse và Sparta lại nuốt lời hứa, ra lệnh giết chết Nisias và Demoshitini. Hầu hết tù binh Athens đều bị bán làm nô lệ, chỉ một số rất ít có được may mắn trở về cố hương Athens.

Số binh lính Athens bỏ mạng trong cuộc chiến Sicily là gần 5 vạn người, nguồn lực quốc gia bị tổn thất nặng nề. Từ đó về sau, các đồng minh trên biển của Athens lần lượt tan rã, giấc mộng xưng bá Hý Lạp cổ đại của thành bang Athens cũng tan thành mây khói.

“Bãi đất vàng” trên biển Địa Trung Hải

Thủ phủ Palermo nằm ở tây bắc đảo Sicily, nước Ý. Đảo Sicily nằm ở tây nam bán đảo Italian, được ví như quả banh nằm trên “chiếc ủng” vươn ra Địa Trung Hải là nước Ý. Sicily là đảo lớn nhất trong vùng biển Địa Trung Hải. Đây là một đảo có đất đai rộng lớn và phì nhiêu, khí hậu ôn hòa, phong cảnh tươi đẹp, đặc biệt có rất nhiều cam, chanh và ô liu. Do có điều kiện tự nhiên rất thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, Sicily vẫn thường được lịch sử nhắc đến với danh hiệu “bãi đất vàng”.

❖ CHINH PHẠT BA TƯ

Tục ngữ có câu “Ba mươi năm sông chảy về đông, ba mươi năm sông chảy về tây”. Có lẽ cả Quốc vương Darius, Xerxes v.v... có năm mơ cũng không nghĩ tới, một trăm năm sau ngày đại quân Ba Tư tung hoành ngang dọc trên đất nước Hy Lạp cổ đại, lớp người hậu duệ của đất nước quật cường này lại có thể kẻ gươm chĩa giáo lên con cháu của mình. Thời gian diễn ra chiến dịch Granicus, cũng chính là thời gian mà con cháu dân tộc Ba Tư hùng cường phải trả lại món nợ ngày nào đã gây ra đối với dân tộc Hy Lạp cổ đại.

Nhắc đến chiến dịch Granicus, trước tiên phải nhắc đến vị hoàng đế lừng danh của vương quốc Macedonia là Alexander và phụ thân ông.

Vương quốc Macedonia nằm ở phía bắc bán đảo Hy Lạp, với một nền văn minh phát triển tương đối muộn. Trong thời gian diễn ra cuộc chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư, đất nước Macedonia từng một lần rơi vào ách thống trị của Ba Tư. Thời gian nổ ra cuộc chiến Peloponnese để tranh giành quyền lực giữa hai thành bang Athens và Sparta cũng chính là thời kỳ đất nước Macedonia có những bước phát triển nhanh chóng, với cột mốc lịch sử là sự đăng quang của vua Philip II – phụ thân của Alexander Đại đế. Chỉ sau vài năm, Philip II đã thống nhất toàn bộ lãnh thổ Hy Lạp cổ đại, vạch ra kế hoạch chinh phục phương Đông. Thế nhưng, một sự biến bất ngờ đã xảy ra, Philip II bị một thích khách mưu sát. Rất có khả năng thích khách là một người Ba Tư, nhưng đó cũng chỉ là một giả thuyết lịch sử chưa thể chứng thực. Sau cái chết của Philip II, Alexander lập tức trở thành hoàng đế Macedonia.



Tượng đầu Philip II, quốc vương Macedonia.

Trong lịch sử Macedonia, Alexander được tôn xưng là Alexander III. Từng là học trò của nhà triết học lỗi lạc Aristotle, có thể nói, Alexander là người thấu hiểu căn cơ về nền văn minh Hy Lạp cổ đại. Alexander có nhiều cơ hội đi cùng cha mình trong những cuộc chinh phạt, tham gia vào bộ máy chỉ huy trong chiến dịch Kaluonie. Vì vậy, tuy chỉ là một hoàng đế lên ngôi vào năm 20 tuổi, nhưng ông đã là một con người đầy tài năng và vô cùng tham vọng. Sau cái chết của Philip II, giai cấp quý tộc Macedonia bắt đầu trở mặt làm phản, các bộ lạc ở phương bắc và người Thebes ở phương Nam cũng lần lượt vùng lên khởi nghĩa. Alexander lần lượt có những hành động trấn áp đối với các thế lực phản động. Để răn đe các thành bang còn lại, Alexander đã có những hành động vô cùng tàn khốc đối với thành bang Thebes, thành thị bị san thành bình địa, dân chúng đều bị bán làm nô lệ.



Lực lượng bộ binh Macedonia do Philip II lập ra để phòng vệ và tấn công.



Phù điêu mô tả chiến binh Macedonia trên lưng ngựa.

Tham vọng xưng bá, Alexander tấn công Ba Tư

Mùa xuân năm 334 TCN, Alexander thông lĩnh đại quân, tức tốc vượt qua eo biển Hellespont (nay là eo biển Dardanelles), tiến vào vùng đất Tiểu Á. Đế quốc Ba Tư tuy có 400 chiến hạm, nhưng lại chưa kịp triển khai kế hoạch phong tỏa eo biển, đánh mất cơ hội tốt nhất để ngăn chặn kẻ địch ngay từ bước đầu. Tương truyền, trong thời gian đưa đoàn chiến hạm vượt qua eo biển, Alexander từng đích thân cầm lái con tàu chỉ huy của mình. Ông còn hiến tế cho hải thần một cái đầu bò, dùng rượu được rót trong chén vàng đổ xuống mặt biển để hiến tế cho Hải thần nương nung. Ngoài ra, mọi người còn tương truyền rằng, chính ông là người đầu tiên trong đội quân Đông chinh đã đặt chân lên đại lục châu Á. Một đàn tế tại nơi xuất hành và nơi đổ bộ được dựng lên, Alexander ra lệnh cử hành những nghi lễ long trọng để cầu xin sự phù hộ của thần Zeus và nữ thần Athena. Sau buổi lễ tế, Alexander tức tốc đưa quân vượt qua con sông Granicus.

Hoàng đế trị vì Ba Tư trong thời gian này là Darius III, nhân được tin báo quân đội Macedonia đã tiến đến dòng sông Granicus, ông đã lập tức ra lệnh cho Tổng đốc các tỉnh của vùng tiểu Á là Meinong làm chỉ huy tiền tuyến, nghênh chiến với quân đội Macedonia. Trong Hội nghị tác chiến, Meinong đề nghị thành lập chiến trường tại Tiểu Á, dụ địch chui vào ổ mai phục, sau đó phóng hỏa đốt hết lương thực của địch, cắt hết đường rút lui, bao vây cho đến khi kẻ địch tự ngã gục vì đói khát. Thế nhưng kế hoạch của ông không được các vị tổng trấn Tiểu Á tán thành, không ai muốn rời bỏ địa bàn của mình, mà chủ trương chặn đứng quân đội Alexander ngay tại dòng sông Granicus.



Hình ảnh một chiến binh Macedonia đang cử hành nghi lễ bái tế hải thần.

Hội nghị cuối cùng đã chấp nhận ý kiến của các vị Tổng đốc (toàn quyền). Khi đại quân Macedonia đến gần bờ sông, quân đội Ba Tư đã chờ sẵn trên một địa thế khá cao ở phía đông ngạn, trong đó đội kỵ binh với thế trận hình vuông được bố trí dọc theo bờ sông, tổng cộng có đến trên dưới 2 vạn binh sĩ. Phía sau lực lượng kỵ binh còn có hơn một vạn bộ binh, đa số là những binh lính đánh thuê người Hy Lạp.

Alexander quyết tâm giành chiến thắng tại dòng sông Granicus

Ngay khi đạo quân của Alexander chuẩn bị tiến đến con sông Granicus thì nhận được tin báo khẩn cấp từ lực lượng trinh thám rằng quân đội Ba Tư đã dàn sẵn thế trận bên kia bờ sông. Alexander cho quân triển khai đội hình, cẩn thận quan sát động tĩnh của kẻ địch ở phía bên kia. Bộ tướng Parmenion tiến lên bẩm tấu: “Thưa hoàng đế, theo ý kiến của tôi, chúng ta nên lập tức hạ trại bên này sông. Tôi tin rằng, với lực lượng bộ binh ít hơn chúng ta, quân đội Ba Tư sẽ không dám manh động. Vì vậy, chúng ta có thể đợi đến trời sáng rồi hãy qua sông, tránh được những bất trắc có thể xảy ra. Căn cứ vào tình hình trước mắt, tôi cảm thấy, nếu để quân ta lập tức hành động ắt sẽ đối mặt với những nguy cơ rất lớn, chúng ta không thể cùng lúc vượt sông trong một địa hình quá trống trải như thế này. Hơn nữa, ngài hãy nhìn xem, bờ sông thì quá cao, có những chỗ chằng khác gì vách núi dựng đứng, nếu quân chúng ta gặp phải sự tấn công của kỵ binh địch thì thật khó lòng chống đỡ. Xuất binh thất thế, đối với tình thế trước mắt, hậu quả sẽ rất nghiêm trọng, đối với toàn cục, sẽ càng nguy hại hơn”. Thế nhưng, Alexander lại đồng ý trả lời: “Ta không thể để cho con sông này ngăn cản bước đi của ta. Người Ba Tư cứ tưởng họ cũng là những chiến binh dũng cảm giống như người Macedonia chúng ta. Nhưng đó chỉ là vì họ chưa bao giờ phải nếm trải những giây phút kinh hoàng mà thôi. Đây là lúc để cho bọn chúng biết được dũng khí của những chiến binh Macedonia”. Nói xong, Alexander lập tức triệu tập tướng lĩnh, chia binh lực ra làm ba cánh tả, trung và hữu, chuẩn bị vượt sông.



Một bức tranh sơn dầu, thể hiện cảnh binh đoàn Macedonia đang xông lên giữa chiến trường với thế trận hình vuông.

Trước khi hành động, hai bên đứng ghìm nhau ở hai bờ sông, án binh bất động, thình lạng như tờ. Đột nhiên, Alexander phóng mình lên ngựa, dương cao ngọn giáo dài, ra lệnh cho mũi tiền phong xuất kích. Tiếp đó, ông đích thân thống lĩnh hai cánh quân tả hữu, kẻ thối tù và, người người hò hét, cùng nhau vượt sông trong một khí thế hùng hục. Quân đội Ba Tư trông thấy cảnh ấy, lập tức chuẩn bị cung tên và các ngọn lao. Khi một trận mưa tên lập tức trút xuống dòng sông Granicus. Quân đội Macedonia không hề chùn bước, hết lớp này ngã xuống lại có lớp khác xông lên. Alexander dũng mãnh đi trước đoàn quân, ra lệnh cho tất cả binh sĩ lao thẳng về phía quân địch, một số đại tướng Ba Tư đã ngã ngựa, đại quân Macedonia bắt đầu tiến được lên bờ, kỵ binh hai bên lao vào một cuộc chiến vô cùng ác liệt. Cuộc chiến kéo dài suốt mấy giờ, cả con trai và con rể của Darius III đều tử trận trong cuộc hỗn chiến. Quân đội Ba Tư dần dần lùi lại và cuối cùng đã bị đánh vỡ hoàn toàn. Lực lượng bộ binh đánh thuê với thế trận hình vuông quen thuộc của người Hy Lạp vẫn tiếp tục ngoan cường kháng cự. Nhưng trước thế bao vây công kích của quân đội Macedonia, ngoại trừ 2.000 binh sĩ bị bắt làm tù binh, toàn bộ binh lực của Ba Tư đều ngã gục tại chiến trường.



Một bức tranh miêu tả khung cảnh thắng trận của đội quân viễn chinh dưới sự chỉ huy của Alexander Đại đế.



Bức tranh sơn dầu “Alexander Đại đế tiếp kiến phái đoàn sứ giả Ấn Độ”.

Sau cuộc chiến, Alexander ra lệnh áp giải 2.000 tù binh là lính đánh thuê Hy Lạp trở về Macedonia làm nô lệ. Ngoài ra ông còn cho người đem 300 bộ giáp sắt của quân đội Ba Tư gửi về Athens để làm tế phẩm dâng lên Nữ thần Athena cùng với những lời kính từ sau: “Xin dâng lên những chiến lợi phẩm lấy được từ tay của kẻ thù Ba Tư tại vùng đất Á châu. Con trai của Philip và toàn thể nhân dân Hy Lạp (ngoại trừ người Sparta) là Alexander xin kính dâng”.

Chiến thắng đầu tiên trong cuộc Đông chinh đã cổ vũ rất lớn cho sĩ khí của Alexander và đại quân Macedonia. Từ đó về sau, như một lưỡi gươm sắc bén được trao vào tay của một chiến binh thiện nghệ, quân đội viễn chinh nhanh chóng đâm thẳng vào tận tim gan của đế quốc Ba Tư.

Alexander Đại đế

Alexander là người sáng lập nên Đế quốc Alexander, hiệu là “Đại đế”. Năm 336 TCN, ông kế thừa vương vị của vua cha là Philip II, trở thành vua Macedonia khi mới tròn 20 tuổi. Bắt đầu từ năm 16 tuổi, Alexander đã được theo cha chinh chiến khắp nơi. Ngay từ thời còn bé, Alexander đã tỏ ra hiếu chiến, ngang ngược bá đạo và luôn nuôi mộng thống trị thế giới của mình. Người ta kể rằng, mỗi khi nghe tin thắng trận của cha mình, Alexander lại vô cùng buồn bã, chỉ lo không còn cơ hội để thực hiện giấc mộng vinh quang, chinh phục thế giới của mình. Alexander là người nhiệt tình đến cuồng bạo, một ý chí sắt đá và một trí tuệ xuất chúng, ngoài ra ông còn có khả năng phán đoán nhạy bén và biết tùy cơ ứng biến trong những tình huống khó khăn nhất. Trong chiến dịch Kaluonie, Alexander được giao quyền chỉ huy đội quân cánh hữu của Macedonia và đã giành được chiến thắng vang dội.



Lực lượng bộ binh và kỵ binh Macedonia dưới sự chỉ huy của Alexander.

NHỮNG CÂU ĐỐ THẦN BÍ VỀ NỀN VĂN MINH HY LẠP CỔ ĐẠI

So sánh với những dòng sông vĩ đại, những cánh đồng phì nhiêu bát ngát của các quốc gia văn minh phương Đông cổ đại, Hy Lạp cổ đại là một quốc gia có địa hình hiểm trở, đất ít núi nhiều, bờ biển quanh co, cùng với vô số những đảo lớn nhỏ. Có thể dễ dàng nhận thấy, đại dương đã trở thành khí hậu chính của vùng đất này, trong chừng mực nào đó, đã ảnh hưởng đến toàn bộ lịch sử và nền văn hóa của nền văn minh phương Tây cổ đại này.

Trong thời kỳ tồn tại của nền văn minh Hy Lạp cổ đại, trên bán đảo Hy Lạp cổ và các đảo thuộc khu vực biển Aegean, đã có hàng trăm quốc gia thành bang được hình thành, tuy chưa bao giờ đi đến thống nhất về mặt chính trị, nhưng lại tương đối thống nhất với nhau về mặt dân tộc, ngôn ngữ, văn hóa và phong tục.

Sự biến đổi về mặt địa lý cùng với sự biến mất của rất nhiều hiện vật đã biến nền văn minh Hy Lạp cổ trở thành một vùng đất với vô vàn những bí mật không thể giải đáp. Châu Atlantis chìm dưới đáy đại dương, ngựa gỗ khổng lồ thành Troy v.v... đều là những trầm tích của ngàn năm lịch sử, khiến cho nền văn minh Hy Lạp cổ đại càng thêm kỳ ảo, huyền bí.

❖ CHÂU LỤC ATLANTIS THẦN BÍ CÓ PHẢI ĐÃ CHÌM DƯỚI ĐÁY ĐẠI TÂY DƯƠNG?

Đầu thập niên 1970, một nhóm nghiên cứu khoa học đã tìm đến vùng biển Đại Tây Dương, tại khu vực gần kề với quần đảo Azores. Họ đã khoan được một mẫu đá ở độ sâu 800m. Kết quả giám định cho thấy, vào khoảng 12.000 năm trước đây, vùng đất này quả thật là một mảnh lục địa. Những kết luận được rút ra bằng phương pháp ứng dụng khoa học kỹ thuật hoàn toàn đồng nhất với những gì mà Platon đã miêu tả trong tác phẩm của mình. Đây có phải là nơi châu lục Atlantis đã chìm xuống? Rất nhiều nhà khoa học đã dốc hết tâm trí vào việc truy tìm tung tích của “trung tâm văn minh” ban sơ này, nhưng mãi đến hôm nay, vẫn chưa thu được một kết quả nào khả quan.

Sự biến mất kỳ lạ của lục địa Atlantis

Tương truyền, bên dưới đáy biển sâu thẳm của Đại Tây Dương, có một quốc gia đã bị chìm đắm, đó chính là châu lục Atlantis. Người đầu tiên có những ghi chép về châu lục Atlantis là nhà triết học Platon của Hy Lạp cổ đại. Trong tác phẩm “Kerry” của mình, Platon đã miêu tả châu lục Atlantis là trung tâm văn minh của toàn thế giới. Quốc gia ấy còn rộng lớn hơn cả diện tích của Libia và Tiểu Á cộng lại, thế lực của nó vươn đến Ai Cập và vùng biển Italia.

Về sau, Atlantis liên tiếp phát động những cuộc chiến tranh với các quốc gia Ai Cập, Hy Lạp và các dân tộc khác trong vùng biển Địa Trung Hải. Trong cuộc chinh chiến sau cùng với thành bang Athens, vấp phải sự kháng cự vô cùng ngoan cường của lực lượng này, toàn bộ quân đội Atlantis phải rút lui về nước. Không lâu sau đó, một cơn địa chấn khủng khiếp đã nhận chìm Atlantis xuống lòng biển sâu thẳm.



Bản đồ lục địa Atlantic được tái hiện vào thế kỷ 17, dựa trên những miêu tả trong tác phẩm của Platon.

Người khai phá Atlantis là hải thần Poseidon. Posei-don cưới một cô gái vô cùng xinh đẹp tên là Cleto làm vợ và có được 10 con trai. Poseidon chia Atlantis thành 10 phần và giao cho 10 người con của mình mỗi người nắm quyền một nơi. Đó chính là 10 vị nhiếp chính vương đầu tiên của Atlantis. Họ từng giao ước, các bên sẽ không bao giờ gây chiến với nhau, khi có một bên gặp nạn, các bên còn lại sẽ hết lòng giúp sức.



Hải thần Poseidon, vị thần sáng lập Atlantis.

Atlantis có bờ biển rất dài, núi cao hùng vĩ, đồng bằng bát ngát, dân chúng chủ yếu sống bằng các nghề trồng trọt, khai thác khoáng sản quý như vàng bạc cùng với nghề chăn nuôi và săn thú. Từ thành thị cho đến nông thôn, nơi đâu cũng ngập tràn hoa tươi, rất nhiều người dân sống bằng nghề chế biến nước hoa. Các thành thị rất đông dân và vô cùng náo nhiệt. Trong thành phố có rất nhiều hoa viên, khắp nơi đều có thể nhìn thấy những công trình kiến trúc quy mô lớn như đền thờ, sân khấu kịch, đấu trường và nhà tắm công cộng, được xây dựng bằng ba loại đá cẩm thạch có màu đỏ, trắng và đen. Trên bến cảng, thương thuyền vào ra tấp nập,

thương nhân từ khắp các nơi trên thế giới đều đổ về đây làm ăn buôn bán.

Cùng với sự cường thịnh của đất nước, dã tâm của vương quốc Atlantis cũng ngày càng lớn hơn. Họ quyết tâm phát động những cuộc chiến tranh với quy mô lớn, tham vọng có thể thống trị toàn bộ thế giới. Thế nhưng, sau một trận địa chấn kèm những cơn đại hồng thủy dữ dội, chỉ trong một ngày một đêm, toàn bộ đất nước Atlantis đã bị chôn vùi vĩnh viễn vào trong lòng biển giá lạnh.



Với điều kiện thiên nhiên vô cùng ưu đãi, nông dân Atlantis có thể thu hoạch hai mùa trong một năm.

Những người Hy Lạp sinh sống vào thời kỳ cực thịnh của nền văn minh dân tộc không hoàn toàn quên mất sự hiện diện của nền văn minh Atlantis, và họ cũng không bao giờ quên đi trận đại họa đã ập xuống dân tộc bất hạnh kia, tất cả những sự kiện ấy đã được lưu truyền từ đời này qua đời khác dưới hình thức một câu chuyện truyền thuyết.

Cũng theo suy đoán của nhà triết học Platon được trình bày trong một tác phẩm khác của ông, thì Atlantis đã bị chìm xuống đáy biển vào khoảng 11.150 năm về trước. Platon từng nhiều lần nhắc lại trong tác phẩm của mình, những sự kiện về đất nước Atlantis mà ông biết được đều là những câu chuyện được truyền khẩu lâu đời trong dân gian, hoàn toàn không phải là chuyện hư cấu, bịa đặt do ông dựng nên. Tương truyền, Platon còn đích thân tìm đến Ai Cập, gặp gỡ các vị tăng lữ danh tiếng để thỉnh giáo về vấn đề này.

Người thầy danh tiếng của Platon là Socrates khi nhắc đến Atlantis cũng từng nói: "Hay ở chỗ Atlantis là một câu chuyện có thật, điều này có giá trị lớn hơn nhiều so với những câu chuyện hư cấu".

Bí mật về đại lục Atlantis bao giờ sẽ được giải đáp?

Nếu như câu chuyện về lục địa Atlantis mà Platon đã nhắc đến là có thực, vậy thì, ngay từ 12.000 năm về trước, đã có một nền văn minh xuất hiện trên thế giới. Nhưng lục địa Atlantis ngày ấy đích xác là ở nơi đâu? Hàng ngàn năm qua, nhân loại vẫn luôn cảm thấy vô cùng hứng thú với câu hỏi này. Mãi đến thập niên 1960, tại vùng biển Bermuda, cùng với các khu vực lân cận của quần đảo Bahamas, bán đảo Florida phía Tây Đại Tây Dương, các nhà khoa học đã liên tiếp phát hiện ra những di chỉ làm chấn động cả thế giới.



Một bức bích họa do các họa sĩ đời sau thực hiện, miêu tả một thiếu nữ Atlantis đang chơi nhạc.

Vào một ngày đẹp trời năm 1968, mặt biển Đại Tây Dương tại khu vực quần đảo Bahamas trở nên yên lặng như tờ, nước biển trong xanh đến độ có thể trông đến tận đáy. Một nhóm thợ lặn đang trên đường quay trở về đảo Rimini trên một chiếc thuyền nhỏ thì bất chợt có người hét lên: “Dưới đáy biển có một đại lộ”, các thủy thủ khác không hèn mà cùng cúi nhìn xuống dưới, bên dưới đáy biển trong xanh hiện lên rõ nét một con đường được lát bằng những khối đá rất lớn. Đó là một con đường được lát bằng những khối đá hình chữ nhật và hình đa giác, có độ dày và lớn nhỏ không đều nhau, nhưng được xếp hết sức ngay ngắn chỉnh tề. Đây có phải là con đường mà các kỵ binh Atlantis đã từng sử dụng?

Năm 1974, một chiếc thuyền nghiên cứu Hải dương học của Liên Xô đã chụp được 8 bức hình dưới đáy Đại Tây Dương – kết hợp lại thành một công trình kiến trúc vĩ đại. Có phải đây lại là một công trình kiến trúc do bàn tay trí tuệ của người Atlantis dựng nên?

Năm 1979, với những dụng cụ thăm dò và đo đạc tiên tiến nhất, một nhóm các nhà khoa học người Mỹ và Pháp đã tiến hành rà soát và phát hiện được một Kim tự tháp bên dưới đáy biển “Tam giác Bermuda”. Bên dưới Tháp có hai hang động rất lớn, nước biển liên tục ra vào hai hang động này với một tốc độ kinh người.

Đây có phải là tòa Kim tự tháp do người Atlantis dựng lên. Quân đội Atlantis từng chinh phục Ai Cập, phải chăng chính người Atlantis đã đem kỹ thuật xây dựng Kim tự tháp đến Ai Cập? Châu Mỹ cũng có những Kim tự tháp khổng lồ, nguồn gốc của chúng là từ Ai Cập, hay đến từ châu lục Atlantis?

Năm 1985, hai thủy thủ người Na Uy đã phát hiện được một tòa thành cổ bên dưới khu vực tam giác Bermuda. Dựa vào những tấm hình mà hai thủy thủ này đã chụp được, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra một bình nguyên rộng lớn, những con đường chạy ngang dọc, những căn nhà mái tròn, những đấu trường, tu viện v.v... Cả hai đã phát biểu trong một niềm phấn khích tột cùng: “Không còn hoài nghi gì nữa, những gì mà chúng tôi đã phát hiện được chính là thành phố Atlantis. Nó hoàn toàn giống với những gì mà Platon đã miêu tả”. Đó có phải là một sự thật?

Đáng tiếc là “tòa kim tự tháp” dưới đáy biển “Bermuda” chỉ là một vật thể được xác định bằng phương pháp đo lường trên mặt biển, đến nay vẫn chưa có một nhà khoa học nào có thể chứng minh nổi, đó có thật sự là một công trình do bàn tay con người xây dựng hay không, bởi

rất có thể, nó chỉ là một ngọn núi hình chóp nằm dưới đáy biển mà thôi. Trước mắt, cũng chưa có ai chứng thực nó là một di chỉ của Atlantis.



Sơ đồ cung điện Atlantis được thể hiện lại bằng trí tưởng tượng.



Theo khảo chứng của một số nhà khoa học, các cung điện của Atlantis thời đó cũng hùng vĩ không kém gì những đền thờ Hy Lạp cổ đại.

Về con đường đá bên dưới vùng biển thuộc đảo Rimini, nghe nói sau này đã có một nhà khoa học lặn xuống đáy biển, lấy được một mẫu đá của con đường này và tiến hành phân tích hóa học. Kết quả cho thấy, con đường bằng đá này có tuổi thọ chưa đến 10.000 năm, mà nếu nó thật sự là một con đường do người Atlantis xây dựng, thì ít nhất nó cũng phải có tuổi đời trên 10.000 năm mới hợp lý. Riêng về những tấm ảnh mà hai thủy thủ người Na Uy đã chụp được, đến nay vẫn không thể xác định được tính chân thật của chúng.

Tóm lại, cho đến ngày nay, chúng ta vẫn chỉ có được một kết luận duy nhất mang tính xác thực là có một lục địa đã bị nhận chìm bên dưới đáy biển Đại Tây Dương.

Nếu quả thực trên vùng biển Đại Tây Dương đã từng tồn tại nền văn minh Atlantis, rồi bị nhân chìm xuống đáy biển sâu như những gì mà nhà triết học Platon đã miêu tả, thì nhất định sớm muộn chúng ta sẽ tìm được những di chỉ của nền văn minh ấy. Đáng tiếc là cho đến tận hôm nay, vẫn chưa có một nhà khoa học nào tuyên bố mình đã tìm được di chỉ của nền văn minh Atlantis bên dưới đáy biển Đại Tây Dương. Vì vậy, cho đến nay, Atlantis vẫn là một bí mật chưa thể giải đáp.

Truyền thuyết về “Atlantis”



Sơ đồ phục chế tòa cổ thành Atlantis dưới đáy biển.

Có một truyền thuyết liên quan đến đại lục Atlantis được kể lại như sau: khi các vị thần trên trời tiến hành phân chia lãnh thổ, đại lục Atlantis được trao cho hải thần Poseidon nắm giữ. Poseidon yêu một thiếu nữ xinh đẹp tên là Cleto, rồi cưới nàng làm vợ. Hai người có được năm cặp sinh đôi, tất cả đều là con trai. Đến khi các con đã trưởng thành, Poseidon bèn phân chia lãnh thổ cho 10 anh em cùng nhau cai quản. Đó chính là 10 vị vua đầu tiên của vương quốc Atlantis. Trong đó người anh cả Atlantis được tôn xưng là “vua trong các vua”. Vì vậy, vương quốc này còn được gọi là “Atlantis”.



Bức bích họa của người Hy Lạp cổ đại miêu tả cảnh một chiến binh Atlantis chiến đấu cùng mãnh thú.

Atlantis có một nền văn minh vô cùng phát triển, xã hội của họ đã được phân thành những giai cấp hết sức rõ ràng; dân số vào khoảng 12 triệu người; phân công nông nghiệp hết sức khoa học; khí hậu thích hợp giúp họ có thể thu hoạch hai mùa nông phẩm trong năm; một hệ thống chữ viết hoàn chỉnh; đã bắt đầu sử dụng kim loại quý và hợp kim; hoạt động mậu dịch với các vùng đất xa xôi thông qua đường biển cũng hết sức phát đạt.

Ngoài ra, vương quốc Atlantis còn có một hệ thống công trình công cộng rất đa dạng và hùng vĩ như đền thờ Poseidon, tự miếu, kịch trường mái tròn, đấu trường, nhà tắm công cộng v.v... Tổ chức quân sự của họ cũng hết sức hoàn chỉnh, lãnh thổ quốc gia được chia thành 9 vạn khu vực quân sự, mỗi khu vực có một quan chỉ huy, phụ trách 12 binh sĩ, 2 chiến sĩ, 1 chiến xa cùng với những vật dụng cần thiết khác.

Đáng tiếc là một đại lục văn minh như thế lại đột ngột biến mất chỉ trong một cơn đại họa. Chính vì vậy, không ít người nghĩ rằng đây chỉ là một câu chuyện hư cấu mà thôi.

❖ CÓ PHẢI ĐẠI ĐẾ ALEXANDER ĐÃ CHẾT VÌ BỊ ĐẦU ĐỘC?

Trong thế giới Hy Lạp cổ đại, có rất nhiều hiện vật liên quan đến Alexander Đại đế như tượng, phù điêu, bích họa v.v... Tại Ai Cập, cho đến hôm nay chúng ta vẫn còn được nghe nhắc đến một trong những hải cảng nổi tiếng nhất thế giới mang tên Alexander. Tất cả những di vật ấy đều khiến cho chúng ta liên tưởng đến một con người đầy tham vọng, đã từng rong ruổi trên khắp các vùng đất của châu Âu và châu Á, ôm khát vọng chinh phục thế giới, đó chính là Alexander Đại đế, người xây dựng nên một đế quốc hùng mạnh và vĩ đại. Thế nhưng, Đồng tiền có in hình Alexander Đại đế được sử dụng rộng rãi ở Hy Lạp và các vùng thuộc quyền cai trị của nó. quốc gia hùng cường ấy chỉ tồn tại vồn vện trong 13 năm, nó đã kết thúc nhanh chóng cùng với cái chết bí mật của người đã gây dựng nên nó. Rốt cuộc thì Alexander Đại đế đã chết như thế nào? Rất nhiều chuyên gia đã không ngừng khám phá, hy vọng có thể tìm ra một vài manh mối cho câu hỏi hóc búa trên.



Năm 323 TCN, đội quân viễn chinh của Alexander đang nắm giữ thế thượng phong trong cuộc chiến với đế quốc Ba Tư. Ông quyết định sử dụng Babylon làm căn cứ địa, chuẩn bị tấn công bán đảo Ả Rập. Trong kế hoạch chinh phục thế giới vĩ đại của mình, đây rõ ràng là một bước đi vô cùng quan trọng. Một ngày trước khi mở cuộc tấn công, Alexander đã cùng với các tướng lĩnh say sưa trong một buổi yến tiệc. Ngay đêm hôm ấy, Alexander đã ngã gục vì bệnh. Và cũng chỉ vồn vện 12 ngày sau đó, Alexander Đại đế đã lìa bỏ trần gian, lìa bỏ giấc mộng bá chủ hoàn cầu của mình. Ai hay điều gì đã giết chết một thiên tài quân sự nhanh chóng đến như vậy?



Bức tượng Alexander Đại đế đang tung hoành trên lưng ngựa.

John Gulliver là một trong những nhà trinh thám ưu tú nhất của sở cảnh sát Luân Đôn, người phụ trách đội đặc nhiệm chống khủng bố, người đã từng ngăn cản thành công âm mưu đánh bom Luân Đôn của lực lượng quân cộng hòa Ireland, phá vỡ hàng trăm kế hoạch ám sát và đầu độc của các thế lực xã hội đen trong các buổi hội họp hay đại tiệc. Giờ đây, ông muôn tiến hành một cuộc điều tra triệt để về nguyên nhân cái chết của Alexander Đại đế.

Trước tiên nên trở về với tuổi thơ của Alexander. Được sinh ra trong một đất nước có địa hình hùng vĩ, uy danh quân sự vang lừng khắp nơi, cậu bé Alexander được tiếp thu những tư tưởng quân sự độc đáo từ người cha vĩ đại của mình, được tiếp thu một nền văn hóa Hy Lạp cổ đại tiên tiến từ người thầy Aristotle lỗi lạc, tư tưởng thống trị thế giới đã bắt đầu manh nha trong cậu từ đấy. Ngay từ khi sinh ra, Alexander đã được bồi dưỡng để trở thành chiến binh gan dạ. Cậu thích săn bắn và uống rượu với bạn bè, cùng nhau thảo luận về chiến tranh. Năm hai mươi tuổi, phụ vương Philip II bị ám sát, Alexander trở thành người lãnh đạo toàn quyền của đế quốc Macedonia. Nhưng điều ấy không thể thỏa mãn được khát vọng to lớn của ông.



Trong trận quyết chiến Ezop, Alexander Đại đế đã đánh bại hoàng đế Darius III, chiếm lĩnh toàn bộ đế quốc Ba Tư.

Một lần, vị hoàng đế trẻ tuổi rời bỏ cố hương để tham gia vào một cuộc chiến tranh có quy mô nhỏ. Thế nhưng, vùng đất phì nhiêu bát ngát mở ra trước mắt đã làm bùng cháy một tham vọng bao năm vẫn hằng ấp ủ trong tâm trí ông, đó chính là vương quốc Ba Tư. Ngay lập tức, Alexander huy động binh sĩ, thẳng tiến về đất Ba Tư, rồi lần lượt đánh bại đối thủ từng trận từng trận một. Đất nước tiếp theo phải rơi vào tay của Alexander Đại đế chính là Ai Cập. Là lòng thay, người Ai Cập lại sùng bái kẻ chinh phục mình như một vị thần. Những bức tượng bên trong đền thờ Luxor đã nói lên điều này, Alexander trở thành vị pharaoh châu Âu đầu tiên trong lịch sử tồn tại của nền văn minh Ai Cập cổ đại. Để thống trị toàn bộ thế giới, Alexander thông lĩnh đại quân tiến về phương Đông, tới một vùng đất chưa từng biết đến. Chỉ mới 20 tuổi, Alexander Đại đế đã đánh bại thủ lĩnh của vùng đất Afghanistan. Tiếp đó, ông lại nhanh chóng triển khai những trận chiến kịch liệt với các vương hầu trên bán đảo Ấn Độ v.v... Chỉ trong thời gian chưa đầy 10 năm, ông đã xây dựng nên một đế quốc rộng lớn, với diện tích lãnh thổ hơn 3 triệu km^2 , trùm lên cả ba đại lục Á-Âu – Phi.



Di chỉ của một thành thị được Đại đế Alexander ra lệnh xây dựng tại vùng Trung Á trong cuộc Đông chinh vĩ đại của mình.

Dù là một thiên tài quân sự và là một con người có khả năng thu phục nhân tâm lạ thường, nhưng Alexander cũng là con người thô bạo tàn nhẫn, buồn vui thất thường, hơn nữa ông lại còn là một con sâu rượu. Mối nguy hại vì rượu đối với Alexander ngày càng rõ rệt: càng ngày ông càng trở thành một con người thiếu quyết đoán nhưng lại ham thích mạo hiểm. Sau một lần say rượu, ông đã ra lệnh thiêu hủy kinh thành Persepolis của người Ba Tư; trong một cơn tức giận khác, ông đã hạ lệnh giết chết một người bạn thân đã từng liều mạng cứu sống ông trong một cuộc chiến ác liệt. Thám tử Gulliver còn chỉ ra, trong tính cách của Alexander, không hề tồn tại khái niệm “kiềm chế”. Mấy ngày trước khi ngã gục vì bệnh, ông vẫn không ngừng tính toán phương án cho một cuộc chiến mới: chinh phục Á Rập. Không những thế, cũng trong thời gian này, ông còn chuẩn bị một kế hoạch chinh Tây, đánh chiếm Italia và Carthage. Nếu như ông không đột ngột qua đời ở tuổi 33, những kế hoạch đầy tham vọng đó có lẽ đã làm thay đổi diện mạo lịch sử ngày nay.

Alexander đã chết vì nhiễm bệnh sốt “Tây sông Nile”?

“Tây sông Nile”: Nhiễm loại virus màu vàng ở các khu vực châu Phi, Trung Đông, châu Âu và châu Á.

Dựa vào những tư liệu đáng tin cậy nhất hiện nay, Alexander Đại đế đã chết vào ngày 11 tháng 6 năm 323 TCN. Trong khi đó, những tư liệu mà thám tử Gulliver có được đều xuất hiện nhiều năm sau cái chết của Alexander, hơn nữa, các tài liệu lại có nhiều mâu thuẫn với nhau. Gulliver quyết định tìm sự trợ giúp từ các chuyên gia. Ông tìm được Rennes Fox – một nhà sử học đã có hơn 35 năm chuyên tâm nghiên cứu về cuộc đời Alexander. Faulkes giải thích: “Đối với những tài liệu lịch sử liên quan đến Alexander, chúng tôi chủ yếu duy trì hai quan điểm. Một quan điểm có liên quan đến thuốc độc. Trong một cuốn sách nói về âm mưu đầu độc Alexander, có những tình tiết hết sức mới mẻ, cuốn sách thậm chí còn tuyên bố rằng, trước khi bắt đầu buổi yến tiệc hôm đó, đã có người biết trước về cái chết của Alexander.



Cảnh núi non hùng vĩ ở bắc Ấn Độ. Nơi đây vẫn còn giữ được nét hoang sơ như thời kỳ đội quân Đông chinh Alexander đặt chân đến.

Một quan niệm khác đến từ ‘ghi chép hoàng gia’, trong đó nhận định Alexander đã chết vì sốt cao”. Như vậy, quan điểm nào là đáng tin hơn?

Bác sĩ người Mỹ John Marl, một chuyên gia nghiên cứu những căn bệnh nhiệt đới tại các vùng trên thế giới đã dựa vào những miêu tả về bệnh chứng của Alexander được ghi lại trong các sử liệu để loại trừ khả năng vị hoàng đế này đã chết vì bệnh sốt rét (đây là một quan điểm được rất nhiều nhà sử học trước đây nhất trí). Sau đó, ông lại tìm hiểu thêm một số tư liệu có liên quan đến Alexander và phát hiện ra một manh mối chưa từng được những người đi trước chú ý đến. Tổng hợp những chứng cứ có được, bác sĩ John Marl đã đưa ra một quan điểm hoàn toàn mới: Alexander rất có khả năng đã chết vì bệnh “sốt Tây sông Nile”. Trong sử liệu có một đoạn ngắn ghi chép lại hành trình tiến vào Babylon của đoàn quân viễn chinh, theo đó thì một điềm xấu đã xuất hiện trên bầu trời khi đoàn quân của Alexander tấn công vào kinh thành. Đoạn sách miêu tả “khi ông (Alexander) ngược mặt lên trời, thì trông thấy một đàn chim đang cắn nhau, sau đó chúng đều rơi xuống đất mà chết”.



Sau khi chinh phục Ai Cập, Alexander cũng đã từng ra lệnh xây dựng một Kim tự tháp vô cùng to lớn.

Bác sĩ Marl đã liên hệ chi tiết này với một sự kiện xảy ra sau đó hơn 2.300 năm. Đó là một ngày trong năm 1999, trong thành phố New York đột nhiên có rất nhiều chim chóc rơi xuống đất mà chết – toàn bộ số chim này đều chết vì cùng một nguyên nhân duy nhất, đó chính là sốt “Tây sông Nile”. Khoảng 3 tuần sau đó, đã có một số người nhiễm phải căn bệnh này. Sốt Tây sông Nile là một căn bệnh truyền nhiễm độc tố do muỗi gây ra. Cả chim và người đều có thể nhiễm phải chứng bệnh này. Triệu chứng bệnh thường thấy nhất ở người chính là tình trạng sốt cao. Điều này hoàn toàn phù hợp với bệnh chứng của Alexander được ghi chép trong ‘nhật ký hoàng gia’. Hơn nữa, những triệu chứng khác của ông cũng rất phù hợp với căn bệnh này, ví

đủ như trong mấy ngày cuối cùng trước khi qua đời, nửa thân dưới của ông đã bị liệt. Bác sĩ Marl chỉ rõ, bệnh sốt Tây sông Nile hoàn toàn có thể dẫn đến tình trạng viêm não, ảnh hưởng rất nặng đến khả năng vận động của cơ thể.

Khả năng bị đầu độc bởi những người trong gia tộc

Mặc dầu rất quan tâm đến nhận định của bác sĩ Marl, rằng Alexander có khả năng đã chết vì bệnh sốt Tây sông Nile, nhưng theo nhận xét của thám tử Gulliver thì bản thân nhận định ấy không thể đứng vững. Bởi vì, có không ít nhà sử học đã nhận định, chi tiết sốt cao được miêu tả trong cơn bệnh dẫn đến cái chết của Alexander là hoàn toàn hư cấu, mục đích là muốn bit mất thiên hạ. Hơn nữa, 20 năm sau cái chết của ông, những lời đồn đại về khả năng ông bị hạ độc càng lan truyền rộng rãi trong dân gian. Tư duy nghề nghiệp của Gulliver nhắc nhở rằng, trong quá trình điều tra cần mở rộng suy nghĩ đến tất cả những khả năng khác.



Bộ tướng Ptolemy của Alexander Đại đế đã xây dựng tại Ai Cập vương triều Ptolemy. Đây là bức tượng Ptolemy II được các nhà khoa học phát hiện bên dưới đáy biển.

Hơn nữa, vào thời ấy, mọi người vốn rất quen thuộc với việc dùng thuốc độc, Alexander Đại đế lại là một con người có nhiều kẻ thù, ắt hẳn họ cũng rất muốn giết hại ông ta.

Để điều tra khả năng Alexander đã chết trong một âm mưu đầu độc, Gulliver đã “tìm đến” Olympia – cố hương Macedonia của Alexander Đại đế.

Trong câu chuyện mưu sát bằng thuốc độc, có nhắc đến một gia tộc Macedo. Nếu muốn tìm được hung thủ, tất yếu phải hiểu được những người sống chung quanh anh ta, xem người nào có cơ hội tiếp cận và hạ độc anh ta nhất. Sau một thời gian tìm kiếm, Antipatros – vị trưởng quan địa phương của khu vực Macedonia được đưa vào phạm vi tình nghi. Rất có khả năng, ông này chính là người đã vạch ra kế hoạch mưu sát Alexander bằng độc dược. Vào thời gian đó, Antipatros vừa bị Alexander Đại đế cách chức, có lẽ vì lo lắng cho tính mạng bất toàn và lòng căm giận đã thúc đẩy ông ta nghĩ đến phương án hạ độc vị hoàng đế hà khắc của mình. Trình thám Gulliver suy đoán, Antipatros đã sai một đứa con trai của mình là Casades đem thuốc độc từ Macedonia đến Babylon. Tại Babylon, ông còn có thêm một đứa con trai khác đang hầu cận Alexander Đại đế. Rõ ràng, ông là người có động cơ mạnh nhất và cơ hội tốt nhất để đầu độc Alexander. Thế thì, có thể nào Alexander lại trở thành một tế phẩm cho gia tộc Macedo? cần biết rằng, gia tộc Macedo là một tập đoàn đã nổi lên bằng huyết tanh và bạo lực, đó là một gia tộc chứa đầy cừu hận, một thế giới của mưu sát và bạo lực. Thậm chí có thể nói, huyết tanh là kiểu mẫu thời thượng được gia tộc này hết sức yêu chuộng.

Dựa vào manh mối Antipatros, cần phải xác định loại thuốc độc mà hung thủ đã sử dụng là loại nào. Gulliver đã đến một chuyên gia về độc dược, sử dụng những kỹ thuật mô phỏng trong y học để tìm hiểu về những phản ứng trúng độc có thể xuất hiện trong 12 ngày sau cùng của Alexander. Sử liệu ghi chép rằng, trong buổi tiệc hôm đó, Alexander chỉ mới uống được một lát thì đã cảm thấy khó chịu, tiếp theo đó là nôn mửa, cảm thấy đau nhức, nói chuyện khó khăn, thân thể dần dần suy nhược. Một số nhà sử học trong giai đoạn đầu đã cho rằng đó là loại độc dược Strychnine mà những người Hy Lạp đã quá quen thuộc. Tuy nhiên, các chuyên gia nghiên cứu độc dược lại không nghĩ vậy. Bởi vì, người trúng độc Strychnine luôn có những triệu chứng điển hình sau đây: cơ bắp co lại, cầm dưới dờ cứng, mắt lồi ra ngoài, lưng sau cong lên. Hơn nữa, chỉ cần 4-5 tiếng, người trúng độc nhất định sẽ tử vong, trong khi Alexander lại chết sau đó hơn 10 ngày. Các chuyên gia đã sàng lọc trong số 25 loại độc dược thường được sử dụng vào thời Hy Lạp cổ đại và chọn ra được 3 loại có tính khả thi nhất ở trường hợp này, trong đó

có một loại độc dược thực vật mang tên thổ quỳ (ô đầu đông, một loại rau có chứa độc tố), mọc rất phổ biến tại quê hương của Alexander Đại đế, thành phần chất độc của loại cây này chỉ tập trung ở rễ.

Các chuyên gia độc dược phát hiện, trong cuộc chiến tranh Triều Tiên diễn ra vào thập niên 1950, đã từng xảy ra một vụ trúng độc thổ quỳ. Trong món canh của các binh sĩ ngẫu nhiên có bỏ thêm thổ quỳ, lúc ấy có 14 binh sĩ dùng canh. Kết quả là chỉ sau nửa giờ, các binh sĩ này đều ngã bệnh, triệu chứng cũng rất giống với Alexander.

Tiến hành thí nghiệm thỏ quỳ để tìm chân tướng sự việc

Vậy thì triệu chứng của loại độc dược này có phù hợp với tình trạng lâm sàng của Alexander trong 12 ngày sau cùng hay không? Các chuyên gia độc dược đã cùng với một nhóm nghiên cứu tiến hành cuộc thí nghiệm trên một cơ thể giả được kiểm soát bằng máy tính. Cơ thể giả cũng có huyết áp, hô hấp và mạch đập. Những tiêu chí sinh lý này sẽ hiển thị những ảnh hưởng của thỏ quỳ đối với cơ thể trong những thời điểm then chốt. Những người chủ trương mưu sát bằng độc dược đều tin rằng, có thể Alexander đã bị đầu độc khá nhiều lần. Chính vì vậy mà các chuyên gia đã tiến hành một loạt các thí nghiệm, bắt đầu với giả thuyết lần hạ độc đầu tiên là trong đêm yến tiệc hôm đó.



Trang bị của các binh sĩ thời kỳ Alexander.

Các chuyên gia đặt giả thuyết Alexander đã bị trúng độc trong khi uống rượu trong buổi tiệc, có thể giả liên thể hiện những phản ứng tương tự: nhịp tim hạ xuống, huyết áp giảm, hô hấp khó khăn, thân thể trở nên suy nhược. Nhưng một liều thuốc thỏ quỳ không đủ khả năng giết chết một người. Vì chỉ cần 24 giờ sau khi trúng độc, độc tố sẽ bị thải ra ngoài. Như vậy cần phải tính đến lần đầu độc thứ hai. Trong các ghi chép trước đây, có những đoạn gợi ý như sau: Alexander từng nhờ người khác dùng lông chim cào vào cổ họng mình để có thể nôn mửa thức ăn ra ngoài. Đó là một mẹo nhỏ thường được sử dụng vào thời bấy giờ. Rất có thể trong lúc cho lông chim vào trong cổ họng của Alexander, những kẻ chủ mưu đầu độc lại một lần nữa đưa thêm độc dược vào cơ thể ông.



Những dụng cụ ăn uống của Alexander được sử dụng khi ông còn sống. Nhiều người hoài nghi có người đã tẩm độc vào các dụng cụ này để giết hại Alexander.

Cuộc thí nghiệm lại được tiếp tục, sau khi liều thuốc độc tiếp theo được đưa vào cơ thể giả, những dấu hiệu phản ứng cho thấy, người trúng độc sẽ không thể bước nổi xuống giường, tình trạng suy nhược có khả năng vẫn còn kéo dài. Nhịp tim giảm xuống dẫn đến tình trạng thiếu dưỡng khí. Đến lúc này, có lẽ người bệnh cũng khó có thể cất đầu lên được, cơ thể ngày càng suy nhược trầm trọng. Sau 12 ngày cầm cự, liều thuốc độc thứ hai đó sẽ đưa anh ta xuống suối vàng. “Cơ thể già ấy cuối cùng đã ngã quy, cơ bắp ngưng hoạt động, quả tim chỉ thỉnh thoảng đập lên một hai nhịp. Nếu đó là một người thực, thì anh ta đã phải chết rồi”. Các chuyên gia độc được tuyên bố như vậy.

Âm mưu đầu độc là một lời giải đáp có tính khả thi nhất về cái chết của Alexander, nhưng khi bắt đầu tiến hành cuộc điều tra, Gulliver tỏ ra hoài nghi với quan điểm này. Ông nhận thấy cái chết của vua Philip II (cha của Alexander, người đã bị giết chết trong một âm mưu ám sát) là do một thích khách dùng kiếm thực hiện, độc dược không phải là một binh khí được người Macedonia ưa chuộng. Ông nói, “tôi cho rằng sử dụng độc dược không phải là một truyền thống của người Macedonia. Đây là một dân tộc rất xem trọng khí khái nam nhi, nếu có ai đó muốn giết chết kẻ thù của mình, anh ta sẽ dùng kiếm, chứ không dùng độc dược”. Có điều, trong khi nghiên cứu phương pháp trị liệu của các thầy thuốc cổ đại, Gulliver đã có một phát hiện khiến cho mọi người phải kinh ngạc: “Các thầy thuốc thời ấy sử dụng ‘thỏ quỳ’ với một lượng nhỏ trong bài thuốc của mình”. Đó là một bài thuốc tẩy đường ruột và cũng là một phương thuốc xổ giúp người bệnh đi ngoài dễ dàng hơn. Nhưng nếu liều lượng thỏ quỳ trong thang thuốc quá cao, nó sẽ lập tức biến thành một thang thuốc độc. Phát hiện này lại đưa Gulliver tìm đến một phương án mới. Lần này, ông hy vọng có thể tìm thấy những chứng cứ cho thấy Alexander đã dùng thuốc quá liều trong thời gian chữa bệnh. Ngoài những thương tích trên chiến trường, Alexander còn phải chịu đựng những áp lực tinh thần vô cùng nghiêm trọng.



Nữ thần Athena mà Alexander vô cùng sùng bái cũng không thể bảo hộ cho tính mạng của ông.

8 tháng trước khi qua đời, ông đã mất đi người bạn thân thiết nhất của mình là Hephaistion. Nhưng trong khi Gulliver phát hiện được tác dụng trị liệu thần kinh của rễ cây thỏ quỳ, Gulliver lại vấp phải một vấn đề khó hiểu.

Ngay từ thời thiếu niên, Hephaistion đã cùng ăn uống và cùng chiến đấu với Alexander, ông không chỉ là một viên tướng mà còn là một chỗ dựa tinh thần của Alexander. Alexander từng tuyên bố trước mặt mọi người, người mà Hephaistion yêu mến và bảo vệ, không phải là người làm vua của anh ta, mà là người bạn thân thiết của anh ta. Sau cái chết của Hephaistion, Alexander vô cùng đau khổ và đã hạ lệnh xây dựng cho người bạn chí thân của mình một lăng mộ năm tầng vô cùng to lớn.

Để hiểu rõ những đau khổ tinh thần có thể ảnh hưởng như thế nào đối với Alexander, thám tử Gulliver lại tìm đến các chuyên gia tâm lý. “Alexander cảm thấy đau buồn cực độ, cái chết của người bạn chí thân đã làm ông ta suy sụp. Rất có thể vì sự kiện này mà ông ngày càng xem thường tính mạng của mình và cũng không còn khả năng quyết đoán như ngày trước nữa. Ất hẳn ông ta sẽ uống rượu ngày càng nhiều hơn, mà điều này càng dễ tạo ra cơ hội cho kẻ thù mưu sát. Ngoài ra, mối quan hệ giữa ông với những người khác cũng nảy sinh vấn đề”. Một chuyên gia tâm thần đã nói với thám tử Gulliver, hệ thống miễn dịch và hành vi của Alexander đều có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng do những hệ lụy này, và như vậy, Alexander không thể không cần đến sự trợ giúp của các thầy thuốc. Với trình độ y học đương thời, dược thảo sẽ là một trong những phương pháp đối phó với các chứng bệnh tổn thương về mặt tâm thần được các thầy thuốc lựa chọn, trong đó có thỏ quỳ.



Dụng cụ đựng rượu được sử dụng trong hoàng cung của Alexander.

Giả thuyết về cái chết của Alexander theo suy luận của thám tử Gulliver

Giả thuyết Alexander đã từng sử dụng thảo dược giúp cho Gulliver đưa ra một giải thích hoàn toàn mới: có thể ông ta đã chết vì dùng thảo quý quá liều. Vì vậy, vấn đề then chốt là ông ta có thể đã chết vì trúng độc, nhưng không hẳn là do người khác chủ mưu đầu độc, mà vì sự sai lầm trong việc định lượng hàm lượng rễ cây thảo quý trong quá trình điều trị của các thầy thuốc. Để chứng minh khả năng Alexander đã chết vì dùng thuốc quá liều, thám tử Gulliver đã nhờ một chuyên gia điều tra liều lượng của loại thảo dược này. Các chuyên gia đã tìm được một vài trường hợp sử dụng thảo quý làm dược thảo của các thầy thuốc cổ đại. Kết quả nghiên cứu cho thấy, để hỗ trợ việc nôn mửa và bài tiết, các thầy thuốc cổ đại thường xuyên kê ra một liều lượng dẫn đến trúng độc. Hồi thập niên 1950, từng có một vị bác sĩ thử dùng thảo quý để trị bệnh cao huyết áp, nhưng thực tế đã chứng minh, tác dụng phụ do độc tố của nó gây ra cũng nguy hiểm không khác gì 2.300 năm về trước. Các bác sĩ đều nhận định, rất khó không chế giới hạn trị bệnh và gây hại của loại thảo dược này.

Vì vậy, nếu vì nôn nóng muốn được hồi phục sức khỏe nhanh chóng mà Alexander đã sử dụng thảo quý, nguy cơ tử vong là hoàn toàn có thể hiểu được. Chúng ta cần phải nhất trí rằng, Alexander là một con người hết sức bốc đồng và nóng nảy, ông ta không thể chấp nhận cảnh nằm dài trên giường hết ngày này đến ngày khác, biết bao kế hoạch và tham vọng đang chờ đợi vị hoàng đế trẻ tuổi này bên ngoài chiến trường. Bấy giờ, nhất định là cả Alexander và các thầy thuốc của ông đều hết sức sốt ruột. Người bất cẩn, kẻ nôn nóng và cuối cùng bị kịch đã ập xuống đầu vị hoàng đế trẻ tuổi.

Gulliver suy đoán, ngay cả khi Alexander biết rõ tác dụng phụ của loại thuốc này, nhưng trong tình thế khẩn cấp phải tấn công dồn dập, mong muốn có thể khỏi bệnh càng nhanh càng tốt, chính ông đã ra lệnh cho các thầy thuốc tăng thêm hàm lượng thảo quý vào trong chén thuốc của mình. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với tính cách khinh suất, dễ kích động và mạo hiểm của bản thân Alexander. Sau cuộc điều tra kéo dài hơn một năm, thám tử Gulliver tin tưởng mình đã tìm ra được nguyên nhân dẫn đến cái chết đột ngột của Alexander Đại đế.

Nếu sự thật đúng là như vậy, thì cái chết của một con người chỉ mất 10 năm để tạo dựng một đế quốc hùng mạnh vĩ đại như Alexander, là một kết cục rất đáng thương.

Trong kế hoạch chinh phạt của mình, Alexander còn muốn đưa đại quân của mình tấn công La Mã và cả châu Âu. Nếu ông có thể sống thêm được 10 năm nữa, thật khó tưởng tượng lịch sử châu Âu sẽ thay đổi như thế nào.

Chứng “Sốt Tây sông Nile” (West Nile fever)

Sốt Tây sông Nile là một căn bệnh truyền nhiễm cấp tính do vi rút West Nile (WNV) gây ra thông qua loài muỗi. Sốt Tây sông Nile được phát hiện lần đầu tiên vào năm 1937 tại khu vực bờ Tây sông Nile, nên được đặt tên là Sốt Tây sông Nile. Bệnh có thể dẫn đến những triệu chứng lâm sàng như viêm não, viêm màng não, viêm tủy sống, và các chứng bệnh thần kinh khác. Trong một số trường hợp đặc biệt, còn thấy xuất hiện bệnh tại các cơ quan khác như viêm tuyến tụy v.v...

Con người sau khi bị nhiễm sốt Tây sông Nile không hề lây truyền cho nhau, thông thường chỉ là tình trạng nhiễm bệnh cấp tính. Đối với một người khỏe mạnh, bệnh này sẽ không gây ra những triệu chứng rõ rệt, hoặc chỉ bị sốt nhẹ, mệt mỏi, kèm theo ban đỏ, mụn ghẻ v.v... Tuy nhiên, đối với những người già cả suy nhược, các em bé sức đề kháng còn yếu, sốt Tây sông Nile có thể dẫn đến tình trạng sốt cao khá nghiêm trọng (nhiệt độ cơ thể lên đến 40°C hoặc hơn nữa), kèm theo là những cơn nhức đầu dữ dội, sung huyết kết mạc và cổ họng, thậm chí còn xuất hiện những triệu chứng bất thường ở trung khu thần kinh. Trong giai đoạn cấp tính, có thể phát sinh chứng viêm màng não, thậm chí dẫn đến tử vong.



Tượng phật Ấn Độ được khai quật vào thời Alexander. Tuy đã thống trị được phần lớn châu Á, nhưng Alexander Đại đế cũng đã không có nhiều thời gian tận hưởng được vinh quang chiến thắng.

❖ NGỰA GỖ THÀNH TROY CÓ PHẢI LÀ MỘT TRUYỀN THUYẾT?

Vào thế kỷ 19, một thương nhân đồng thời cũng là nhà khảo cổ học người Đức tên là Henry Schliemann đã tiến hành nhiều cuộc khảo sát và nghiên cứu tỉ mỉ về tính chân thật của cuộc chiến Thành Troy được miêu tả trong “Sử thi Homer” và đã đạt được những kết quả ngoài sức mong đợi. Đầu tiên, ông phát hiện được di chỉ thành Troy sau khi đã bị tàn phá. Ông cho rằng Thành Troy nằm trên bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, gần sát với eo biển Dardanelles, đây là một đầu mối giao thông trọng yếu nối liền châu Âu và châu Á. Ngoài ra, ông còn khai quật được rất nhiều trang sức bằng vàng. Tiếp theo đó, ông lại phát hiện được bức tường bằng gạch của kinh thành Troy. Với những phát hiện đó, ông trở thành người đầu tiên chứng minh được tính chân thật của câu chuyện Thành Troy.



Cảnh thi nhân mù ngâm sử thi Homer, khi ấy mọi người rất vui vẻ.

Thành Troy – cuộc chiến tranh “nửa thật nửa giả” trong “Sử thi Homer”

Tại một thế giới mà giới hạn giữa con người và thần linh đã trở nên quá mơ hồ, tại một thời đại mà con người quá giống thần linh còn thần linh lại khoác lên mình quá nhiều nhân tính, Thành Troy trở thành một chiến trường vĩ đại, nơi diễn ra những cuộc giao tranh không chỉ giữa những con người trần tục mà còn có sự tham gia của chư vị thần linh. Rất nhiều câu chuyện ly kỳ đã phát sinh trong cuộc chiến này. Con trai của Priam quốc vương Thành Troy là Paris đã rước người con gái xinh đẹp nhất trần gian là nàng Hera từ Hy Lạp về đất nước của mình. Để đoạt lại nàng Hera cho con trai, Agamemnon, quốc vương Hy Lạp, đã thống lĩnh 10 vạn binh mã cùng hơn 1.000 thuyền hạm, thẳng tiến đến kinh thành Troy.



Bức tranh nàng Hera xinh đẹp do các họa sĩ đời sau thực hiện.

Một cuộc chiến tranh kịch liệt giữa người Hy Lạp và Thành Troy đã nổ ra. Nhiều trận thư hùng lịch sử đã diễn ra trong cuộc chiến kéo dài này. Bước ngoặt của cuộc chiến là khi Achilles – chiến binh vĩ đại nhất của Hy Lạp, đã giết được anh trai của Paris là Hector. Trong màn cuối cùng của “Sử thi Iliad”, quốc vương Priam thỉnh cầu Achilles trao lại xác con trai của mình và xin được đình chiến.

Trong sử thi “Odyssey”, câu chuyện lại không được miêu tả như vậy. Theo đó thì Thành Troy là một thành trì hết sức kiên cố, liên quân Hy Lạp đã vây hãm trong suốt 9 năm trời mà vẫn không thể hạ được thành. Đến năm thứ 10, một vị tướng đầy mưu trí của Hy Lạp là Eutheseus đã nghĩ ra một diệu kế. Buổi sáng hôm ấy thật là kỳ lạ, các chiến thuyền của Hy Lạp đột nhiên giương buồm ra khơi. Chiến trường náo nhiệt hàng ngày bỗng trở nên tĩnh lặng đìu hiu. Người dân thành Troy cho rằng liên quân Hy Lạp đã rút binh về nước, họ hân hoan chạy ra khỏi thành thì phát hiện thấy trên bãi biển có một con ngựa gỗ rất lớn. Người dân Thành Troy ngạc nhiên vây quanh con ngựa gỗ, thắc mắc không biết con ngựa được dựng ở đây để làm gì. Có người muốn kéo con ngựa vào thành, có người lại muốn đốt hoặc quăng nó xuống biển. Có mấy mục đồng vừa bắt được một người Hy Lạp, anh ta bị trói và giải đến trước mặt vua Thành Troy. Người đàn ông Hy Lạp thưa cùng nhà vua, con ngựa gỗ này là lễ vật người Hy Lạp dùng để dâng lên cho Nữ thần Athena của họ. Người Hy Lạp biết thế nào quân đội Thành Troy cũng sẽ thiêu hủy con ngựa, như thế tự họ sẽ xúc phạm đến thần linh. Nhưng nếu người Thành Troy mang nó vào trong kinh thành, quốc dân Thành Troy sẽ nhận được sự phù trợ từ thần linh. Vì vậy người

Hy Lạp đã cố tình để một con ngựa gỗ thật to để cho người Thành Troy không thể mang nó vào kinh thành.



Một bức phù điêu miêu tả lại kế hoạch “Ngựa gỗ thành Troy”.

Vua thành Troy không hề nghi ngờ những lời tường trình của người đàn ông Hy Lạp, ông lập tức ra lệnh kéo con ngựa gỗ vào thành. Thầy tư tế của Thành Troy chạy đến ngăn cản, yêu cầu nhà vua ra lệnh đốt ngựa, lấy giáo đâm nát mình ngựa. Bên trong ngựa gỗ bỗng phát ra những âm thanh đáng sợ, cùng lúc ấy, có hai con rắn khổng lồ từ mặt biển vờn đầu lên, lao thẳng đến thầy tư tế và hai người con trai của ông ta. Cha con thầy tư tế cố gắng chống lại hai con rắn khổng lồ, nhưng đã bị chúng quấn chặt cho đến chết. Hai con rắn lại thông dong chui vào bức tượng nữ thần Athena và biến mất. Người đàn ông Hy Lạp lại nói rằng “Bọn họ muốn thiêu hủy lễ vật dâng lên cho nữ thần Athena, nên mới phải lĩnh nhận hình phạt như thế”. Những người Thành Troy đứng đó lập tức kéo ngựa gỗ vào trong thành, nhưng nó còn lớn và cao hơn cả bức tường của người Thành Troy. Không còn cách nào khác, họ đành phải phá vỡ một đoạn tường thành để đưa ngựa gỗ vào. Tối hôm ấy, người Thành Troy mở tiệc mừng chiến thắng, rượu thịt ca hát đến tận khuya rồi lăn ra ngủ.

Bấy giờ, người đàn ông Hy Lạp bị bắt ban sáng lại xuất hiện, anh ta thực chất chỉ là một gián điệp của liên quân Hy Lạp được đưa vào kinh thành để thực hiện một nhiệm vụ quan trọng “Giải thoát chiến binh trong ngựa gỗ”. Khi thấy binh lính Thành Troy đã ngủ say, anh ta nhẹ nhàng bước đến bên cạnh ngựa gỗ và gõ vào đó ba tiếng, đó là một ám hiệu đã được giao hẹn trước, ngay lập tức, các chiến binh Hy Lạp với vũ trang đầy đủ lần lượt nhảy ra khỏi ngựa gỗ. Tất cả nhẹ nhàng tiến đến cổng thành, giết chết đội quân giữ cửa đang còn say ngủ, nhanh chóng mở cửa thành rồi phóng hỏa khắp nơi.



Các chiến binh Hy Lạp bên trong ngựa gỗ lao ra tấn công thành Troy.

Đại quân Hy Lạp đang ầm náu bên ngoài kinh thành lập tức tràn vào như nước vỡ bờ, kinh thành Troy nhanh chóng bị đánh bại, cuộc chiến 10 năm cuối cùng đã kết thúc, người Hy Lạp vơ vét mọi thứ có thể lấy được, rồi thiêu rụi kinh thành. Đàn ông bị giết gần hết, đàn bà và trẻ con bị bán làm nô lệ. Nàng Hera cũng bị Meceis đưa về Hy Lạp. Paris quyết định báo thù cho anh mình. Một cuộc huyết chiến diễn ra giữa Paris và người anh hùng Achilles. Nắm được điểm yếu của Achilles, Paris đã dùng mũi giáo đâm mạnh vào gót chân chàng, giết chết người anh hùng vĩ đại nhất của Hy Lạp cổ đại. Quân đội Hy Lạp lại một lần nữa tấn công vào thành Thành Troy, hủy diệt hoàn toàn kinh thành này. Thời đại hoàng kim của vương quốc Thành Troy cũng kết thúc từ đó.

Tim hiểu câu chuyện Thành Troy

Rất nhiều người tin đây là một câu chuyện lịch sử, đã diễn ra tại vùng đất Hisarlik. Tuy nhiên, từ thế kỷ 18, các học giả bắt đầu đưa ra nhiều nghi vấn. Rất nhiều người hoài nghi về chuyện tại Thành Troy đã từng phát sinh một cuộc chiến tranh, thậm chí còn có một số người hoài nghi về sự tồn tại của nhà thơ Homer.



Con ngựa gỗ cao hơn 10m được dựng lại trên vùng đất Thành Troy ngày nào.

Đến nửa đầu thế kỷ 19, chỉ có rất ít học giả tin rằng “Sử thi Homer” là tác phẩm ghi chép lại những sự kiện chân thật trong lịch sử, mà số người tin vào Thành Troy – giả dụ như là nó có thật – được xây dựng tại Hisarlik, thì lại càng ít hơn. Tuy nhiên, vẫn có một số người tin tưởng một cách chắc chắn về sự tồn tại của Thành Troy, trong đó có cả nhà khảo cổ học nghiệp dư Frank Calvert – Lãnh sự Hoa Kỳ đóng tại khu vực này. Trong thập niên 1860, Calvert đã hợp tác với một nhà khảo cổ học nghiệp dư người Đức là Schliemann tiến hành khai quật tại vùng Hisarlik, phát hiện được một đền thờ Hy Lạp cổ đại và một số công trình kiến trúc quy mô lớn khác. Một người từng là phụ tá của Schliemann là ông William Depubierde tiếp tục công việc mà hai vị này đã bỏ dở. Depubierde đã phát hiện được những dãy phòng ốc thật lớn, một tháp canh và một móng tường thành dài hơn 300m.

40 năm sau, một nhóm thám hiểm người Mỹ dưới sự chỉ huy của Carle Blegen đã tìm đến Hisarlik. Blegen tin rằng không phải những người Hy Lạp cổ xâm lăng đã thiêu hủy Thành Troy, bởi vì một phần móng của bức tường thành đã bị dịch chuyển, trong khi những bộ phận khác lại hầu như bị sụp đổ hoàn toàn. Theo nhận định của ông, con người không thể gây nên một sự tàn phá như vậy, mà rất có thể, đó là kết quả của một cơn địa chấn dữ dội.



Người anh hùng Achilles được miêu tả trong “Sử thi Homer”.

Như vậy, chiến tranh Thành Troy đã tạo nên “Sử thi Homer” hay “Sử thi Homer” đã tạo nên

chiến tranh Thành Troy; cuộc chiến Thành Troy là thật hay là giả, tất cả những điều ấy đều đã
lắng chìm trong dòng sông miên trường của lịch sử.

“Tuyển chọn người đẹp” – nguyên nhân dẫn đến chiến tranh

Câu chuyện được bắt đầu từ cuộc thi tuyển chọn người đẹp trên núi Ida. Có thể xem đây là cuộc thi tuyển chọn người đẹp được tổ chức lần đầu tiên trên thế giới. Lọt vào “chung kết” là Nữ thần Hera – vợ của thần Zeus và hai người con gái của thần là Aphrodite và Athena. Thần Zeus đã trao quyền quyết định sau cùng cho con trai của vua Thành Troy là Paris. Để có thể trở thành người đẹp nhất trong cõi trời và đất, cả ba nữ thần đều tìm cách mua chuộc Paris. Trong đó nữ thần Aphrodite đã hứa nếu để thần dành được chiến thắng, thần sẽ giúp cho Paris chiếm được tình yêu của nàng Hera – vợ của Meneis và cũng là người phụ nữ xinh đẹp nhất Hy Lạp. Kết quả là Paris đã quyết định chọn nữ thần Aphrodite là người thắng cuộc, nữ thần cũng giữ đúng lời hứa, bắt nàng Hera đưa về Thành Troy kết duyên cùng Paris. Không thể chịu được nỗi nhục bị cướp vợ, Meneis bèn kêu gọi thành lập một liên minh Hy Lạp, kéo quân đến Anatolia, bao vây Thành Troy. Cuộc chiến đã kéo dài đến 10 năm, thành Thành Troy vẫn chưa bị công phá. Cuối cùng người Hy Lạp đã nghĩ ra một mưu kế: giả vờ rút quân, chỉ để lại một con ngựa gỗ khổng lồ, bên trong là một đội quân tập kích tinh nhuệ. Người Thành Troy bị rơi vào mưu kế của quân địch, hoan hỉ đưa ngựa gỗ vào thành và mở tiệc ăn mừng chiến thắng. Đêm hôm ấy, trong khi binh lính Thành Troy đã ngủ say, các chiến binh trong ngựa gỗ lập tức xông ra, một cuộc nội công ngoại kích bất ngờ của liên quân Hy Lạp đã đánh bại hoàn toàn binh lực thành Thành Troy. Meneis tìm lại được người vợ của mình rồi cùng nhau quay trở về Hy Lạp.



Aphrodite, nữ thần tình yêu và sắc đẹp.

❖ KHÁM PHÁ BÍ MẬT “CUỐN SÁCH DA DÊ CỦA ARCHIMEDES”

Một đoạn văn cầu nguyện trong cuốn sách da dê cổ xưa, là những ghi chép sớm nhất trong tác phẩm nổi tiếng của nhà khoa học Hy Lạp cổ đại Archimedes. Câu chuyện trong “Cuốn sách da dê của Archimedes” được lưu truyền qua 2.000 năm như thế nào? Tháng 5 năm 2005, một sự “va chạm” giữa “cổ xưa và hiện đại” đã xảy ra tại Phòng thí nghiệm Stanfords, nước Mỹ. Các nhà khoa học đã sử dụng tia X của thiết bị gia tốc trực tuyến chiếu vào “Cuốn sách da dê Archimedes”, toàn bộ nội dung chìm trong cuốn sách da dê đã được đưa ra ánh sáng. Cuốn sách da dê của nhà khoa học vĩ đại của Hy Lạp cổ đại này ẩn chứa điều gì đặc biệt? Tại sao các nhà khoa học lại đánh giá cao như vậy?

Bí mật của “Cuốn sách da dê”

Archimedes là một nhà toán học và vật lý học vĩ đại của Hy Lạp cổ đại (thế kỷ 3 TCN), ông có ảnh hưởng vô cùng sâu sắc đối với nền văn minh cổ đại. Do vậy, cùng với Newton, Einstein, Archimedes được tôn xưng là 3 nhà bác học vĩ đại nhất của thế giới.

Cổ học giả đã khảo chứng rằng, những tác phẩm nổi tiếng của Archimedes viết vào thế kỷ thứ 3 TCN đã bị thất truyền, hiện nay chỉ còn lưu truyền một cuốn sách da dê ghi chép lại những tư liệu về Hy Lạp cổ đại. Cuốn sách da dê này gồm có 174 trang, sau khi ghi chép khoảng 200 năm, một vị tăng lữ đã mang di cảo của Archimedes về cất giấu ở Tu viện, rửa sạch nét mực trong toàn bộ cuốn sách, sau đó viết văn tế phủ lên trên, từ đó “Cuốn sách da dê của Archimedes” được gọi là “Cuốn sách của Archimedes”.

Vào thế kỷ 12, giấy làm từ da dê vô cùng đắt đỏ, vị tăng lữ liền đem sách cổ sửa thành văn cầu nguyện, đây có thể là lý do có sức thuyết phục nhất, cộng với cuốn sách của Archimedes lúc đó chưa hề nổi tiếng, cho nên không ai truy cứu chuyện này. Thời đó, những người sao chép dùng dung dịch “Ngũ bội tử” (gallnut) để làm mực. “Ngũ bội tử” là dung dịch hỗn hợp từ cao su, lá cây hồ trăn và chất dạng tròn sinh trưởng trên ngọn, dùng để ức chế côn trùng, chứa nhiều tannin, sau khi nghiền nát trộn với acid sunfuric, cho thêm nước mưa, keo Arabic và một ít giấm, có thể tạo thành một loại mực rất đậm và khó phai màu. Tannin theo nét chữ ngấm sâu vào giấy, làm cho những chữ viết trước mất đi, nhưng dấu vết về mặt vật lý vẫn còn tồn tại. Điều may mắn là, lúc đó vị tăng lữ này không rửa sạch hoàn toàn vết chữ trên tấm di cảo, trên tấm da dê vẫn còn lưu lại những vết rất mờ.



Archimedes đang tiến hành nghiên cứu.



Newton – nhà vật lý học, thiên văn học cận đại nổi tiếng.

Năm 1906, học giả cổ điển người Đan Mạch là John Ludvic Johann đã phát hiện ra nó trong thư viện của một giáo đường tại Istanbul. Lúc đó, ông chú ý tới những nét chữ mờ ảo liên quan tới toán học ở bên dưới lớp chữ của bài văn cầu nguyện, nhờ vào kính lúp có thể nhìn rõ 2/3 di cảo viết bằng tay. Linh mực trong giáo đường không cho phép ông mang tấm da dê đó đi, thế

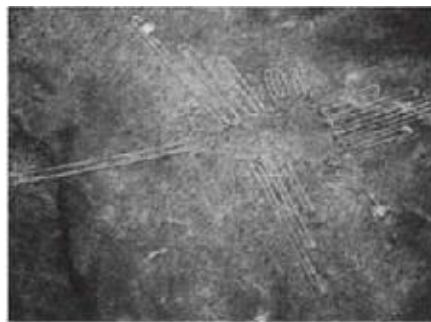
là, sau khi chép lại một số phần, ông nhờ một người thợ chụp hình bản địa chụp những trang sách còn lại, ông dùng những mảnh giấy nhỏ đánh dấu những trang sách này.

Johann nhận thấy mực gốc trên “Cuốn sách da dê” đã bị chà rửa, không chỉ khiến cho nội dung do Archimedes viết bị nhòe, mà còn làm mất đi một số nội dung quan trọng. Điều tồi tệ hơn là, cuốn sách da dê của Archimedes còn bị cắt làm hai, đóng thành cuốn sách nhỏ hơn, sau đó dùng nhựa dán hiện đại dán hai nửa của từng trang giấy đã cắt lại với nhau. Khi đóng cuốn sách, người ta cũng không đóng theo thứ tự vốn có của nó, mà sắp xếp rất lộn xộn. Trải qua mấy nghìn năm lưu truyền, cuốn sách này đã bị mốc, sau đó thất truyền trong cuộc chiến tranh giữa Hy Lạp cổ và Thổ Nhĩ Kỳ. Tới năm 1998, cuốn sách này xuất hiện trên thị trường bán đấu giá, một nhà tỷ phú đã chi 2 triệu đô la để mua nó, và đã gửi tới Bảo tàng Nghệ thuật Waters ở thành phố Baltimore bang Maryland nước Mỹ để phục vụ cho việc nghiên cứu.

Bí mật về “Cuốn sách da dê” đã được các nhà khoa học giải đáp

Abigail Kuhnt – Hội trưởng Hội nghiên cứu khoa học bảo vệ những bản thảo cổ xưa thuộc Viện bảo tàng Nghệ thuật Waters là người phụ trách công việc khám phá và bảo vệ “Cuốn sách da dê của Archimedes”. Dưới kính hiển vi, Kuhnt đã dùng thiết bị y học mượn của khoa giải phẫu, cẩn thận bóc lớp dán của cuốn sách, sau đó tẩy sạch lớp sáp, nắm mốc trên bề mặt. Một số chỗ của cuốn sách da dê rất mỏng, Kuhnt phải dùng giấy bóng kính để cố định lại.

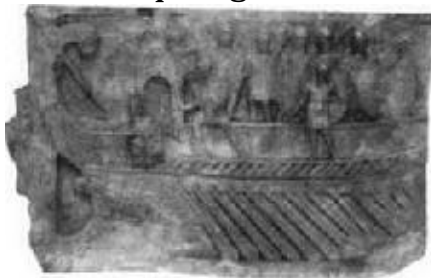
Sau khi sửa sang bề mặt xong, Kuhnt cùng với Johns – nhà khoa học của trường đại học Hopkins tiến hành chụp một loạt bức ảnh bằng tia tử ngoại và tia hồng ngoại ở từng bước sóng khác nhau, quá trình này được gọi là tạo hình đa quang phổ. Mặc dù nội dung văn bản của Archimedes và những bài văn cầu nguyện sử dụng cùng một loại mực, nhưng do sử dụng cách nhau 200 năm, nên chúng có những dấu tích đặc biệt riêng, ở mỗi bước sóng nhất định có những phản ứng khác nhau. Loại ảnh này được đưa vào máy tính đặc biệt, nhờ phần mềm phân tích ảnh vệ tinh, “Bút tích” của Archimedes bị kích hoạt, từ đó nổi lên những hình ảnh đen trắng.



Những đường nét mờ ảo trong cuốn sách da dê.

Để nghe được “tiếng nói” của Archimedes, họ đã thử sử dụng một phương pháp khác: Hội tu dưới kính hiển vi, phương pháp này ban đầu dùng để nghiên cứu các tầng lớp tế bào khác nhau trong cơ thể người, có thể nhìn thấy ánh sáng phản xạ lại rất rõ nét.

Tháng 5 năm 2005, trong khi đọc một quyển tạp chí, Uwe Bergmann – nhà khoa học của Phòng thực nghiệm tia X-quang đồng bộ Stanfords – biết được trong mực viết của Archimedes và vị tăng lữ có một hàm lượng sắt, ông liền ý thức được rằng, hoàn toàn có thể dùng tia X trong phòng thí nghiệm của ông để đọc “Cuốn sách da dê của Archimedes”. Thế là, 3 trang trong cuốn sách đó đã được gửi đến phòng thí nghiệm ở thành phố Menlo Park bang California. Rare, người quản lý Bảo tàng nghệ thuật Waters và Abigail Kuhnt trình trọng đặt bản thảo đó vào thiết bị gia tốc trực tuyến sinh ra tia X-quang.



Khắc họa thiết bị chế tạo tàu thuyền của Archimedes.

Tia X-quang sử dụng trong phòng thí nghiệm khác với tia X-quang khi tiến hành kiểm tra cơ thể người. Người ta gọi là tia đồng bộ (đều là tia điện từ), nhưng nó có tính Ưu việt mà các tia khác không thể so sánh được, là một công cụ nghiên cứu khoa học tiên tiến không thể thay thế.

Nội dung “Cuốn sách da dê của Archimedes” đã được giải mã

Sau khi một phần trong nội dung “Cuốn sách da dê của Archimedes” được phục hồi, các nhà khoa học vô cùng sửng sốt. Trong bài viết: “Phương pháp định lý cơ khí”, Archimedes giải thích ông đã sử dụng công cụ lực học để phát triển lý luận toán học như thế nào; trong bài viết: “Luận phù thể” (vật thể nổi), nội dung ông giảng giải chính là “Nguyên lý lực nổi” nổi tiếng.

Noel, người phụ trách chuyên án “Cuốn sách da dê của Archimedes” cho biết: Sự cố gắng hiển của luận văn “Phương pháp định lý cơ khí” của Archimedes nằm ở chỗ: Thứ nhất, đó là sự nghiên cứu tổng hợp cả về mặt vật lý và toán học. Ví dụ, thông qua phân tích những khía cạnh khác nhau của vật thể hình học, ông đã tính toán thành công về diện tích và thể tích của vật thể đó. Thứ hai, ông đã vận dụng khái niệm “số vô cùng”, ví dụ, khi coi thể thích hình cầu là hình tròn vô cùng, nhưng làm thế nào để hình tròn vô cùng này có được một con số xác định, Archimedes đã giải đáp thành công vấn đề này. Toán vi phân, tích phân do Newton phát hiện vào năm 1666 nên giới khoa học trên thế giới đã lấy năm này làm mốc bắt đầu cho vật lý học cận đại. Các nhà khoa học Mỹ không thể nào tin nổi, nhà toán học Hy Lạp cổ đại Archimedes ngay từ thế kỷ thứ 2 TCN đã tiếp cận được nền tảng tri thức của “Vật lý học cận đại”.



Nguyên lý cơ khí của Archimedes được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực, nhất là chiến tranh.

Một luận văn khác trong “Cuốn sách da dê của Archimedes” dường như đang miêu tả về một thứ đồ chơi trẻ em, được gọi là: “Phương pháp gọi hỏi nhiều về lịch sử”. Tại sao Archimedes muôn nghiên cứu thứ đồ chơi trẻ em này? Mục đích của ông để giải khuây hay là có ý đồ gì khác? Các học giả cho rằng, có khả năng Archimedes có hứng thú đối với toán học tổng hợp, bộ môn khoa học này là một phần của toán học, là môn khoa học diễn giải tổng hợp và sắp xếp.



Khu thí nghiệm đã khôi phục nội dung “Cuốn sách da dê của Archimedes”.

Bí mật về cái chết của Archimedes

Theo truyền thuyết, khi quân đội La Mã xâm nhập Hy Lạp cổ, xuất phát từ sự khâm phục tài năng của Archimedes, thông soái Marcellus đã hạ lệnh không được phép làm tổn thương vị hiền tài này. Lúc đó Archimedes dường như không biết thành trì đã bị công phá, vẫn vui đầu nghiên cứu về toán học.



Hình ảnh Archimedes đang dạy học.

Bỗng một binh sĩ La Mã xuất hiện trước mặt ông, lệnh cho ông tới chỗ Marcellus, nhưng Archimedes đã dứt khoát từ chối, thế là ông phải bị chết dưới lưỡi kiếm của tên lính đó.

Một giả thiết khác là: binh sĩ La Mã xông vào nơi ở của Archimedes, thấy một cụ già đang vui đầu vẽ hình hình học, một tên lính xé nát tờ giấy, nên Archimedes đã quát tên lính: “Không được phá hỏng hình tròn của ta!”. Tên lính rút kiếm ra, nhà khoa học thiên tài đã bị chết dưới lưỡi kiếm của một tên binh sĩ La Mã.

Marcellus vô cùng thương tiếc Archimedes, ông ta đã chém đầu tên lính giết chết nhà vật lý học thiên tài đồng thời xây dựng lăng mộ cho ông ta, trên tấm bia còn khắc di nguyện của Archimedes khi còn sống, đó là một hình hình học – “Hình trụ”.

Trải qua bao năm tháng, lăng mộ của Archimedes bị vùi lấp bởi cỏ dại. Sau này, khi các nhà chính trị, triết học của Sicily đi qua Syracuse (năm 106-43 TCN), phát hiện một tấm bia đá có khắc một hình trụ, nhận ra đó chính là phần mộ của Archimedes, nên đã cho trùng tu lại.



Bức tranh miêu tả lại cái chết của Archimedes.

HẾT.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>